No 137 Mars-Avril 1929

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TÌNH-TRẠNG CHÍNH-TRỊ ÂU-CHÂU NGÀY NAY (1)

I.— Sau cuộc Quốc-tế hội-nghị ở Genève

Sau cuộc Quốc-tế hội-nghị hồi cuối năm 1928, cái không-khí chính-trị thế-giới xem ra có vẻ nặng-nề u-ám hơn trước.

Hội-đồng trị-sự và hội-nghị thường-niên của Hội Vạn-quốc từ trước vẫn gia-công chủ-trì cuộc hòa-bình một cách vui-vẻ cần-mẫn lắm, đến nay hình như bị ngừng lại một hồi.

Sự đình-đốn đó không phải là mới tự kỳ hội-nghị Hội Vạn-quốc thứ chín mới rồi đâu. Thực là khởi đầu tự cuộc thương-thuyết ở *Thoiry*, không những nước Pháp và nước Đức mà cả toàn-Âu nữa đều chú-trọng vào đấy, hi-vọng ở đấy nhiều lắm, đến sau kết-quả không được như ý, không phải lỗi tại các nhà chính-trị có trách-nhiệm mà thực lỗi tại cơ-hội không may vậy.

Nhưng sự đình-đốn ấy đến kỳ hội-nghị *Genève* vừa rồi mới thật là rõ tỏ cho ai nấy đều biết. Việc điều-đình của hai nước Pháp Đức mãi cũng phải kết-cục, và cố-nhiên là hàm có cái hi-vọng tốt về sau này. Nhưng cốt phải một điều : là hai nước đã cùng nhau thương-thuyết những công-việc lâu dài, như việc triệt-binh, việc bồi-tổn và việc bảo-an ở trên sông *Rhin*, thời phải thực-lực thi-hành và phải cố-chí làm cho thành mới được.

Nay xem ra cái ước điều-đình của thủ-tướng Đức MULLER và ngoại-tướng Pháp BRIAND đã cùng nhau đình-định, người Đức rõ-ràng không hoan-nghênh một chút nào. Suốt các báo về tả-đảng, kể cả báo của đảng xã-hội nữa, chỉ thấy phàn-nàn về sự thất-vọng của nước Đức. Các đảng tả trước kia hăm-hở tỏ ý lạc-quan bao nhiêu, thời sau bài diễn-thuyết đình-chính của ông BRIAND, liền tỏ ra ý bi-quan bấy nhiêu. Các đảng hữu thừa cái tâm-lý đó, quyết xoay ra thế công. Nguyên trong Nội-các liên-hiệp có bốn người về đảng hữu, nên đảng này từ trước vẫn phải đeo cái mặt nạ ôn-hòa, nay thời công-nhiên bỏ hẳn cái mặt nạ ấy đi rồi. Các lĩnh-tụ đảng ấy vì tham-dự vào chính-phủ nên bất-đắc-dĩ phải thuận theo cái chính-sách thân-thiện với Pháp, chính-sách ấy nay đảng-nhân công-nhiên bài-xích vậy. Trong các cuộc tập-hội có công-chúng đông, bá-tước WESTARP là tay tổng-lĩnh hăng-hái của đảng hữu, đều tuyên-bố lên rằng cái chính-sách thân-thiện của ngoại-tướng STRESEMANN đã thất-bại rồi, và cả chính-sách ngoại-giao của Dân-quốc cũng là hư-hỏng hết, muốn cho nước Đức

(1) Dịch bài luận-thuyết bằng Pháp-văn của ông VICTOR BASCH, hội-trưởng Hội Nhân-quyền ở *Paris*.

khôi-phục được uy-quyền cũ thời lại phải trở về Đế-chế mới được.

Những sự biểu-lộ đó không nên cho là quan-hệ lắm, nhưng cũng không nên khinh thường. Ở Đức ngày nay đương qua một thời-kỳ khủng-hoảng, mà không những ở Đức, cả Âu-châu, cả thế-giới cũng vậy. Nay thử xét kỹ xem nguyên-nhân sự khủng-hoảng ấy ở đâu và ảnh-hưởng nó quan-trọng là đường nào.

Nguyên-nhân rõ-ràng nhất chắc hẳn là sự nước Đức muốn xoay ra dùng thế công ở *Paris* và ở *Genève*. Thử nghĩ cho kỹ, sự đó cũng là lẽ tất-nhiên. Ta thường quên rằng ở Hội Vạn-quốc, tuy theo hiệp-ước quốc-tế, phàm các nước có chân hội đều là bằng-đẳng nhau cả, nhưng kỳ-thực vẫn một phe là các nước chiến-thắng, một phe là các nước chiến-bại, và đứng giữa hai phe là các nước trung-lập. Trong các nước chiến-bại thì nước Đức đã từng thảm-đạm kinh-doanh, dùng hết nghị-lực để khôi-phục lại, tuy phải qua một hồi tài-chính tan-nát, tưởng không thể nào mà chót-lọt cho được, vậy mà dựng lại được tiền-tệ, phục lại được cái sức kinh-tế cũ, lại biết tự-tin ở cái mãnh-lực của loài-giống mình. Nước ấy vì thua trận đã phải ký một cái hòa-ước không những giảm mất thế-lực mình, không những phải chịu quyền giám-đốc kinh-tế của các nước, mà thực là một cái quốc-xỉ không bao giờ quên vậy. Trong hòa-ước lại có một điều thật xưa nay chưa từng thấy ở hòa-ước nào, là bắt nước Đức phải công-nhiên nhận lỗi trong việc chiến-tranh vừa rồi, mà nhận lỗi cả một mình, nếu không thì đồng-minh sẽ hiệp-lực đàn-áp, không thể nào chống lại được. Tình-thế như thế, lạ gì nước Đức sau khi đã dần dần khôi-phục lại được, bèn đứng lên đối với các địch-quốc cũ mà yêu-cầu điều nọ điều kia.

Đó cũng là một cái thái-độ tự-nhiên, một sự phản-động tất-nhiên, duy dùng chính-sách khôn-khéo từ trước hoặc có thể dự-phòng được mà thôi. Như vấn-đề triệt-binh ở trên sông *Rhin*, sớm trưa tất có ngày phải đề-cập, thì giá khéo biết dùng cách thương-thuyết ngoại-giao mà khởi bàn ngay trước, đừng để cho thủ-tướng Đức MULLER đường-đột mà yêu-cầu một cách cứng-cỏi, thì có lẽ hơn. Lại như vấn-đề bồi-thường, giá chịu nghiên-cứu cho kỹ mà thông-cáo cho chính-phủ Đức biết cái số bồi-thường định đòi là bao nhiêu, đừng để cho Đức có dịp đem việc ấy ra trình bày với Vạn-quốc, thì có lẽ hơn. Lại như việc quân chiếm-cứ, theo điều-ước đến năm 1930 phải rút về một phần, còn thì đến năm 1935 phải rút về nốt, giá hai chính-phủ Pháp Đức biết điều-đình thỏa-thuận với nhau trước về các phương-cách bảo-an nên thi-hành thế nào khi có thể triệt-binh về trước hay là khi phải đợi đến đúng hạn mới triệt-binh về, thì có lẽ hơn vậy.

Ngày nay đã thành cái thói quen ngoại-tướng các nước cứ đến kỳ hội-nghị hội Vạn-quốc ở *Genève* thời gặp nhau cả ở đấy để trực-tiếp bàn-bạc với nhau các việc quốc-tế chưa giải-quyết xong ; cách ấy thật có nhiều điều tiện-lợi to, nhất là được những tay ngoại-tướng khôn-khéo uyển-chuyển như ông BRIAND nước Pháp và ông STRESEMANN nước Đức. Nhưng mà cách ấy cũng có nhiều điều bất-tiện, khi gặp phải những tay ngoại-giao cứng-cỏi như thủ-tướng MULLER nước Đức vậy. Lại không kể về cá-nhân các tay ngoại-giao, cách ấy còn có điều không tiện nữa, vì hội Vạn-quốc là một chốn diễn-đài to rộng quá, ảnh-hưởng truyền ra xa lắm, những việc thương-thuyết khó-khăn không thể đem ra đấy được, vì nhất-thiết mọi điều ở đấy đều có ảnh-hưởng ra khắp thế-giới cả, một việc không điều-đình được hay chưa điều-đình xong, nghiễm-

nhiên thành một sự thất-bại to có quan-hệ đến quốc-thể các nước. Ở Hội Vạn-quốc là việc gì đã dùng cách ngoại-giao thường mà thương-thuyết điều-đình xong rồi mới nên đem ra cho Vạn-quốc chuẩn-nhận vậy.

Những cuộc thảo-luận như MULLER với BRIAND và PAUL BONCOUR với BERNSTORFF, không nên để cho bày ra ở giữa Hội Vạn-quốc, mà khiến cho dư-luận hai nước hãy còn chửa được vững-vàng ổn-kiện cho lắm đến bị kích-thích mạnh quá vậy. Vậy thì trong cái luồng gió khủng-hoảng, truyền tự *Genève* tới *Berlin*, tới *Paris*, và lan ra cả các kinh-đô khác nữa, chính-phủ Pháp thực cũng có một phần trách-nhiệm. Nhưng mà cứ lẽ công-bằng mà xét thì lỗi phần nhiều ở nước Đức vậy.

Trên kia đã nói chính-phủ Đức sở-dĩ làm sao mà giữ cái thái-độ như thế, trong cái án này thì đó cũng là những tình-trạng đáng giảm-tội chonước Đức. Nhưng mà dù công-nhận cho các tình-trạng ấy mặc lòng, cũng không có thể quên được rằng nước Đức vẫn chưa có cái tâm-lý quốc-tế, và thường tỏ ra một cách sỗ-sàng rằng sở dĩ vào Hội Vạn-quốc là chỉ mong yêu-cầu lấy sự lợi cho mình, nếu thấy rằng ở Hội Vạn-quốc cũng không có lợi gì thì sẽ bỏ ngay mà không tiếc vậy.

Chính một người đại-biểu của chính-phủ Dân-quốc Đức ở *Genève*, nam-tước RHEINBABEN, trong tập thứ bảy sách « Cuộc thảo-luận Âu-châu » (*Colloques européens*) của ông giáo MENDELSSOHN-BARTHOLDY xuất-bản, đã nói rằng : « Cái hiệp-ước *Locarno* nước Đức thật đã không biết lợi-dụng được hết. » Lại nói rằng : « Nước Đức cũng như các nước khác, vẫn ước-ao rằng không xảy ra sự chiến-tranh nào nữa, dù mãi về sau này cũng vậy;nhưng hiện nay có một bọn thiếu-niên mới lớn lên, chưa biết cái khổ chiến-tranh vừa rồi, ham muốn cho nước mình được phú-cường, nhân thế nước Đức tất phải hết sức làm thế nào cho thay đổi được cái tình-thế do hòa-ước *Versailles* tạo-thành ra, thuộc về phần bất-công bất-bằng nhất, là cách xử-trí về miền Đông-bộ vậy. »

Những lời như thế mà do một tay đại-biểu của chính-phủ Đức ở *Genève* nói ra, thì đó cũng là biểu-hiệu một cái tâm-lý lạ, kẻ khách-quan bình-tĩnh đến đâu cũng không thể không lấy làm quan-tâm vậy. Từ kỳ hội-nghị Hội Vạn-quốc vừa rồi, nước Đức lấy làm thất-vọng, thì cái tâm-lý đó thường thấy phát-biểu ra luôn, ngay trong các đảng tả cũng vậy, đó chính là một cái nguyên-nhân đích-xác của cái tình-trạng khủng-hoảng ta đương xét đây vậy. Còn nhiều nguyên-nhân nữa, sẽ nói sau này.

II. — Nói về vấn-đề tài giảm binh-bị

Một nguyên-nhân nữa gây ra cái tình trạng khủng-hoảng Âu-châu và cả thế-giới nữa, là vấn-đề tài-giảm *binh-bị*.

Cái cách thủ-tướng Đức đề-khởi vấn-đề ấy ở hội-nghị Vạn-quốc vừa rồi có lẽ cũng khi bộc-trực quá thật. Các nhà ngoại-giao có mặt ở hội-nghị không ai là không biết rằng ở nước Đức có những bọn như tướng GESSLER, tướng VON SEECKT vẫn âm-mưu mà làm trái hòa-ước để tăng thêm binh-bị cho nước. Ai nghe thấy thủ-tướng Đức yêu-cầu cho các nước giảm-binh một cách kịch-liệt như thế, cũng phải tự nghĩ trong bụng rằng người yêu-cầu ấy chính là người ở trong nước mình vừa mới vượt qua sự phản-đối của các đảng tả mà ưng-thuận cho chế thêm một chiếc thiết-giáp tuần-dương-hạm mới, người ấy tưởng không đủ tư-cách mà làm thầy biện-hộ cho sự giảm-binh vậy. Ai cũng thừa biết rằng ở Đức những đảng hạch tội Đồng-minh chậm thi-hành điều thứ 8 trong hòa-ước một cách kịch-liệt hơn nhất, kỳ-thực không

phải là cố đòi cho Đồng-minh phải giảm binh-bị theo hòa-ước đâu, chính là muốn cầu cho nước Đức được tự-do sửa-soạn quân-bị cũng như các nước chiến-thắng vậy.

Tuy-nhiên, lời yêu-cầu của thủ-tướng Đức dù không được mềm-mỏng khôn-khéo, mà thực cũng là chánh-đáng lắm. Vì người chủ-trương sự yêu-cầu đó không phải là thủ-tướng Đức mà là đại-biểu một nước nào ở Bắc-bộ Âu-châu, như nước Đan-mạch hiện đã thực-hành việc giảm-binh rồi, thì lời yêu-cầu ấy tất ai cũng phải cho là phải là nên vậy.

Thật thế ; các dân-tộc thật không hiểu rằng Hội Vạn-quốc kia nguyên đặt ra là cốt để tổ-chức cuộc hòa-bình và hạn-chế việc binh-bị để tránh khỏi cái nạn chiến-tranh, bấy lâu họp biết bao nhiêu lần, thảo - luận thương-thuyết biết bao nhiêu mà vẫn chưa trù xong một cái chương-trình tài-bình cho đích-đáng. Thật thế ; các dân-tộc thật không hiểu rằng sau hai hội-nghị *Locarno* và *Thoiry*, nước Pháp, nước Anh, nước Mĩ, nước Ba-lan, nước Triết-khắc, nước Lỗ-mã-ni, nước Nga, nước Thổ vẫn còn gia-công tăng thêm binh-bị của mình, tiêu phí mất một phần to trong số dự-toán hằng năm vậy. Thật thế, các dân-tộc thật không hiểu rằng giữa lúc ở Hội Vạn-quốc nước Pháp bàn với nước Đức giải-quyết cho xong cả các vấn-đề khởi ra tự cuộc chiến-tranh và sau cuộc chiến-tranh nữa, giữa lúc đó, trên sông *Rhin* vẫn còn có quân chiếm-cứ, và quân-đội vẫn tập-diễn như khi chiến-tranh vậy. Nhân đó các dân-tộc tất sinh bụng ngờ mà tự hỏi rằng những lời công-kích của đảng cộng-sản ở Nga và ở các nước Âu-châu khác đối với Hội Vạn-quốc có lẽ không phải là nói ngoa, và hội này dễ thường chỉ là một cái bình-phong che ngoài để cho các nước chiến-thắng vừa rồi, ngoài mặt vẫn xướng hòa-bình mà bề trong vẫn trù binh-bị như trước cuộc đại chiến vậy.

Luận-giả không phải là người cho rằng hiện ngay bây giờ các nước có thể tức-thì giải binh được hoàn-toàn đâu. Luận-giả không phải là người tưởng rằng cứ quyết định sự giải-binh là nhiên-hậu giải-binh được ngay đâu. Cũng không phải là người tin rằng một nước như nước Pháp chưa có cách bảo-an được chắc-chắn mà đã có thể giải-binh được ngay đâu. Lại cũng không phải là người không biết những nông-nỗi khó-khăn của Hội Vạn-quốc mỗi khi thành-thực hết sức chủ-trương sự giảm-binh mà khó lòng thực-hành cho được.

Tuy-nhiên, Liệt - cường họp nhau ở Hội Vạn-quốc để giải-quyết về vấn-đề giảm-binh, quả cũng có điều do-dự dụt-dè quá lắm vậy. Ông Paul-Boncour là một tay nghị-viên trứ-danh của nước Pháp, đã từng làm đại-biểu cho chính-phủ Pháp ở Hội Vạn-quốc, vốn không phải là một người có cái tư-tưởng bi-quan về thời-thế, và chính mình đã có công giúp cho cuộc hòa-bình được nhiều lắm, vậy mà mới rồi diễn-thuyết ở *Genève* đã phải nói ra những lời cảnh-cáo nặng-nề vậy. Đại-khái ông nói rằng các nước hoặc là thực bụng, hoặc là làm ra mặt chủ-trương việc giảm-binh, dù thế nào mặc lòng, tất phải làm cho thành-công mới được, chứa làm được cả một lúc thì hãy làm cho thành được một bước đầu, khiến cho các nước ngày nay đương đua nhau chỉnh thêm binh-bị, phải ngừng lại không xô nhau vào con đường nguy-hiểm đó nữa, và các dân - tộc đương khổ về cái gánh nặng - nề những khoản kinh - phí quân - bị có thể đỡ cho nhẹ-nhàng được một chút.

Ông Paul-Boncour ở Hội Vạn-quốc không nói và không thể nói rõ được nước nào đã mang trách nhiệm lớn về sự trì-hoãn đó. Nhưng ta đây chẳng phải vì-nể gì ai, có quyền cứ nói thực,

thì ta quyết rằng mọi sự chậm-trễ ở Hội Vạn-quốc thuộc về vấn-đề giảm-binh là lỗi tại chính-phủ bảo-thủ nước Anh cả. Chính đảng bảo-thủ nước Anh đã phản-đối cho cái hiệp-ước bảo-an của nước Pháp khởi-xướng lên không thành được, hiệp-ước này mà ký xong thì không những một nước Pháp, còn nhiều nước khác ở Âu-châu nữa, hiện nay còn ngần-ngại chưa dám giảm-binh vội, bấy giờ sẽ được yên-ổn mà lo việc tài-giảm cho thành-hiệu.

Chính đảng bảo-thủ nước Anh đã âm-mưu ám-trợ cho nước Ý của Mussolini, là nước gây ra cái nguy-hiểm chiến-tranh to nhất trong Âu-châu ngày nay, kể ông kể nước Hung-gia-lợi của Horthy và Bethlen, cũng là một cái nguồn chiến-tranh đương đáng sợ ở trung-bộ Âu-châu bấy giờ.

Lại chính đảng bảo-thủ nước Anh có cái dã-tâm muốn chiếm lấy chủ-quyền trên mặt bể, làm cho phân-rẽ Âu-châu với nước Mĩ, khiến cho nước này không thể hiệp-lực với các nước Âu-lục để mưu sự hòa-bình vậy.

Tôi cũng biết rằng cái thói kiêu-căng của nước Mĩ kể cũng khó chịu thật, và từ khi nước ấy thành như ông chủ nhà « băng » cả thế-giới thì cái chí xâm-lược lại càng mỗi ngày một thêm lên. Nhưng mà tình-thế đã như thế, không thể nhất-đán thay-đổi ngay được. Đã không thay-đổi được mà lại làm những cách đồ-mưu bí-mật, như hiệp-ước Pháp-Anh về hải-quân, khi sửa-soạn không ai được biết, khiến cho cái lòng ngờ-vực lại càng thêm lên, thật là một điều thất-sách.

Thất-sách là vì hiệp-ước ấy chủ-ý đối với Mĩ, chắc Mĩ không bao giờ chịu. Lại thất-sách là vì cách thương-thuyết bí-mật chỉ đủ làm cho thêm lòng ngờ-vực của người Mĩ. Lại thất-sách nữa là vì cho rằng có thể giữ bí-mật được, không biết rằng sự bí-mật mà đã đến hàng trăm người biết thì thế nào giữ cho trọn được, đến khi việc lộ ra, hai chính-phủ phải thuyết-minh một cách lúng-túng, khiến cho thế-giới rõ rằng cái cách ngoại-giao bí-mật mà Giám-quốc Wilson năm xưa đã tố-cáo là một cái nguyên-nhân đích-xác của mọi sự chiến-tranh, hiện nay vẫn hãy còn thịnh-hành, điều đó thì thế-giới cũng đã vẫn ngờ như thế rồi.

Làm sao nước Pháp lại tham-dự vào một cái mưu nguy-hiểm như thế? Bởi vì nước Pháp cần đến nước Anh để phá cái mưu xâm-lược của Mussolini nước Ý; lại vì nước Pháp cố ý làm cho Anh không thân-thiện được với Ý, cho rằng duy Anh với Pháp mới có thể thân-thiện được với nhau để bảo-toàn cho cuộc hòa-bình Âu-châu.

Ấy câu chuyện Anh Pháp thân-thiện, cái then-chốt nó như thế đó. Nhưng dù không phải thế, hay dù còn lẽ gì khác nữa mặc lòng, câu chuyện ấy theo ý luận-giả đây chẳng qua cũng chỉ là một cái tiểu-thuyết vụng kết-cấu, thật không xứng-đáng với cái chủ-nghĩa dân-chủ của Đại-Pháp vậy.

III. – Nói về cái hiểm-tượng nước Ý

Trong các nguyên-nhân gây ra cái tình-trạng khủng-hoảng ở Âu-châu ngày nay, nguyên-nhân cần-cấp nhất, có lẽ là nước Ý dưới quyền đảng « Phasi », thật là một cái hiểm-tượng cho cuộc hòa-bình Âu-châu vậy.

Hiểm-tượng ấy không những là ở giữa các nước dân-chủ tự-do nổi lên một nước dùng cái chế-độ áp-chế như đời Trung-cổ vậy. Hiểm-tượng ấy không những là cả một dân-tộc bị kiềm-chế thúc-phọc ở dưới cái quyền võ-lực một bọn quân-nhân trung-thành mê-tín một kẻ cừ-khôi chuyên-chế. Hiểm-tượng ấy không những là đem quyền-pháp trong nước phụng-sự những sự hiểm-thù riêng của viên

Thủ-tướng, như mới rồi có một tên thiếu-niên ngờ là muốn ám-sát Thủ-tướng, sau rõ là không phải, mà cha mẹ tên thiếu-niên ấy cũng phải tòa án kết án đến 30 năm tù. Hiểm-tượng ấy không những là bao nhiêu tinh-lực trong một nước, sức chính-trị, sức kinh-tế, sức quân-đội, đều thu cả ở dưới quyền một hội-nghị gọi là đại-hội-nghị, hội-nghị ấy toàn là bầy-tớ trung-thành của Thủ-tướng cả, mà chính vua cũng phải phục-tòng, vì từ nay vua kén-chọn Thủ-tướng phải theo ý-kiến của hội-nghị vậy. Hiểm-tượng ấy không những là bao nhiêu quyền tự-do trong nước bị thủ-tiêu hết cả, thứ nhất là quyền tự-do ngôn-luận, theo như lời diễn-thuyết của thủ-tướng MUSSOLINI mới rồi thì phàm ngôn-luận phải lấy cái tôn-chỉ nhất-thống của quốc-gia làm chủ, quyền tự-do phải tùy thuộc cả ở cái tôn-chỉ ấy vậy. Hiểm-tượng ấy không những là nghị-viện để đại-biểu cho quốc-dân không có nữa, đặt ra những đoàn-thể đặc-biệt để tiêu-biểu cho các nghề-nghiệp, cũng gọi là có kén-chọn, nhưng ký-thực không được tự-do gì, vì người nào cử vào các đoàn-thể ấy phải có hội-nghị trung-ương của đảng « Pha-si » chuẩn nhận cho mới được. Hiểm-tượng ấy không những là một dân-tộc lớn như dân-tộc Ý, đương khổ về sự áp-chế của kẻ cầm quyền, không có lẽ một ngày kia không nổi lên mà phá-hoại hết cả, cái vạ cách-mệnh đến lan ra cả các nước chung-quanh, tuy không bị đảng « Pha-si » nào chuyên-chế mà vì sự bất-công bất-bình trong xã-hội bao giờ cũng có một hạng người sẵn lòng a-dua mà làm bậy: đó thực cũng là một sự nguy-hiểm cho Âu-châu, cũng tức như trong một cơ-thể nào mà có một phần-tử điên-đảo không thường thì làm nguy-hiểm cả toàn-thể vậy.

Nhưng bấy nhiêu nông-nổi chưa phải là cái hiểm-tượng nguy-cấp nhất mà đảng « Pha-si » nước Ý đương gây ra ngày nay. Hiểm-tượng ấy là hiểm-tượng đối với cuộc hòa-bình thế-giới, ai cũng biết như thế, nhưng trong các nhà ngoại-giao có trách-nhiệm ở Âu-châu không ai dám tuyên-bố lên rõ-ràng vậy.

Cứ như các báo của đảng « Pha-si » nói, cứ như chính lời thủ-tướng thường tuyên-bố, thì nước Ý sau cuộc chiến-tranh vừa rồi chưa được mãn-nguyện, cho rằng mình đã có công to mà chưa được thường công xứng đáng vậy. Cứ như lời người Ý thì nước Pháp là có hàm-ơn của Ý nhiều lắm mà chỉ đối-đãi lại một cách tệ-bạc. Bởi thế nên người Ý mang lòng ghen-ghét, thường biểu-lộ ra luôn. Dân Ý sinh-sản nhiều, sinh-trưởng ở trong bờ-cõi đã lấy làm chật-hẹp mà bành-trướng ra ngoài thì chỉ có mấy cái thuộc-địa chẳng ra gì. Còn như nước Pháp thì sinh-sản đã ít, dân-số không nhiều mà thuộc-địa lại to rộng, nhờ được người Ý đến ở làm ăn mới được thịnh-vượng. Thế là không công-bằng. Trên vũ-đài Âu-châu, cái địa-vị to-tát của nước Pháp đáng phải về nước Ý mới là phải. Vậy mà nay nước Ý muốn mở-mang về đường nào cũng là gặp nước Pháp ngăn-trở cả.

Trong khoảng mấy năm gần đây, nước Ý đã tự-phụ là rủ được nước Anh về bè với mình để đối lại Pháp. Thủ-tướng Ý MUSSOLINI với ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN đã từng gặp nhau nhiều lần, tỏ ý thân-thiện, Ý chắc rằng cái mưu to của mình đã đến ngày thực-hành được, sẽ được tự-do hành-động ở bán đảo *Balkans*, sẽ chiếm được chủ-quyền trong Địa-trung-hải xưa nay vẫn coi như là cái bể riêng của mình vậy.

Chợt một cái, có tin rằng Pháp với Anh ký hiệp-ước về hải-quân, bao

nhiều sự hi-vọng của Ý bình như tan hết cả. Cứ như lời các báo Ý nói thì hiệp-ước ấy không phải chỉ là một cuộc điều-đình về hải-quân theo lời thỉnh-cầu của hội-đồng giảm-bình đâu. Thật là một cuộc đồng minh về thế công và thế thủ, để cho nước Pháp được tom-quyền ở Địa-trung-hải, mà nước Anh thì ở Đại-tây-dương và Thái bình-dương được tự-do ganh sức hải-quân với Mĩ vậy.

Ý lấy thế làm căm lắm, cho là người ta đánh lừa mình. Bèn hết sức đối-phó lại, yêu-cầu cho hải-quân của mình cũng được ngang bằng với hải-quân nước Pháp, dù Pháp vì thuộc-địa nhiều mà cần phải có nhiều tầu chiến để bảo-thủ mặc lòng. Vả lại thuộc-địa của Pháp chẳng phải là phần nhiều người Ý đến thực-dân dư ? Nước Ý có di-dân ở khắp các nơi trên thế-giới, há lại không cần phải có hải-quân cũng mạnh bằng nước Pháp để tiện việc giao-thông dư ?

Nước Ý tuy bị thất-vọng như thế mà kẻ cầm quyền không hề có ngã lòng. Đã không thân được với Anh thì còn chán nước khác có thể kết-thân được, chẳng lo gì. Nước Ý tuy là nước chiến-thắng mà bị thất-vọng về việc chiến-tranh, há lại không kết-liên được với những nước đã bị chiến-bại hay sao ? Trước kia đã dụ được nước Hung (*Hongrie*), nước Bảo (*Bulgarie*) và nước Lỗ (*Roumanie*). Nay lại kết-thân với Hi-lạp (*Grèce*) nữa : Thủ-tướng Hi-lạp là ông VÉNIZELOS có tiếng là một nhà ngoại-giao khôn-khéo vô-cùng, gần đây đi lữ-hành khắp Âu-châu, đến kinh-đô La-mã trước nhất và cùng với chính-phủ Ý ký một cái ước thân-thiện, ngoài mặt thì vẫn nói là để bảo-thủ cuộc hòa-bình, mà cái dã-tâm của ông chính là để mong có ngày thu-phục lại được những đất của Hi-lạp đã bị mất vì lòng ác-cảm của Đồng-minh đối với vua CONSTANTIN cũ vậy. Nay còn nước Đức nữa, há lại không thể kết thân với Ý được hay sao ? Vẫn biết rằng Đức với Ý còn có điều phân-tranh với nhau, như việc đất *Tyrol* và vấn-đề sáp-nhập Áo với Đức (*Anschluss*). Nhưng chính-sách *Locarno* đối với Đức đã không được mãn-ý chút nào, lại vấn-đề « sáp Áo » hiện nay cũng chưa có thể đề-khởi ra được, như thế thì Đức với Ý đề-huề với nhau để đối lại với Pháp cũng không có sự gì ngăn-trở vậy. Hiện đại-biểu của hữu-đảng Đức cùng với mấy tay tín-cẩn của chính-phủ Ý đã bắt đầu thương-thuyết với nhau rồi, việc thương-thuyết giữ kín, nhưng mấy tháng nay nghị-viên về đảng xã-hội Đức tên là SAUPPE đã từng tố-giác ra trong các báo đảng xã hội. Sau hết còn nước Tô-Nga (*Russie soviétique*) nữa, cũng có nỗi bất-bình với Pháp Anh, sao lại không kết-liên với Ý và Đức để đối lại hai nước kia ?

Ở nước Đức vẫn có nhiều người biết điều, có thể mong rằng cái mơ-mộng của Ý đó khó lòng mà thành được. Tuy-nhiên, Ý đã có cái dã-tâm như thế, thường công-nhiên tỏ ra lòng ghen-ghét như thế, thật là gây ra một cái không-khí hiềm-nghi trái với cái tâm-lý hòa-bình mà Hội Vạn-quốc đã hết sức tạo-thành ra vậy. Ngày nay vì có thể tổ-chức được một cuộc Hợp-chúng-quốc Âu-châu, thời quyết là nước Ý ngăn-trở cho không thành. Mà có điều tức thay, là cái nước Ý mà thiên-hạ đều biết dã-tâm như thế, lại nghiễm-nhiên có chân Hội Vạn-quốc, nghiễm-nhiên ký những hiệp-ước trọng-tài, hiệp-ước bảo-hòa để rồi lâm-thời có lợi cho mình thì sẵn lòng bội-ước ngay, tức như trong truyện ngụ-ngôn không khác gì con chó sói đã vào trong chuồng cừu vậy.

Vẫn biết rằng theo phép ngoại-giao ở Hội Vạn-quốc không được công-nhiên tố-cáo những nước có chân Hội mà lập-tâm phản Hội. Nhưng ta cũng

nên mong rằng trong các đại-biểu liệt-quốc ở Hội-nghị, có tay nào đảo-đề, như đại-biểu các nước Thụy-điển (*Suède*), Na-uy, (*Norvège*) Đan-mạch (*Danemark*) chẳng hạn, ở giữa hội-đồng đứng lên mà chất-vấn đại-biểu nước Ý, công-nhiên công-kích cái chính-sách phản-gián của nước ấy, tố-cáo nước Ý là kẻ thù chung của nhân-loại, xem ra sao nào.

IV. – Vấn-đề sáp-nhập Áo với Đức

Vấn-đề sáp-nhập Áo với Đức, tiếng Đức gọi là vấn-đề *Anschluss*, thật là một vấn-đề rất khó-khăn, mới đây lại thêm một nỗi khó-khăn hơn nữa, là việc phân-tranh Áo với Hung, có lẽ rồi cũng dùng cách ngoại-giao thường mà giải-quyết được, nhưng mà nhân dịp đó khiến cho nước Hung có thể công-nhiên bày tỏ những sự yêu-cầu của mình lần này là lần đầu vậy.

Nghị-trưởng Loebe nước Đức độ nọ có đi cổ-động ở nước Áo, cuộc cổ-động này thật là một sự thất-sách. Ông đến đất *Burgenland*, nghe đâu có tuyên-bố rằng không những đất ấy hiện thuộc Áo rồi phải sáp-nhập với Đức, mà đến cả những hạt như hạt *Sopron* nhân-dân đã tình-nguyện theo về Hung rồi cũng phải sáp-nhập với Đức hết.

Thủ-tướng Hung là bá-tước Betulen gần đây thường thấy diễn-thuyết nhiều, nghe được lời tuyên-bố của Nghị-trưởng Đức đó, liền kháng-nghị một cách rất quả-quyết và công-nhiên đứng về phe phản-đối sự sáp-nhập với Đức.

Thủ-tướng Áo Seipe liền trả lời ngay và gửi giấy cho bộ ngoại-vụ Hung đòi thuyết-minh về việc đó.

Thế là cái vấn-đề « sáp-Áo » mà trong bài diễn-thuyết trứ-danh của ông Briand ở Hội Vạn-quốc đã nói qua đến, nay lại đề-khởi tới, mà thành một vấn-đề trọng-yếu hiện-thời vậy.

Hoặc-giả nói rằng vấn-đề ấy là một việc riêng trong hai nước Đức - Áo với nhau, Âu-châu không việc gì phải can-thiệp vào.

Lại có người nói rằng vấn-đề « sáp-Áo » không có nguy-hiểm gì cho các lân-bang của nước Áo, và việc ấy không những không phương-hại gì đến cuộc hòa-bình Âu-châu mà có lẽ lại giúp cho cuộc hòa-bình ấy nữa, vì nước Áo ngày nay đã khuynh-hướng hẳn về chủ-nghĩa xã-hội, nếu sáp-nhập với Đức thì càng khiến cho Đức bớt cái lòng hiếu-chiến, cái chí phục-thù đi. Hiện nay phản-đối nhất về sự đó có nước Chiết-khắc (*Tchécoslovaquie*), nước này cũng không cho là việc đó có nguy-hiểm gì đến sự bảo-an của mình, nhưng chỉ lo về đường kinh-tế Áo hiệp với Đức thì lợi-quyền sẽ lớn mạnh hơn lên, nước Chiết-khắc không thể lung-lạc được như bây giờ.

Cứ như ý-kiến luận-giả, thì đầu đuôi vấn-đề « sáp-Áo » phải thuyết-minh ra như sau này. Trước hết phàm người nào đã tin về chủ-nghĩa dân-chủ cũng phải thừa-nhận rằng các dân-tộc có quyền được tự-quyết. Vẫn biết rằng quyền ấy không có nói rõ trong hiệp-ước Hội Vạn-quốc cũng trong các hòa-ước khác. Nhưng mà đó là các nước lập-ước không được thành-thực, và đều có cái dã-tâm bất-chính đáng mà thôi. Chứ cả cuộc Âu-chiến vừa rồi, há không phải là lấy cái quyền dân-tộc tự-quyết làm chủ-nghĩa, làm tôn-chỉ dư? Nước Pháp đòi lại hai châu Á-tân Lô liên (*Alsace-Lorraire*) chỉ là căn-cứ ở cái quyền đó; mà Liệt-cường lấy đất *Pologne* và đất *Schleswig* của nước Đức, cũng là phân-liệt đế-quốc của họ *Habsbourg* để chia cho các nước Ý, Lỗ, Tắc (*Yougoslavie*) và Chiết, cũng là căn-cứ ở cái quyền đó. Nếu không phải vì quyền dân-tộc tự-quyết mà gây ra cuộc chiến-tranh vừa rồi, thì sự đời thật không

còn có một chút công-lý công-nghĩa gì nữa, và mười triệu con người chết trận chẳng qua là chết uổng mà thôi.

Quyền dân-tộc tự-quyết đó đã là một cái quyền tuyệt-đối, thì nay nghiệm ra phần nhiều người Áo quả-nhiên có tình-nguyện muốn hiệp với nước Đức thật. Hoặc cũng có lẽ sự liên-hiệp đó không phải là một điều hay; có lẽ là trái với lợi-quyền kinh-tế hiển-nhiên của nước Áo; có lẽ rồi công-nghệ nước Áo chẳng bao lâu sẽ bị chìm đắm cả vào trong công-nghệ nước Đức; có lẽ thành *Vienne* kia xưa nay vẫn là một nơi trung-tâm văn-học và mĩ-thuật có tiếng ở Âu-châu sẽ mất cái danh-giá ấy đi mà thành một tỉnh-thành nhỏ trong hàng trăm các tỉnh-thành khác của Đức vậy; có lẽ về phần nước Đức cũng khó lòng dung-hóa được hẳn một nước vốn theo về đạo Gia-tô và phần nhiều lại khuynh-hướng về chủ-nghĩa xã-hội. Các lẽ đó không phải là không có, nhưng đó là việc riêng của nước Áo mà thôi, nếu nước Áo tự cho rằng hòa-ước *Saint-Germain* đã làm cho mình không thể sinh-tồn được, và chỉ có một cách đành chịu bỏ quyền độc-lập đi để sáp-nhập về với nước Đức là mới có thể sống được thôi, liệt-cường dù cho sự đó là một cách tự-diệt cho nước Áo, mà tự người Áo lại cho là một cách tái-sinh cho mình, thì liệt-cường cũng không có quyền gì ngăn-cấm được.

Nhưng xét về một phương-diện khác thì quyền dân-tộc tự-quyết vẫn là một cái quyền tuyệt-đối thật, mà còn có cái quyền khác cao hơn, là cái quyền của Vạn-quốc không thể để cho nguy đến cuộc hòa-bình chung được.

Nay có mấy nước láng-giềng của nước Áo, thứ nhất là nước Ý và nước Chiết, dọa rằng nếu sự « sáp Áo » mà thành thì sẽ vì đó gây việc chiến-tranh. Cái cách dọa-nạt như thế là một cách dùng cường-quyền át công-lý, phàm người nào có tư-tưởng tự-do dân-chủ cũng phải cực-lực phản-kháng vậy. Đem võ-lực mà ngăn-cấm một dân-tộc không cho tổ-chức cách sinh-hoạt theo ý-nguyện của mình, thì thực là một điều đại-ác. Đó là cái phương-pháp áp-chế của nước Phổ khi xưa mà Đồng-minh thường thóa-mạ vậy. Nay nếu Đồng-minh cứ để cho các nước kia dọa-nạt như thế thì tức là cũng trở lại theo cái phương-pháp khả-ố của nước Phổ trước vậy.

Song sự-thế như thế, các nhà dân-chủ chân-chính cũng chưa có thể nào đối-phó lại được, chỉ có hi-vọng một điều: là cuộc hòa-bình được vững-vàng thêm lên, sự thân-thiện nước Pháp với nước Đức được thực-hiện rõ-ràng, Liệt-cường Âu-châu biết hiểu cái nghĩa liên-lạc với nhau, bấy giờ thì sự sáp-nhập Áo với Đức,— miễn là nhân-dân nước Áo phải tỏ ý-nguyện rõ-ràng và phải đệ đơn lên Hội Vạn-quốc mới được,— sẽ không thành một cái cơ nguy-hiểm cho cuộc hòa-bình thế-giới nữa. Hiện nay thì những nhà dân-chủ đó sẽ hết sức tuyên-bố rõ ràng nếu phần nhiều người Áo quả có cái ý-nguyện như thế, thì nước Áo có quyền yêu-cầu sáp-nhập với Đức, không ai ngăn-trở được vậy.

Nhưng xin nước Áo một điều: là vì sự hòa-bình chung, đừng nên nay biểu-tình, mai biểu-tình một cách bạo-động quá. Lại xin nước Đức một điều, là cũng vì sự hòa-bình chung đó, đừng nên để cho chính-phủ tham-dự vào những cuộc biểu-tình ấy, nhất là đừng nên xui giục cho gây thêm ra. Sau nữa lại xin với Liệt-cường cùng các lân-bang của nước Áo đừng có đem những lời dọa-nạt chiến-tranh mà đối với cái quyền tự-do của một dân-tộc. Sau cùng lại ước-ao một điều nữa, là làm thế nào cho các nước Âu-châu chóng lập-thành một cuộc Liên-bang lớn, thì nhiên-hậu không những vấn-đề nước

Áo, mà cả các vấn-đề khởi lên tự hồi chiến-tranh và sau hồi chiến-tranh vừa rồi, cùng tất cả những sự bất-bình, những điều lầm-lỗi trong các hòa-ước đã ký, sẽ bổ-cứu và giải-quyết được xong vậy.

V. — Những sự yêu-cầu của nước Hung-gia-lợi

Xưa kia thì bán-đảo *Balkans*, các nhà ngoại-giao cho là cái « bộ-phận đau-yếu » của Âu-châu, thường xảy ra nhiều sự xung-đột ở đó, và kết-cục đến thành ra cuộc Âu-chiến vừa rồi. Ngày nay thì cái « bộ-phận đau yếu » ấy lại chuyển sang trung-bộ Âu-châu, về lưu-vực sông *Danube*, nhất là nước Hung-gia-lợi, thường nhiễu-loạn luôn, khiến cho nhà ngoại-giao các nước thường phải quan-tâm chú-ý.

Nước Hung-gia-lợi ấy có một điều lạ, là vẫn mang cái dã-tâm muốn phá hòa-ước *Trianon*, dù phải gây ra một cuộc chiến-tranh mới nữa mặc lòng, mà cái dã-tâm ấy các nhà cầm quyền không những không giấu-giếm, lại thường công-nhiên tuyên-bố cho khắp cả thế-giới biết vậy.

Thủ-tướng nước Hung là bá-tước Bethlen gần đây chiếm hết cả quyền trong nước, khiến cho Giám-quốc là thủy-tướng Horthy chỉ có bị-vị mà thôi. Bá-tước vẫn là người khôn-khéo lắm, biết rằng nước Hung ngày nay, không thể không nhờ Hội Vạn-quốc giúp cho về đường tài-chính được, nên mỗi khi ra hội-nghị không dám tỏ rõ cái bản-chí của mình muốn cho nước Hung thu-phục được bờ-cõi cũ.

Nhưng khi ở Hội Vạn-quốc về thì liền diễn-thuyết hết chỗ nọ đến chỗ kia, công-nhiên bày tỏ những sự yêu-cầu của nước Hung-gia-lợi. Đối với kẻ đồng-dân vẫn nói thật rằng chưa đến thời-khắc có thể thực-hành được những sự yêu-cầu ấy vậy. Nhưng thời-khắc ấy, vẫn hằng ngày mong đợi, không những mong đợi mà lại dự-bị cho chóng tới nữa.

Hung đã từng kết-liên với Ý, điều đó không còn có bí-mật gì nữa, ai cũng biết cả rồi. Trong cái mưu của Mussolini muốn gây ra một cuộc chiến-tranh mới để chiếm lấy cái địa-vị mà hồi chiến-tranh trước chưa chiếm được, thì nước Hung là bộ-phận cốt-yếu. Hung với Ý ngày nay không những là chỉ vãng-lai thù-tạc mà thôi, nghề thù-tạc này, người Hung với người Ý cũng là tài cả; Ý lại còn thường gửi súng gửi đạn cho Hung nữa, như việc súng cối-xay bắt được ở đầu đường tụy-đạo *Saint-Gothard* đó trước thì đủ rõ vậy. Việc chở lậu súng đó có quan-hệ đến cuộc hòa-bình Âu-châu nhiều lắm, vậy mà Hội Vạn-quốc muốn che-đậy đi cho êm chuyện. Nói cho thực, việc này cũng như nhiều việc khác có nước Ý can-thiệp vào, Hội Vạn-quốc thật là tỏ ra nhu-nhược quá. Hội Vạn-quốc không thể không điều-tra về việc ấy, đáng phải nhân cuộc điều-tra ấy mà tố-giác cái âm-mưu của nước Ý với nước Hung muốn hại cuộc hòa-bình, nhưng lại không dám điều-tra cho đến nơi đến chốn. Nếu bấy giờ mà cứ thẳng tay cáo-giác cái bọn chuyên-chế kia, tự họ có coi Hội Vạn-quốc là gì, họ vẫn phản Hội Vạn-quốc mà công-nhiên mưu với nhau hại cuộc hòa-bình, thế mà lạ-lùng thay, họ vẫn cứ nghiễm-nhiên làm chân hội-viên Hội Vạn-quốc mãi, nếu bấy giờ mà đem tuyên-bố tội-ác bọn ấy cho thế-giới biết, thì cái không-khí của Âu-châu có lẽ được trong-sạch biết dường nào.

Luận-giả không cần phải nói các độc-giả cũng thừa biết rằng nước Hung-gia-lợi của bọn Horthy và Bethlen thật không đáng cảm-tình của chúng ta một chút nào: Nước Hung-gia-lợi ấy đã công-nhiên theo về chủ-nghĩa Pha-si, phạm bao nhiêu

tội-ác rồi, hiện nay tuy không đến nỗi như năm trước giết hại những người lương-thiện không tùng-đảng với bọn cầm quyền, như các người về đảng xã-hội, người dân Do-thái cùng các người tư-tưởng tự-do, nhưng tưởng giá có hơi nhóm lên cái phong-trào nào phản-đối cái chính-sách áp-chế của bọn cầm quyền này, thì bọn này tất lại ra tay dùng những cái thủ-đoạn sát-lục như trước chứ không sai; lại cũng không cần phải nói, ai cũng biết rằng Hung-gia-lợi ngày nay là tay học-trò giỏi của Ý-đại-lợi, đối với cuộc hòa-bình thế-giới thực là một tay cừu-thù lớn, Hội Vạn-quốc phải hết sức ngăn-ngừa mới được.

Nhưng đã biết thế rồi thì nay ta phân-đoán về những sự yêu-cầu của nước Hung-gia-lợi, không nên xét đến cái chính-thể chuyên-chế tàn-ác của nước ấy hiện bây giờ mà chỉ nên xét xem những lời yêu-cầu ấy có chính-đáng hay không.

Nay muốn đem vấn-đề ấy ra mà nghiên-cứu cho kỹ, hồi-tưởng lại cái cách Đồng-minh giải-quyết việc nước Hung ra thế nào, thì phải chịu rằng trong những điều nước ấy yêu-cầu ngày nay, không phải là toàn vô-lý cả.

Cách Đồng-minh xử với nước Hung, bắt đầu đã làm một việc thất-tín rồi. Ngày mồng 2 tháng 11 năm 1912, tướng Diaz là đại-biểu của Đồng-minh, cùng với các tướng nước Áo nước Hung ký ước đình-chiến ở *Padoue*, theo ước ấy thì cả đường địa-giới phía Nam của nước Hung vẫn được giữ y-nguyên như cũ. Cách đấy mấy ngày, tướng Franchet D'Espérey lại cho mời bá-tước Karoli ra *Belgrade*, bắt ký một cái ước đình-chiến mới nữa, dọa nếu không ký thì sẽ đem quân Đồng-minh tiến lên đánh *Budapest*, ước này giả-danh gọi là ước về quân-sự chứ không phải ước về chính-trị, mà thực thì thiệt-hại cho nước Hung hơn là ước trước nhiều.

Rồi về sau, nhân nước Hung bị đảng cộng-sản hành-hung, Đồng-minh cho phép nước Lỗ-mã-ni đem quân sang Hung để giẹp cho yên, quân Lỗ sang đến nơi dùng những cách tham-tàn dữ-tợn quá, đến nỗi Đồng-minh phải cấm không cho làm bậy; lệnh cấm ấy, nước Lỗ cũng chẳng coi vào đâu, mà Đồng-minh không đủ sức bắt cho phải theo.

Sau cùng đến hòa-ước *Trianon*, lại còn nghiêm-khắc hơn hòa-ước *Saint-Germain* đối với Áo nữa.

Hòa-ước này làm cho nước Hung mất sạch cả các nguồn kinh-tế trong nước: như lúa mì ở quận *Banat*, mỏ than cùng các lâm-sản ở đất *Slavonie*, đất *Slovaquie*, đất *Transylvanie*. Lại làm mất cả các đường thông ra bể, và tuy từ khi được phép thông ra cửa *Fiume* đến giờ, cũng được tiện đường xuất-cảng hơn trước, nhưng mà sự tiện-lợi ấy rút lại cũng thành ra vô-ích, vì sản-vật xuất-cảng của nước Hung xưa nay phần nhiều là gỗ đốn ở trên rừng về, nay không có rừng nữa thì còn gỗ đâu mà xuất-cảng. Người Hung cả thảy có mười triệu, thì ba triệu bị sáp-nhập về nước Chiết, nước Tắc và nước Lỗ. Như thế thì trách nào người Hung lại không sinh lòng thất-vọng mà kêu oan với thế-giới. Vẫn biết rằng ở bộ-phận Âu-châu đó các giống người ở hỗn-tạp với nhau, khó mà phân-biệt cho được, nhất-diện cần phải khôi-phục cho nước Chiết-khắc thành một quốc-gia hoàn-toàn, nhất-diện lại phải chấm-chước những điều yêu-cầu của nước Tắc và nước Lỗ lấy cớ đồng-văn đồng-hóa mà xin sáp-nhập phần dân nọ với phần dân kia, muốn vừa làm cho thỏa-mãn cái lòng nguyện-vọng của các dân-tộc ấy đã bị áp-chế trong mấy mươi thế-kỷ nay, lại vừa duy-trì cho nước Hung-gia-lợi vẫn thành một

quốc-gia có thể sinh-tồn được, thì thật là khó mà kiêm cả hai đường cho được.

Tuy-nhiên trong những lời kêu cầu của nước Hung-gia-lợi xin với các địch-quốc lấy lòng khoan-nhân mà đối lại, cũng có điều chánh-đáng, không phải là không thể châm-chước được. Như có nhiều bộ-phận thuộc về nước Hung cũ, rõ-ràng nói tiếng Hung, trong bao nhiêu đời đã tiêm-nhiễm cái văn-hóa của nước Hung, ngày nay giá hoàn lại cho nước ấy thì cũng không phải là không thể được, và những nước chịu hoàn lại ấy, cũng không đến nỗi bị thiệt-thòi cho lắm.

Đại-khái như đất *Kiralyhago* có thành *Komorno* (tức là thành *Komarn* cũ), như đất *Ruthénie*, thật không có cái dây liên-lạc gì với nước Chiết cả ; như cái phần đất *Banat* ở giữa khoảng sông *Danube* một bên sông *Tisza* một bên, có thành *Sabonca* (trước là *Szabadka*), thuần ra về một nơi thành-thị nước Hung-gia-lợi ; lại như miền đồng-bằng ở phía đông cho đến dặng núi *Transylvanie*, đều có thể hoàn lại cho nước Hung được cả, và cứ lẽ công-bằng tưởng phải hoàn lại cho nước Hung mới là phải.

Song cứ thực ra thì không phải hoàn lại các địa-hạt đó mà có thể bổ-cứu được cái tình-thế khốn-nạn của nước Hung vậy. Cái phương-sách chân-chính có thể bổ-cứu được là phải làm thế nào cho mấy nước Hung, Chiết, Tắc, và nếu nước Áo chịu tự-ý thôi không xin sáp-nhập với Đức nữa thì cả nước Áo, cùng nhau đặt một cuộc liên hiệp về quan-thuế vậy. Địa-thế cùng chế-độ kinh-tế của các nước ấy đều là khuynh-hướng về đường liên-hiệp như thế cả. Tất cả các lưu-vực sông, tất cả các đường xe lửa là chạy theo một hướng từ bắc ra bể *Adriatique* hết. Nếu bây giờ các nước ấy liên-hiệp được với nhau về đường buôn-bán như thế, thì ở trung-bộ Âu-châu sẽ gây thành được một cái đoàn-thể kinh-tế, và có lẽ được cả một cái đoàn-thể chính-trị vững-vàng, khiến cho mấy nước ấy hiện nay đương khốn-nạn về đường sinh-hoạt cả có thể hồi-phục lại được, như thế không những không phương-hại gì đến ai, mà lại là một cái bảo chướng chắc-chắn cho cuộc hòa-bình vậy.

VI. — Nói về vấn-đề Ba-lan

Một cái nguyên-nhân quan-hệ nữa về tình-trạng khủng-hoảng ở Âu-châu ngày nay, là vấn-đề Ba-lan (*Pologne*).

Nói về vấn-đề Ba-lan, luận-giả không chủ ý xét về sự khôi-phục nước Ba-lan theo như cách Đồng-minh đã định, và tự nước ấy sau khi thành-lập rồi xâm-lấn ra ngoài những thế nào, khiến cho Hội Vạn-quốc phải cảnh-cáo mà cũng không nghe, sự đó đối với cái thế quân-bình của Âu-châu, và thứ nhất là đối với nước Pháp hay dở thế nào.

Luận-giả cũng không định xét cái chính-sách của nước Ba-lan đối với dân *Ukrainiens* và dân *Blancs-Russiens*, cùng cái cách nước ấy bách-hại những phần dân Do-thái trong nước tàn-nhẫn là đường nào.

Trong bài này chủ-ý xét những nơi nào ở Âu-châu có bày ra cái hiểm-tượng cho cuộc hòa-bình, vậy thuộc về nước Ba-lan chỉ xét riêng một việc ngày nay các bộ ngoại-giao đương lấy làm quan-tâm lắm và sau này nước Đức càng ngày càng khôi-phục lại mạnh thì lại càng cần-cấp hơn nữa, là việc con đường thông nước Ba-lan ra bể, tức các nhà ngoại-giao đặt tên là « vấn-đề cái ngõ thông của nước Ba-lan » (*la question du Corridor*).

Nguyên sau khi chiến-tranh Đồng-minh định khôi-phục lại nước Ba-lan thì nước ấy không có đường thông ra bể, bèn định cắt lấy một dải

đất của Đức để cho nước Ba-lan có đường thông ra cửa bể *Dantzig* đặt thành cửa bể van-quốc. Nước Đức là nước bại-chiến lấy làm căm - tức lắm, nhưng không thể sao được. Từ đấy đến nay suốt các chính-đảng ở Đức, không phân-biệt là đảng nào, đều đồng-thanh phản-kháng sự đặt ra con đường thông ấy, cho rằng làm như thế không khác gì như cắt một miếng thịt trong thân-thể nước Đức, dù chính-phủ nào cầm quyền cũng không thể công-nhận cho là một việc chính-đáng được. Các đảng hữu thì mong dùng võ-lực mà giải-quyết, các đảng tả thì mong dùng phương-pháp ngoại - giao để giải - quyết, nhưng mà đảng nào cũng hết sức vận-động để thay đổi cho được cái tình - trạng ấy. Xem ngay như đại - biểu Đức ở Hội Vạn - quốc là DE RHEINBABEN, thuộc về đảng ngoại-tướng STRESEMANN là một đảng ôn-hòa, có tiếng là người thành-thực chủ-trì cuộc hòa-bình, vậy mà cũng công - nhiên tuyên - bố lên rằng cái thiên-chức của đảng thiếu-niên Đức mới lớn lên là phải làm sao rửa được cái nhục cho nước là cái « ngõ thông » của nước Ba-lan đó.

Xét về phương - diện Ba-lan thời nước này cũng nhất - quyết không chịu để cho ai động-chạm đến địa-giới của mình theo như hòa-ước đã định. Thuộc về việc đó thì các chính-đảng cũng đồng-tâm như nhau cả, từ đảng quốc-gia cho đến đảng xã-hội. Khi cùng với những người Ba-lan rất ôn-hòa, rất yêu-qui sự hòa-bình mà nói chuyện đến việc giao-thiệp nước Ba-lan với nước Đức, kể đến sự phân-tranh hai nước với nhau có nguy - hiểm cho cuộc hòa - bình là đường nào, mà đả-đông đến cái vấn-đề ngõ thông ra bể đó, thì những người ấy liền ngăn ngay lại không muốn nói chuyện nữa. Theo ý những người ấy thì nước Ba-lan thà đành chịu chiến-tranh chứ không chịu mất đường thông ra bể. Họ cũng biết rằng vấn - đề này thật khó-khăn nguy-hiểm, và chịu rằng nếu người Đức muốn yêu-cầu châm-chước một đôi điều cho được ổn-thỏa thì cũng sẵn lòng thuận ngay. Nhưng mà xin đổi hẳn cái tình-trạng hiện-thời thì không thể nào thuận được. Ấy là về phần người Đức và Ba-lan thì hai bên đều khăng - khăng như thế cả. Nay đứng vào địa-vị khách - quan một người không thiên-vị về bên nào, chỉ lấy lẽ công - bằng mà phán - đoán, thì cái vấn - đề đường thông ra bể của Ba-lan đó phải nên giải-quyết ra thế nào.

Thiết-tưởng vấn-đề « đường thông » này cũng như vấn-đề « sáp Áo » trên kia, không khác gì. Nghĩa là cũng phải giải-quyết theo chủ-nghĩa dân-tộc tự-quyết vậy.

Đã vậy thì chỉ nên xét xem trong cái bộ-phận thuộc về đường thông đó thì phần nhiều người dân là người Đức hay là người Ba-lan.

Điều đó không còn có hồ-nghi gì nữa. Muốn cho hợp hẳn với chủ-nghĩa WILSON thì phải hỏi ý người dân bằng cách chúng - dân - đầu - phiếu. Nhưng mà đặt ra một cuộc đầu-phiếu như thế cũng có nhiều nỗi khó-khăn lắm ; vậy nếu không thể trực-tiếp hỏi ý dân được thì cứ nên xem những địa-đồ cùng biểu thống-kê của Đức làm từ trước khi chiến - tranh, lại xét ngay một điều như sau này, là hồi cái bộ-phận thuộc về đường thông đó còn ở trong bản-đồ nước Đức, người bản - dân bầu đại-biểu ra Nghị-viện *Reichstag* nước Đức thường là những tay vẫn phản-đối chính-phủ Đức cả, cứ xem như thế thì cũng đủ biết vậy.

Luận-giả có một bản-đồ về dân-số nước Đức vẽ từ năm 1911. Trong bản-đồ ấy các phần dân ở trong bộ-phận đường thông đó có vẽ các sắc khác

nhau cho dễ phân-biệt. Vậy nhìn qua một lượt thì rõ-ràng phần dân nhiều nhất là người Ba-lan. Như thế thì phàm người nào thành-thực theo về chủ-nghĩa dân-chủ, thành-thực tin về lẽ dân-tộc tự-quyết, cũng phải cho rằng bộ-phận ấy gán cho nước Ba-lan là phải lắm.

Vẫn biết rằng người Đức từ khi chiến-tranh đến giờ thường tìm cách thay đổi lại các địa-đồ cùng biểu thống-kê cho thích-hợp với sự yêu-cầu của mình. Trước hết phân-biệt trong những người dân ở bộ-phận đó ra hai phần : một phần nói tiếng Ba-lan, một phần nói tiếng *Kachoube*, là thứ tiếng cũng thuộc về loại Ti-lạp-phu (*Slave*), nhưng mà không giống tiếng Ba-lan. Sau nữa dù đem hợp cả phần dân *Kachoube* với phần dân Ba-lan lại làm một, giống Ti-lạp-phu nhiều hơn các giống khác cũng chỉ có bốn phần trăm mà thôi. Lại còn một lẽ nữa là nhiều người dân ở bộ-phận đó tuy nói một thứ tiếng về loại Ti-lạp-phu, mà thực ra về đường chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, có mật-thiết liên-lạc với nước Đức, tức cũng như ở *Haute-Silésie*, ở Đông-Phổ và bốn hạt Tây-Phổ trước có mở cuộc chúng-dân-đầu-phiếu thấy rõ-ràng như thế. Vậy dẫu đứng về phương-diện dân-tộc tự-quyết, sự sáp-nhập bộ-phận đó vào bản-đồ nước Ba-lan cũng là một sự không công-bằng.

Nhưng mà người Đức cũng hiểu cái cách lý-luận như thế không được mạnh lắm, nên trong lời yêu-cầu thường không căn-cứ ở các lẽ đó. Cứ xét qua trên địa-đồ cũng đủ thấy rằng cái « ngõ thông » của nước Ba-lan đó là ăn hẳn vào trong đất nước Đức, chia rẽ phần lớn nước Đức với một tỉnh cố-cựu của nước ấy, người Đức lấy thế làm một sự trái ngược không thể chịu được, coi như một cái nhục cho nước mình, phải làm thế nào mà rửa đi cho sạch. Hoặc-giả nói rằng những cớ đó là những cớ hão-huyền, địa-giới không từng phân rẽ được người ta bao giờ và theo như lời một nhà tư-tưởng trứ-danh của chính nước Đức là ông Ficute, đường địa-giới chẳng qua là cái đường vạch trên địa-đồ, không nên vì một cái sắc vẽ khác nhau mà đến gây ra việc binh-đao dâm giết nhau tàn-hại.

Nhưng than ôi! người ta cùng các dân-tộc vẫn có cái cuồng-dại tranh nhau vì chút thanh-thế hão-huyền, cái cuồng dại ấy chính ông Ficute đã từng nhiều lần bài-xích vậy. Đó là cái nhược-điểm trong tâm-lý loài người mà ta không thể không biết đến được.

Cái tình-trạng nước Ba-lan và nước Đức đã bày rõ ra như thế, thì nay phải kết-luận thế nào? Phải kết-luận rằng dù người Ba-lan hay dù người Đức có lẽ phải thế nào mặc lòng, nếu muốn cho lẽ ấy thắng-đoạt được mà cần phải gây ra một cuộc chiến-tranh mới nữa thì Âu-châu quyết không thể nào dung được. Cuộc chiến-tranh mới đó, phải bi-quan đã dự-tính từ bấy giờ mà cho là một sự tất-nhiên vậy. Luận-giả xin đứng về phái lạc-quan mà quyết rằng sự chiến-tranh ấy không thể xảy ra được. Không thể xảy ra được, là vì các dân-tộc không khi nào để cho xảy ra; vì người Pháp quyết không có tham-dự vào cuộc binh-đao nào nữa, dù để giúp cho nước Ba-lan giữ lấy cái phần đất làm đường thông cho mình nữa mặc lòng; vì chính phần nhiều người Đức lâm-thời rồi cũng ngần-ngại không dám mang cái trách-nhiệm gây ra cuộc chiến-tranh để chiếm-đoạt lại phần đất đó; và sau nữa là vì các nước Âu-châu rồi sớm trưa phải họp nhau lại mà lập thành một cuộc liên-bang lớn, phàm người hữu-tâm trong thiên-hạ đều phải thành-thực mong-mỏi như thế và hết sức giúp vào cho thành được, đến ngày đó thì những việc phân-tranh trong các nước không cần

phải dùng đến binh-đao mới giải-quyết xong vậy.

VII. – Vấn-đề nước Nga

Có một vấn-đề cần-cấp hơn vấn-đề Ba-lan, cần-cấp hơn cả các vấn-đề ta đã xét từ trước đến nay để tìm n uyên-nhân cái tình-trạng khủng-hoảng ở Âu-châu và thế-giới bây giờ. Vấn-đề sau này là vấn-đề nước Nga.

Khoa-học ngày nay thật đã phát-minh ra được lắm cách thần-diệu để cho người ta cùng các dân-tộc được càng ngày càng thân-cận với nhau ; vậy mà nước Nga ngày nay đối với phần nhiều các nước trên thế-giới hình như có một cái vực sâu cách-biệt, dù dụng tâm dụng-trí đến thế nào cũng không thể nối liền cho được. Ngay từ khi nước Pháp còn kết Đồng-minh với nước Nga, cái dây liên-lạc của hai nước thân-mật là dường nào, mà trong tâm-lý người Nga vẫn như có một cái màng mờ-ám, ta biết rằng không thể phá ra được. Các cách tư-tưởng của người Âu-tây với cách tư-tưởng của người Nga khác nhau quá, dù cái cảm-tình của hai bên đằm - thắm thế nào cũng không thể hiểu nhau hẳn được.

Từ khi nước Nga nổi lên cuộc cách-mệnh cộng-sản, làm cho điên - đảo cả trong nước, thì cái màng mờ-ám ấy lại càng như dầy thêm lên vậy. Ta vẫn dụng công đọc những sách của các nhà du-lịch Pháp, Anh, Mĩ, Đức, đã viết về nước Tô-Nga ; ta vẫn hết sức nghiên-cứu các chế-độ tư-pháp, chính-trị, kinh-tế của dân-quốc Nga mới tổ-chức theo chủ-nghĩa xã-hội ; ta lại thường chịu khó hỏi những bạn du-lịch do các hội học-sĩ hoặc các trường Đại-học Nga mời đến *Moscou* và *Leningnad*; tra hỏi cứu xét thế nào cũng vẫn không phá được cái màng mờ - ám đó. Ở giữa nước Nga với ta vẫn có một đám mây đen làm cho không trông suốt được. Ta không biết ở bên đó thực xảy ra những chuyện gì, mà ta cũng không hiểu việc xảy ra thế nào. Ấy chính sự không hiểu đó là cái nguyên-nhân thứ nhất làm cho ta phải quan-tâm về nước Nga, vì ta vốn học cái cách lý-luận của ông DESCARTES, phàm lẽ gì phải phân - minh khúc - chiết mới có thể hiểu được, sự mơ-màng huyền-bí cho là chỉ thuộc về cõi tinh-cảm hay là phần mĩ-thuật tôn-giáo mà thôi, chứ không thể có trong việc chính trị được.

Nước Nga kia là một cái đế-quốc lớn ở giữa khoảng châu Âu châu Á, tuy từ cuộc đại-chiến vừa rồi đã bị cắt mất đi nhiều đất mà nay diện-tích hãy còn tới bốn triệu sáu trăm nghìn cây-lô-mét vuông và dân - số không kém một trăm năm-mươi triệu người. Cái cõi đất to rộng, cái đám người đông - đúc đó, chỉ do có một số ít người đứng chủ - trương, số ít người ấy nhờ được mấy tay lĩnh-tụ rất cương-nghị, rất quả - quyết, dùng những phương-pháp cực tàn-ác, cực chuyên - chế, đã chiếm được cả quyền-pháp vào trong tay, làm cho một nước quân chủ chuyên-chế cũ nhất-đán biến - thành một nước dân - chủ theo xã - hội-chủ-nghĩa, mà lại đủ sức giữ được cho nước dân-chủ ấy dù bị cả các nước khác trong thế-giới hiệp-lực lại mà công-kích cũng không làm gì được.

Nước dân-quốc đó trung-thành với chủ-nghĩa xã-hội, thường tuyên-bố lên rằng nhất-thiết phản-đối sự chiến-tranh, và mới rồi đây ở giữa Hội Vạn-quốc đã bày ra một cái chương-trình cực-đoan về vấn-đề tài-binh, xin các nước bãi binh ngay lập-tức và một cách hoàn-toàn.

Đồng-thời lại thấy có tin đích-thực rằng nước Tô Nga đương hăng-hái chỉnh - bị cho đội Hồng - quân thành một cái khí-cụ chiến-tranh rất tốt, hiện đàn bà con trẻ cũng phải

theo binh-dịch và các tướng Nga thường nhờ tướng Đức dạy bảo cho quân-quan về các binh-mưu chiến-lược vậy.

Như thế thì chủ-nghĩa một đảng, thực-tế một đảng, hai bên phản-trái nhau, cứ lấy lẽ phải mà xét thật không hiểu ra làm sao, và phàm người thành-thực yêu-mến sự hòa-bình trông thấy thế cũng phải lo cho cuộc hòa-bình vậy.

Vì nếu kẻ cầm quyền nước Tô-Nga quả thực bụng tin rằng có thể giải binh tức-khắc mà hoàn-toàn ngay được, thì làm sao không thử thực-hành cái ý-tưởng hay ấy, như phái chủ-hòa cực-đoan ở nước Pháp thường yêu-cầu với chính-phủ nên thử làm, mà thực nếu nước nào dám quả-quyết khởi-hành việc đó thì danh-dự biết là dường nào! Làm sao nước Tô-Nga lại không đứng lên quả-quyết thực-hành việc giải-binh trước nhất? Vẫn biết đó là một sự mạo-hiểm, nhưng sự mạo-hiểm vẻ-vang biết bao nhiêu, và trong liệt-quốc còn nước nào có cái can đảm làm sự mạo-hiểm ấy bằng nước Nga nữa không?

Đảng quá-kích trả lời rằng sự mạo-hiểm ấy nước Nga chưa thể làm được, vì quanh mình toàn những kẻ cừu-địch cả, nếu không phòng-bị cẩn-thận thì họ tràn sang mà xâu-xé hết cả.

Câu trả lời ấy đáng lẽ là ở những phái chủ-hòa nhu-nhược như chúng ta nói ra mới là phải, vì chúng ta vẫn ham sự hòa-bình, nhưng ham ở lý-thuyết mà thôi, chứ thực ra vẫn còn do-dự chửa dám quả-quyết chủ-trương cho nước ta đứng lên giải-binh hoàn-toàn tức-khắc ngay được. Nhưng mà các ông là đảng cộng-sản, muốn thực-hành cái chủ-nghĩa xã-hội cực-đoan, đã dám quả-quyết đem cái chủ-nghĩa ấy tuyên-truyền ra khắp thế-giới, dù phong-ba trắc-trở mặc lòng, thì sao lại không dám khởi-hành việc giải-binh để làm gương cho thế-giới, sao lại cứ nhân-tuần như các nước tư-bản hèn-nhát kia, mà thình-thoảng lại đem một cái dự-án tài-binh hão-huyền ra thảo-luận ở Hội Vạn-quốc, biết rằng rồi rút cục cũng chẳng có hiệu-quả gì?

Vả lại có quả thực là nước Nga bị các nước khác dòm-dỏ không, và nếu giải-binh thì các nước ấy sẽ tràn vào mà xâu-xé không? mà các nước ấy là những nước nào nhỉ? Có phải là nước Anh không? Nhưng đó là một câu chuyện trẻ con, có lẽ người dân quê mộc-mạc nước Nga có thể tin được, chứ những tay chính-trị khôn-khéo giảo-hoạt như ông Tchitcherine, ông Litvinof thì không thể nào hiểu lầm như thế được.

Nước Anh là một nước bảo-thủ, đối với nước Nga là một nước cách-mệnh, cố-nhiên là có ác-cảm, cũng như các nước tư-bản khác chứ không khác gì. Nhưng dù trong phái đế-quốc người Anh, những tay rất hăng-hái cũng không hề bao giờ có cái mơ-tưởng đem quân sang đánh nước Nga vậy. Những sự mơ-tưởng điên-cuồng đó có lẽ phảng-phất trong cái óc loạn một người như tướng Ludendorf nước Đức, nhưng một cái óc kiện-toàn chỉ quen suy-tính những sự lợi-hại nhỡn-tiền như cái óc ông thủ-tướng Baldwin nước Anh thì thực không thể nào mơ-tưởng như thế được. Không phải nước Anh thì hoặc là nước Ba-lan chăng? Chúng ta cũng vẫn không tin gì ở cái bụng hiếu-hòa-bình của thủ-tướng Pilsudski cùng đảng quốc-gia nước Ba-lan. Nhưng cứ sự thực mà nói thì phải chịu rằng hiện nay ở nước Ba-lan không có một đảng nào hay một người tai-mắt nào có cái dã-tâm muốn xâm-phạm đến nước Nga vậy.

Thực ra thì nước Nga không phải sợ các nước khác sang xâm-lấn mình, mà chính các nước láng-diềng với nước Nga lại sợ nước Nga sang xâm-lấn mà

sợ không phải là không có lý, vì Nga vẫn chưa đành chịu mất đất *Bessarabie* bị cắt về nước Lỗ, — sự phân-sáp này cứ bình-tình mà nói cũng là một sự không công-bằng, — lại cũng không đành chịu mất phần đất *Ukraine* đã bị sáp-nhập về Ba-lan, — ở đây thì nói cho phải, chính-phủ Ba-lan đãi người dân cũng tệ thật, không cho được hưởng một chút quyền-lợi gì mà trong điều-ước đã định cho các phần thiểu-số dân-tộc vậy, — Nga vẫn chưa chịu như thế thì những nhà thực bụng hiếu-hòa-bình, không bị hoặc về những lời khôn-khéo của ông LITVINOF ở hội Vạn-quốc, tất phải cho rằng cái hiểm-tượng chiến-tranh chính là tự nước Tô-Nga gây ra, chứ không phải tự các nước mà nước ấy thường tố-cáo là kẻ cừu-thù của mình.

Chúng ta lại phải biết rằng ngoại-tướng nước Nga TCHITCHERINE là một người thâm - hiểm lắm, mà tay phủ - tá LITVINOF cũng là tay giảo-hoạt, nên cái chính-sách ngoại-giao của nước Nga thật không thể khiến cho các nhà hiếu-hòa-bình có thể tin được. Nước Nga lần lượt muốn tìm cách lấy lòng nước Anh, rồi đến nước Pháp, rồi đến nớc Ý, và thứ nhất là nước Đức, mà điều này mới thật lạ-lùng thay, là muốn lấy lòng cả các đảng hữu cùng các đoàn-thể thuộc về phái quốc-gia cực-hữu của nước Đức. Bây giờ thì bọn TCHITCHERINE lại xoay ra cầu thân với nước Mĩ, để mong rằng cái dây liên-lạc về đường kinh-tế của hai nước càng ngày càng mật-thiết, thì sớm trưa có ngày chính-phủ Mĩ cũng phải công-nhận nước Tô-Nga về pháp-luật.

Vì còn có một điều này nữa là một điều trái ngược trong chính-sách nước Nga : nhất-diện thì nước Nga vẫn tuyên-bố rằng cái thiên-chức của mình là phải tuyên-truyền cách - mệnh ra khắp thế-giới, thế-giới có cách-mệnh cả thì cái chế-độ Sô-viết mới có thể vững-bền được, nên hoặc ra mặt rõ-ràng, hoặc dùng cách bí-mật vẫn hết sức gây nên phong-trào cách-mệnh ở các nơi, hoặc nước nào đã nhóm có cái phong-trào ấy rồi thì tiếp-ứng cho nó mạnh thêm lên ; nhất-diện thì cả cái chính-sách ngoại-giao của nước Nga đều khuynh-hướng về một đường là cố vận-động cho các nước Âu-châu công-nhận cho cái chính - thể của mình, chính các nước ấy là những nước mà mình vẫn âm-mưu phá-hoại chính-thể của người ta.

Ta không phải là nhà tiên-tri, không thể dự-đoán được về tương-lai. Ta lại vẫn thành-thực mong-mỏi rằng nước Nga sẽ bỏ dần những cái cách chuyên-chế độc-đoán nó làm cho mất cả giá-trị của chủ-nghĩa xã-hội mà nước ấy vẫn tự phụ là tiêu-biểu trong thế-giới, rồi sẽ biến dần đi, về đường kinh-tế vẫn duy-trì được cái chế-độ của chủ-nghĩa xã-hội, mà về đường chính-trị thì sẽ theo hẳn về chế-độ dân-chủ tự-do vậy.

Nhưng mà ta không thể không nhận thấy rằng cứ như cái hiện-tình ta sở biết về nước Nga ngày nay, thì nước ấy quả là một cái hiểm-tượng rất lớn cho cái công-cuộc tổ-chức hòa-bình là việc cần-cấp nhất của thế-giới ngày nay.

VIII. — Nói về chủ-nghĩa đế-quốc của nước Mĩ

Cái tình-trạng khủng-hoảng mà ta đương nghiên-cứu đây không phải là tình-trạng riêng cho một Âu-châu mà thôi, thực là tình-trạng chung cả thế-giới vậy.

Sau cuộc đại-chiến vừa rồi, các nước trong thế-giới, dù những nước không phải chịu cái nạn chiến-tranh cũng vậy, muốn liên-hiệp nhau lại thành đoàn-thể để cùng nhau phòng-bị cái họa lớn ấy cho sau này. Bởi thế nên bất-cứ nước lớn hay nước nhỏ, hễ ở nơi nào

có xảy ra việc gì tất có ảnh-hưởng xa gần đến cả các nơi khác, như việc nội-loạn nước Tàu mà lan rộng tới cả các nước Âu-châu Mĩ-châu vậy. Nhân đó mà bất-cứ việc gì xảy ra ở đâu, cũng là cái nguyên-nhân khủng-hoảng cho cả thế-giới vậy.

Lại cũng vì đó mà từ sau khi chiến-tranh đến giờ nước Mĩ đã chiếm được cái địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế, khiến cho cái thế quân-bình trong thế-giới bị thay đổi đi hẳn mà cái nền chính-trị của Âu-châu cũng đảo-điên đi hết cả.

Giám-quốc COOLIDGE nước Mĩ mới rồi có đọc một bài diễn-thuyết ảnh-hưởng sâu-xa lắm. Ông là người ít nói xưa nay, nên lời nói của ông thiên-hạ lại càng chú-ý lắm. Bài diễn-thuyết đó đã bày rõ ra cái ngộ-điểm lớn mà chia rẽ các nước Âu-châu với nước Mĩ.

Ý-kiến của Giám-quốc COOLIDGE là ý-kiến của phần đại-đa-số người Mĩ, chỉ trừ có mấy người về đảng tiến-bộ và đảng xã-hội mà thôi, còn đảng dân-chủ với đảng cộng-hòa thì về khoản đó đại-khái cũng là đồng-ý nhau cả. Vậy cứ như ý-kiến Giám-quốc Mĩ thì nước Mĩ không có được lợi gì về việc chiến-tranh vừa rồi, cũng bị thiệt-hại như các nước Đồng-minh khác, và ngày nay nước Mĩ được giàu có hơn các nước khác là vì công phu khó-nhọc làm ăn, còn các nước Âu-châu mà bị nghèo túng là phần nhiều lỗi tại mình. Các nước ấy chỉ đua nhau mà sửa-soạn quân-bị, tốn-phí không biết bao nhiêu mà kể, nếu biết thôi đi thì sẽ lại được giàu có thịnh-vượng như trước, sẽ củng-cố được cuộc hòa-bình trong thiên-hạ, và có thể mong nước Mĩ giảm cho cái số nợ phải trả, số nợ ấy hiện nay nước Mĩ vẫn có quyền được đòi cả vậy.

Ý-kiến đó không phải là không có một phần sự thực. Nước Mĩ tham-dự vào việc chiến-tranh vừa rồi cùng với Đồng-minh, không phải là vì cớ tham lợi. Ai đã từng ở qua nước Mĩ vào khoảng năm 1915 - 1916 như luận-giả đây thì biết rằng thực là có một cái phong-trào lớn về nhân-đạo đã dần dần khiến cho nước Mĩ tham-dự vào việc chiến-tranh, và bấy giờ cái tư-tưởng cao của ông WILSON thực có ảnh-hưởng trong dân-gian nhiều lắm, mà người Mĩ quyết chí tham-chiến quả là thành-tâm vì công-lý công-nghĩa vậy.

Còn về vấn-đề các khoản nợ của Đồng-minh đối với nước Mĩ, thì đó là một cái trách-nhiệm của Đồng-minh không có quyền trốn-tránh được, không thể lấy cớ nước Đức chưa trả nợ mà chậm trả nước Mĩ được; và về phần riêng nước Pháp thì vấn-đề nợ ấy đã do hiệp-ước BÉRENGER-MELLON điều-định xong, Nghị-viện Pháp có cái nghĩa-vụ cần-cấp phải duyệt-y ngay, không có lẽ chính mình vẫn đòi nợ của Đức không quản gì đến cái tình-thế tài-chính của nước ấy, mà đến nợ của mình đối với Mĩ thì lại muốn đòi nước Mĩ châm-chước cái tình-thế tài-chính của mình. Vẫn biết rằng Mĩ với Pháp là bạn Đồng-minh cũ. Nhưng mà sự đời như thế, đến việc tiền-tài thì chẳng ai là bạn, chẳng ai là thù cả, chỉ có một bên chủ nợ một bên có nợ mà thôi. Trong cõi lý-tài là nơi khốc-hại, thì chỉ có chuyện lợi-hại mà không có chuyện nhân-nghĩa được, chỉ có lý không có tình được. Cứ như thiên-ý của luận-giả thì một nước lớn như nước Pháp nên gắng sức mà trang-chải cho xuôi cả các khoản nợ chiến-tranh từ trước, chẳng nên trông mong ở cái bụng rộng-rãi của ai cả, bụng rộng-rãi ấy phải có tự-nhiên thành-thực thì mới có giá-trị vậy.

Lại nước Mĩ nói rằng không có lẽ người dân mình phải chịu đóng góp thêm để cho các bạn Đồng-minh cũ cứ việc tăng-phí từng trăm ngàn triệu không những để phòng-bị những sự xâm-lược ở ngoài, mà lại để thi-hành

một cái chính-sách dương thanh-thế, để thi nhau mà sửa-soạn quân-bị, cố theo đuổi một cái chính-sách ác-hại, tưởng từ khi đặt ra hội Vạn-quốc đáng phải bỏ hẳn đi rồi; nước Mĩ nói như thế cũng không phải là không có lý vậy.

Ấy trong lời cáo-trạng của Giám-quốc COOLIDGE kể tội Âu-châu, có bấy nhiêu điều xét ra là có lý.

Này còn mấy điều như sau này, xét ra không được chánh-đáng lắm.

Phải, nước Mĩ tham-dự vào cuộc chiến-tranh vừa rồi không phải là vì lợi thật. Nhưng mà nhân việc chiến-tranh này nước Mĩ đã trở nên giàu có bội phần, ngày nay nghiễm - nhiên làm ông tài-chủ cả thế-giới. Dù ông COOLIDGE nói thế nào mặc lòng, sự giàu có lạ-lùng của nước Mĩ ngày nay, phần nhiều là ở sự sa-sút của các nước Âu-châu tham-chiến vừa rồi mà gây nên vậy. Theo như lời một nhà kinh-tế-học trứ-danh nước Đức mới nói vừa rồi, người Âu-châu ngày nay có thể cho là một bọn làm thuê cho Mĩ hết cả. Các công-xưởng làm việc, các kỹ-sư chế-tạo, các thợ-thuyền ở Âu-châu mồ-hôi nước mắt, khó-nhọc làm ăn, rút cục lại là làm công cho nước Mĩ hết cả. Dù quốc-gia Mĩ có bị gánh vác nặng-nề về việc chiến-tranh vừa rồi, các nhà tư-bản, nhà công-nghệ, nhà cổ-phần nước Mĩ, thật đã nhờ chiến - tranh mà được giàu có lên không biết bao nhiêu mà kể.

Nước Mĩ trách Âu-châu tiêu-phí về quân-bị nhiều lắm vẫn là phải. Nhưng mà lời trách ấy muốn cho có hiệu, thì chính nước Mĩ đáng phải làm gương trước đã. Nay nếu nước Mĩ không những không dinh việc võ-bị về hải-quân, lại còn tuyên-bố lên rằng cần phải có hải-quân mạnh để giữ các đường duyên-hải trong nước, lại trước khi đem cái hiệp-ước bảo-hòa của ngoại-tướng KELLOG đã ký với ngoại-tướng BRIAND nước Pháp ra cho Quốc-hội duyệt-y, hiệp-ước này Mĩ vẫn lấy làm tự-cao lắm, chính-phủ Mĩ hãy yêu-cầu Quốc-hội quyết-nghị những khoản kinh-phí cần để chế lấy mười-lăm chiếc tuần-dương-hạm mới đã, thì Mĩ cũng phải hiểu rằng nước Anh cũng phải cần đến hải-quân mạnh để giữ các đường giao-thông với thuộc-địa và phòng khi chiến-tranh khỏi phải thiếu-thốn lương-thực, nước Pháp cũng cần phải có lục-quân mạnh để giữ các địa-giới cho khỏi bị lân-bang xâm-lấn. Cái chính-sách dương thanh-thế mà nước Mĩ đối với các nước Âu-châu vẫn thường công-kích, thì chính Mĩ cũng vẫn thi-hành như Anh, như Pháp, như Ý vậy. Mĩ muốn giữ lấy chủ-quyền trên bể, thì nước khác cũng muốn giữ lấy chủ-quyền trên đất. Và cứ như nước Mĩ giàu-có như thế, đáng lẽ người dân phải được nhẹ gánh vác hơn dân các nước mới phải, nay nếu không được như thế, thực không phải lỗi tại nước Pháp không trả nợ, chính là tại chính nước Mĩ thi-hành cái chủ-nghĩa đế-quốc về hải-quân vậy.

Mà cái đế-quốc chủ-nghĩa ấy không những chỉ biểu-lộ ra ở một việc tăng-thiết quân-bị mà thôi. Lại còn biểu-hiện ra một cách khả-ố hơn nữa, là cậy thế mạnh xâm-lấn các nước nhỏ về Trung-bộ Mĩ-châu không đủ sức chống lại được. Nước *Costa-Rica* mới rồi có yêu-cầu với Hội Vạn-quốc xin giải rõ cho cái chủ-nghĩa *Monroé* là thế nào, tức là một cách phản-kháng cái chính-sách xâm-lược của nước Hoa-kỳ, phản-kháng gián-tiếp mà êm-ái vậy. Lời phản-kháng ấy, nước *Haiti*, nước *Panama* nước *Nicaragua* cũng có thể khởi lên được mà cũng là có lý biết là dường nào. Vừa đây xem nhật-báo thấy nói rằng chính-phủ *Washington* muốn đặt bảo-hộ về tài-chính và quân-sự ở *Nicaragua*, bắt quân vệ-binh nước ấy từ nay phải thuộc quyền các quân-quan Mĩ về đội lính súng hải-

quân (*fusiliers marins*), còn nhà băng nước ấy thì phần nhiều tài-sản sẽ bán lại cho các nhà băng Mĩ, và sở thương-chính nước ấy sẽ do người Mĩ đứng quản-lý.

Dân Mĩ vẫn tôn-sùng sách Thánh-thư đạo Cơ-đốc, tất hay ưa những câu chuyện ngụ-ngôn tỉ-dụ. Vậy xin đọc lại câu chuyện cái rơm và cái cột nhà, là chuyện dạy những kẻ hay trách mình ít mà trách người nhiều, cùng một cái xấu, ở mình thì cho là nhỏ như sợi rơm, ở người thì cho là to như cái cột nhà. Muốn công-kích cái chủ-nghĩa đế-quốc ở người, thì phải tự mình không mắc phải cái tật xấu ấy mới được. Chủ-nghĩa đế-quốc của nước Mĩ chỉ chuyên về đường kinh-tế tài-chính mà không chủ về đường quân-sự, hay là nói cho đúng hơn là vừa kiêm cả ba phương-diện kinh-tế, tài-chính và hải-quân, tuy có cái tính-cách đặc-biệt như thế mà cũng đáng bài-xích như chủ-nghĩa đế-quốc của các nước Âu-châu, cũng nguy hiểm cho cuộc hòa-bình chẳng kém gì vậy.

IX. — Nói về các phương-pháp bổ-cứu

Nay thế là ta đã biết rõ các nguyên-nhân của cái tình-trạng khủng-hoảng ở Âu-châu và ở thế-giới ngày nay. Đó là chỉ mới nói những nguyên-nhân cần-cấp nguy-hiểm nhất mà thôi, còn nhiều việc nữa chưa xét đến, như việc phân-tranh nước *Pologne* và nước *Lithuanie*, kỳ hội-đồng nào ở Hội Vạn-quốc cũng đề-khởi ra mà không giải-quyết xong, lại như việc *Macedoine* thật là một cái nguồn loạn vô-cùng ở bán-đảo *Balkans* mà Liệt-cường cũng không thể sao giải-quyết cho được.

Nhưng mà các nguyên-nhân kể trên kia là những nguyên-nhân quan-trọng nhất, tức là những chỗ đầu thần-kinh-thống (*points névralgiques*) của Âu-châu vậy. Nay phải kết-luận bài này và xét xem có phương-cách nào bổ-cứu được cái tình-trạng khủng-hoảng đó không.

Trước hết có một điều đã rõ-ràng là cái tình-trạng khủng-hoảng rút lại là ở cái lòng nơm-nớp sợ lại gây ra một cuộc thiên-tai như mới rồi, đã làm cho thế-giới thiệt mất mười triệu người và bao nhiêu của-cải không bao giờ thu-phục lại được nữa; lại rõ-ràng rằng cái tình-thế của các nước đối với nhau rất là nguy-ngập, đâu đâu cũng trông thấy cái hiện-tượng chiến-tranh, khiến cho các nước muốn phòng-bị cho mình lại phải đua nhau kinh-doanh về quân-bị, kết-quả tất đến có ngày phải đánh lộn nhau; còn như các dân-tộc đã bị lao lung từ trước, nhờ cuộc chiến-tranh mới rồi mà được giải-phóng, (cuộc chiến-tranh ấy còn được điều đó mới gọi là có lẽ chính-đáng một chút), thì các quốc-gia mới ấy không những không làm giảm được cái hiểm-tượng chiến-tranh mà lại càng bày thêm cái cớ chiến-tranh ra nữa.

Đối với cái đại-hiểm-tượng đó, tưởng chỉ có một phương thuốc-chữa: là sự giải-binh, mà phương thuốc này chính đại-biểu chính-phủ Sô-viết nước Nga LITVINOFF đã xướng lên ở giữa Hội Vạn-quốc vậy.

Các Liệt-cường có chân Hội Vạn-quốc và nhất là các nước Đồng-minh, trong các nước ấy thì đứng đầu là nước Pháp và nước Anh, một nước lục-quân rất mạnh, một nước hải-quân rất mạnh ở Âu-châu, không chịu chuẩn-nhận lời bàn của chính-phủ Nga, cũng không chịu đem ra thảo-luận cho kỹ nữa, như thế là phải hay là không phải ?

Cứ như cái tình-thế chung ở Âu-châu ngày nay như trên kia vừa phác-họa, thì lời bàn của chính-phủ Nga khó lòng mà xuất-hiện ra thực-tế được, tất cho là một cuộc lý-thuyết hão-huyền mà thôi.

Việc giải-binh muốn cho thực-hiện ra được thì phải đồng-thời các nước

cùng thi-hành cả mới được. Nay ví nước Pháp về mặt Đức tin được ở cái ước *Locarno*, không phải quan-ngại gì, — lòng tin này thì phần nhiều người Pháp vẫn chưa có, và cứ như cách hành-động của đảng quốc-gia nước Đức thì người Pháp quả không thể sao tin được. — nhưng giả-thiết có thể tin được về mặt đó, thì còn mặt nước Ý kia, vẫn như hăng-hăng muốn ra tay một phen để tỏ mặt anh-hùng, để chấn-hưng, thanh-thế, còn mặt nước Ý đó, nước Pháp có thể yên-ổn được chăng mà đã vội thi-hành cái chủ-nghĩa tài-binh ngay? Đến như nước Anh cũng vậy: giả-thiết không có sự cạnh-tranh gì với nước Mĩ, Anh có thể nhất-đán bỏ cái hải-quân mạnh của mình đi được không, nhờ có hải-quân này thì mới giao-thông được với các thuộc-địa và phòng khi bị nước ngoài đến đánh mới khỏi cái nguy-hiểm hết lương-thực?

Đó là những sự thực hiển-nhiên, dù lòng hiếu-hòa-bình đến thế nào cũng không thể phá cho nổi được.

Bạn đồng-chí ta có nhiều người tưởng rằng cứ khởi lên phản-đối chiến-tranh là tự-khắc chiến-tranh tiệt được, cứ khởi lên phản-kháng quân-bị là quân-bị tự-khắc giảm ngay. Như thế là không biết rằng bao giờ các nước có đồng-thời giảm-binh thì sự giảm binh mới thành được, và ngay từ bây giờ mà muốn cho liệt-quốc được đồng-tâm như thế thì thật là một sự mơ-tưởng xa-xôi vậy.

Lại có ít nhiều người trong bạn đồng-chí ta tưởng rằng cứ cổ-động riết về sự bãi-binh thì tự-khắc gây ra một cái tâm-lý tốt có thể khiến cho sự bãi-binh là cái phương thuốc độc-nhất vô-nhị để triệt cái nạn chiến-tranh cùng mọi sự tật-khổ trong xã-hội, có thể sớm thực-hành được. Đây tôi cũng không thể không hoài-nghi được. Cái phương thuốc đây muốn cho có công hiệu cũng phải tất cả các nước đồng-thời công-nhận mới được, và cái tâm-lý gây ra đó phải phổ-cập khắp trong vạn-quốc mới được.

Nay xét ra đã được như thế chưa? Ở nước Pháp mới có một số rất ít người cổ-động để gây ra cái tâm-lý đó. Ở Đức tuy có một đảng đồng-chí hết sức cổ-động ở miền *Wespthalie*, nhưng cũng chẳng khác gì ở Pháp. Còn ở Hung-gia-lợi, Ý-đại-lợi, Ba-lan, Lỗ-mã-ni, Chiết-khắc là những nước có nhiễm ít nhiều cái chủ-nghĩa Pha-si cả, thì tuyệt-nhiên chưa có kẻ nào là có cái tâm-lý thiết-tha gì về sự hòa-bình cả. Vậy thì xét đi xét lại chỉ thấy như sau này: là ở các nước vẫn có một ít người tư-tưởng cao-hượng, bụng-dạ thành-thực, sẵn lòng hi-sinh mình đi để khỏi phải ra bắn giết kẻ đồng-loại, số đó là số ít; đến khi xảy ra việc chiến-tranh thì thêm một số người nữa chẳng phải vì nhân-đạo gì, cuỉ cốt giữ lấy thân cho toàn vẹn, cũng tự xưng là hiếu hòa-bình mà kỳ-thực chỉ tìm cách ẩn-núp một chỗ để cho kẻ khác phải liều thân ở nơi chiến-trường để giữ lấy nhà cửa vợ con cho mình. Dù phái chủ-hòa cực-đoán có cho tôi là quá thiên về chủ-nghĩa quân-quốc mặc lòng, tôi xin thú thật rằng tôi không tin sự cổ-động để gây lấy một cái tâm-lý chủ hòa hiện nay có thể có kết-quả được.

Nay khi có cái nguy-hiểm chiến-tranh sắp tới nơi, khởi lên một cuộc tổng-bãi-công, có phải là cách ngăn-ngừa được sự chiến-tranh không? Phải, sự bãi-công thật là một cái phương-sách tối-diệu. Xem như bọn lao-động Đức hồi xảy ra việc *Kapp*, đồng lòng quả-quyết khởi lên một cuộc tổng-bãi-công, có kết-quả là dường nào thì đủ biết vậy. Nay nếu đảng lao-động ở khắp các nước Âu-châu biết đồng lòng liên-hiệp với nhau để khi có sự nguy-hiểm chiến-tranh khởi lên một cuộc tổng-bãi-công ở khắp cả các nước, thì có lẽ giữ được cuộc hòa-bình. Phàm sự hành-động về phương-diện

đó, nên tưởng-lệ cho thành- ông. Nếu kẻ lao-động ở khắp Âu-châu và Mĩ-châu cố chí ngăn-ngừa thì không còn có chiến-tranh, không còn có quân-bị gì nữa.

Nhưng mà kẻ lao động ở các nước đã tổ-chức thành đoàn-thể vững-vàng, đã đồ đồng-tâm hiệp-lực để lâm-thời có thể nhất-luật khởi lên một cuộc tổng-bãi công không? Tưởng như thế là mộng-tưởng vậy. Các đảng lao-động còn phân lìa nhau như từ khi khởi lên cái phong-trào cộng-sản đến giờ, còn có nơi bị các đoàn-thể quân-quốc áp-chế như ở Ý-đại-lợi, hay là đã mất cả cái tư-tưở g giai-cấp như ở Mĩ, thì còn chưa thể trông mong có ngày dùng cách tổng-bãi-công để ngăn-ngừa sự chiến-tranh cùng hạ -chế việc quân-bị được.

Hiện-tình như thế, không khỏi có vẻ bi-quan, nhưng há nên khoanh tay mà ngồi chịu hay sao? Há nên điềm-nhiên mà để cho các nước cứ xua nhau vào đường võ-bị mãi hay sao? Có nên công-nhận cái thuyết của chính-phủ Pháp cho rằng nước Pháp đã giảm-binh rồi, vì số dự-toán về quân bị năm 1929 không nhiều hơn năm 1914, vì sự gánh vác về việc quân ngày nay cũng nặng như hồi bây giờ là hồi nước Pháp còn đương bị cái nguy-hiểm nước Đức xâm-lấn, còn chưa được chiến thắng như bây giờ, nước Đức chưa bị giải-binh, chưa có hiệp-ước *Locarno*, Pháp chưa chắc được Anh giúp cho khi hữu-sự?

Không, quyết không phải thế. Các cường-quốc đã gọi là có bụng hiếu-hòa-bình thì phải có một cái nghĩa-vụ khẩn-yếu: là rút bớt các số dự-toán về lục quân hải-quân đi, đừng có để cho bằng số năm 1914 hay là tăng hơn số đó nữa.

Lại có một nghĩa-vụ nữa. Nói riêng về ba nước lớn là Pháp, Anh, Đức, thì ba nước ấy vẫn là thành-thực muốn sự hòa-bình, biết rằng không giữ được hòa-bình thì Âu-châu sẽ phải đến cái cảnh dã-man họa-loạn. Ba nước ấy cũng biết rằng muốn cho tài-chính kinh-tế trong nước được thịnh-vượng thì không thể nào chịu được cái gánh nặng kinh-phí về lục-quân hải quân như bây giờ và chính vì cái gánh nặng ấy nên mọi việc cải-cách xã-hội, mọi việc ích lợi chung như mở mang việc học cho bớt sự ngu-tối, phòng-bị bệnh-tật, đặt phép vệ-sinh cho người ta được mạnh-khỏe, vân-vân, đều không thể thi-hành được.

Đã biết như thế thì làm sao ba nước lớn đó lại không cùng nhau hiệp-lực mà trù lấy một cái chương-trình giải-binh để thi-hành dần dần và đồng-thời với nhau, giải-binh một cách thành-thực chân-chính, vừa về phương-diện thực-tế, vừa về phương-diện tinh-thần? Tin đó mà bá-cáo cho thiên-hạ biết thì các dân-tộc sẽ được vui lòng yên dạ biết đường nào. Muốn cho việc đó thành được, thì các nhà chính-trị chủ-trương cố-nhiên là không thể theo được những lề-lối ngoại giao thường, cố-nhiên là phải vượt cả mọi sự ngăn-trở phản-đối của các bộ tham-mưu, của các chủ công-nghệ chế binh-khí, chế máy bay, mà chỉ ỷ vào cái sức tả-đản của đảng lao-động mà thôi. bọn này đã chán cái nghề bắn giết nhau rồi, không muốn đem cái công khó-nhọc của mình để mua lấy những đồ khí-giới dùng mà giết hại người nước khác cùng kẻ đồng-bào mình.

Công-nghiệp này cũng đủ cao-thượng mà làm cho vẻ-vang một đời người như ARISTIDE BRIAND nước Pháp, RAMSAY MAC DONALD nước Anh, STRESEMANN nước Đức vậy. Ba ông này có đủ can-đảm, đủ nghị-lực mà làm được không?

Trong cuộc liên-hiệp ba nước Pháp, Anh, Đức, tất là nước Ý không tham-dự vào, nhưng cuộc này cũng đủ mạnh khiến cho Ý không thể ngăn-trở được.

Tôi không có mơ-tưởng rằng cuộc liên-hiệp này có thể sớm trưa thành-lập được ngay. Vì các nhà chính-trị ta tuy sinh-trưởng về một thời-đại vụ

thực-tế mà hãy còn mê-tín những cái tế-lối ngoại-giao-cũ, không dám quả-quyết như các nhà doanh-nghiệp đối với một sự khó-khăn gì liền thẳng tay giải-quyết ngay.

Vậy thì đã biết rằng muốn tổ-chức cuộc hoà-bình tất phải thực-hành sự bãi-binh, muốn thực-hành sự bãi-binh phải nhờ đến hội Vạn-quốc mà cái thủ-tục ở Hội Vạn-quốc còn có lắm điều khó-khăn ngăn-trở, nay phải tìm phương-cách giản-dị hơn.

Phương cách ấy đã tìm được rồi, tức là tờ hiệp-ước *Genève*.

Đem ba cái nguyên-tắc: trọng-tài, bảo-an và tài-binh, kết liền lại một mối; bắt-buộc các nước có chân Hội Vạn-quốc hễ gặp một nước nào có việc phân-tranh gì với nước khác không đem lên Cao-đẳng phán-viện ở *La Haye* để xét xử mà cố ý gây ra sự chiến-tranh, thì không những đồng lòng nhau tuyệt-giao để-chế cái nước ấy, mà lại nên dùng cách đàn-áp rất nghiêm về đường kinh-tế, nếu không đủ thì Liệt-quốc còn bao nhiêu lục-quân hải-quân sẽ hiệp cả lại để mà đàn-áp bằng võ-lực nữa: ấy bản dự-án hiệp-ước *Genève* định như thế và đó mới thực là cái bảo-chướng rất mạnh để ngăn-ngừa sự chiến-tranh vậy. Vì như thế thì còn có nước nào cuồng dại mà dám ra đối-địch với cả thế-giới nữa không?

Các Liệt-cường trong thiên-hạ đem hiệp cả sức kinh-tế, quân-bị và tinh-thần để đối với một nước dám cả gan xâm-lược nước khác, thì sự đàn-áp đó cũng đủ ngăn cấm cho không nước nào dám có cái chí tranh-chiến nữa, và cũng đủ làm cái bảo-chướng vững-vàng cho cuộc hòa-bình, khiến cho sau này Vạn-quốc có thể thực-hành sự bãi-binh hoàn-toàn được.

Hiệp-ước ấy chẳng may không thành được, là vì nước Anh cố chí ngăn-trở. Ta đã nói rằng sự ngăn-trở đó thật là không có lẽ gì chánh-đáng cả. Chính-phủ bảo-thủ nước Anh chỉ ngại có một điều, là các thuộc-địa tự-trị của Anh và chính cả nước Anh nữa không muốn mang cái trách-nhiệm hễ trên mặt thế-giới này ở đâu có xảy ra một việc phân-tranh gì là phải can-thiệp vào về quân-sự và về kinh-tế; nhưng điều đó chỉ là một cái cớ thoái-thác, chứ như trên kia tôi vừa mới nói không có nước nào dám cả gan một mình chống lại cái lòng công-phẫn của cả Vạn-quốc. Như hồi năm 1914, giả nước Anh chỉ quả-quyết tuyên-bố lên rằng không để cho sự chiến-tranh xảy ra được, thì có lẽ ngăn-ngừa được cái nạn lớn đó. Lại nếu ngay hồi đầu không những nước Anh mà cả nước Mĩ cùng các nước khác không có trực-tiếp quan-hệ vào việc đó, cũng đều tuyên-bố như thế cả, thì sự chiến-tranh quyết là không thể nào gây lên được.

Nhưng mà nay tán-dương lại cái công-đức của hiệp-ước cũng là vô-ích, vì tuy nước Pháp cùng mấy nước trung-lập nữa đã hết sức vận-động mà đại-hội-nghị Hội Vạn-quốc cũng không chuẩn-nhận cho.

Tuy-nhiên, kỳ hội-nghị cuối cùng vừa rồi có thảo một bản công-văn để thay vào bản dự-ước cũ, việc này đáng phải công-bố rộng cho thiên-hạ biết mà các báo nước Pháp không thấy nói đến mấy.

Nguyên các nhà pháp-luật chuyên-môn ở hội-đồng thứ nhất và thứ ba Hội Vạn-quốc có thảo một cái chương-trình gọi là « tổng chương-trình » (*acte général*) để thay vào các cái mẫu hiệp-ước đã định về việc trọng-tài và việc bảo-an, chương-trình này thì cứ như lời các nhà đã thảo ra nói rằng thể-tài không khác gì hiệp-ước trước mà thủ-tục có lẽ lại giản-dị uyển-chuyển hơn.

Cái chương-trình mới này mỗi lần muốn đem ra thi-hành, không cần phải thương-thuyết, phải duyệt-y gì cả.

Hễ mỗi khi có tự hai nước trở lên muốn ký-ước trọng-tài với nhau, thì cứ việc chiều theo chương-trình mà ký, rồi bản hiệp-ước ấy sẽ để lưu-tồn trong bút-lục hội Vạn-quốc do ông hội-trưởng tại chức và tổng-thư-ký hội Vạn-quốc ký nhận, rồi sau có nước nào thuận theo như thế thì cứ việc ký tiếp vào sau không phải thay-đổi gì nữa. Đại-hội-nghị hội Vạn-quốc đã có giấy đạt mời cả các nước trong thế-giới, dù có chân hội Vạn-quốc hay không, nếu hiện nay chưa có ước nào thỏa-thuận về hai khoản trọng-tài bảo-an đó thì nên châm-chước các điều như trong chương-trình đã định, hoặc là ký ngay vào chương-trình, hoặc là ký ước riêng theo kiểu-mẫu các ước «song-phương» (*conventions bilatérales*) đã định hay là tùy ý muốn biên theo kiểu nào cũng được.

Đại-hội-nghị lại truyền cho hội-đồng trị-sự hội Vạn-quốc phải thông-báo cho cả các nước có chân hội biết rằng mỗi khi trong khoảng nước nọ với nước kia cần phải định cho rõ thêm những cách-thức bảo-an chung đã nói trong chương-trình Hội Vạn-quốc mà vì đó cần phải ký-ước với nhau để điều-đình những việc phân-tranh xảy ra một cách hòa-bình, khi ấy hoặc có sự gì ngăn-trở mà có một bên trình cho hội-đồng Hội Vạn-quốc biết, thì hội-đồng sẽ xét cái tình-thế chính-trị và châm-chước sự lợi-hại cho cuộc hòa-bình chung, sẵn lòng vì các nước đương-sự bày ra các cách điều-đình thế nào cho mọi bề có thể thuận-nhận được và mọi việc có thể giải-quyết xong.

Việc thảo ra tờ tổng-chương-trình đó là một việc rất hệ-trọng, dư-luận thế-giới nên chú-ý. Nhà thám-hiểm trứ-danh nước Na-uy là ông NANSEN là một người thành-tâm yêu-mến sự hòa-bình trong thiên-hạ, đã nói rằng ngày nay tuy chưa thể bỏ được cái lối hiệp-ước song-phương, nghĩa là lối ước riêng của hai nước ký với nhau, nhưng cái chức-vụ của hội Vạn-quốc là phải giàng buộc cả các nước với nhau cho thành một cái đoàn-thể lớn và phải làm thế nào đặt ra một cái thủ-tục trọng-tài có thể thi-hành cho khắp các nước để làm cái kế bảo-an chung vậy.

Mục-đích tờ tổng-chương-trình này chính là đó. Như trên kia đã nói chương-trình này là để thế cho cái hiệp-ước trước, duy khác hiệp-ước là không có dự cách đàn-áp mà thôi. Chỉ có bắt buộc chung các nước khi có xảy ra việc phân-tranh thì không được dùng đến võ-lực để giải-quyết, tất phải dùng đến cách trọng-tài.

Khi nào tất cả các nước có chân hội Vạn-quốc đã ký nhận chương-trình này rồi, thì cái tư-tưởng đàn-áp tiện-thị là ngụ ở đó rồi, tức là hiệp-ước đã thực-hành rồi, và bấy giờ sự tổng-bãi-binh cũng sẽ đến ngày thành sự thực vậy.

Vẫn biết rằng không nên quá tin mà cho chương-trình này đủ làm bảo-chứng cho cuộc hòa-bình chung. Nhưng mà chương-trình này phụ thêm vào với các điều trong tổng-ước Hội Vạn-quốc, thêm vào hiệp-ước *Locarno* cùng các hiệp-ước song-phương về trọng-tài khác, thì gồm cả lại cũng là một cái trở-lực mạnh có thể ngăn-ngừa được sự chiến-tranh vậy.

Nghĩa là vì tờ hiệp-ước mà thành được thì cái chủ-nghĩa hòa-bình chung đúc cả vào một bản công-văn rõ-ràng nhất-định, vì không thành cho nên phải đặt ra nhiều giấy-tờ phiền-phức.

Giá được một bản công-văn nhất-định thì vẫn là hay lắm rồi, nhưng vì không thể làm thế được, thì thế-tất phải làm ra nhiều bản, cũng không nên cho cách sau đó là không có giá-trị gì. Chính ta phải nên mừng rằng Hội Vạn-quốc đã chịu khó giải-quyết một cái vấn-đề rất khó giải, và nên cùng ông NANSEN quả-quyết rằng cái nghĩa-vụ của hội Vạn-quốc cứ nên

mạnh-bạo mà theo đường đó, dù hành-động có sai lầm, cũng còn hơn là sợ sai lầm mà không hành-động.

Cứ như thiền-ý của luận-giả thì nhất là khởi-phục được cái hiệp-ước cũ, không thì lấy cái chương-trình sau mà thế vào, nhưng phải tất cả các nước có chân hội Vạn-quốc phải ký nhận cả; hiện nay duy có cách đó mới có thể bồ-cứu được cái tình-trạng phân-vân rối-loạn, khủng-hoảng bất-bình trong thế giới từ sau cuộc đại-chiến đến giờ.

Vậy thì cứ như ý chúng ta hội Vạn-quốc chính là thần cứu-khổ cứu-nạn cho loài người; duy có hội Vạn-quốc mới có thể sáng-tạo tổ-chức được cuộc hòa-bình, là nơi hi-vọng thiết-tha của cả các cá-nhân, các dân-tộc vậy.

Nhưng hội Vạn-quốc nào? Có phải là cái hội Vạn-quốc dụt-dè do-dự như bây giờ, chỉ thảo-luận những vấn-đề tạp-nhạp không quan-hệ gì, và ngoài những cuộc đàm-thoại riêng của ngoại-tướng các nước đến họp ở đó, không dám công - nhiên trực - tiếp đề-khởi những vấn-đề to-tát có quan-hệ đến vận-mệnh các nước lớn Âu-châu? Có phải cái hội Vạn-quốc ấy, hay là một hội Vạn-quốc khác mà hội-viên không phải do các chính-phủ cử ra mà là do các quốc-hội cử ra, một hội Vạn-quốc không phải là chỉ họp lấy đông người mà không có thể-thống gì, mà thực là có một cái quan-niệm phân-minh về cái trách-nhiệm lớn-lao của mình, khiến cho biết thuận theo lẽ sinh-hoạt chung trong trời đất và biết tự tổ-chức cho thành cơ-thể đích-đáng?

Phàm giống sinh-vật trong trời đất đã đến cái trình-độ phát-đạt thì tất phải đổi cái tình-trạng phân-tán ra tình-trạng hợp-nhất, đổi cái tình-trạng hỗn-tạp ra tình-trạng thuần-túy, đổi cái tình-trạng hồn-hàm ra tình-trạng định-thể vậy.

Hội Vạn-quốc như ngày nay hãy còn ở tình-trạng hồn-hàm, cơ-thể chưa phân-biệt, nghĩa là các bộ-phận chưa có định rõ, chưa có chuyên-chức, chưa thành cơ-quan, vừa có mật-thiết quan-hệ với toàn-thể, lại vừa có cá-tính đặc-biệt rõ-ràng.

Cứ như hội Vạn-quốc ngày nay, gồm khắp các nước, có khi xa-cách nhau đủ mọi đường, văn-hóa đã khác, lợi-quyền cũng không giống nhau, mà phải ra giải-quyết những việc không quan-hệ gì đến mình, chỉ thuộc về một số ít nước mà thôi, như thế thì có rõ là không thể nào làm trọn được cái chức-vụ cao-thượng mà khó-khăn của một hội Liệt-quốc không? Và như thế thì trách nào thiên-hạ đối với hội Vạn-quốc lại không sinh lòng thất-vọng, cho là chắc-trở chậm-chạp, không làm nên công-trạng gì!

Giữa cái thảm-trạng chiến-tranh vừa rồi, có những người bụng-dạ quảng-đại như ông Giám-quốc Wilson nước Mĩ, thấy việc cần-cấp, nên vội-vàng xướng lên ngay cái hiệp-ước Vạn-quốc, thực là tỏ ra tấm lòng nhân-đạo thiết-tha, nhưng xét cho kỹ chẳng qua là một cách tuyên-bố một cái lòng hi-vọng lớn-lao mà thôi, chứ chưa thể thực-hành một cách hoàn-toàn được.

Nay đã đến thời-kỳ thực-hành rồi, lòng hi-vọng kia phải làm thế nào cho biến-thành sự thực.

Muốn được như thế thì hội Vạn-quốc phải tổ-chức lại cho thành hẳn một cái cơ-thể đích-đáng, nghĩa là phải có đủ các cơ-quan sắp-đặt theo cái luật phân-công trong thiên-diễn vậy.

Hiện nay ở hội Vạn-quốc có các nước Âu-châu, các nước Á-châu, các nước Mĩ-châu, không kể sau này có lẽ còn các dân Phi-châu và Úc-châu nữa. Trong các dân-tộc đó thì các dân Âu-châu tuy vẫn có nhiều điều khác nhau mà thực là giống nhau hơn các dân-tộc khác, về văn-hóa, về lợi-quyền cũng vậy.

Thiết tưởng không gì dễ-dàng và không gì cần-cấp bằng nhân ngay sự giống nhau đó mà đặt ở giữa hội Vạn-quốc một ban các nước Âu-châu, rồi sau sẽ đặt một ban Á-châu, một ban Mĩ-châu, nước Hoa-kỳ sau này có lẽ sẵn lòng vào ban ấy hơn là vào ngay hội Vạn-quốc bấy giờ.

Ban Âu-châu đã thành-lập rồi, thì các nước Âu-châu ở trong ban đó sẽ túc-khắc hiểu ngay rằng cứ phân-lìa rời-rạc nhau như bây giờ thì thật là vô-lý quá, nên kíp phá bỏ cả những sự ngăn-trở hão-huyền về chính-trị, và thứ nhất là về kinh-tế, để cùng nhau họp lại thành một cuộc liên-bang lớn, tức như cuộc « Mĩ-châu hợp-chủng-quốc » là nước Hoa-kỳ kia, trước chia ra các nước phương Bắc, các nước phương Nam, Nam Bắc tranh-dành nhau, sau hiệp nhau lại mà trở nên một đại-cường-quốc trong thế-giới, lại tức như nước Thụy-sĩ kia cũng là một cuộc liên-bang, trong đó nào là người Lỗ-man (*Romands*), nào là người Nhật-nhĩ-man (*Germains*) nào là người Ý-đại-lợi, chủng-tộc khác nhau, mà cùng nhau ăn ở hòa-thuận vui-vẻ lắm.

Cuộc Âu-châu hợp-chủng-quốc là cái mộng lớn của các nhà tư-tưởng về thế-kỷ thứ 19; các nhà thực-hành về thế-kỷ 20 này, phải làm thế nào cho cái mộng ấy thành sự thực. Đâu đâu cũng đã có người cổ-động cho việc đó thành. Chỗ này thì là một số ít người thuộc về hạng thượng-lưu trí-thức trong xã-hội, họp lại thành một đảng, bá-tước CANERGI-KUDENHOVEN đã đặt tên đảng là « Đại Âu-la-ba » (*Pan-Europa*). Chỗ kia thì lập thành một hội lớn, như hội ở nước Pháp có ông EMILE BOREL đứng chủ-trương. Luận-giả đây không ngày nào là không nhận được giấy mời vào một hội hay một đảng nào mới lập ra để chủ-ý giúp cho gây thành được một cõi Âu-châu hòa-bình.

Đó chính là cái điềm tốt rằng người ta ngày nay đã hiểu rõ cái việc cần-cấp đương-thời. Nhưng mà công-phu hãy còn rải-rắc chưa có thống-hệ gì. Muốn dựng thành một Hội Vạn-quốc là tổng-hội của các phân-hội các châu, muốn dựng thành một cuộc « Âu-châu hợp-chủng-quốc » là tổng-hội các quốc-gia ở Âu-châu, thì trước hết bao nhiêu những hội, những đảng, những đoàn-thể cùng chủ về một mục-đích đó, đều phải liên-hiệp lại thành một tổng-hội lớn.

Nhưng mà thế cũng chưa đủ và chưa phải là phần quan-trọng cốt-yếu hơn cả. Hướng-lai những người chủ-trương cái ý-tưởng Âu-châu hợp-chủng-quốc mới chỉ là mấy nhà học-thức mà thôi; nay không những phải gồm cả các nhà học-thức ở các nước, mà lại phải khiến làm sao cho các dân-tộc biết ham-mê mà khuynh-hướng về cái ý-tưởng đó.

Ai cũng biết rằng phàm sự cải-cách lớn về chính-trị, về xã-hội, về đạo-đức hay là về tôn-giáo, bao giờ cũng khởi-điểm tự trong óc một bậc đại-trí, lúc mới đầu chỉ có mấy kẻ đồ-đệ trung-thành theo mà thôi, nhưng muốn cho kết-tinh thành sự thực thì phải nảy-nở trong tâm-lý của công-chúng vậy.

Phàm người Âu-châu đã hiểu biết rằng duy lập-thành một cuộc Âu-châu hợp-chủng-quốc mới có thể ngăn-cản được cái sóng cuồng binh-bị ngày nay, đả-phá được cái hiểm-tượng chiến-tranh sau này, duy có một cuộc liên-bang như thế mới có thể bảo-tồn được cái văn-minh Âu-châu kia do người Hi-lạp sáng-tạo ra rồi kế đến người Pháp phát-siển ra, người Đức bồi-thực cho thâm-trầm thêm, người Nga biến-hóa cho linh-động thêm, văn-minh ấy nếu bị một phen chiến-tranh nữa thì đến phá-hoại mất hết cả; phàm người Âu-châu nào đã hiểu biết như thế phải hết sức cổ-động cho chóng thành vậy.

Cách cổ-động cũng phải tổ-chức cho có phương-pháp, vừa thỏa-hiệp được cả tình-lý người ta, phải làm thế nào cho cái tư-tưởng lập ra một cuộc Âu-châu hợp-chúng-quốc thành cái lý-tưởng chung của cả phái lao-động, cái sự-nghiệp chung của các công-đoàn, các cuộc liên-hiệp những quan-viên làm việc cho nhà nước, các chính-đảng có chủ-nghĩa rộng-rãi về quốc-gia, về xã-hội, và cả người kẻ chợ người nhà quê ai là kẻ hữu-tâm cũng phải coi cái ý-tưởng ấy như kinh Phúc-âm mới của loài người vậy.

HỒNG NHÂN *dịch*

LỊCH-SỬ NGUYỄN HỮU-CẦU

Triều Cảnh-hưng chúa Trịnh chuyên quyền cướp nước, bấy giờ vua Lê chỉ có hư-hiệu Hoàng-đế đó thôi, triều-chính thì ở tay chúa Trịnh, gian-thần a-đảng, không giữ phép công, dân-sinh phải chịu khổ-sở lầm-than, trong lòng căm-tức mà không dám nói, bởi vậy bốn phương nổi loạn, trong nước không ngày nào không dùng binh. Nguyễn Duyên chiếm Nghệ-an, Hoàng Văn-Chất chiếm Khoái-châu, Nguyễn Danh-Phương chiếm Sơn-tây, đảng quân nào cũng có vài vạn. Trong các đảng ấy chỉ có Hữu-Cầu là kiệt-hiệt hơn, quỉ-quyệt trăm chước, dùng binh như thần, một con ngựa, một thanh gươm, mà quan-quân cũng không địch được, không phải mây bay mà cũng phá được trận, giải được vây, thế mới là khôn-khéo, không phải tầu ngầm mà cũng vượt được sông, qua được bể, thế mới là thần-kỳ. Hoàng Ngũ-Phúc là một bậc lão-tướng có danh-tiếng triều nhà Lê cũng phải phục hữu-Cầu là can-đảm; đáng khen Hữu-Cầu, đáng sợ Hữu-Cầu. đương lúc ấy nhà vua thời phú-thuế phiền hà, người trên không có bụng chẩn-tuất cho người dưới, dân-gian thời hạn-hoang kém đói, người giàu không biết chu-cấp cho người nghèo, Hữu-Cầu thừa-cơ dấy loạn, phản-kháng với lệnh Chính-phủ, để trừ bỏ những thói tham-ô, ức-bách các nhà tư-bản để xẻ cho các người cùng-khổ, tuy đối với chúa Trịnh là một đảng cường-địch, nhưng đối với quốc-dân lại là một tay khẳng khái tự-cường. cho nên quân Hữu-Cầu đi đến đâu thời quốc-dân lấy làm hoan-nghênh, lấy làm khoái-cử, có khi bị quân chúa Trịnh đánh thua, chỉ có trọi một tướng-quân thế mà trong một vài hôm lại thu-tập đảng-tốt kể mấy nghìn người, Nam Bắc tung-hoành ngoại 20 năm, nghiễm-nhiên một tay địch-quốc.

Tiếc thay Hữu-Cầu có sức mạnh, có tài giỏi mà không có học-thức tinh-thần, có khí-khái, có thao-lược, mà không có kiên-nhẫn tinh-thần. Xem như việc đào mả nhà ông Phạm Đình-Trọng, chẳng qua là một phái bạo-động, chưa thực là chân chính anh-hùng.

Tuy vậy xét đến cái tâm-lý của Quận He lúc bấy giờ đã có tư-tưởng về nghĩa hạn-chế tài-sản, nên quốc-dân đến nay cũng còn nhiều nơi hình hương sùng-bái.

Than ôi, ảnh-hưởng tuy xa, dấu thiêng còn đó, nay đến bồ-sơn qua đền thờ Quận He, thốt-nhiên có vô hạn cảm-tình, nhân chép một đoạn lịch-sử này để đối-chất với tâm-lý của quốc-dân ta ngày nay.

***

Nguyễn Hữu Cầu tức là Quận He, người xã Lôi-động, huyện Duyên-hà, không rõ tung-tích ông cha thế nào, nhưng xem mộ tổ Nguyễn Hữu-Cầu thầy khách để ở trên gò đất, trước mộ có hình thiên-mã, kiểu đất có câu: « *Muốn cho con cháu vương hầu, tìm con thiên-mã đứng chầu phương nam.* »

Khi Nguyễn Hữu-Cầu còn nhỏ học ông Quận Dõng, nhà ông Quận Dõng có việc vui mừng, giết trâu làm tiệc đãi khách, nhân ra câu đối ba chữ: «Tề hoàng-ngưu ». Có người học trò đối: «Lai hồng-nhạn» ; Hữu-Cầu đối: «Trảm bạch-xà ». Thầy chê câu đối thất-luật. Cầu nói: « Tôi đối nghĩa chứ không phải đối chữ, giết trâu vàng, đối với chém rắn trắng, chính là việc vua Cao-tổ nhà Hán, thầy có nhớ không?» Quận Dõng khen là người có khí-khái. Lại ra câu đối nôm: « Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo ». Đối ngay rằng: «Tháng chạp sấm ra, tháng ba sấm động ». Xem thế thì biết còn bé đã có khẩu-khí anh-hùng. Cầu 18 tuổi đã giỏi nghề cưỡi bắn, có sức khỏe hơn người, hai tay cầm hai cối đá ném xa được ngoài trăm bước, lại giỏi nghề lội nước, từ bãi bên tả sông Bạch-đằng sang bãi bên hữu huyện Nguyên-phong, lặn một hơi không nghỉ, người ta gọi là «thần cá bể». Người khỏe như voi, tiếng to như sấm, mỗi khi lâm-trận, chỉ hai tay cầm hai thanh đao, cưỡi ngựa xông vào trận-tiền, thét một tiếng quan-quân binh-mã đều kinh sợ chạy không kịp, hai đao phát người chết như rác, ai cũng khen là Hạng Vũ thác-sinh. Khi mới tế cờ khao binh, bắt kỳ-dịch trong làng sửa dọn đền miếu, hạ bài-vị đức thần xuống thờ danh-hiệu của mình, không sợ thần quyền, không tin tôn-giáo, chỉ biết trên có trời, dưới có đất, giữa có mình mà thôi.

Khi bắt đầu đem binh theo Nguyễn-Cừ ở Ninh-xá, Cừ thấy người có tài võ, đem con gái gả cho, dùng làm gia-tướng, gọi là He quận-công. Một hôm giao-chiến với quan-quân bị bắt, khi gần phải chém, quận He kêu rằng: « Các quan chém thì chém, nhưng hãy xin lập đàn chay, dựng cột phướn cho tôi lễ phật, rồi sẽ chém, để tôi được thỏa cái linh-hồn. » Quan-quân tưởng thật, sai lập đàn ở bên mé sông. Nguyễn Cầu vào lễ Phật xong, trèo lên cột phướn, quan-quân đứng bọc ở dưới, thấy Cầu đọc « Na-mô A-dị-đà-Phật », miệng niệm mấy tiếng, rồi giang hai tay nhảy ra giữa sông, quan-quân ngạc-nhiên bỏ vây đón hai đầu sông tìm mãi không thấy. Ngờ đâu quận He lặn xuống lòng sông chỉ một hơi đã cách ba mươi dặm. Đến lúc biết thì đã thấy bên bờ, phóng ngựa đi như bay, mấy trăm quân đuổi cũng không kịp.

Sau Nguyễn Cừ bị quân ông Trần Cảnh đánh thua ở Bạch-đằng, chạy về Đông-triều, lương-thực hết, quân tản-lạc các nơi, kế cùng phải trốn vào núi Ngọa-vân, quan tuần-thú là Nguyễn Sự trinh-thám bắt được đem về Kinh-sư.

Hữu-Cầu bấy giờ mới phủ-dụ dư-đảng rằng: « Nguyễn Cừ nay đã bị bắt, ta dẫu không có tài-cán gì, chỉ muốn cùng với lũ ngươi, lại dựng một chiến-trường mới, để báo thù cho Nguyễn Cừ, nhưng không biết có ai đồng-chí với ta không, đồng-chí với ta, dù Nguyễn Cừ chết cũng được yên hồn ở nơi chín suối. » Chúng nghe lời diễn-thuyết xong, đều có ý cảm-khích, vỗ tay tung-hô: vạn-tuế! vạn-tuế! Khoảnh-khắc mộ được hơn hai nghìn quân, chiếm giữ ở Đồ-sơn làm chỗ bảo-hiểm, rồi chia các đạo quân đi cướp ở xã Lão-phong huyện Nghi-dương. Quan thủy-đạo đốc-lĩnh là Trịnh Bằng đem quân thủy đến đánh. Hữu-Cầu giả-cách thua lui quân vào đò Bát-bạc, Trịnh Bằng xuất thân-quân đuổi đến cửa bể Nhai-môn, gặp cơn mưa to gió lớn, thuyền bạt sang Đông-ngạn, Hữu-Cầu đem hơn trăm chiến-thuyền kéo

sang đánh, súng bắn liên-thanh, Trịnh Bảng bị thương mười dấu, nằm phục xuống đất, bắt sống đưa về, dụ cho làm tướng, Trịnh Bảng không chịu khuất, mắng rằng: « Ta cơm vua áo chúa, còn mặt mũi nào theo lũ ngươi », bèn cắn lưỡi chết.

Tự đấy Hữu-Cầu binh-thế càng ngày càng thịnh, tự-xưng Đông-đạo đại-tướng-quân, giữ các cửa bể Đồ-sơn và Vân đồn để chống-cự với chúa Trịnh.

Trịnh Doanh sai Hoàng Công-Kỳ chuyên đốc quân bộ, Trần Cảnh chuyên đốc quân thủy, đem đại-binh đi đánh. Công-Kỳ nói với Trịnh-Doanh rằng: « Đồn giặc ở đàng sau núi, đàng trước bể, nếu dùng quân bộ sợ không có lối vào, tất phải dùng quân thủy, và dự-bị cho nhiều thuyền mới có thể đánh được.»

Trịnh Doanh nghe lời, bèn sai thủy-đạo tướng-quân là Nguyễn Đăng-Hiền hợp với quân Kỳ đi thuyền đến vây đánh, quả được thắng-trận. Hiền kéo quân về kinh-sư, Hữu-Cầu thừa-hư đem quân đến vây Công-Kỳ ở Thanh-hà, Đốc-lĩnh là Hoàng Ngũ-Phúc nghe tin, lập-tức đem quân đến cứu, mới đến huyện Vĩnh-lại, bị quân Hữu-Cầu triệt đường không đi được. Tán-lý là Vũ Khâm-Lân bàn với Ngũ-Phúc rằng: «Bây giờ đường lối ngăng-trở như thế, nếu đóng quân ở đây đợi quân kinh-sư đến, thì chậm quá, lỡ ngộ việc quân thì làm thế nào? Chi bằng ta đem một toán quân đi tắt lối khác, đón đầu đàng trước, một toán quân lưu đóng ở đây, hai đầu hợp lại mà đánh thời quân Hữu-Cầu tất thua.» Ngũ-Phúc khen là diệu-kế, mật-truyền quân tướng, thừa lúc trời tối, đem một đạo quân ra cửa Ngư-đại (thuộc huyện Thanh-hà), rồi kéo thẳng vào sông Chanh, huyện Vĩnh-lại, tiến đánh đàng trước, Ngũ-Phúc tiến quân đánh đàng sau, quân Hữu-Cầu ở giữa, thấy thế thua, vỡ chạy như đàn vịt.

Thời bấy giờ hằng năm trời làm mất mùa, tỉnh Hải-dương kém đói hơn các hạt, Hữu-Cầu thường đi ăn cướp thuyền buôn, được bao nhiêu thóc gạo đem tán-cấp cho cùng-đinh trong hạt ấy, vì thế nhiều người hoan-nghênh cảm-phục, cho nên lắm phen thua chạy chỉ trọi tướng-quân, thế mà đến đâu giơ tay hô một tiếng cũng chiêu-tập được mấy nghìn người.

Bộ-thuộc Hữu-Cầu là Nguyễn Danh-Phương rất là dũng-cảm, sức địch được nghìn người, nghe tin Hoàng Ngũ-Phúc sai chiến-tướng là Đinh Văn-Phúc đem quân đi tiên-phong đến huyện Vĩnh-bảo. Đảng-thuộc Hữu-Cầu nghe tin kinh sợ, không rét mà run. Phương nói với Cầu rằng: « Ai sợ Đinh Văn-Phúc chứ ta không sợ, ta nuốt sống nó cho mà coi. » Hữu-Cầu nói: « Ta coi Hoàng Ngũ-Phúc cũng chả vào đâu, nữa là Văn-Phúc ». Phương hỏi: «Sao trận mới rồi tướng-quân để họ đánh chạy thở không kịp? » Cầu nói: « Binh-gia thắng phụ chi thường, có kể chi sự ấy ». Liền hạ chiến-thư đưa cho Phúc rằng: « Cầu đây được nghe thịnh-danh của tướng-quân đã lâu, may hôm nay lại được gặp nhau, tướng-quân thực có tài giỏi, xin dời quân lên bờ cùng với Cầu quyết-chiến một phen, để biết đảm-lược của tướng-quân, thời Cầu lấy làm hân-hạnh lắm. »

Phúc phục-thư lại: « Tôi nghe tiếng bác vẫn tài nghề lội nước, nên tôi phải mang quân thủy để đối với bác, xem bác giỏi như thế nào, nay lại muốn lập trận ở trên bờ thì tôi cũng xin tuân mệnh. »

Sáng ngày mai đều đem ba nghìn bộ-binh bày trận ở trên bãi Hàn-giang, Phương nói với Hữu-Cầu để đem quân đi tiên-phong, Cầu cưỡi ngựa đi sau đốc-chiến, đánh tự sáng đến trưa không phân thắng-phụ. Sau hai bên chỉ đánh nhau bằng gươm không bên nào

chịu lui. Phương tự nghĩ nếu kiên-trì mãi thế này thì tối ngày cũng không biết ai thua ai được. Bèn giả-cách thua lui vài bước, bất-ý Văn-Phúc hô quân lên đuổi quân Phương sợ chạy tán ra hai bên. Hữu-Cầu hăng tiết chực cưỡi ngựa vén quân, cùng với Văn-Phúc đánh trận nữa, nhưng đoái trông quân mình đã chạy đâu mất cả, không thể sao được, bất-đắc-dĩ phải lui về Đồ-sơn.

Nguyễn Danh-Phương tên là Ngũ, người xã Kiêu-sơn, tổng Hội-thượng, huyện An-lạc, trước theo đồ Tế (người Sơn-tây), đồ Bồng (người Bình - vu) nổi binh. Cuối năm Vĩnh-hựu, Tế, Bồng bị quân Vũ-ta-lý đánh bắt được, bấy giờ Nguyễn-Phương thu nhặt được dư-đảng lui đóng ở Tam-đảo giữ hiểm để chiêu binh tống lương cho tiện, rồi thác cớ xin với chúa Trịnh ra hàng, để làm kế hoãn-binh. Trịnh Doanh hội các Triều - thần lại bàn, Triều-thần đều nói hiện - tình ngày nay như thế, hạt đông-nam phần nhiều về tay Hữu-Cầu chiếm-cứ, nên cần phải bình phía đông-nam, phá hết sào-huyệt, khiến phương-dân hạt ấy biết thanh-thế của Triều-đình, ơn-uy của thánh-chúa, như thế thời giặc Cầu đã bình, giặc Phương dẫu giảo-quyệt đến đâu, cũng không thoát khỏi được lưới trời. Chúa nghe lời, bèn cho Nguyễn Danh-Phương ra hàng ở Sơn - tây. Nguyễn Phương nhân thế chiếm giữ Việt - trì, cướp huyện Bạch - hạc, quan đốc - suất Sơn-tây là Văn Đình-Úc đem tinh - binh đến vây. Phương nhân ban đêm, trời sương mù-mịt, phá vây chạy ra Bình-xuyên thời bấy giờ dân-hạt nhiều người khổ về giặc Cứ quấy-nhiễu, ai cũng có lòng chán loạn, muốn giúp sức triều-đình, nhưng Đình-Úc do-dự không quyết, vì vậy Phương mới hay phủ-dụ được vài vạn quân giữ đất Thạnh-lãnh, lại giữ huyện Tam-dương, thường đi lại sông Bạch-hạc ăn cướp ở Tiên-phong, lương sẵn binh nhiều, trong nước lại thêm một tay kiệt-tặc nữa. Quan hiệp-trấn là Hà Tôn-Huân cáo - cấp, chúa Trịnh sai Nguyễn Phiên, Bùi Trọng-Tuân đem quân đi đánh, Nguyễn Phương thoát chạy, chúa Trịnh sai người phủ-dụ về triều, Nguyễn Phương không tuân mệnh, gọi bộ-tướng bảo rằng :« Ta đây muôn dặm kiếm-cung, bốn phương hồ-thỉ, anh-hùng ai kém ai đâu, vào luồn ra cúi công-hầu mà chi, sao bằng riêng một biên-thùy, thiếu gì cô-quả thiếu gì bá-vương ; chi bằng quân ta lui về giữ núi Ngọc-động làm căn-cứ, chỗ ở làm đại-đồn, lấy đất An-lăng Hương-ngạnh làm trung-đồn, Tư-nông Úc-kỳ làm ngoại-đồn, đồn nào cũng có cày ruộng cấy lúa, để làm cơ-sở độc-lập sau này.» Lợi-quyền các mỏ ở tỉnh Tuyên-quang, cùng là chè, sơn, tre, gỗ ở thượng-lưu, đều là tay Nguyễn Phương chiếm cả, vũ-dực ngày thêm, khí-thế ngày mạnh, tự xưng là thuận-thiên khải-vận, lập cung-điện, đặt quan-thuộc, xe ngựa tàn quạt, nghi-vệ coi như một vị thiên-tử, tưởng lúc ấy Nguyễn Phương đã vẽ sẵn cái địa - đồ nhà Lê ở trong óc, chỉ hiềm Phương có tài mà không có học, chí khí tưởng là một bước đến trời, tục-ngữ có câu : « được thời không chắc làm vua, thua mang tiếng làm giặc », chính là chỉ Nguyễn Phương vậy.

Nguyễn Phương thực là một tay quật-cường thua trận ở Úc-kỳ. Tỳ-tướng là Dương Sĩ-Long, Dương Văn-Tăng đã phải ra hàng quân chúa Trịnh rồi, thế mà Nguyễn Phương một mình lui về Hương-ngạnh, chiêu-tập quân-sĩ, cùng với quan-quân chống đánh, súng bắn như mưa, đạn bay như cát, quan-quân không dám tiến vào. Bấy giờ chúa Trịnh gọi Nguyễn Phiên trao kiếm cho mà bảo rằng : « Ta nghe tiếng ngươi có đảm-lược anh-hùng, thiên hạ vẫn khen là vô-địch, vậy nên t

trao cái kiếm này để chém đầu giặc Phương đem về cho ta, nếu không được thì sẵn có kiếm này ta chém đầu ngươi thay đầu giặc. » Nguyễn Phiên dạ dạ, liền cởi áo chiến-bào, xuống ngựa lĩnh kiếm ấy đưa trước mặt bộ-thuộc bảo rằng : « Lũ ngươi có tên trong bình-tịch ta, tức là thủ-túc của ta, trảo-nha của ta, ngày nay là ngày ta quên mình báo nước, chính là ngày lũ ngươi quên mình giúp ta, người nào có mẹ già con thơ, không muốn tòng-quân cho lui một chỗ, còn người nào ở lại cũng phải hết lòng hết sức, vì ta báo nước, thế mới đáng là bậc nam-tử tu - mi. » Chúng nghe đều cảm-động, xin đi đánh. Nguyễn Phiên nhảy lên cật ngựa hô quân ba tiếng kéo vào đồn Ngọc-bội, phá được sào-huyệt của Nguyễn Phương, thu được khí-giới binh lương không biết bao nhiêu mà kể. Nguyễn Phương cưỡi ngựa chạy về ẩn ở núi Độc-tôn, thế cô, bên đông không được ứng-tiếp với quân Nguyễn Cầu nữa. Khi ấy chúa Trịnh từ Ngọc-sơn tiến binh đến đất Phê-đình, sai Bùi Thế-Đạt đem quân Thổ ở Thái-nguyên kéo về Đại-từ, hội với quân Nguyễn Phiên, ba mặt hợp đánh. Nguyễn Phương bị thương, đảng giặc khiêng về địa-phận làng Tĩnh-luyện (thuộc huyện Lập-thạch), quan-quân đuổi bắt được, giải về hành-hình ở đồn Hương-ngành.

Bấy giờ Nguyễn Cầu đóng ở Đồ-sơn, Ngũ-Phúc tiến quân đến đánh, Nguyễn Cầu gọi tướng-sĩ bảo rằng : « Nguyễn Phương đã bị thua trận, ta phải nghĩ cách thế nào báo thù cho Nguyễn Phương, trận này có cái quyết bắt được tướng chúa Trịnh không tha. » Bèn xuất-quân tiến đánh. Ngũ-Phúc bị thua, tì-tướng là Trịnh Bá-Khâm chết trận, Nguyễn Cầu bội-đạo sang Kinh-bắc giữ đất Thọ - xương. Tự đất Qui-nham đến Khê-kiều, hai mé sông ở chỗ ấy đều đắp lũy cắm gỗ làm giậu, 300 chiếc thuyền bày trận dưới sông, quân-thế coi rất lẫm-liệt.

Tuần-thủ là Trần Đình-Cẩm, đem quân do đường Thiết-sơn tiến đến Trai-thị, Hữu-Cầu đem quân chống đánh. Trần Đình-Cẩm thua lui đóng ở Thị-cầu. Hữu-Cầu thừa thế hãm giữ Trấn-thành, Trần Đình - Cẩm cùng với quan đốc - đồng là Vũ - Phương bỏ ấn-tín chạy.

Ngũ-Phúc biết tin Bắc-kinh thất-thủ, bèn dẫn quân tự sông Nguyệt-đức đóng ở Vũ-giàng. Trịnh Doanh nửa đêm nghe báo giật mình, tìm Ngũ-Phúc hỏi : « Ngươi nghĩ mưu chước thế nào mau mau để chống giặc. » Ngũ-Phúc nói : « Hữu-Cầu tự khi bại-trận ở Hàn - giang, dư-đảng cũng không được bao, ý Hữu-Cầu muốn liên-tiếp với giặc cỏ, vào quấy nhiễu dân hạt ở bên sông Nhị-hà, nay tôi đóng ở Vũ-giàng, quân không được mấy, đem đi hãn-ngữ chỗ này thì mất chỗ kia, không bằng đem quân kinh-sư, có voi để giúp quân - uy thì mới giữ được toàn-thắng. » Chúa Trịnh nghe nói, liền sai lũ Trương-Khuông hợp với Ngũ-Phúc tiến đánh tất cả mười viên đại-tướng-quân, chia làm năm đạo. Trương Khuông đem một đạo quân đến đất Ngọc - lâm huyện An-dũng, «Trịnh phong làm tiên-phong.

Khi ấy Hữu-Cầu phục binh bốn mặt, giả-cách quân mình suy-nhược chịu lui. Quan-quân tiến vào nơi hiểm-yếu, không ngờ quân phục ở đâu xô lại đánh rất kịch-liệt. Trương Khuông thua chạy. Chúa Trịnh giận đuổi Trương Khuông về, cử Đinh Văn-Nhai thay. Văn-Nhai đóng quân ở Thọ-xương. Hữu - Cầu nhân lập kế, đem khiến người khiêng một cái xe không lại, rồi khiêng đi nói dối bộ-thuộc rằng : « Văn-Nhai đã đi xe lại đây ước với ta ra hàng, nhưng hàng ngay thì sợ chúa Trịnh làm khổ, lụy cả đến vợ con sau này, đợi đến mai lâm-trận,

hẳn để cho ta bắt mới khỏi ngoại-nghị. Vậy ngày mai giao-chiến, lũ ngươi phải theo lệnh ta, đừng sợ hãi gì, bắt Văn-Nhai dễ như bắt ếch trong xiếc, nghe không ? »

Chúng tưởng thật, khi giáp trận Văn-Nhai cưỡi voi đi trước, quân Hữu-Cầu xông vào tận nơi chực bắt sống Văn-Nhai, Văn-Nhai thần-sắc không biến, hai tay múa hai gươm chém chết kể mấy trăm mạng, máu đầm cả chân voi, thế mà Hữu-Cầu một mình cưỡi ngựa cầm gươm, chống đánh với Văn-Nhai hơn một giờ, áo mặc thấm đầy cả máu mà vẫn nghiêm-nhiên không biết đau, đến khi quân chạy cả, Hữu-Cầu bất-đắc-dĩ phải lui ngựa chạy lội qua sông trở về Kinh-bắc, rồi lại chạy sang Quảng-yên, chiếm giữ Hạc-động, thuyền Nghiêu-phong, sai đảng-tướng là Thông chở của cải đi thuyền về tỉnh Đông, có ý đem tiền đi mộ binh để đồ kế khôi-phục. Đi giữa đường bị quân Ngũ-Phúc cùng quân ông Phạm Đình-Trọng đón đánh, Thông bị chết trận.

Hữu-Cầu nghe tin khóc mà than rằng : « Thông là tâm-phúc của ta, nay Thông chết, ta mất một cánh tay, bên trong không có kiện-tướng, bên ngoài e có Phạm Đình-Trọng, biết cùng ai bàn mưu lập chước đương buổi nguy-cấp bây giờ ! »

Liền sai thủ-hạ là Nguyễn Hựu đem vàng bạc đút cho quyền-thần là Đỗ Thế-Giai, nội-giám Nguyễn Phương-Đĩnh, nói với chúa Trịnh xin ra hàng, chúa Trịnh ưng lời, cho hiệu là Ninh-đông-tướng-quân, và phong làm Hưởng-nghĩa-hầu, rồi sai Nguyễn Phi-Thăng dụ về Kinh-sư để ủy-dụng. Thời bấy giờ đình-thần ý muốn chiêu-an, duy ông Phạm Đình-Trọng nói rằng : « Nguyễn Cầu không thực bụng ra hàng, xin quyết đánh. »

Nguyễn Cầu vì thế thâm-thù Phạm Đình-Trọng, sai người đào mả mẹ Đình-Trọng đổ xuống sông.

Đình-Trọng nghe tin, nói với chúa Trịnh rằng : « Nguyễn Hữu-Cầu là một đứa hiệt-tặc, đã bao phen làm cho Triều-đình tổn tướng hao binh, nay lại đem lòng tàn-nhẫn như vậy, tôi đối với Nguyễn Cầu một là thù nhà, hai là thù nước, chỉ gươm chống giáo, thề quyết không đội trời chung, xin chúa ủy binh-quyền cho tôi, để tôi lấy đầu Hữu-Cầu đem treo dưới cờ, trước là đắc-trung, sau là đắc-hiếu, thì tôi mới cam lòng. » Chúa Trịnh nghe nói khen là người khảng-khái.

Phạm Đình-Trọng phụng mệnh đi đánh, gặp Nguyễn Thăng bảo rằng : « Nay Triều-đình có chỉ, dụ Nguyễn Hữu-Cầu về Kinh, việc gì phải đánh nữa, để sinh phiền-phí. »

Đình-Trọng đáp : « Ngươi không biết Hữu-Cầu với ta có thù riêng, việc đó ta đã bộc-bạch tâm-sự với chúa Trịnh rồi, ta nay vâng mệnh đi đánh giặc, ngươi vâng mệnh đi chiêu hàng, ngươi cũng hết bổn-phận ngươi, mà ta cũng xin hết bổn-phận ta, nhưng công việc của ta làm, ngươi đừng ngăn-trở sự gì, đừng tiết-lộ sự gì, kẻo anh em mình sau này thành ra phản-đối ». Thăng nghe nói thất-sắc, bèn từ-giã ra đi, cầm tờ dụ đến dinh Hữu-Cầu dụ về Kinh, và thuật lại lời Phạm Đình-Trọng cho Hữu-Cầu nghe, nói vừa dứt lời, Đình-Trọng đã kéo quân đến, Hữu-Cầu xuất quân chống đánh thua chạy, cùng với giặc lân-giao thông mưu chực đánh úp Sơn-nam không được.

Chúa Trịnh biết Hữu-cầu xưa nay vẫn sợ Đình-Trọng, sai Đình-Trọng ra trấn ở Sơn-nam, Hữu-Cầu lui đóng ở Cẩm-giàng, Đình-Trọng đem quân đánh phá, Hữu-Cầu hợp bộ-thuộc mưu rằng : « Ta vừa thua ở Cẩm-giàng, báo tiệp về Kinh-sư, chắc chỗ ấy bỏ không phòng-bị, ta thừa-cơ đến đánh hẳn được. » Ngay đêm hôm ấy đi suốt

năm canh, đến bến Bồ-đề, lội qua sông vào Thăng-long, thì trời vừa sáng. Chúa Trịnh thân-hành đem quân hãn-ngữ ở bến Nam-tân; Đình-Trọng nghe báo, lập-tức hô quân đuổi đánh, Hữu-Cầu thua chạy về Sơn-nam.

Khi lui về Sơn-nam, Hữu-Cầu cùng với Hoàng Văn-Chấp hợp làm một đảng, thường đánh cướp huyện Thần-khê Thanh-quan. Đình-Trọng lại đốc quân đến đánh, đuổi đến xã Lộng-khê, huyện Phụ-dực. Hữu-Cầu phải chạy về Vĩnh-lại, Đình-Trọng lại đốc quân đánh phá sạch cả dư-đảng, Văn-Chất chạy vào Thanh-hóa.

Hữu-Cầu thì chạy về Nghệ-an, nhân có đảng Nguyễn Duyên giúp, cho binh lương đóng ở Hương-lãm thuộc huyện Nam-đường.

Đình-Trọng lại đem đại-binh vào Nghệ-an đuổi đánh đến tận nơi, Hữu-Cầu thế rất quẫn-bách, than rằng: « Trời cao đất rộng, há không có chỗ nào dung thân, thương thay cá chậu chim lồng, nghĩ đến bước anh-hùng thêm ngán nỗi, trời đã sinh ra ta, sao lại sinh ra Đình-Trọng, thôi ta đành trở về tỉnh Đông để thu-thập những dư-tốt, quyết cùng với Đình-Trọng huyết-chiến với nhau phen nữa. »

Bèn cùng với hai mươi người thủ-hạ phiếm-thuyền thẳng buồm về phương đông, bỗng gặp cơn gió táp sóng tràn qua thuyền, không thể đi được, phải dừng thuyền lại lên bờ đi lối tắt, ẩn núp ở núi Hoàng-mi (thuộc huyện Quỳnh-lưu), trong mấy ngày không cơm không cháo, chỉ ăn hoa quả cho qua ngày tháng đó thôi, lại nghe thấy chim kêu vượn hót, như giục lòng sầu, mắt trông thấy mây mit khói mù, như hun ruột nóng, bấy lâu bể Sở sông Ngô tung-hoành, đến bây giờ cái chí-khí, cái hi-vọng của mình, thành ra hôi-lãnh mất cả, trời không cho làm, thời sao chống lại được với trời! Không bao lâu bị phải tay thuộc-tướng Phạm Đình-Trọng là Phạm Đình-Sĩ đem quân vây Hoàng-mai bắt đưa về nộp chúa Trịnh ở chỗ quân-thứ đất Xuân-hi (thuộc huyện Kim-anh). Khi Nguyễn Cầu bị bắt có cảm-khái một bài « Chim trong lồng » để ngụ ý mình:

Nhất lung thiên-địa trường thân tiễn,
Vạn lý phong-vân cử mục tân;
Hỏi sao cho lạy cơ trần.
Bận tài bay nhẩy xót thân tang-bồng.
Nào khi vỗ cánh tỉa lông,
Hót câu thiên-tăng trong lồng lao-lung.
Chim oanh nọ vẫy-vùng giậu bắc,
Đoàn loan kia tác-tắc cảnh nam;
Mặc bay đông ngữ tây đàm,
Chờ khi phong tiện rứt rào vân-lung.
Bay thẳng cánh muôn trùng bích-hán,
Phá vòng vây bạn với kim-ô
Giang-sơn khách diệc chi hồ!

Trịnh Doanh mở tiệc khao quân, bắt Nguyễn Hữu-Cầu thổi kèn, Nguyễn Danh-Phương dâng rượu, ba quân cầm giáo đứng bọc chung quanh, đều vỗ tay vang như sấm động.

Đoạn rồi giải về kinh-sư, đem đến trước nhà Thái-miễn làm lễ khải-hoàn. Hữu-Cầu mưu chực vượt ngục, chúa Trịnh liền sai đem chém, lúc hành-hình, Hữu-Cầu mặt vẫn nhơn-nhơn, trơ như đá vững như đồng, không có chút chi run-sợ. Vợ là Thị-Quỳnh nghe tin chồng chết, giậm đất khóc mà than rằng: « Chàng ơi! chàng một tay mấy vạn tinh-binh, đánh nam giẹp bắc, tưởng chàng làm nổi cơ-đồ, nào ngờ đâu đến cơ-hội này để cực lòng thiếp, đau lòng thiếp!»

Có bài văn tế lược-biên vài câu này: « Nhớ từ xưa một đoàn ong dậy, dạng lê-hoa vòi-vọi ngất trời; bỗng tới khi bốn bề hùm kêu, chốn bình-địa ầm-ầm nổi sét.»

Miếu ở núi Đồ-sơn tức là cái đài Nguyễn Cầu lên ngôi, chỗ ấy có đền thờ, mỗi năm mồng mười tháng tám có hội chọi trâu, bao giờ đến ngày ấy cũng mưa to gió lớn, cho nên ngạn có câu rằng: « Dù ai buôn đâu bán đâu, mồng mười tháng tám chọi trâu thì về », nghĩa là ngày hôm ấy mưa to gió to, những người buôn bán phải nên đề-phòng. Làng An-ninh cũng có miếu thờ, bên đường núi An-tử chỗ suối tắm có miếu nhỏ thờ bà Nguyệt-nga-công-chúa là em gái Nguyễn Hữu-Cầu.

∴

Than ôi! trong thiên-hạ có bậc hữu-danh anh-hùng, lại có bậc vô-danh anh-hùng. Hữu-danh anh-hùng thời sự-nghiệp còn ghi trong sử-sách, vô-danh anh-hùng thời chỉ chép tính-danh, còn hành-động như thế nào, khẳng-khái như thế nào, thường không chép đến, vì rằng nhà sử-học xưa trọng về sự-nghiệp của anh-hùng, chớ không trọng về tinh-thần của anh-hùng. Nhưng nếu biết rằng có người vô-danh anh-hùng, rồi sau mới xuất-hiện người hữu-danh anh-hùng, có Ngô Vương-Quyền đánh Nam-Hán ở Bạch-đằng, rồi sau Lư-động mới có ông Đinh Tiên-Hoàng nổi binh; có Đặng Tất đánh tướng Minh ở Nhật-lệ, rồi sau Lam-sơn mới có Lê Thái-tổ khởi-nghĩa; có Nguyễn Hữu-Cầu dấy loạn ở Đồ-sơn, rồi sau mới có Quang-trung xướng cờ độc-lập ở Tây-sơn. Cho nên tạo-vật đã sinh ra hữu-danh anh-hùng, trước phải sinh ra vô-danh anh-hùng, để cổ-động tiên-thanh; hai người đều tri dũng có thừa, tài-năng không thiếu, chỉ vì một may một không may đó mà thôi. Vậy ta trọng bậc hữu-danh anh-hùng của nước ta, ta lại trọng bậc vô-danh anh-hùng ở nước ta, không phải là ta trọng về cái cách tự-do bạo-động của các bậc ấy đâu, trọng về họ có mạo-hiểm tinh-thần; như Nguyễn Hữu-Cầu đương triều Cảnh-hưng nhà Lê, thực cũng đáng gọi là vô-danh anh-hùng vậy.

THIỆN-ĐÌNH

LƯỢC-KÝ VỀ SỬ NHẬT-BẢN (1)

II

Nước Nhật từ năm Thiên-bình Thắng-bảo đến nay, nhà nước không có ngôi trữ-nhị, Bạch-bích hoàng-tử là cháu vua Thiên-trí, đã từng làm quan giữ chức can ngăn, sợ vạ đến mình, phải mượn rượu phóng-túng để tự ẩn-thân, đến đây lên nối ngôi, hiệu là Quang-nhân 光仁 thiên-hoàng, trước nhất truất bỏ thầy tăng là Đạo-kinh, lại triệu cho Hoà-khí-thanh-ma-lữ về. Đặt ra kho Thường-bình, để bán thóc rẻ cho dân. Sợ rằng làm quan Kinh ít bổng-lộc, nhiều người cầu bổ làm quan ngoài, mới trích lấy một phần trong bốn phần của kho tiền công để thêm bổng cho các quan Kinh. Ngày sinh-nhật có thiết yến đãi trăm quan, gọi là tiết Thiên-trường. Sai Đằng-nguyên-kế-thằng đi đánh rợ Hà-di. Dân nước Áo thuận theo về thì tha thuế cho ba năm; lại miễn thuế tô cho những kẻ binh-sĩ đi tùng-dịch. Đặt ra quân Bột-hải-thiết-lợi ba trăm năm mươi chín người, lưu học-sinh ở Xuất-vũ. A-bội-trọng-ma-lữ sang làm quan nhà Đường đổi tên là Triều-Hành, làm lên đến chức Bí-thư-giám. Quận Bắc-hải Khai-quốc-công mất. Người sang sứ nhà Đường có danh tiếng nhất là Túc-điền chân-nhân, triều nhà Đường khen là người quân-tử. Người trong nước đều lấy Trọng-ma-lữ làm khen hơn cả. Thiên-hoàng khôi-phục lại vận nước vẻ-vang hơn đời trước

Hoàn-vũ 桓武 thiên-hoàng lên nối ngôi, thiên đô đến đóng ở Sơn-thành-vũ-đa, chôn tượng người đất ở núi Đông-sơn, để chấn-hộ kinh-thành. Xuống chiếu cấm lập chùa riêng và bỏ ruộng ra để làm ruộng chùa. Lại cấm cả việc táng làm quá phép. Xuống chiếu cho các học-sĩ phải học tiếng Hán, đặt ruộng khuyến-học, ban-bố mệnh-lệnh bốn-mươi-lăm điều. Sai Bản-thượng-điền-thôn-ma-lữ đi đánh rợ Hà-di, phí-tổn quân-lương đến hơn hai mươi sáu vạn hộc. Tha thuế điền-tô cho Bản-đông liền mấy năm. Cõi đông yên-ổn vô-sự, bờ cõi ngày càng mở-mang.

Bình-thành 平城 thiên-hoàng là người chăm học và siêng-năng, chính-sự không trễ-biếng. Lại sắc cho con em chư-vương ngũ-vị trở lên, và từ mười tuổi trở lên, đều phải vào nhà đại-học, chia ra từng lớp để học tập. Truyền ngôi cho Hoàng-thái-đệ.

Thái-đệ lên ngôi, hiệu là Nga-sai 嵯峨 thiên-vương. Ông là người có văn-tài, hạ-bút xuống viết là thành văn-chương. Đằng-nguyên-trọng-thành đem Thượng-hoàng chạy ra Đông-quốc, vua đem trị tội Trọng-thành đi chờ không hỏi đến kẻ khác nữa. Sắc cho hoàng-nữ là Hữu-trí-tử nội-thân-vương làm Hạ-mậu-trai chủ. Phụng-dưỡng Thượng-hoàng không dám trễ-biếng, để mong được cùng với Thượng-hoàng hoà-hợp. Lại huấn-sắc các hoàng-tử phải cố học không được lười. Tuyệt bỏ những kẻ tăng-ni vô-hạnh. Ban-bố cách-thức nhân-chính, để tờ chiếu dặn lại theo lễ bạc-táng, bảo rằng: « Táng nghĩa là tàng cất đi cho kín, đừng để người

(1) Xem N. P. 135

trông thấy. Bạc đức như ta thì không nên hậu-táng để làm phiền-phí tiền công. Các quan không được viếng thăm thương khóc quá. » Đó là biết tỏ lẽ tử sinh mà thiết lòng yêu dân. Khi ấy có vị tăng tên là Không-hải xướng lời chân-ngôn, dựng ra đạc-tràng ở Cao-dã-sơn, gọi là Kim-cương-phong-tự, phật-pháp càng ngày càng thịnh. Thiên-hoàng muốn truyền ngôi cho hoàng thái-đệ, nói rằng : « Ta coi thái-đệ cũng như con. » Thái-đệ cố xin từ, hai ba lần không nghe bèn lập lên nối ngôi.

Thái-đệ lập lên hiệu là Thuần-hòa 淳和 thiên-hoàng. Thiên-hoàng lại lập con thứ hai Thượng-hoàng là Chính-lương thân-vương lên làm hoàng-thái-tử. Họp các đại-học học-sinh lại ở điện Tử-thần, cùng bàn-bạc kinh-sử, định làm thường-lệ. Di-chiếu dặn lại Đồ-Tì đem cốt đốt ra gio chôn ở Đại-nguyên-dã. Thiên-hoàng Thuần-hòa với Sai-Nga đều khen là bậc anh-chủ.

Hoàng thái-tử lập lên hiệu là Nhân-minh 仁明 thiên-hoàng, bao-quát học rộng cả chúng-nghệ, mà rất ưa thích về nghệ kinh-học, thân đến tế điện đấng tiên-thánh, tự giảng sách *Tượng thư* Vào chầu bà Thái-hậu rất là kính-lễ, lòng chí-hiếu cảm-động đến người. Không nhận những lời mừng về việc tường-thụ. Bắt các quan phải giồng lúa kiều-mạch. Gặp khi đại-hạn tật-dịch, thì trách tội tại mình, dình-bãi những việc công-dịch không cần-thiết. Để tờ chiếu dặn lại theo lễ bạc-táng, lấy vải lụa thay những đồ vóc-nhiều. Chính-trị hòa-bình, thói nhân-hậu khắp trong thiên-hạ ; còn cái việc biếm-truất Tiêu-dã-ty, phế hoàng-thái-tử là Hằng-Trinh, những điều ấy cũng không lụy cho đại-đức mấy.

Văn-đức 文德 thiên-hoàng nối ngôi, theo cái lời di-chiếu dặn lại bạc-táng của đấng tiên-đế, mà lại giữ lễ tâm-tang cơ-niên, cấm hẳn những việc yến-ẩm hòa-nhạc và mặc áo đẹp, thiên-hạ đều khen là hiếu. Hết lòng việc dân, sáng xét như thần ; chiếu cho các ty ngoài quận-quốc phải thân đi tuần xét, sửa-sang ao chuông ngòi lạch, khuyến-khóa việc canh-nông, hay làm ơn-huệ cho dân mà không hay phóng-xá, luận-giả đều khen là đạt trị-thể.

Thanh-hòa 清和 thiên-hoàng thì khoan-hòa ít nói năng, hay đọc kinh-sử. Định làm mười lăng bốn mộ, sửa định lại quan-lễ (lễ đội mũ), soạn lại cách thức năm Trinh-quán, văn-vật rất là hoàn-bị. Sử lại tháng mười nhuận thiếu cho làm tháng đủ, dời ngày đông-chí cho vào ngày sóc ; ra lệnh đại xá. Nhận cho các quan Công-Khanh tâu biểu mừng, mới khai ra cái thói phùng-nghênh hư-sức. Đấng-nguyên-lương-phòng nhiếp-chính, khai ra cái nền quan tướng chuyên quyền, chửa đầy ba mươi tuổi chợt nhường ngôi, truyền cho ấu-chúa gánh vác, mà hay chuyên-tính chính-sự, trong ngoài nghiêm-túc, bởi vậy người ta mới khen là đời Trinh-quán thịnh-trị.

Dương-thành 陽成 thiên-hoàng dựng ra Tráng-học-viện, du-hí vô-độ, đến nỗi bắt cung-nhân leo cây mà đập chết. Đấng-nguyên-cơ-kinh dỗ bảo nhường ngôi, hết sức giúp đỡ. Đấng-nguyên-bảo-tắc đi đánh dẹp loạn rợ Hà-di, chém kẻ cừ-súy, dẹp yên bọn dư-đảng, các đất Độ-đảo, Tâm-khinh đều theo về hàng phụ, phần nhiều là nhờ về công Cơ-kinh, mà Bảo-Tắc lại không được thưởng, đời sao lấy làm trách.

Quang-hiếu 光孝 thiên-hoàng là con vua Nhân-minh lên nối ngôi, đã năm mươi nhăm tuổi, có tính khoan-nhân, thân yêu chín họ ; xuống chiếu cho trăm quan, việc triều-chính trước bẩm hỏi Cơ-kinh, rồi sau mới tâu lên, ủy-thác như thế thì khi quá, làm vua không được bao lâu thì mất.

Vũ-đa 宇多 thiên-hoàng lên ngôi bốn năm, muôn việc đều tư hỏi Cơ-kinh. Cơ-kinh mất rồi, vua mới ra thân-chính, yêu dùng Gian nguyên-đạo-chân, bỏ không sai sứ sang nhà Đường nữa. Nước Bột-hải mến phong-hóa sai sứ sang triều-sinh. Đời sau bàn chính-trị tất khen đời Diên-hỉ, thi-chính khoan-bình có cái phong đời trước. Tăng thêm quân cung nỏ phủ Thái-tề, đánh giặc Tân-la. Vẽ những tượng kẻ danh-thần từ đời Ân đời Châu ở điện Tử-thần, văn vũ trị-công khá truyền về đời sau. Tự-xưng là Hoàng-pháp, di-chiếu dặn lại hỏa-táng; bỏ tôn-hiệu chỉ chuyên xưng là « Viện » là từ đấy trước.

Đề-hồ 醍醐 thiên-hoàng thì gắng tinh-thần lo việc chính-trị, thương-xót trăm họ. Kẻ quần-thần có tấu-đối thì hòa-nhan tiếp hỏi. Sai viết những lời nói hay nết tốt của vua tôi đời Hán Đường vào tường vách đền điện, ban-bố cách-thức đời Diên-hỉ. Sắc cho các nơi phải dâng bài phong-thổ-ký. Giệp rợ Khiết-đan, diệt nước Bột-hải, cho nước Tân-la về hàng-phục, nhà nước vô-sự, dân đều yên nghiệp, trị-hóa đời Diên-hỉ vì bằng đời vua Nhân-đức. Song nghe lời gièm Đằng-nguyên-thời-bình, đem đầy Gian-nguyên-đạo-chân. Tam-thiện-thanh-hạnh có dâng 12 điều ý-kiến mà vua không biết dùng, người đời đều lấy làm tiếc.

Chu-tước 朱雀 thiên-hoàng thì chính-trị khoan-nhân, có nói rằng: « Làm chính như căng dây đàn, dây to căng quá thì dây nhỏ phải đứt.» Nước Cao-ly đánh diệt nước Tân-la, vua bèn khước đi không cho thông-sứ nữa. Bình-tướng-môn làm phản, sắc cho Bình-trinh-thịnh, Đằng-nguyên-tú-hương đem quân dũng-sĩ đi đánh, giết được kẻ cừ-khôi; ban cho tước-thổ truyền về con cháu; còn các tỳ-tướng đều tùy công gia thưởng. Truyền ngôi cho hoàng-thái-đệ.

Thái-đệ lập lên hiệu là Thôn-thượng 村上 thiên-hoàng, vua có đức-tính khoan-dụ ôn thứ gần bằng vua Đề-hồ. Thì kén kẻ y-sinh, cấp bổng cho quan Tráng-học-viện. Nước Ngô Việt giữ lễ sai Thịnh-đức-ngôn lại triều-sinh. Đời sau vẫn khen thịnh-trị đời Thiên-lịch.

Lãnh-toàn 冷泉 thiên-hoàng phải bệnh phong, nhân sinh ra cái biến Nguyên-phồn-diên, phải truyền ngôi cho hoàng-thái-đệ.

Thái-đệ lập lên hiệu là Viên-dung 圓融 thiên-hoàng, phải thụ-chế về Đằng-nguyên-kiệm-thông, không thể làm gì được, phải truyền ngôi cho hoàng-thái-đệ.

Thái-đệ lập lên hiệu là Hoa-sơn 花山 Thiên-hoàng. Lúc năm đầu dùng Đằng-nguyên-nghĩa-hoài, Đằng-nguyên-Duy-thành, sắp đặt kỷ-cương đã nghiêm-chỉnh. Đến sau lại dâm-dật vô-độ, thương xót người con gái chết đi, thành ra chán bỏ trần-lụy, nhường ngôi đi ở chùa Hoa-sơn, người ta chê là chí-tháo vô-định.

Nhất-điều — 條 thiên-hoàng là con vua Viên-dung, có tính nhân-từ, đêm rét cởi ngự-y ra tỏ lòng thể-tuất cho dân khổ. Thời ấy có nhiều kẻ nhân-tài như là: Nhược-nguyên-mãn-trọng, An-bội-tinh-minh, Tăng Tịch-chiêu và Kiêm minh thân-vương. Có làm bài phú *Đỗ-cừu*. Kẻ thị-nữ là Thanh-thiếu-nạp-ngôn, Tử-thức-bộ, Hòa-toàn-thức-bộ, đều là người văn-nhã mà có tài-sắc cả, được nhiều nhân-tài có phần hơn năm Diên-hỉ. Khi ấy cả nước dân-số được là tám mươi tám vạn ba nghìn ba trăm hai-mươi chín đinh.

Tam-điều 三條 thiên-hoàng là con vua Lãnh-toàn lên nối ngôi, thì có Đằng-nguyên-đạo-trường chuyên giữ quyền-chính, kẻ đình-thần lần-lữa, kỷ-cương càng ngày càng đổ nát. Xích-đằng-vệ-môn có làm ra sách *Vinh-vật hoa-ngữ* 榮物華語 là có ý than tiếc về hồi ấy.

Hậu-nhất-điều 後一條 thiên-hoàng là con vua Nhất-điều thì có ý thương dân khó nhọc, để tờ chiếu dặn lại theo lễ bạc-táng, kẻ dịch-phu bảo nhau làm hết sức. Khi ấy có giặc Nữ-chân đem hơn 50 chiếc thuyền vào cướp Nhất-kỳ, xâm-phạm đến đất Trúc-tiền. Lại có giặc Nam-man vào ăn cướp ; Bình-trung-thường thì làm loạn ở Hạ-tông.

Hoàng-thái-đệ lên nối ngôi hiệu là Hậu-chu-tước 後朱雀 thiên-hoàng bị phải Đằng-nguyên lại-thông hiếp-chế, vua chỉ ngồi suông chắp tay mà thôi. Trong cung-cấm thất-hỏa, đánh tan vỡ mất cái gương thần-kính. Khách buôn nhà Tống đến đất Đãn-mã, bị cướp mất cả tài-vật, uy-quyền nhà vua đã suy dần.

Hậu-lãnh-toàn 後冷泉 thiên-hoàng mới nghiêm phép đối-đãi người ngoại-phiên, An-bội-lại-thời và cha con Trinh-nhâm làm phản-loạn, đến sáu năm mới giết được.

Hoàng-thái-đệ nối ngôi hiệu là Hậu-tam-điều 後三條 thiên-hoàng, có tính cương-kiện nghiêm-minh, ức-chế bớt quyền họ Đằng-nguyên. Lại-thông, Giáo-thông đều sợ-hãi khép-nép. Đặt ra sở Ký-lục, định chế lụa vải và cách hồ-giá, phép đấu-thăng, kỷ-cương đã chấn-chỉnh, thiên-hạ đều lấy làm mong. Song ở ngôi không được bao lâu mà mất. Lại-thông than tiếc rằng không may cho nhà nước. Đại-giang-khuông-phòng bảo rằng chính-trị đời thiên-hoàng này có thể gần ví bằng đời Diên-hỉ.

Tự đời vua Quang-nhân đến đây phàm ba trăm năm, văn-giáo ban-bố đã khắp, thế nước đã thịnh-vượng, tuy có đời bị phải tướng-môn chuyên-quyền cũng đáng nên chê, nhưng cũng không hại gì là đời thịnh vậy.

Bạch-hà 白河 thiên-hoàng thân ra cầm quyền chính, có cái phong thái như đời vua Hậu-tam-điều ; nhưng phải một điều yêu ghét cứ tùy ý mình, không chịu tuân theo cựu-điển. Sau khi truyền ngôi rồi, vẫn ở trong viện coi chính-sự, hơn bốn mươi năm, thường nói rằng : « Trong thiên-hạ có một điều bất-như-ý là còn mắc con sông Áp-lục và thầy Thái-sơn pháp-sư mà thôi ». Vua tin phật-pháp quá và rất là hiếu-sắc. Giường-mối nhà vua bỏ đổ nát từ đó.

Quật-hà 堀河 thiên-hoàng là người chăm việc, nửa đêm còn ngồi phúc xem những tờ tấu của các ty tâu lên, thường nói rằng: « Trong thiên-hạ đều là xích-tử cả, có phân-biệt gì nơi gần nơi xa. Song một người nghe biết sao cho khắp, ta mà có lỗi thì cứ bảo thẳng chớ có giấu. » Tiếc rằng vạn-cơ đều quyết-đoán ở đấng Thượng-hoàng không hay thân tự quyết-đoán. Thanh-nguyên-võ-hành làm loạn, Nguyên-Nghĩa đi đánh, ba năm mới yên ; nhân mở tiệc ăn có bày ra dũng-khiếp hai hàng để phân-biệt.

Điều-vũ 鳥羽 thiên-hoàng lên nối ngôi, thì có bọn tăng-đồ ở hai chùa Diên-lịch, Hưng-phúc làm loạn. Sau khi thiên-hoàng đã truyền ngôi, vẫn ở trong viện coi chính-sự đến hai-mươi-tám năm. Vua hay sửa-sang dung-nghi, có nhiều kẻ nội-sủng, mới gây nên cái loạn năm Bảo-nguyên. Bạch-hà thiên-hoàng mới lập con trưởng thiên-hoàng là Hiền-nhân thâu-vương làm hoàng-thái-tử, bắt thiên-hoàng phải truyền ngôi.

Hoàng-thái-tử lập lên hiệu là Sùng-đức 崇德 thiên-hoàng, lại bị phải Điều-vũ-pháp-hoàng bắt ép phải truyền ngôi cho Hoàng-thái-đệ, hiệu là Cận-vệ 近衛 thiên-hoàng, bị bệnh uất mà chết.

Hoàng-thái-đệ nối lên hiệu là Hậu-bạch-hà 後白河 thiên-hoàng. Bảo-nguyên năm đầu, đem đầy vua Sùng-đức-thiên-hoàng, nhờ về sức của lũ Bình-thanh-thịnh, Nguyên-nghĩa-triều. Thanh-thịnh giết chú, Nghĩa-triều giết

cha, thiên-hạ đại-loạn. Sau khi thiên-hoàng truyền ngôi rồi, vẫn ở trong viện cầm quyền-chính hơn 30 năm, phủ lập lên năm đời vua, họa-nạn luôn mãi.

Nhị-điều 二條 thiên-hoàng kém về đạo hiếu, lấy cả vợ vua Cận-vệ, người đời đều chê. Nguyên-bình-tranh-khích, Đằng-nguyên-tín-lại cùng với Nghĩa-triều làm phản đều phải bị giết. Năm Bình-trị rối-loạn, tàn-sát rất thảm.

Lục-điều 六條 thiên-hoàng mới ba tuổi lên nối ngôi, lấy chú làm thái-tử mới có sáu tuổi. Làm vua mới được ba năm chưa làm lễ gia-quan, đã xưng làm thái-thượng-hoàng, từ xưa đến nay chưa có lệ ấy bao giờ.

Hoàng-thái-tử lên nối ngôi hiệu là Cao-xương 高倉 thiên-hoàng, có tính nhân-hiếu, giận hay mừng không hình ra nét mặt. Thanh-thịnh đem giam Pháp-hoàng, vua thương lo hết đạo làm con, rồi mất, trong triều ngoài đã ai cũng lấy làm than tiếc.

An-đức 安德 thiên-hoàng mới ba tuổi đã lên ngôi, hạ lệnh cho các nước miền đông đánh họ Bình-Nguyên-lại-triều, Nguyên-nghĩa-trọng khởi binh lên đánh. Bình-thanh-thịnh chết, họ Bình đem vua chạy sang miền tây, Nguyên-nghĩa-kinh đuổi đánh một trận ở Nhất-cốc, lại đánh được một trận ở Đàn-phố. Thiên-hoàng nhảy xuống bể mà chết.

Hoàng-thái-đệ lên nối ngôi, hiệu là Hậu-điều-vũ 後鳥羽 thiên-hoàng, khi ấy mới năm tuổi lên ngôi không được truyền kiếm và ấn ngọc-tỉ. Nghĩa-kinh bị tội với anh là Lại-triều bèn trốn đi. Lại-triều tâu xin mọi nơi đều đặt quân thủ-hộ, các viên-trang đều đặt nơi sở-tại địa-đầu để xét bắt. Gia thêm thuế để sung vào binh-lương; quyền binh mã tự đó bèn về tay Lại-triều, Lại-triều tự làm chính-di-đại-tướng-quân, triều-đình từ đó chỉ giữ ngôi suông không có quyền-binh gì cả.

Thiên-hoàng thích nghề võ, tài nghề cung ngựa, giận nhà vua phải suy sút, ngầm có cái chí khôi-phục, mới chế ra đao kiếm tự mình đúc lấy để cho kẻ vũ-nhân; lại làm bài ca để ngụ ý. Song chí-nghiệp không thành, liền phải chạy trốn.

Từ đời Bạch-hà thiên-hoàng trở xuống, đại-thế đã về tay kẻ quyền-thần không thể đem lại được. Thời ấy những kẻ hào-kiệt có tiếng ở đời cũng nhiều, trung-hiếu như Bình-trọng-thịnh, nghĩa-liệt như Đằng-nguyên-quang-lại, đều là danh-tiếng bậc nhất. Nguyên-vi-triều đánh lấy được Lưu-cầu; Nguyên-nghĩa-kinh đánh được Thát-đát, Đại-giang-quảng-nguyên giúp cho Lại-triều bình-định cả toàn-quốc. Thầy tăng là Giác-tuấn xướng lên lời chân-ngôn tân-nghĩa. Nguyên-không xướng lên dòng Tĩnh-thổ-tôn; Vinh-tây xướng lên dòng Lâm-tế-tôn; Tây-hành thì đi khắp hết bốn phương, vịnh hát tự vui; tuy mỗi người có thuần tạp khác nhau, mà đều là kẻ sĩ phi-thường cả.

Thổ-ngự-môn 土御門 thiên-hoàng bốn tuổi lên ngôi. Nguyên-lại triều mất, Bắc-điều-thời-chính lên cầm quyền. Lại-gia thực-triều nối lên làm tướng-quân, Thời-chính giết Lại-gia. Nhà họ Nguyên suy, Thời-chính mất, con là Nghĩa-thời thay lên cầm quyền. Thiên-hoàng là người nhân-từ thương người, bị phải Hậu-điều-vũ thượng-hoàng bách phải nhường ngôi cho hoàng-thái-đệ, mà vua vẫn cứ tự-nhiên không có chút gì hiện ra nét mặt lời nói cả, khi nhàn cư thì lấy vịnh-ca làm vui.

Hoàng-đệ nối ngôi hiệu là Thuận-đức 順德 thiên-hoàng. Khi ấy có Hòa-điền-nghĩa-thịnh nổi lên làm loạn. Thầy tăng là Công-hiếu giết quan tướng-quân là Thực-triều.

Trọng-cung 仲恭 thiên-hoàng mới bốn tuổi chịu truyền ngôi, thừa-bình

được ba năm. Khi ấy Hậu-điều-vũ thượng-hoàng đi đánh họ Bắc-điều không được thắng-lợi. Họ Bắc-điều đem dầy Thượng-hoàng đi, Thiên-hoàng cũng phải bị phế. Khi ấy quân đi chinh đông 19 vạn người, hễ cha đi thì con ở lại, con đi thì cha ở lại. Nghĩa-thời dâm tâu rằng: «Tôi nghe bệ-hạ hiếu-chiến, xin sai trưởng-nam là Thái-thời, thứ-nam là Triều-thời đem 19 vạn binh đi đánh để ngài xem, nếu còn chưa chán, thì tôi hãy còn 20 vạn binh nữa, tự tướng đem đi để tiếp theo.» Giọng nói như thế thực là tỏ ra cái ý võ-quân, dẫu đến nghìn năm ai cũng biết. Họ Bắc-điều bảy đời chuyên quyền cũng là gây ra từ đó.

Tự vua Bạch-hà lên ngôi đến đây được là 155 năm, có những đời vua Quật-hà, Cao-xương, Thổ-ngự-môn, ba đời vua ấy đều hay duy-trì thế-giáo làm nêu cho thiên-hạ, cũng là những vị vua hiền đời cuối vậy.

Hậu-Quật-hà 後掘河 thiên-hoàng là cháu vua Cao-xương, có tính khoan-nhân chăm học, trăm thức ngoạn-bảo không thèm lưu-ý đến bao giờ. Đãi kẻ phi-tần ân-sủng đều nhau, không có thiên-ái. Bắc-điều-thái-thời, Thời-phòng đóng ở Lục-ba-la để trấn-thủ kinh-sư. Thái-thời có ban ra năm mươi điều qui-thức, đều thích-hợp nhân-tình. Thầy tăng Thân-loan mới xướng ra đạo Nhất-hướng-tôn; Đạo-nguyên mới xướng ra đạo Tào-đồng-tôn.

Tứ-điều 四條 thiên-hoàng còn trẻ thơ chơi bời không nói làm gì. Hậu Sai-nga 後嵯峨 thiên-hoàng là con vua Thổ-ngự-môn, có tính ôn-cung yêu người. Thái-thời mất, cháu là Kinh-thời nối giữ quyền-chính. Thái-thời là người khiêm-cần, không muốn phong lên hiền tước; nên khi ấy chính-trị khoan-bình, ngục-tụng thanh-lý, nhân-dân yên nghiệp. Sau khi vua truyền ngôi rồi, hai hoàng-tử nối nhau lên ngôi, vua vẫn ở trong viện coi chính-sự đến ba-mươi năm, muốn cho vua Qui-sơn 龜山 vâng nối đại-thống, vua Hậu-vũ-đa thì ở ngôi đông-cung. Sau Bắc-điều-trinh-thời quyết-nghị lập Phục-kiến-đế làm thái-tử vua Hậu-vũ-da-đế mới yên. Vua Hậu-thâm-thảo và vua Qui-sơn hai đời vua ấy nối nhau trong mười năm, uy-quyền trong triều-đình càng ngày càng kém.

Hậu-thâm-thảo 後深草 thiên-hoàng bốn tuổi lên nối ngôi, Bắc-điều-thị tâu xin lập ra năm nhà nhiếp-chính, mượn tiếng là tôn vua, mà kỳ-thực là chia mất quyền triều-đình. Vua truyền ngôi cho Hoàng-thái-đệ tuy không phải là bản-ý, nhưng được thái-đệ có tính hiếu-thuận, phụng thờ vua Hậu-Sai-nga thượng-hoàng rất kính-cẩn, những khi yến-du vua tất theo đi phụng-thừa vui-vẻ không dám trái ý. Kinh-thời mất, Thời-lại nối giữ quyền-chính, uy-quyền họ Bắc-điều càng ngày càng thịnh.

Hoàng-thái-đệ lập lên hiệu là Qui-sơn 龜山 thiên-hoàng, thiên-tư thông-sáng, sau khi truyền ngôi rồi vẫn ở trong viện coi chính-sự hơn mười năm. Lo giặc Mông-cổ đến ăn cướp, xin lấy thân thay nạn cho nước. Thời-lại mất, Thời-tôn nối giữ quyền-chính. Thời-lại có dựng ra chùa Trường-tự để đãi sư nhà Tống là Đạo-Long. Sư Nhật-liên mới xướng lên đạo Pháp-hoa-tôn, phải đầy ra ở Tá-độ. Thời-lại có khi mặc áo thường đi chu-du bốn phương, dò thăm những điều tật-khổ của dân, phong-hóa truyền đi khắp cả.

Hậu-vũ-đa 後宇多 thiên-hoàng là người thông sáng nhanh-nhẹn mà chăm học, gần bằng vua Hậu-tam-điều, không có đặt kẻ phi-tần, trong cung-vi rất thanh-nghiêm. Gặp khi ấy giặc Mông-cổ lại ăn cướp, Thời-tôn chém chết kẻ sứ-giả, và đánh giết quân Mông-cổ hơn mười vạn ở Trúc-tử, từ bấy giờ giặc không dám đến dòm nom ngoài biên nữa. Từ khi Thời-

tôn mất đi rồi, Trinh-thời nối giữ quyền-chính, giết ông ngoại là Thái-thịnh, họ Bắc-điều từ đó mới suy.

Phục-kiến 伏見 thiên-hoàng là con vua Hậu-thâm-thảo ; Hậu-phục-kiến 後伏見 thiên-hoàng là con vua Phục-kiến ; Hậu-nhị-điều 後二條 thiên-hoàng là con vua Hậu-vũ-đa, ba đời vua ấy đều là họ Bắc-điều lập lên. Đời vua Phục-kiến, có tên giặc là Vi-lại xông vào trong nội-cung, rồi phải tự-sát. Nguyên-nghĩa-thế khởi quân nghĩa-binh lên đánh Bắc-điều Trinh-thời không được. Đời vua Hậu-phục-kiến, có năm vị Thượng-hoàng đều lập lên. Đời vua Hậu-nhị-điều, Trinh-thời phải bãi, Sư-thời nối giữ quyền-chính cũng không làm gì được nữa.

Hoa-viên 花園 thiên-hoàng là con vua Phục-kiến, chăm học tài nghề họa-ca, thâm-hiểu về lẽ thiên-học. Vì sư Tuệ-huyền làm ra chùa Diệu-tâm. Sư-thời mất đi, Cơ-thời lại lên thay, Cơ-thời mất đi, Cao-thời lên thay, họ Bắc-điều từ đó càng suy. Đến đời Hậu-đề-hồ thiên-hoàng thì cả họ Bắc-điều phải bị giết.

Từ đời vua Hậu Quật-hà đến đây trải 112 năm, quyền binh-mã vẫn ở Kiêm-xương (họ Bắc-điều), từ Thời-chính đến Cao-thời phàm chín đời, cả thảy 154 năm.

Hậu-đề-hồ 後醍醐 thiên-hoàng là con vua Hậu-vũ-đa, thiên-tư anh-hùng, có chí khôi-phục, trước hết phục lại sở ký-lục, thân coi các việc ngục-tụng ; hằng ngày cùng các quan công-khanh kẻ nho-thần giảng bàn nghĩa sách, có sư Tuệ-huyền hầu đọc sách ; lại có Hộ-lương thân-vương, Đằng-nguyên, Đằng-phòng mọi người giúp đỡ ; sau phải tránh nạn Cao-thời, chạy ra đất Lạp-chí. Cao-thời mới lập vua Quang-nghiêm để chống nhau với thiên-hoàng. Thiên-hoàng được Nam-chính-thành làm tướng giúp đỡ. Sau đất Lạp-chí bị hãm phải giặc bách đuổi thiên-hoàng phải chạy ra Ẩn-kỷ, may lại được Nhi-đảo-cao-đức, Danh-hòa-trường-niên giúp đỡ, lại ngự về đóng ở Chu-sơn, dựng hành-cung ở đấy. Sau được Túc-lợi Cao-thị theo về. Tân-điền nghĩa-trinh khởi lên đánh Kiêm-tương, diệt họ Bắc-điều. Xa-giá thiên-hoàng lại trở về kinh-đô. Tiếc rằng yêu Cao-thị quá đến không dám gọi tên ; bàn thưởng quân-công để thiên-điền mãi không quyết, lại tư-túi cho những kẻ xướng-kỹ trong cung-vi. Làm ra tiền giấy, khởi ra hưng-tác nhiều việc, không nghe lời căn của Đằng-phòng, thiên-hạ ôn-ào cả lên, lại muốn phục lại như đời võ-nhân cầm quyền Thiên-hoàng lại tin nghe lời gièm Tôn-thị giết Hộ-lương-thân-vương, Tôn-thị chuyên-quyền hành-hung không kiêng kỵ gì cả, muốn vu-hãm Tân-điền-nghĩa-trinh, mà lũ Diêm-cốc-cao-trinh, Xinh-tùng tắc-thôn đều theo về Cao-thị cả. Nam-chính-thành, Danh-hòa-trường-niên đều tử trận. Tôn-thị đem đại-quân thẳng vào phạm-khuyết, lập Tôn-nhân thân-vương lên để chống nhau với Thiên-hoàng, Thiên-hoàng phải chạy sang phía Nam, Tôn-nhân-thân-vương tự sát, hoàng-thái tử bị thí, Nghĩa-trinh cũng tử-trận. Tôn-thị làm chính-di đại-tướng-quân. Thiên-hoàng chỉ còn giữ đất Cát-dã, di-chiếu dặn lại khôi-phục, rồi lấy kiếm tự đâm mà chết.

Hậu-thôn-thượng 後村上 thiên-hoàng lên ngôi ở nơi hành-cung, thường đánh nhau với Bắc-quân, lại được Tôn-lương thân-vương, Nguyên-thân-phòng, Nam-chính-hành, Tân-điền nghĩa-hưng mọi người giúp đỡ. Họ Túc-lợi-tôn và em là Trực-nghĩa, con là Thuyên và lũ Xích-tùng-tắc-hựu khi phản khi phục bất-thường. Nhà vua vẫn có chí khôi-phục, thân vào nơi nguy-hiểm để đóng bảo quân-sĩ cho hết sức, chống-chọi với quân kình-địch trong ba mươi năm. Tôn-thị mất đi rồi,

Nghĩa-thuyên lại nối làm tướng-quân. Tế-xuyên lại-chi giúp đỡ nhà vua cử những người phương-chính hầu gần bên tả bên hữu. Lại lấy sáu người gọt đầu đặt làm kẻ lộng-khách để giễu những kẻ nịnh-hót. Khi ấy phong-thổ có phần biến-đổi, thế nước cũng mạnh, chửa dễ ai đã địch nổi.

Trường-khánh 後 慶 thiên-hoàng lên nối ngôi, khi ấy Tân-điền-nghĩa-tôn bị tử-trận. Nam-chính-nghĩa phải hàng giặc. Cúc-trì-võ-quang đem Hoài-lương-thân-vương khởi binh lên mưu thu-phục lấy Trú-tử, nhưng không được thắng-lợi. Bắc-quân viện thêm Chính-nghĩa vào ăn cướp, họ Thang-thiền chết đến hàng trăm người, Bắc-quân càng ngày lại càng mạnh.

Hậu-qui-sơn 後 龜 山 thiên-hoàng nối ngôi. Cúc-trì-võ-triều đánh nhau với Đại-nội-nghĩa-hoằng, cả họ chết đến hơn trăm người. Họ Nam giữ núi Kim-cương cũng mất. Vua phải cho Nghĩa-mãn đi xin hòa, lấy lễ cha con bèu truyền ngôi cho vua Hậu-tiểu-tùng.

Từ đời vua Hậu-đề-hồ chạy sang phía nam đến đây là 57 năm. Bên bắc-triều thì từ đời vua Quang-nghiêm là con vua Hậu-phục-kiến truyền đến vua Quang-minh, vua Sùng-quang, vua Hậu-quang-nghiêm, vua Hậu-Viên-dung, vua Hậu-tiểu-tùng được sáu đời vua, thì trong nước mới lại về nhất-thống.

Hậu-tiểu-tùng 後 小 松 thiên-hoàng chịu truyền ngôi ở điện Thổ-ngự-môn. Nước Triều-tiên sai sứ đến triều-sính. Túc-lợi Nghĩa-mãn phải bãi, con là Nghĩa-trì nối lên làm tướng-quân. Nghĩa-mãn giữ quyền-chính trong 41 năm, bãi tam-quản, lĩnh tứ-chức, dựng gác Kim-các ở Bắc-sơn, tiếm bằng thượng-hoàng. Sai tăng sang sứ nhà Minh, thư-từ rất cung-kính. Vua Minh là Chu-Lệ phong cho làm Nhật-bản quốc-vương, Nghĩa-mãn nhận lấy sắc phong để xấu muôn đời; sau lại chiếu tặng cho hiệu Thái-thượng-hoàng, Nghĩa-trì sợ hãi xin từ không dám nhận.

Xưng-quang 稱 光 thiên-hoàng lên ngôi ở Kiêm-xương. Túc-lợi Trì-thị bị Thượng-sam-thị Hiến đánh đuổi, họ Thượng-sam mới mạnh lên. Nước Cao-ly đem hơn một nghìn ba trăm chiếc chiến-hạm đến ăn cướp đất Đối-mã, bị đánh đuổi, chiến-hạm giặc chết đắm không biết bao nhiêu mà kể. Nhà Minh sai sứ sang thông-hiếu, xin cấm người nước vào xâm lấn. Nghĩa-trì nói rằng nước Nhật tự cổ không khi nào xưng-thần với ngoại-quốc, kẻ tiểu-dân ở ngoài hải-đảo tự nó lẩn-lút làm giặc, thực không phải tự nhà nước xui nó làm. Người ta khen rằng Nghĩa-trì hay đổi được lỗi của cha.

Hậu-hoa-viên 後 花 園 thiên-hoàng là cháu tằng vua Sùng-quang lên nối ngôi. Nghĩa-giáo làm tướng-quân, sai sứ sang nhà Minh, vua Minh là Chiêm-cơ sai nội-giám là lũ Lôi-Xuân sang sính đem tặng tiền đồng ba mươi vạn quan. Vua Triều-tiên là Lý-Đào cũng sai sứ sang sính; Tôn-trinh-thịnh cùng với nước Triều-tiên lập ước thông-thương, mỗi năm đi lại năm mươi chiếc thuyền, ngoài số thuyền ấy ra gọi là thuyền đặc-tống, đôi bên giao-dịch mãi bất-tuyệt. Túc-lợi Trì-thị cùng với Thành-thị Triều làm loạn bị giết. Xích-tùng Mãn-hựu giết Nghĩa-giáo, rồi cũng phải bị giết. Nghĩa-thắng lên làm tướng-quân, rồi mất; Nghĩa-chính nối lên làm tướng-quân, vẫn xưng-thần với nhà Minh, chỉ cầu lấy lợi mà thôi. Lưu-cầu lại triều-cống nộp một nghìn quan tiền. Nghĩa-chính cùng-cực xa-xỉ, làm một cái bình-phong che cửa giá đến hai vạn. Tin đạo Phật cấm sát sinh chỉ chuyên làm việc vô-ích.

Hậu-thổ-ngự-môn 後 土 御 門 thiên-hoàng lên nối ngôi, mới khởi lên

cái loạn Ứng-nhân. Tế-xuyên-thắng-nguyên cùng với Sơn-danh-trì-phong đánh nhau ở Kinh-đô. Nghĩa-chính bãi-chức, Nghĩa-hi lên làm tướng-quân, vẫn sai sứ sang nhà Minh để thông-hiếu. Nghĩa-chính dựng lên cái chùa Ngân-các, họp bày các đồ cổ khí và các bức danh-họa, thiết ra tiệc trà để thưởng-ngoạn chơi, thiên-hạ đều đua nhau bắt chước. Nghĩa-hi mất, Nghĩa-chính rồi cùng chết. Nghĩa-thực, Nghĩa-chừng nối nhau làm tướng-quân. Nghĩa thực đánh họ Xương-sơn không được phải chạy ra Châu-phòng. Thương-sam-định-chính giết quan chấp-sự là Thái-điền-tư-trường. Bắc-điền-trường-thị bắt Tiểu-điền-nguyên-thành. Đương thời ấy văn-vận suy-kém lắm, nhưng mà quan tiền-tướng-quân là Nghĩa-hi vẫn chăm học, ở trong quân vẫn giảng sách *Xuân-thu Tả-truyện*. Quan tiền-quan là Bạch-đằng-nguyên-kiêm-lương là người sáng-thông điển-cố có làm ra sách *Tiểu-đàn trị-yếu*, *Công-sự côn-nguyên*. Quan đại-nạp-ngôn là Đằng-nguyên-thực-long thông-hiểu hết chữ Hòa chữ Hán, rất hay thơ quốc-âm. Sư Nhất-hưu tinh-thông lẽ thiền-học, cũng tài thơ quốc-thi, có làm ra *Cuồng-vân-tập*. Ẩn-sĩ là Tiểu-bách cũng tài quốc-thi, có làm ra sách *Xuân-mộng-thảo*, đã dẫn khai ra cái nguồn văn-hóa. Khi vua mất, trong kho không đủ tư-liệu, sắm đồ tang-nghi thiên-điện đến hơn bốn mươi ngày.

Hậu-bách-nguyên 後柏原 thiên-hoàng nối ngôi, trong nước đại-loạn, Trường-vĩ-vi-cảnh giết chủ mình. Thượng-sam Phòng-nghĩa chiếm-lĩnh đất Việt-hậu. Hương-tây-nguyên-cận cũng giết chủ. Tế-xuyên-chính-nguyên phải bị giết. Đại-nội-nghĩa-hưng giúp Nghĩa-thực cử đại-binh vào Kinh-thành. Nghĩa-chừng, Nghĩa-thực rồi liền mất cả, Nghĩa-tình nổi lên làm tướng-quân. Hà-di loạn, Lệ-y-Quang-quảng đánh dẹp yên, Thiên trị-sở đến đất Tùng-tiền.

Tự đời vua Hậu-tiểu-tùng lên ngôi, đến đời thiên-hoàng này mất đi, trải 134 năm, thiên-hạ không còn ai biết đến nhà vua nữa, thế-đạo nhân-tâm hoại-loạn cực-tệ.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

CÁC NƠI CỔ-TÍCH ĐẤT NGHỆ-TĨNH (1)

III

Cuộc đi xem hội hoàn-thành đình làng Hoành-sơn

Ba bốn ngày trước, quan Đốc đã dự-bị cuộc đi xem hội tại làng Hoành-sơn về vụ hoàn-thành việc tu-bổ cái đình làng ấy.

Sớm mai ngày 16 tháng hai năm 1928, hồi 3 giờ rưỡi, gà gáy hai lần, trống hồi một dạo, học-trò đệ-tứ-niên nội-trường, tuy trời rét cắm-cắm, nhưng cũng vội-vàng vùng dậy, sửa-soạn đi chơi. Dùng bữa sáng xong thì đồng-hồ đã điểm sang bốn tiếng, ai nấy đều ra ga để lên tàu đi vào Yên-xuân. Ra tới ga thì học-trò lớp đệ-tứ-niên ở ngoại-trường cũng đã đủ mặt đó cả. Cả lớp đều lấy vé hạng ba, nhưng học-trò chỉ phải trả nửa tiền mà thôi. Đúng 5 giờ 25 phút thì xe chạy, 6 giờ 18 phút thì xe tới Yên-xuân. Trời lúc bấy giờ đã rạng sớm, nhưng mưa mù hãy còn dày hột, cho nên chưa rõ mặt người. Lạ-lùng đất khách, bỡ-ngỡ quê người, ngập-ngừng bước chân bước lanh, chưa biết đi ngả nào cho tiện. May có mấy người thuộc đường, bèn dẫn cả đoàn ra bến để thuê bốn chiếc thuyền, rồi cứ theo dòng sông chống ngược.

Thuyền chống không đầy 2 tiếng đồng-hồ thì đã tới gần làng Hoành-sơn.

Khi thuyền ghé tới bến thì trời tạnh. Thênh-thênh đường cái, chủ-khách dập-dìu, khi chuyện trò, khi cười nói, khi nhắc cuộc bể dâu, khi hỏi chuyện cổ-tích, nào tiền-triều minh-chúa, nào lịch-sử công-thần, nào đền thờ Tam-tòa tứ-vị, nào bàn cùng bản-thổ Thành-hoàng. Tiếng ta lộn tiếng tây, rộn-rịp khắp làng trên ngõ dưới. Dọc hai bên đường, trẻ con lũ-lượt kéo ra xem, thật là một nhịp ít có ở chốn thôn-quê vậy.

Vui chân bước tới, đình Hoành-sơn đã gần tới nơi. Các kỳ-lão trong làng đưa cờ trống ra đón-rước, rất là rộn-rịp linh-đình, trong làng ngoài ngõ người chạy ra như nước chảy. Độ dập bã trầu, người tới đông như kiến. Quan Đốc tới làng Hoành-sơn là chủ-ý đi xem mấy bức chạm kiểu xưa ở đình làng ấy, cho nên mới bước chân vào, thì ngài đã tò-mò đi xem những đường xoi đường chạm nơi xà ngang ván liệt. Nơi thì chạm « kim-bảng đề danh » 金榜題名 (đề tên trên bảng vàng), nơi thì chạm « vinh-qui bái tổ » 榮歸拜祖 (thi đậu rồi rước về lạy tổ-tiên), nơi thì chạm « Thành-Thang sính Y-Doãn » 成湯聘伊尹 (vua Thành-Thang đi rước ông Y-Doãn), nơi thì chạm « Văn-vương nghinh Thái-công » 文王迎太公 (vua Văn-vương đi rước ông Thái-công), nơi thì chạm « Hán-sứ chiêu tứ hạo » 漢使召四皓 (sứ nhà Hán đi mời bốn ông lão). Lại có nơi thì chạm tứ-linh, như: long, ly, qui, phượng 龍 螭 龜 鳳 ; nơi thì chạm tứ qui, như : mai, điểu, tùng, lộc 梅 鳥 松 鹿 ; nơi thì quân kéo đi có ngựa, voi, cờ trống rộn-rịp ; nơi thì thuyền chạy tới, buồm lèo chèo chống linh-đình. Đường xoi nét chạm, tinh-xảo tuyệt-diệu, thiệt là công việc của bậc thiên-tài, xưa nay ít có. Đời bây giờ dẫu có tiền ngàn bạc vạn, cũng

(1) Xem N. P. 135, 136.

Cái bia Tam-bình-nham của quan Thám Nhất

Đình làng Hoành-sơn (Nghệ-an)
Bức chạm dán rước có cờ trống voi quân, ở phía ngoài hai bên gian giữa đình.

Đình làng Hoành-sơn (Nghệ-an). — Bên trong.

Đình làng Hoành-sơn (Nghệ-an). — Bức chạm gỗ gian giữa

Ảnh của T. D. Quan (Vinh)

chưa dễ mà làm được những bức chạm tinh-thần như thế. Quan Đốc có hứa rằng dẫu tốn kém hết bao nhiêu, ngài cũng chụp ảnh cho hết mấy bức chạm ở trong đình ấy.

Lúc bấy giờ trời còn sớm quá, làng chưa kịp bày trò chơi, như đánh cờ người, chơi đu-tiên, chèo chài-bơi, hát nhà-trò, v.v., thì quan Đốc sợ mất thì giờ, cho nên ngài lại đi xem cái chùa ở sau làng đã. Khi đi có cả hương-hào cùng đi nữa.

Từ đình vào chùa, đường đi xa chừng ba cây số, quanh-co khấp-khểnh, mưa mới ngớt, đường chưa khô, tuy không bùn lầy mấy, nhưng ướt-át khó đi. Khi đi đường, quan Đốc tìm các thứ đá thứ cây mà dạy cho học trò một cách rất rõ-ràng minh-bạch. Qua khỏi cánh đồng, vòng quanh dạng núi, thì đã thấy cái chùa nguy-nga trước mặt. Chùa làm trên một cái đồi cao, đàng trước có đồng ruộng, chung quanh có cỏ cây sầm-uất. Chùa có hai tòa, trong tòa đàng trước có bức hoành-phi đề ba chữ: « Nam-sơn-tự 南山寺 », nơi bốn phía gần nóc có chạm tứ-linh. Hai bên tả hữu có bệ thờ Long-thần, Thổ-địa và các vị cô-hồn. Ở trong tòa trên có cái bàn thờ để các tượng Phật. Ở ngoài hết có bốn cái bài-vị, hỏi ra mới biết là nơi thờ các sư già ngày xưa.

Khi trở ra về thấy bên sân chùa có cái bia đá, ở trên có khắc một dòng chữ lớn là « Trùng tu Nam-sơn-tự bi ký 重修南山寺碑記 » (bia ghi công cuộc tu-bổ chùa Nam-sơn). Còn lòng bia thì đại-khái nói chùa này là của một người họ Đặng làm ra trong năm thứ tám đời Quang-hưng nhà Lê (1586), tới năm Quang-hưng thứ mười thì có người họ Lê tu-bổ lại.

Xuống tới sân tầng thứ hai thì thấy hai bên cạnh sân có hai cái miếu thờ nho nhỏ, trong có tượng. Thầy trò vào xem, quan-sát hồi lâu thì nhận ra rằng tượng ấy là của người Lào làm ra. Quan Đốc có xin một cái tượng con đưa về nhà trường để làm đồ tàng-cổ.

Ra tới cửa tam-quan, quan Đốc có bảo chụp hai bức ảnh; một bức bên tả, và một bức bên hữu, chụp toàn cả giới-hạn phần đất nhà chùa.

Chụp ảnh xong, quan Đốc lại đi vòng quanh ra sau chùa để đi thăm mộ quan thám Nhất. Mộ ngài để trên núi, chung quanh có xây thành, chính giữa phía trước có cái bia đá. Ở ngoài bia lại có hai cái cột nạnh bằng gạch. Nơi ấy thực là cao ráo rộng rãi, nhưng vì mới dời tới đó được vài năm nay, cho nên chung quanh cũng chưa có cây-cối gì cho có vẻ sầm-uất tĩnh-mịch. Mặt trước cái bia đề một dòng chữ: « Nam-sơn Thám-hoa. Nguyễn Khả-Am Tướng-công thần-mộ 南山探花阮可庵相公神墓 ». Trong lòng bia thì kể lịch-sử của ngài (xem đoạn tiểu-sử ở sau). Bài bia này là của ông Hoàng Cao-Khải và ông Cao Xuân-Dục là hai người học trò của ngài soạn ra trong năm mậu-ngọ (1917) đời vua Khải-định.

Xem mộ xong rồi, quan Đốc bảo học trò đứng chung quanh bia để chụp hai bức ảnh: một bức trước bia, một bức sau bia, để kỷ-niệm một bậc đại-nho-sư, đại-khoa-hoạn trong tỉnh.

Chụp ảnh xong thì đồng-hồ đã quá mười giờ, thầy trò lại cùng nhau trở về đình để xem các trò chơi. Lúc bấy giờ ở trước đình, người đứng vòng trong vòng ngoài, chật ních như nêm. Ở sân đình bày cuộc đánh cờ-người, quân nam quân nữ bày hàng hai bên. Trong đình thì nhà-trò hát chầu thần. Ở đám đất phía dưới đình thì tâm ả thanh-tân đánh du-tiên. Dưới sông thì hai chiếc thuyền chèo bơi đương đua giải. Trống rung cờ mở, nhị-hồ bát-âm, giọng hát ả-đào trên bờ, tiếng hò quân bơi dưới nước, linh-đình rộn-rịp, tưởng không mấy đám hội mà được náo-nhiệt như thế.

Khi xem các trò chơi xong thì cụ Tú mời quan Đốc cùng các học trò vào nhà dùng cơm trưa. Vào tới nhà thì cơm nước đã sẵn, đồ ăn thanh-đạm sạch-sẽ mà lại vừa tươi vừa sốt, vả quan Đốc cũng thích ăn cơm an-nam, cho nên khi ăn ngài lấy làm vui-vẻ lắm.

Cơm nước xong, ngài lại đi lên núi Đồn tại làng Đông-sơn cách đó độ hai cây số để xem nơi quan thám Nhất dạy học trò khi xưa. Lên tới nơi thấy trên non dưới nước, phong-cảnh hữu-tình. Ở dưới chân núi kề bờ sông có một hòn đá rất lớn, mọc dựng lên như cái thành, mà nằm xiên xiêu ra, ở trên có khắc một hàng chữ ngang: « Tinh pha tọa lương xứ 晴坡坐涼處 » là chỗ của quan thám Nhất ngồi mát khi xưa. Đi vòng quanh tảng đá ấy mà lên tới bậc trên thì thấy ở trên ấy cũng có một tấm đá dựng đứng như cái bảng, ở giữa có khắc mấy chữ: « Đạt bản tự Nam-sơn Khả - am 達本字南山可庵 » (nghĩa là ngài tên là Đạt mà tên chữ là Nam-sơn Khả-am), ở trước tảng đá ấy có một viên đá lớn mọc lên như cái bàn, ở kề đó có xây một cái bệ bằng gạch, trên đề mấy chữ: « Hạ bút xứ 下筆處 » (là chỗ ngài khi xưa chấm bài làm văn), kề cái bệ ấy có cái bia, trên bia có mấy chữ đại-tự: « Lâm-hạ tùng du kí 林下從遊記 » (là bài ký nói việc học trò theo học với ngài khi ngài về hưu rồi). Trong lòng bia đại-khái nói chỗ này nguyên gọi là Đại-lãn, từ khi quan Thám tới ở đó mới đổi tên là Tam-bình-nham, đó là chỗ thầy trò dùi mài kinh sử, giảng đạo thánh-hiền; vân-vân... Dưới bia có đề: Cập-môn: Tấn-sĩ, Cử-nhân, Tú-tài, Ấm-sinh, sĩ-nhân, đồng bái 及門進士舉人秀才蔭生士人仝拜.

Đứng trên trông xuống con đường quanh-co dưới chân núi, người bộ-hành qua lại như thoi đưa, dưới sông thì thuyền ngược bè xuôi, tiếng chèo tiếng chống ầm ầm, thiệt là một nơi có sông có núi, có bến có đò, ai đã đi tới nơi cũng phải khen là nơi danh-thắng.

Dạo chơi núi độ nửa giờ, lại trở về đình Hoành-sơn. Khi quan Đốc về tới đình thì ngài bảo chụp mấy bức ảnh như là cờ-người, đu-tiên và chèo-bơi, nhưng tiếc thay lúc bấy giờ trời mưa hơi to hột, cho nên ảnh không được tốt lắm.

Tới chiều thì thầy trò lại xuống thuyền đi tới ga Yên-xuân để chờ xe lửa về Vinh.

Sự tích đình làng Hoành-sơn

Đình làng Hoành-sơn làm ra từ đời vua Hiển-tôn nhà Lê. Khởi-công làm từ tháng chạp năm nhâm-ngọ, là năm thứ 23 hiệu Cảnh-hưng 景興, tức là bắt đầu từ năm 1763, tới cuối năm sau (quí-vị, 1764) thì hoàn-thành, nghĩa là công-cuộc làm cái đình ấy tới gần một năm, mà kể từ khi làm xong đình tới bây giờ đã được 164 năm rồi.

Đốc - công làm cái đình này là một ông hưu-quan người họ thế-tộc trong làng. Ông tên là Đặng Thạc 鄧碩. Tổ-tiên xưa toàn là quan võ mà có nhiều người làm tới đại-tướng, chỉ tới ông mới thi đậu và làm quan văn mà thôi. Khi đầu ông làm Tri-huyện huyện Kỳ - sơn 祈山 (thuộc phủ Tương-dương, tỉnh Nghệ-an), và kiêm-lĩnh chức Thông-giám xem các toán quân ở phủ Trấn-ninh, cho nên người ta thường gọi ông là hầu Thông-giám. Khi về hưu - trí, ông được phong tước là Quảng - nghĩa - bá 廣義伯.

Khi ông mất rồi, thường năm tới kỳ lễ kỳ-phúc về vụ tháng sáu, thì làng biện lễ vào lễ nhà thờ để tỏ lòng nhớ ơn ông. Cái vườn đình bây giờ đó tức là mương đất của ông cúng cho làng.

Theo truyền - ngôn thì khi đầu, làng chỉ thuê có một hiệp thợ mà

thôi. Một hôm khi hiệp thợ này đã khởi-công làm được mấy ngày rồi, có một người ăn - mày tới xin nghỉ trọ một đêm ở nơi xưởng thợ đó. Tới đêm, người qua đường ấy nhặt mụn bào mụn đục lại nhen lửa mà sưởi, vì lúc bấy giờ là đương tiết lạnh lắm. Khi thợ-thuyền ngủ say rồi thì nó bắt lửa cho cháy lan tới một cái kẻ của bọn thợ kia vừa xoi chạm xong.

Sáng dậy, các thợ thấy vậy, bắt nó trói lại mà đưa trình các ông hào - lý trong làng.

Khi làng đòi vào hỏi thì tên ăn-mày ấy thưa rằng : « Vô-ý để lửa cháy hư mất cái kẻ của làng, thì cái tội ấy làng trừng-trị thế nào cũng đáng. Nhưng tôi thiết-tưởng làng cũng chẳng thiếu gì gỗ, vậy xin làng rộng lượng cho tôi một phiến gỗ và cho mượn các đồ khí-dụng cần-dùng để tôi xin làm lại cái khác mà đền lại cho làng. Nếu cái của tôi làm mà có vụng hơn cái mà tôi vừa đốt cháy đi đó, thì dẫu làng trị tới tội gì tôi cũng không dám kêu oan ».

Nghe mấy câu ấy thì mấy ông hương-hào biết ngay là một người thợ khéo mà giả dạng đi làm người ăn-mày, bèn cho nó mượn đủ các đồ khí-dụng cần-dùng mà bảo ra làm cái kẻ khác.

Người ăn-mày giả này cầm rìu ra đẽo một hồi, tuy mới thành hình qua qua, mà trông đã có vẻ xinh đẹp giản-giản hơn mấy cái của hiệp thợ kia làm.

Các ông hương-hào thấy vậy bèn nói với người ăn-mày ấy rằng : « Thế ra ông là một người thợ khéo mà chúng tôi không biết để thuê làm đình cho làng chúng tôi. Vậy bây giờ ông có bằng lòng ở đây làm không ? »

Người lạ ấy thưa rằng : « Xin vâng, được làng dùng làm công việc này thì vinh-hạnh cho tôi biết mấy. Nhưng tôi thì muốn làng cho tôi thầu mà làm một nửa thì hơn. Làng có ngại rằng lực tôi làm không nổi công việc lớn-lao ấy thì tôi xin làm một cái giấy giao-kèo, nếu tôi làm được khéo hơn hiệp thợ kia thì xin làng ban thưởng, mà nếu có không bằng họ thì xin làng phạt mà đừng phát cho đồng tiền công nào cả ».

Làng nhận lời cho người ăn mày giả ấy nhận làm một nửa và hai bên ký giấy giao-kèo với nhau.

Hiệp thợ kia tự-thị mình là giỏi, cho nên cũng ký một tờ giao-kèo như vậy.

Khi làm xong rồi, đưa hai bên so-sánh với nhau thì quả-nhiên phía của hiệp thợ sau làm khéo hơn.

Đến sau hỏi ra mới biết rằng người ăn-mày giả ấy tên là Chuẩn 準.

Tuy rằng hai hiệp thợ ấy đều làm theo kiểu-mẫu của làng cho, mà vì hai hiệp có ý ganh-đua nhau, rồi cứ làm giấu nhau, cho nên hai đầu xoi chạm đều có khác nhau, thí-dụ như cũng phượng cả, mà đầu thì chạm phượng đơn, đầu thì chạm phượng rậm ; cũng long cả mà đầu thì long ẩn, đầu thì long triều-nguyệt. Lại như hai đường thượng-ốc hai gian hai bên có khắc hai câu chữ hán, mà bên thì trở đầu vào trong, bên thì trở đầu ra ngoài.

Thuở xưa làm nhà thì tiền công riêng mà tiền dựng nhà riêng.

Khi công việc làm đình đã gần xong, hầu Thông - giám tới hỏi thợ giá tiền công dựng, thì hai hiệp đều đòi tới 400 quan. Ở đời bấy giờ thì 400 quan tiền là một số đã lớn lắm, hầu đã hai ba lần bàn với các thợ hạ giá đi mà họ cũng không chịu, bởi vì họ nghĩ rằng cái đình này từ cột cho tới đường ngang đường dọc ở trên toàn là to-lớn nặng-nề lắm, trừ họ ra thì tưởng không có ai tính được phương-pháp gì hay mà dựng cái đình này cho nổi.

Bất - đắc - dĩ hầu Thông - giám mới bảo các thợ rằng : « Vậy các thợ hãy cứ làm cho xong đình đi, để tôi hội làng lại mà hỏi ý-kiến xem sao đã, rồi sẽ tin lại các thợ biết ».

Hầu Thông-giám dẫu đã nghĩ được phương-kế dựng đình rồi, nhưng muốn dò cho biết các thợ ấy có cách gì giản-tiện hơn không, mới nhân ban đêm đi lẻn tới sau xưởng thợ rồi đứng nấp mà nghe họ bàn-bạc cách dựng đình với nhau, thì quả-nhiên cũng đồng một ý-kiến với hầu.

Bởi vậy khi đình làm xong rồi thì hầu ra tính tiền trả cho thợ mà nói với họ rằng : « Bây giờ chưa chọn được ngày dựng, vậy các thợ hãy cứ về nghỉ, rồi khi nào làng chúng tôi chọn được ngày lành tháng tốt lại sẽ cho người tới tin để các thợ tới mà soạn sửa việc dựng đình ».

Khi các thợ về cả rồi thì hầu sức chỗ dân trong làng có bao nhiêu rơm rạ phải gánh ra chỗ làm đình hết cả, và phát tiền mua các dây thừng sẵn-sàng rồi, thì hầu bắt dân trong làng ra mà dựng đình. Các cột các rường nặng quá, cất một lần không nổi thì cứ cất lên được chừng nào lại cứ dùng rơm rạ mà độn lên dần dần. Hầu cứ dùng cách như vậy mà dựng xong được cái đình.

Hai hiệp thợ kia ở nhà mãi mà không thấy người tới bảo đi dựng đình thì lấy làm mong-mỏi, bèn rủ nhau đi lên mà dò xem tin-tức. Khi tới nơi thấy đồng-ông đình đã dựng xong rồi chỉ còn hoành-tử và rui-mè nữa mà thôi, thì ai nấy đều lấy làm kinh-ngạc.

Đình này năm gian hai chái, toàn bằng gỗ lim và cao rộng lắm, cột cái chu-vi tới hơn thước năm tây. Các kiểu xoi chạm trong đình phần nhiều là dùng các cổ-tích và các đám hội trọng-thể, như « Thành-Thang sinh Y-Doãn 成湯聘伊尹 » là tích vua hiền đi đón tướng giỏi ; « Hán-sứ chiêu tứ hạo 漢使召四皓 » là tích vua sai sứ đi rước các bậc hiền-nhân ở ẩn ; « Kim bảng toàn trung 金榜全中 » và « Vinh qui bái tổ 榮歸拜祖 » là để tả cái vinh-diệu của các tân-khoa khi yết bảng và khi về làng bái-yết tổ-tiên, vân-vân.

Nhận xem các đường xoi nét chạm thì chỗ nào cũng rất tinh-xảo tuyệt vời, cho nên các khách du-quan tới xem ai cũng cho thợ ấy là bậc thiên-tài, chứ người thường không thể làm nổi. Bởi vậy mới có cái bài tiểu-thuyết « *Nam-hoa mộc-tượng-ký* 南花木匠記 ».

Người đặt ra chuyện ấy tuy cũng là một người còn mê-hoặc dị-đoan, nhưng cũng vì thấy các đồ chạm trổ trong đình đều có vẻ tuyệt - diệu nên mới tưởng-tượng mà đặt ra, cho nên chuyện ấy tuy là một chuyện hoang-đường, nhưng cũng đủ mà hình - dung cái tài cái khéo xuất-trần của các thợ làm đình Hoành-sơn vậy.

Nguyên chuyện « *Nam - hoa mộc - tượng-ký* » chép rằng khi đình làm xong rồi, vua Long-vương 龍王 thấy cách-thức khéo quá, bèn sai thủy-thần lên đòi Chuẩn xuống bảo làm các cung-điện ở dưới thủy-phủ cho ngài. Thợ Chuẩn ở thủy-phủ ba năm làm xong mấy tòa cung-điện rồi thì Long-vương sai sứ đưa về mà thưởng cho vàng bạc và các đồ châu-bảo rất nhiều.

Theo như chuyện ấy thì Chuẩn là người trong tổng (tổng Nam-kim bây giờ, ngày xưa gọi là Nam-hoa) mà có lẽ là người làng Trung-cần. Nhưng có một lẽ khả-nghi lắm, là : Trung-cần và Hoành-sơn là làng trên xã dưới với nhau, mà Chuẩn là một người thợ khéo vô-song về thời bấy giờ, như phỏng Chuẩn quả là người Trung-cần, thì không lẽ khi làm cái đình như vậy mà làng Hoành-sơn không biết mà thuê, thậm-chí tới khi nó giả dạng làm ăn-mày tới thử mà cả thợ cả làng không một người nào biết cả. Có lẽ là Chuẩn vẫn người Trung-cần, nhưng vì khi trẻ

cực-khổ quá, phải tha-phương cầu-thực, rồi nhân học được nghề thợ mộc, lúc bấy giờ học thành nghề rồi trở về làng, thì vừa gặp được nhịp ấy, cho nên cũng chưa ai quen biết gì anh ta.

Đình Hoành-sơn là chỗ hội-đồng tế tam-tòa, tứ-vị, và mấy vị thần trong làng. Thường năm tới kỳ tháng sáu thì có một lần đại-lễ, rước cả các thần trong làng tới hội-đồng ở đình mà tế, lễ ấy gọi là lễ tế « Kỳ-phúc 祈福 » mà cũng có gọi là « Lục-nguyệt 六月 » là vì tế nhằm vào tháng sáu.

Trong làng Hoành-sơn, về việc tử-tăng thì có năm phường, mà lo việc vua-quan thì có bốn giáp, cho nên ở hai bên gian giữa đình, có khắc hai câu rằng:

« Ngũ phường kiêm ngũ phúc 五坊兼五福 »

« Tứ giáp điện tứ duy 四甲奠四維 »

Nghĩa là năm phường gồm có cả năm phúc là phú (富 giàu) quí (貴 sang) thọ (壽 sống lâu), khang (康 thong-thả), ninh (寧 yên-ổn); mà bốn giáp giữ vững bốn diềng là lễ (禮), nghĩa (義), liêm (廉) và sỉ (恥).

Tiểu-Sử quan thám Nhất Nguyễn Đức-Đạt

Ngài tên húy là Đạt 達, hiệu là Nam-sơn 南山, mà tên chữ là Khả-am 可庵, con đầu cụ Nguyễn Đức-Hiền, 阮德顯. Cụ khi trước đậu hương-cống (tức là Cử-nhân), làm quan tới Lang-trung đời vua Tự-đức.

Ngài thông-minh tài-bộ lắm, cho nên có câu hát rằng: « Thi thất bộ ví so Tào Tử-Kiến, bậc tài-danh xem tám đầu bằng ngang », nghĩa là tài làm văn mau của ngài nếu đem so với tài ông Tào Tử-Kiến ngày xưa trong bảy bước làm xong bài thơ thì cũng không thua kém gì vậy.

Người ta thuật chuyện rằng: Khi ngài còn học-trò thì ông Nguyễn Văn-Giao 阮文交, người làng Trung-cần, đậu Thám-hoa thứ hai đồng-khoa với ngài, tuy đã trạc chừng năm mươi, nhưng cũng chưa đậu và đương dạy học trò ở nhà. Một hôm ngài nghe ông Nguyễn Văn-Giao có quyển vở lược pho *Thái-ất-thần-kinh*, thì thân-hành tới nhà để mượn về mà xem. Nhưng ông Nguyễn Văn-Giao nói rằng: « Các cậu bây giờ đương buổi thanh-niên, nên chăm xem các sách cử-tử, như ngũ-kinh, tứ-thư, bách-gia, chư-tử, để mà lo tranh-khôi đoạt-giáp cùng thiên-hạ, chứ đã xem những sách này làm gì. » Nói thế rồi không cho mượn. Ngài thấy nói thế cũng không dám nài nữa. Nhân khi ông Nguyễn Văn-Giao đi vào nhà trong, ngài mới lấy cuốn vở ấy tới nằm nơi cái phản ở một khóe nhà rồi giở ra mà đọc từ đầu tới cuối. Tới chiều hôm ấy lại đưa cuốn vở ấy tới nơi cũ mà để như khi trước rồi giở ra về. Về tới nhà ngài mua thứ giấy một khổ như thứ giấy cuốn vở ấy mà biên trầm lại cả pho *Thái-ất-thần kinh* của ông Nguyễn Văn-Giao đã lược ra. Ngài lại kiếm một đôi bìa cũng như đôi bìa cuốn vở của ông Nguyễn Văn-Giao mà đóng lại tử-tế, rồi sai ông em đưa tới cho ông Nguyễn Văn-Giao. Ông này khi mới trông thấy, đã tưởng là của mình, sau xem lại mới biết là của ngài mới biên lại và thấy vở của mình còn y-nguyên ở đó thì đã phục cái thông-minh của ngài, tới khi giở ra đọc từ đầu đến cuối thấy không sai một chữ nào thì lại lấy làm kinh-ngạc và kính-phục vô-cùng.

Ngài lại có cái tài xem sách lanh hơn người thường. Người ta đã trông thấy khi ngài chấm bài của học-trò, bút đương điểm ở hàng trên, mà nhiều khi đã nhảy xuống khuyên hay là sổ những chữ hay những câu ở hàng dưới rồi.

Lại có một hôm ngài đương bận chấm bài học trò cho kịp ngày bình-

văn mà bị các quan tỉnh đòi nhà trò tới rồi ép ngài phải cầm chầu cho chúng nó hát. Ngài cứ tay mặt cầm bút chấm bài, tay trái cầm giùi đánh trống mà miệng thì chuyện trò cùng các quan, thế mà không hề sai lạc chút nào cả. Từ đó ai cũng phục ngài là tay thông-minh bậc nhất.

Ngài tính ham xem sách mà xem đâu nhớ đó, cho nên sách nào ngài cũng nhớ cả. Ngài sinh năm ất-dậu (đời Minh-mạng (1825). Năm mười lăm tuổi thì hạch đậu Đầu-xứ. Năm ất-tỵ đời Thiệu-trị (1845) là năm ngài hai-mốt tuổi, thì ngài thi đỗ Cử-nhân. Năm Qui-sửu là năm thứ sáu vua Tự-đức (1853) thì ngài thi đậu đình-nguyên, sắc-tứ nhất-giáp Thám-hoa cập-đệ.

Khi ngài đậu Thám-hoa rồi vào dâng biểu tạ, đức Tự-đức có ra cho ngài một câu đối : *Lễ, nhạc, chính, phạt, tự thiên tử xuất* ; 禮樂征伐自天子出, mà ngài đứng đối ngay được rằng : *Lưu, liên, hoang, vong vi chư-hầu ưu.* 流連荒亡爲諸侯憂.

Ngài đậu rồi thì được bổ vào tòa Nội-các, sau lại bổ vào sở Kinh-diên.

Năm qui-hợi được bổ làm Đốc-học tỉnh nhà.

Năm ất-sửu (1856) bổ về Kinh làm chức Ngự-sử.

Năm kỷ-tỵ được thăng Án-sát tỉnh Thanh-hóa, sau lại thăng làm Bố-chánh, rồi lại thự Tuần-phủ tỉnh Hưng-yên.

Năm qui-dậu (1873) thành Hà-nội thất-thủ, rồi thành Hưng-yên cũng bị chiếm-đoạt.

Ngài thấy trong nước đương cơn rối-loạn, mà mình thì đã không có tài thao-lược, để mà giẹp loạn phẩn-binh, lại đương lúc trong người lâm bệnh, nghĩ ở lại cũng không có bổ-ích gì cho cuộc trị-bình trong nước. Bởi vậy ngài bèn dâng sớ cáo bệnh xin về hưu-trí. Năm ngài cáo quan về là về năm bính-tý, tức là năm thứ hai-mươi-chín vua Tự-đức (1876). Lúc ấy ngài mới 52 tuổi.

Ngài làm quan trong khoảng hơn hai mươi năm, mà khi thì đình-trưu, khi thì bị bệnh, cáo giả luôn luôn. Vả ngày tại công đã ít như vậy, mà phần nhiều lại khi thì ở tòa Nội-các, khi thì ở sở Kinh-diên, và khi thì để làm giáo-chức, chỉ mấy năm sau mới đi làm Án-sát, Bố-chánh ở Thanh-hóa và Tuần-phủ ở Hưng-yên mà thôi. Bởi vậy chính-tích của ngài không có mấy, chứ cái tài về chính-trị của ngài thì thiết-tưởng cũng không thua kém gì ai. Xem như khi ngài thự Tuần-phủ ở Hưng-nguyên, là gặp hồi loạn-lạc, tỉnh nào cũng bị nhiễu-nhương về việc binh-cách trong mấy năm, và trộm cướp dấy lên như ong, dân-sự khổ lắm, thế mà trong hạt của ngài cai-trị, cái vạ binh-cách đã không có, mà trộm cướp cũng giẹp yên được trước, cho nên vua Tự-đức có hạ chiếu ban khen, cho được thực-thụ Tuần-phủ tỉnh ấy. Vả khi ngài làm Án-sát ở Thanh-hóa, ông Võ Trọng-Bình là một vị đại-thần rất tận-tâm đời vua Tự-đức, có sát tấu rằng : « Mân ứng-biến, thiện lại-sự 敏應變善吏事 » nghĩa là ứng biến thì lanh, việc quan thì giỏi. Thế thì ngài là một nhà đại-chính-trị đời bấy giờ vậy.

Đời người của ngài chia ra làm ba hồi khác nhau mà hồi sau hết là hồi ngài đã về hưu-trí rồi thì chính là hồi mà ngài làm được nhiều sự-nghiệp lớn-lao, thiệt là hồi vẻ-vang nhất trong đời người của ngài.

Khi về nhà rồi thì ngài chăm về việc giáo-dục. Trong khoảng một năm mà học trò kể có hàng mấy trăm mà phần nhiều lại toàn là các bậc danh-sĩ cả. Mỗi tháng ba kỳ ngài đưa học trò lên bến Đại-lãn dưới chân núi Đồn thuộc làng Đông-sơn mà bình văn, vì chỗ ấy trên thì núi, dưới thì sông, mà dưới chân núi lại có đá mọc dựng

lên như thành mà chia làm ba bậc, trông như ba cái bình-phong, cho nên ngài đổi tên chỗ ấy ra là « Tam-bình-nham 三屏岩 ».

Tấm đá ngoài hết mọc xiêu xiêu ra, khi mưa khi nắng, có thể che được mươi người. Đó là chỗ ngài thường ra ngồi mát, cho nên ngài có khắc ngang ở trên mấy chữ : « *Tình-pha tọa-lương xứ* 晴坡坐涼處 ». Ở hai bên có đề câu đối : « *Huyền hàn giai đế-tứ* 玄閒皆帝賜 » ; « *Miễn ngưỡng hữu Thiên-lâm* 俛仰有天臨 ». Ở bên hữu về phía trên tấm đá ấy, học trò có khắc hai chữ « *Ngưỡng chi* 仰之 » cực lớn.

Ở bậc thứ hai, có một viên đá đứng dựng như cái tường, ở phía đông-bắc viên đá ấy có một tảng đá bằng như cái phản, là chỗ buổi chiều ngài thường ra đó nằm mát, cho nên trên viên đá đứng ấy ngài có khắc hai chữ « *Bán tiên* 半仙 » cực lớn, và bốn chữ « *Chủ-nhân thụy-xứ* 主人睡處 » vừa vừa.

Ở bậc thứ ba là bậc trên hết, có một tấm đá nữa, cũng lớn và cũng dựng như bức tường. Ở đó ngài có khắc mấy chữ : « *Đạt bản-tự Nam-sơn khả-am* 達本字南山可庵 ». Trước tấm đá ấy có một tảng đá nằm như cái sập, đó là chính chỗ ngày xưa ngài dùng làm cái bàn để chấm bài làm văn. Bởi vậy khi ngài mất rồi, học trò có xây một cái bệ ở kề đó mà đề ba chữ « *Hạ-bút xứ* 下筆處 ».

Học trò ngài thành-đạt kể có hàng trăm, mà đại - khoa đại - hoạn cũng nhiều ; Đại-khoa thì như ông Nguyễn Chính, Nguyễn Đức-Quí, Đặng Văn-Thụy, đậu tới Hoàng-giáp ; đại-hoạn thì như ông Hoàng Cao-Khải, Cao Xuân-Dục, Cao Xuân-Tiếu, ông thì làm tới Văn-minh-điện-đại-học-sĩ, phong tước quận-công, ông thì làm tới Đông-các-đại-học-sĩ, phong tước Tử, ông thì làm tới Hiệp-tá-đại-học-sĩ.

Chẳng những ngài là đại-học-vấn-gia, đại-chính-trị-gia, và đại-giáo-dục-gia mà thôi, ngài lại là cả đại-trước-thuật-gia nữa. Khi về hưu ở nhà dạy học trò thì ngài có soạn ra được rất nhiều sách vở. Chẳng may gặp loạn năm giáp-tuất, nhà ngài bị thất-hỏa, rồi sách-vở cháy gần hết, bây giờ chỉ còn lại :

1° *Nam-sơn-tùng-thoại* ;
2° *Cần-kiệm-biên* ;
3° *Bắc-sử-tổng-vịnh* ;
4° *Việt-sử-đẳng-bình* ;
5° *Nam-sơn-song-khóa* ;
6 *Khả-am-văn-tập.*

Ngài về hưu được hơn mười một năm, tới tháng chín năm đinh-hợi (1887) thì mất, thọ được sáu-mươi-hai tuổi.

Con trai ngài một người đậu cử-nhân, một người đậu tú-tài.

NGUYỄN ĐỨC-TÁNH

HI-LONG DI-THẶNG

希龍遺乘

Dật-sử một nhà nho nước Nam : Cụ Đặng Xuân Bảng tự Hi-long (1)

VI

XVI

Cáo về nuôi mẹ nơi quê.

Tiêu-dao vườn cúc chán nghe việc đời.

Triều vua Tự-đức thứ 32

(Tây-lịch năm 1879)

Năm-mươi-hai tuổi, đương ở đồn Yến-mao, cáo về nhà nuôi mẹ, cùng với em trai là ông Toản sớm khuya phụng-dưỡng.

Bà cụ đã ngoại bảy-mươi tuổi, tính vẫn siêng-năng. Ông đã làm quan, ông Toản đỗ cử-nhân làm Giáo-thụ, mẹ vẫn giữ nghề kéo bông, tối nào cũng hết trống hai mới đi ngủ, quần-áo vẫn nâu-sồng, không tưởng mình là mẹ ông quan.

Ông kêu rằng :

— Nay mẹ già, bóng tang-du không được mấy lúc, xin mẹ nghỉ-ngơi dưỡng-thọ, để chúng con dưới gối thừa-hoan, kẻo người ta cười con làm nên mà để mẹ khó - nhọc, thời chúng con không yên lòng.

Bà cụ nói :

— Nhà ta vốn thanh-bạch, nay nhờ ơn trời phúc tổ, chúng con bước lên được, mẹ có bụng mừng ; nhưng chỉ sợ con cháu sau này theo lối nhà quan sa - hoa không biết cần-kiệm, nên ta càng phải siêng-năng để con cháu làm gương.

Một hôm sợ mẹ làm mỏi - mệt, đem giấu cả xa-quay biệt đi một chỗ. Bà cụ mắng rằng :

— Đồ làm của tao đâu, đem trả tao, tao ngồi rỗi thì sinh ốm ngay.

— Thưa mẹ, mẹ có yếu xin lấy thuốc mẹ xơi.

— Tao không phải uống thuốc, hễ có việc gì làm thì tao lại khỏe ngay. Chúng con thử xem xưa nay người nào cần cũng thọ, vì làm thời chân tay vận-động, ăn uống chóng tiêu, thời người lại khỏe.

Tự đấy không dám can nữa.

Bà cụ bảy-mươi-tám tuổi bị yếu, ông cùng với em đêm ngày cơm nước thuốc-thang, mình thân-hành phụng-dưỡng không dám rời cho bầy-tớ. Được ít lâu bà cụ mất, ông thương nhớ, hướng trước minh-sảng khóc mà than rằng :

Sương rơi thềm bắc,
Bóng ngả non tây.
Hơi xuân ấm cỏ,
Ngọn gió rung cây.
Nhớ xưa còn mẹ,
Mọi về mọi hay.
Bây giờ mất mẹ,
Ngày vắng một ngày.
Cù-lao đức nặng,
Non biển khôn tầy.
Việc nhà việc nước,
Lòng con khôn khuây.

---

(1) Xem N. P. từ số 132-136.

Mẹ đi đâu vội,
Càng nghĩ càng cay
Như cây lìa cỗi,
Như đờn đứt dây.
Lòng thương xiết kể,
Trời cao đất dầy!

Tang mẹ ba năm, tấm lòng thương xót không tưởng đến việc quân - quốc nữa. Đương triều vua Tự-đức năm 35 binh nước Pháp lại giữ thành Hà - nội. Ông Hoàng-Diệu tự-tử ; lúc gần chết cắt ngón tay lấy máu viết thư để lại :

« Thương ôi ! Giang-sơn cầm-tú, không ngờ đến nỗi này. Có thành không giữ được thành, sống cang thêm thẹn với những sĩ-phu xứ Bắc-kỳ, chết còn mặt mũi nào trông thấy ông Nguyễn Tri-Phương ở dưới chín suối !»

Viết xong bèn nghĩ cách tự-tử, rút khăn trên đầu mà nói rằng : « Cái này là cái vật tuyệt-mệnh của ta đây.» Liền nhắm mắt nghiến răng lại, cầm cái khăn ấy thắt vào cổ mà tự-tử.

Khi ấy lại có Thủ-khoa Nguyễn Cao, tụ đảng hơn ngàn người mưu chực khôi-phục tỉnh-thành. Quân nước Pháp bắt được, dụ cho làm quan, không nghe ; tự nghĩ rằng : « Cơm vua áo chúa, đội ơn Triều - đình, nay Triều-đình có việc, mà mình để đến nỗi thất - cơ như thế này, thời cũng không nên sống, quyết lòng liều chết khăng-khăng, dẫu mà sống đục sao bằng thác trong ». Bèn rút dao con ở trong túi đâm vào bụng một nhát, lần ruột ra, lại cầm dao cắt lưỡi mà chết. Người Pháp trông thấy đều cho là người can-đảm. Có người nghĩa - sĩ viếng câu thơ rằng :

So gan trời đất phơi lòng đỏ.
Cắn lưỡi non sông rội máu hồng.

Quan Tổng-đốc tỉnh Nam-định là ông Vũ Trọng - Bình nghe tin quân Pháp giữ thành Hà-nội bèn hịch cho các hưu-quan trong hạt phải lên tỉnh bàn việc. Bấy giờ các hưu-quan đều bàn xin mộ quân để cố-thủ. Ông nói : « Việc ấy các ông nên làm, duy tôi không nên làm ».

Ông Bình hỏi vì cớ gì,

— Tôi là bại-tướng ở Hải-dương, biết tài mình đã không làm được lại còn khẳng-khái bàn việc binh, chả sợ kẻ thức-giả cười hay sao ?

Ông bèn lui về.

Năm Tự-đức thứ ba-mươi-sáu (tây-lịch năm 1883), tướng Pháp lại đem quân giữ đánh thành Nam-định. Ngày hôm trước tàu đóng ở ngoài cửa sông Vị-hoàng, hàng phố biết tin lo sợ. Đến đêm các nhà buôn-bán ở phố-thành, hòm-siểng đồ-lề, bầu-đàn con-cái đều kéo nhau đi như kiến, lên chợ Vị-hoàng. Ngày hôm sau, tàu vào đóng bến sông Ngự, bắn vào cửa đông. Cổng thành kiên-cố không vỡ, quân Pháp trèo lên dẫy nhà gác hàng khách buôn chõ súng bắn vào thành. Các quan tỉnh chống không nổi, bỏ chạy. Đến ba giờ thì thành thất-thủ. Lúc ấy ông Đề Điếm vén quân chống đánh cửa Đông, quân Pháp bắn trúng hai dấu ngang đùi, mà ông Điếm vẫn còn hăng-hái ; cưỡi con ngựa ô xông vào trận-tiền. Đạn trúng giữa bụng lòi ruột ra, ông cầm ruột nhét vào rồi cởi thắt lưng thắt ngang bụng bọc lấy ruột, quyết-chí đánh liều chết, nhưng đau quá không thể gượng được, mới chạy về đến Văn-miếu vật đùng ra chết. Con ngựa Ô rất có nghĩa, thấy ông Điếm chết, điên cuồng lên chạy lồng trong tỉnh suốt hai ngày, không cái gì ngăn được, không gì giữ lại được, rồi chạy về chỗ ông Điếm kêu gầm lên mấy tiếng lăn ra chết nốt.

Lại có người Nguyễn Phu là con quan Án Kiến (người làng Đông-trung Thái-bình) cũng là tay nghĩa-sĩ. Khi quân Pháp đã chiếm được thành mà ông ta còn trèo lên cột cờ hô quân đánh ; nhưng chẳng bao lâu cũng bị súng bắn

chết. Dân-hạt trong tỉnh-kinh sợ. Tri-phủ Xuân-trường là ông Nguyễn Huy sai người cần-tín cầm thư mời ông đến phủ bàn việc. Trong thư nói rằng :

« Tỉnh-thành Nam-định thất-thủ. Huy này cũng toan bỏ phủ đi, nhưng chỉ trông cậy có ông là bậc lão-thành, xin mời lên để giúp chuyện. Nếu ông không đến, Huy này xin bỏ phủ đi.»

Ông dặn người cầm thư về nói với ông Huy rằng : không bao lâu Triều-đình giảng-hòa, quan phủ hãy lưu ở lại để đợi mệnh Triều-đình, không nên đi. Nay ta cũng muốn đến phủ nói chuyện, nhưng hiềm vì phủ cách tỉnh không xa, muốn làm việc gì phải cần sức cho các xứ đạo-trưởng biết, không thế thì tỉnh ngờ mình có bàn riêng chuyện gì chăng, sợ ngộ-sự.

Người cầm thư nói : « Quan phủ tôi đã sức cho các đạo-trưởng biết cả rồi». Ông bèn hỏi thân-hữu trong làng bảo rằng :

« Làng ta là làng có danh tiếng trong phủ, nay quan phủ tự nguy, mời ta đến mà ta không đến, chắc là ông phủ bỏ đi thời dân không có người cai-trị, lại sợ lòng dân náo-động, làng ta lây vạ đến nơi.»

Ông cùng với năm sáu người đến phủ. Quan phủ thấy ông đến ra nghênh-tiếp, mừng quá nói rằng :

— Mấy hôm nay tôi mong ngài đã đỏ cả mắt, may làm sao lại được thừa-nhan, thật lấy làm hân-hạnh lắm. Nay quân nước Pháp giữ tỉnh, trong phủ ta có ngài là bậc lão-thành kiến-thức, xin ngài nghĩ thế nào để cho dân hạt được yên.

— Nay hoà-ước đã định gần xong, nên cần hịch cho trong phủ biết, các dân xã cứ yên-ổn làm ăn như thường để đợi mệnh, không được náo-động ; nếu không tuân trị tội.

Tự đấy có lời hịch xuống, dân-hạt khỏi xôn-xao huyên-náo như trước.

Quả-nhiên ông Nguyễn Trọng-Hợp, Khâm-sai đại-thần phụng-mạng ra Hà-nội giảng-hòa. Vua sắc cho chư-tướng các tỉnh phải bãi-binh về.

Sắc rằng :

« Khi nhà nước có việc, làm tôi phải nên hết lòng hết sức, vì dân vì nước thủ-tử, nhưng phải biết nên làm thì hãy làm, nếu không biết mà cưỡng làm thời tổn tướng hao binh, mà không có bổ-ích gì cho nên xã-tắc. Nay cửu-trùng đã có chỉ chuẩn cho giảng-hòa với nước Pháp thời chư-tướng phải nên tuân lời không được giữ binh như trước nữa. »

Lúc ấy ông Hoàng Kế-Viêm tiết-chế đại-thần, ông Nguyễn Thuật tân-lý Hải-dương, ông Tạ Hiện đề-đốc Nam-định không tuân lệnh, chủ-ý đánh, không chịu hòa. Những hào-mục các tỉnh đều khởi binh ứng-mộ. Tổng-đốc Nam-định là ông Phan Đình-Bình đóng ở Vụ-bản sai người đưa thư mời ông lên chơi.

Thư rằng :

« Nam-định là cự-trấn xứ Bắc-kỳ, ngài là bậc cựu-thần lão-luyện ở tỉnh Nam, tôi với ngài lại là bạn đồng-khoa, quen biết nhau, lâu nay vẫn có lòng mong-mỏi muốn đón ngài lên để nói chuyện cần, xin đừng từ chối. »

Ông tiếp được thư, không biết chuyện gì cần vội-vội vàng-vàng lên ngay.

Ông Phan nói :

— Tôi muốn cử ngài thương-biện tỉnh-vụ, đương lúc lắm việc để ngài giúp đỡ tôi. Ngài nghĩ sao ?

— Tôi từ khi ở đồn Yên-mao về đến nay, cam lòng chỗ điền-viên, truyện đời không muốn nói đến nữa. Nay ngài nghĩ như thế, cũng xin đa-tạ cố-nhân có lòng quyến-ái. Nhưng năm nay đã gần sáu mươi tuổi, tự nghĩ như là người đàn bà đã hai thứ tóc, nhạt phấn phai hương, lại còn toan mượn mầu son phấn tô-điểm để chực đi lấy chồng khác hay sao ?

Ông Phan mỉn cười :

— Ngài dạy quá lời, tôi tưởng làm đàn bà có gánh vác giang-sơn mới là nữ-trung hào-kiệt, nếu cứ đi tu cho già đời còn nói chi nữa.

— Ngài dạy thế cũng phải, nhưng tôi nghĩ như tôi, giang-sơn gánh vác đã trải mấy lần, đến bây giờ còn gì là duyên nữa. Lời ngạn nói : « *Bảy mươi chống gậy ra đồng, bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng? Thầy bói gieo quẻ đoán rằng : lợi thì có lợi nhưng rằng không còn.* » Nếu như thế sợ làm bia miệng cho bọn hồng-quần, người ta cười, càng già càng to cái dại. Xin thôi.

Ông Phan gật đầu cười :

— Ngài đã quyết ý như thế, tôi không dám cưỡng.

Ông bèn từ về.

Khi về đến giữa đường, gặp ông Tạ Hiện, ông Phạm Văn-Giảng (nguyên Bố-chính Thanh-hóa) dắt tay mời vào hàng nói chuyện tri-kỷ :

— Nay Triều - đình có nghị giảng-hòa, ý ông nghĩ thế nào ? Xin ông biểu cho chúng tôi biết.

— Chiếu bãi-binh, lệnh Triều-đình đã bảo các ông đó, việc gì lại phải hỏi đến tôi. Kia vua nhà Tống có lệnh Kim-bài bắt phải đem quân về, ông Nhạc-Vũ-Mục còn không dám trái lệnh, phương-chi sự-thế bây giờ, nước Pháp so với nước Kim, binh-khí có phần thập-bội. Nay các ông lại toan chống-cự, khác gì con bọ ngựa đương với cái bánh xe, thì đương làm sao nổi ?

— Việc bãi - binh không phải bản-ý của Triều-đình.

— Tôi vẫn biết Triều - đình thế bất-đắc - dĩ, nhưng việc binh không có lệnh Triều-đình mà mình cưỡng làm, tôi sợ binh ít thế không đương được. Quân nhiều thời lương-xướng khí - giới cũng phải nhiều, lấy gì mà cung-cấp cho đủ, thế phải quyên ở dân-gian, nhưng dân-gian thấy không có lệnh vua thời họ không bằng lòng quyên. Nay tổng lương dân này, mai tổng lương dân khác, sách-tổng họ cũng không nghe, thế phải lấy uy-hiếp, uy-hiếp thời lại phải chém giết đốt phá để cho họ sợ, sợ thì sinh oán, oán thì có họa bất-trắc sinh ở trong kẽ nách, không kịp phòng ; vạn-nhất mình có chiêu-mộ được binh-xướng, nhưng người Pháp trách-cứ Triều-đình phải tróc - nã giải nộp, lúc bấy giờ các ông lại chống mệnh Triều-đình hay sao ? hay lại bó tay ra hàng ? Xin các ông nghĩ cho kỹ.

— Quả như ông nói thì giang-sơn nước ta đành để tay người khác chiếm mất hay sao ?

— Không phải thế. Liệu gió chiều nào che chiều ấy, anh - hùng hào - kiệt phải nên thẩm-thời đạc-thế, lúc nào nên làm thì sẽ làm. Thử hỏi binh - khí của mình có giỏi không ? Pháo đạn của mình có mạnh không ? Tinh-thần thể - phách quân mình có đối-địch với người ta được không ? Nếu sức không đủ mà lại cưỡng làm thì không những là hao - tổn binh-tướng, mà lại sợ hại đến cả đồng-bào. Tôi thiển-nghĩ như thế, còn tùy ý các ông.

Nói xong bèn từ - biệt.

Đương Tây - lịch năm 1883, vua Tự-đức mất. Nhân vì ba đồn cửa Thuận thất-thủ, vua lo nghĩ quá sinh bệnh, để tờ di-chiếu dựng con nuôi là ông Dục - đức làm kế-tự. Đại-thần là ông Nguyễn Văn-Tường và ông Tôn-thất Thuyết có chỉ phế-lập tâu đức Từ-cung bỏ ông Dục-đức dựng con đức ông Kiến-Thụy là ông Văn - Lãng làm vua, kiến-nguyên Hiệp-hòa. Vua Hiệp-hòa bị phế, dựng vua Kiến-phúc. Nghe tin ai-chiếu, ông có thơ cảm-hoài rằng :

I

Ba mươi năm trước trải bao lâu,
Đài-viện trâm-hoa vẫn chực chầu ;
Giấc mộng quân-thiều lòng vẫn nhớ,

Tiếng kèn Âu-hải bụng thêm rầu;
Móc mưa còn chửa đền ơn trước,
Non biển mong gì báo kiếp sau;
Long ngự thượng tâu nghe có chiếu,
Hai hàng giọt lệ nước tuôn sầu.

II

Ngọc bệ lo buồn trải bấy nay,
Xe rồng bỗng đã cách trời tây;
Ba cung còn dợi thừa-hoan đó,
Chín miếu ai là chủ thưởng đây;
Mở bức du-đồ coi cũng tiếc,
Đùng cơn dâu bể nghĩ mà cay;
Việc triều việc nước e còn rối,
Kinh-tế ra tài dễ mấy tay.

Vua Kiến-phúc lên ngôi, đương tây-lịch năm 1884, nước Pháp đánh lấy tỉnh Bắc-ninh, Hưng-hóa và Tuyên-quang. Quan Khâm-sai toàn-quyền là Phạm Thận-Duật, Công-bộ tham-tri là ông Tôn-thất Phan, tuân mệnh ra Bắc-kỳ thương-nghị hòa-ước, nhận nước Pháp là nước bảo-hộ. Tự đấy trở đi, nước mình có giao-thiệp với ngoại-quốc việc gì đã có nước Đại-Pháp thay quyền. Không bao lâu vua Kiến-phúc mất. Đình-thần vâng lệnh ba cung (Từ-dụ Thái-hoàng Thái-hậu, Khiêm-hoàng-hậu, hoàng-phi) rước đức ông là con nuôi thứ ba vua Dực-tôn lên nối ngôi, niên-hiệu Hàm-nghi. Quan Thượng-thư bộ Binh Tôn-thất Thuyết giữ binh-quyền, sung chức thủ-tướng, tâu vua xin dùng cựu-thần; chiếu đòi ông lập tức phải vào Kinh hậu-giản. Ông tự nghĩ rằng ông Tôn-thất Thuyết quá nghiêm-khắc, chiêu-oán cũng nhiều, nay ta vào Kinh theo ông ấy thời không phải, mà không theo ông ấy cũng không được; bèn cáo lão, vua không cho. Ông cố-ý xin cáo, có sớ rằng:

« Hạ thần tự lúc xuất-thân trong hai mươi năm, lịch-lị trong ngoài, mười lần theo việc chinh-chiến, không dám từ nan. Nhân việc tỉnh-thành thất-thủ đặc-cách phải hiệu-lực đi đồn-điền đã hai thứ, gặp có mẹ già xin cáo về. Đến nay đã năm-mươi-tám tuổi, tự nghĩ tài hèn sức mọn, chưa có báo đáp quyền ai được chút nào. Nay đương lúc giao-thông nhiều việc, đáng lẽ nên đem tấm lòng son sắt để tỏ đạo tôi, Chỉ ngại về bệnh-cốt chiến-miên, tuổi chửa lão mà mình đã thấy lão, dầu muốn miễn-cưỡng cũng không được. Nay đội ơn Triều-đình có ý quyến-cố đến cựu-thần, thực đã khắc xương ghi dạ, không dám quên ơn, nhưng lại sợ thi-vị lỗ-xan, sao cho xứng chức, xin Thánh-thượng đến trời lượng bể, thể-tất cho kẻ hạ thần được lưu hài-cốt ở nhà, thời hạ-thần xin kết cỏ ngậm vành đội ơn. Muôn tạ. »

Kinh-thành thất-thủ, ông Thuyết dẫn vua Hàm-nghi ra Cam-lộ, Khiêm-lăng, rồi rước xa-giá tới Quảng-trị. Sau nghe tin quân Pháp sắp đến, ông Thuyết xin với ba cung ở lại Quảng-trị, rồi rước vua Hàm-nghi lên Tân-sở để lo sự khôi-phục. Năm ấy vua Đồng-khánh lên ngôi, mà ở mạn Quảng-bình thì vua Hàm-nghi kéo cờ để chống nhau với quân Pháp. Ông Thuyết thời chạy sang tỉnh Quảng-đông nhờ quan Tổng-đốc tỉnh ấy kêu với chính-phủ nhà Thanh xin đem binh cứu-hộ. Nước Pháp biết, bèn nói với chính-phủ Thanh giữ ông Thuyết an-trí ở Thiều-châu.

Lúc ấy ở Bắc-kỳ ông Tạ Hiện đóng quân ở phủ Kiến-xương, người trong tỉnh-hạt ứng-mộ cũng nhiều. Thân-hữu đến hỏi ông việc thời-sự. Ông đáp:

Ông Hiện cũng là người nghĩa-sĩ, nhưng thế cũng không địch được với nước Pháp, tôi sợ nguy đến nơi.

Sau ông Hiện quả thua cùng với quan Tán-tương là ông Nguyễn Thuật (quân Mỹ-hào, tỉnh Hưng-yên) chạy sang Tàu.

Trung-kỳ thời tỉnh Quảng-nam ông Trần Văn-Dự, tỉnh Hà-tĩnh Lê Ninh, tỉnh Nghệ-an Tiến-sĩ Nguyễn Xuân-Ôn, Phan Đình-Phùng, Nguyễn Quang-

Nhạc, tỉnh Quảng-nghĩa Lê Đình, Trần Hiến, tỉnh Bình-định Phạm Toản đều mộ binh khởi-nghĩa.

Sau ở Bắc-kỳ lại có phỉ-đảng ở huyện Thanh-trì (Hà-nội), Thanh-oai nổi lên, tỉnh Hưng-yên có giặc Bãi-sậy cũng mượn tiếng khởi-nghĩa. Ông Hoàng Cao-Khải, Kinh-lược quận-công, phụng mệnh đi bình giặc ấy.

Than ôi! anh-hùng tạo ra thời-thế, thời-thế tạo ra anh-hùng. Có thời-thế mà không có anh-hùng, thời-thế cũng bỏ qua trước mắt; có anh-hùng mà không có thời-thế, anh-hùng cũng phải chịu bó tay. Việc gì có người cũng phải có cả trời. Xem như việc đức Gia-long với Tây-sơn thì biết.

Đương Tây-lịch trong khoảng năm 1780, bên Thái-tây thì nước Mĩ có ông Hoa-Thịnh-Đôn (WASHINGTON), nước Pháp có ông Nã-Pha-Luân (NAPOLÉON) đệ-nhất, nước ta thì có vua Gia-long xưng-hùng ở xứ Nam-kỳ. Đương lúc ông Duệ-tôn phải tuẫn-nạn ngài bị phải giặc Tây-sơn đuổi đánh chạy ra bể. Lòng trời kha-hộ, tự-nhiên có con cá ngạc hộ thuyền may thoát được. Đi đến núi Trà-sơn, tướng Tây-sơn là Nguyễn Văn-Trương đem binh đuổi đến tận nơi; trong núi không có gió, bỗng đâu cây gỗ lớn đổ nằm ngang đường; quân người Trương trở lối không đuổi kịp. Ngài thoát được chạy ra Sa-đéc (Sadec), hội các binh-tướng đánh được giặc ở dinh Long-hồ (Vĩnh-long), bèn đóng quân ở Gia-định. Tây-sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ chiếm-cứ Gia-định. Ngài lại chạy ra Hà-tiên, trời tối mù-mịt, hai bên sông cây-cối um-tùm, không biết đi lối nào, may có lũ rắn đội thuyền cho ngài đi. Nhân lại gặp Chu Văn-Tiếp (người Gia-định) đem binh đánh cứu, lấy lại được Gia-định. Sau Nguyễn Huệ lại vào đánh, quân ngài không địch nổi, phải chạy ra Lật-giang, quân giặc đuổi sau; ngài vẫn có tài lội nước, lội qua sông Đăng, thấy bên sông có con bò, nhảy lên lưng nó cưỡi ra giữa sông; nước chảy mạnh quá, may lại có cá ngạc hộ cho được lên bờ. Sau ngài chạy ra Côn-luân (Poulo Condore), chạy về đảo Phú-quốc, lương-xướng hết sạch, không có gì quân ăn. Bỗng có người đàn-bà lái buôn ở Hà-tiên đem giúp một cái thuyền gạo. Lúc ấy lại nhờ được ông Bá-Đa-Lộc (EVÊQUE D'ADRAN) là người nước Pháp dẫn hoàng-tử Cảnh (mới lên bốn tuổi) sang Tây cầu-cứu, nhân nước Pháp có việc, lưu ở bên ấy bốn năm. Sau ông Nguyễn Văn-Chấn (CHAIGNEAU) Nguyễn Văn-Thắng (VANNIER) (người nước Pháp, vua Gia-long cải cho họ Nguyễn) đưa hoàng-tử về nước, và đem giúp hỏa-thuyền súng đạn để đánh Tây-sơn. Lại may có ông Vũ Tính (người Bình-dương, trước tụ binh ở Nồi-không-tước), ông Đỗ Thành-Nhân và ông Chu Văn-Tiếp (Gọi là Gia-định tam-hùng), là một tay danh-tướng ở Nam-kỳ đem quân giúp ngài khôi-phục được Gia-định. Sau tướng thủy Tây-sơn Trần Văn-Diệu đem quân vây đánh Bình-định. Ông Vũ Văn-Tánh đóng quân cố giữ. Ngài mật-sai người báo ông Tánh giặc thế mạnh, giữ không được, thà bỏ thành để sau trừ-đồ thời hơn. Ông Tánh không nghe, nhất-định liều chết cố giữ, khiến người nói với ngài rằng: « Giặc Tây-sơn vây ở đây nên thừa-cơ kéo quân ra lấy Phú-xuân ». Ngài nghe lời đem quân thủy ra đánh lấy được, rồi sai quan tướng là Nguyễn Văn-Duyệt chia đạo tiến đánh Bình-định. Quang-Toản (con Nguyễn Huệ) thua chạy ra Thăng-long. Ngài lại tiến quân ra Bắc đánh Thăng-long, Quang-Toản thua chạy, cả dư-đảng bị bắt.

Tự đấy thu-phục được Trung Nam Bắc ba kỳ. Thế biết lòng trời giúp nhà Nguyễn. Trải mấy trận gian-nguy mà cũng thoát khỏi. Tướng văn tướng vũ bao nhiêu hào-kiệt về tay mình cả mới

hay dựng nổi cơ-nghiệp phú-cường. Còn như sự-thế nước Pháp với nước mình đương lúc bấy giờ, lòng trời không tựa. Gặp vua Dực-tôn băng-hà, trong triều phế-lập ; đình-thần phân bè đảng nghi-kỵ nhau. Bên ngoài thời người nước và dân Gia-tôi phần nhiều âm-trợ nước Pháp, tuy cũng có người anh-hùng can-đảm, nhưng lương-xướng không sẵn, binh-khí cũng không đủ dùng, so với người ta súng đạn mạnh như trời, chống lại thế nào được. Vậy nên biết làm việc gì có người lại phải có trời, có trời lại phải có người.

Ông nghĩ cuộc đời đã đành như vậy, chưa biết thân mình có được ngồi yên hay không.

XVII

Tỉnh Nam Đốc-học chiếu đòi, Văn-chương dạy dỗ anh-tài cũng vui.

Triều vua Đồng-khánh năm đầu
(*Tây-lịch năm 1886*)

Năm-mươi-chín tuổi, nghĩ mình tuổi già việc đời giả-cách điếc, cũng toan đóng cửa ngồi nhà. Bỗng có chiếu vua dụ các tỉnh thân-hào, nay Triều-đình đã nhận nước Đại-Pháp bảo-hộ, cuộc hòa đã định, thời phải nên tuân lệnh Triều-đình an-thưởng thủ-phận, không được chiêu-binh nữa. Tự đấy cuộc bảo-hộ đã định vua sắc chế tám lá cờ Bảo-hộ giao các bộ-viện ở Huế, hễ đến ngày khánh-hạ thời treo cờ ấy để quốc-dân đều hay rằng nước Pháp đã nhận bảo-hộ nước ta.

Quan phụ-chánh Phan Đình-Phùng tâu vua rằng Bắc-kỳ có ông là cựu-thần thạc-vọng, xin cử ông ra Đốc-học Nam-định, để cho thỏa-thiếp lòng sĩ-phu. Ý ông không muốn ra. Thân-bằng đến khuyên rằng : « Nước Đại-Pháp có ý ngờ hưu-quan, mà quan lớn ở nhà, nay phải đòi mai phải hỏi, chắc cũng không yên, vả tỉnh Nam là tỉnh nhà, đốc-học là lãnh-chức, không can-thiệp đến chính-phủ, xin quan-lớn cứ ra. »

Ông ra Đốc-học tỉnh Nam-định ; đương bấy giờ Triều-đình còn trọng khoa-cử, học-trò tới học cũng đông. Một ngày học-trò đọc sách *Luận-ngữ* đến chương. « *Đệ-tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.* 弟子入則孝。出則悌。謹而信。汎愛衆。而親仁。行有餘力。則以學文。» Ông biểu chương ấy đức thánh Khổng dạy cả đức-dục, trí-dục, thể-dục đó. Vào nhà thời phải hiếu với cha mẹ, ra ngoài thời phải kính thuận với anh em và người hơn tuổi, việc làm phải cho cẩn-thận, lời nói phải cho tin-thực, rộng yêu chúng bạn, nghĩa là ái-chúng hợp-quần vậy ; nhưng phải chọn người nào có nhân-nghĩa đạo-đức thì nên thân chơi ; còn những bạn rượu, bạn thuốc phiện, bạn cờ bạc, bạn đĩ đừng có thân-giao với họ. Học bằng ấy điều, có thừa sức sau mới học văn, văn không phải là văn-chương, văn tức là lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số. Lễ là luật học ; nhạc là thanh-học ; thư là họa-học ; số là toán-học ; xạ ngự là võ, thể-thao vậy. Học bằng ấy điều thời cũng đủ tư-cách làm bậc thượng-lưu ở trong xã-hội.

Lại một hôm học-trò ngồi bàn nghĩa sách, đến câu : « *Quân-tử hữu tam úy* 君子有三畏 », nghĩa là sợ đạo trời, sợ người trên, sợ lời nói ông thánh ; rồi hỏi nhau ở đời ngoại ba cái ấy còn sợ cái gì nữa không ? Người thì nói : « Thứ nhất sợ kẻ anh-hùng, thứ nhì sợ kẻ cố-cùng bầy-bày. » Người thì nói : « Sợ hồn ông Mãnh trong nhà, sợ mặt quỷ-sứ sợ ma cà-lồ. » Người thì nói : « Sợ nhất rắn hồ-mang hoa, thứ nhì cạp-liếp thứ ba mai-gầm. » Người thì nói : sợ cọp. Mỗi người nói mỗi cách sợ rồi cãi nhau ồn lên cả một trường. Ông nói :

— Im ta dạy. Cọp cũng đáng sợ, nhưng sợ cọp thật không bằng sợ cọp giả.

Học trò hỏi :

— Bầm « cọp giả » là cái gì ?

— Cái vật ấy khi còn bé đi bốn chân, đến khi lớn đi hai chân, khi già đi ba chân.

— Bầm cái vật ấy chúng tôi hiểu cả rồi, nhưng sao lại gọi là « cọp giả ».

— Tại các anh vẫn thường nghe, mắt các anh vẫn thường trông đó ; không phải là cọp nhưng vẫn mượn oai cọp dọa dân ta, nạt dân ta, cắn hại cao-chi của dân ta. Chả biết các anh có sợ không, nhưng ta đây sợ họ như cọp.

Học-trò nghe nói vỗ tay cười.

Năm ấy gặp khoa thi, đến kỳ hạch, lệ học-trò nộp quyển phải mất tiền cho lễ-sinh thời mới thu quyển. Ông cấm không được lấy tiền. Quyển hạch giao cho các ông Huấn Giáo trong tỉnh chấm sơ, xong rồi quan Đốc-học chấm phúc lại. Khi ấy có ông Huấn chấm bài quyển xấu cũng phê cho đỗ, đến kêu rằng : « Những tên học-trò này vẫn học tôi, xin quan lớn rộng bút cho. »

Ông nói : « Văn-hành công-khí, không có riêng ai được và số quyển đỗ có hạn, nếu cho học-trò ông đỗ thời lại phải đánh hỏng học-trò các ông Huấn khác, không hợp lẽ công-bằng.»

Lại có một ông Giáo chấm bài học-trò, quyển không đáng ưu-bình cũng phê cho ưu-bình. Ông hỏi sao chấm như thế.

Ông Giáo ấy kêu rằng : « Những quyển tên ấy học dốt, mượn người làm gà, mà nhà nó giàu, xin đòi lên diện-hạch thời thế nào nó cũng phải tạ chè.»

Ông nói : « Chè-lá không cần, cốt chấm văn hễ thông thì cho đỗ, nếu bài nào không thông cứ đánh hỏng, việc gì lại phê cho ưu-bình, thế thì nó làm văn dốt đã đành, người chấm văn lại dốt nữa sao ? »

Ông Giáo ấy lặng ngắt.

Lúc kéo bảng những tên đỗ hạch, có anh học trò đến kêu rằng : « Tôi học, khoa nào cũng có công đỗ hạch mà kỳ hạch này kéo bảng thời tôi không có tên, không biết tại sao ? »

Ông bảo lễ-sinh lục quyển ra xem thời quyển cũng thông nhưng ngoại-hạn không được chấm.

Ông hỏi :

— Tôi xem văn anh cũng ra người có học, sao để ngoại-hạn là lẽ gì ?

— Xin quan lớn thể-tất cho tình học-trò nghèo vẫn kiếm ăn về kỳ hạch, kỳ khóa ; anh em nhờ làm hộ mỗi quyển cũng được năm ba đồng để tiêu, nên quyển mình để chậm quá giờ.

— Anh nói như thế thì cứ đến kỳ hạch khóa đi làm gà mà ăn, việc gì phải đi hạch nữa. Nay anh muốn đi làm gà kiếm tiền lại muốn đỗ hạch, anh tham quá, hỏng cũng đáng ; vả *đại nhân hành-văn* 代人行文 chiếu luật có tội. Nhưng anh đã thú thật, thì lần này tha cho về cố học đợi khoa khác.

Ông ở Đốc-học hai năm, quan đại-thần Nguyễn Hữu-Độ tâu vua ông có học-hạnh, thật là người kỳ-thạc cựu-thần, chiếu đòi về Kinh trọng-dụng ; ông cáo-lão không đi. Các con muốn ông vào Kinh để xin theo ; ông nói : «Năm trước bạn đồng-liêu là ông Tôn-thất Thuyết tâu vua đòi ta vô Kinh hai lần ta còn chả đi nữa là bây giờ. Lũ mày không hay, nhà ta vốn hàn-nho, nhờ tổ-ấm được như thế này cũng đã mãn-nguyện rồi. Tổ-tôn ngày trước tích-đức để lại cho ta thời ta phải nên tu-bồi cái đức ấy để lại cho chúng mày. Sách có chữ : « *Lộc bất khả hưởng tận* 祿不可享盡 » ; kinh Lão-tử có câu : « *tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi* 知足不辱知止不殆 ». Suy cho kỹ thời : cái vòng danh-lợi cong cong, kẻ mong ra khỏi người mong bước vào, thôi thời thoái-bộ làm cao, vinh bao nhiêu nhục bấy nhiêu đó mà. » Ông quyết xin cáo,

tự đó không ra làm quan nữa, về nhà mua một chỗ đất nồi của xã Văn-lâm, xã Đức-long, ước hơn một trăm mẫu để lập kế điền-viên. Khi về có thơ ngẫu-hứng :

Cái cuộc công-danh nghĩ đã chồn,
Đốt tay tính tuổi sáu mươi tròn ;
Non cao cũng ngại trèo lên đỉnh,
Trời khuyết khôn đem vá mấy hòn ;
Phong-nguyệt đầy bầu vui có bạn,
Giang-sơn đỡ gánh kẻ đàn con ;
Dù đâu đổi hướng xoay nền mặc,
Mái tóc pha vàng bụng vẫn son.

XVIII

Tuổi già gặp cảnh thảnh-thơi, Chán mùi danh-lợi ưa mùi điền-viên

Triều vua Đồng khánh năm thứ ba
(*Tây-lịch năm 1888*)

Sáu-mươi-mốt tuổi, tự khi ở Đốc-học về, vui thú điền-viên, ông lập một chỗ biệt-thự. Ấp ấy cách làng một con sông, ở bên tả sông Nhị-hà, gọi là ấp Tả-Hành-thiện.

Ông bảo con cháu rằng : « Ta đi làm quan không có tiền của để cho chúng con, chỉ có cái ấp này để sau cho chúng con cày cấy trông nom, lập kế sinh-nhai. Ta xem làng ta những thế-gia cự-tộc nhiều, quen thói xa-xỉ, cờ-bạc thuốc-xái, sợ chúng con tập nhiễm hư thân đi mất, phải đến đấy mà ở, tập việc nông-tang cho quen sự khó-nhọc. »

Ông ở ấp, công việc làm đã giao cho bà thứ quản-cố ; nhưng vẫn thường đội nón lá, mặc áo vải, đi giầy cũ ra ngoài đồng, đôn-đốc người nhà cấy lúa, trồng dâu ; người đi đường không biết là ông quan, tưởng là lão nhà quê, có ý ngạo-nghễ, người nhà mắng rằng ;

Anh đừng hỗn, anh không biết cụ lớn đây là cụ Tuần Hành-thiện sao ?

Ông nói : — Đây lão nhà quê có dám nhận là quan đâu.

Người ấy chắp tay tạ xin lỗi.

Ông cười : — Không phải tạ ; các ngươi không biết thì - buổi bây giờ càng giở quan-dạng lắm lại thêm người ta ghét, ích gì ? Thôi thời giữ chữ bình-đẳng là hơn.

Cái thú điền-viên thật không gì bằng. Ngày xuân nhìn ra đồng thấy bông ngô, hoa đỗ, dâu mọc búp, vừng đâm bông, trắng sóa cả một quãng đồng, xanh rì cả một bên nội ; lúa tốt đùn-đùn, mơn-mởn như con gái đẹp vậy.

Đến mùa thấy tớ giở quang giở thúng, giở hái giở liềm, rủ nhau sáng sớm đã ra đồng, chỗ thì bẻ ngô, hái đỗ, chỗ thì gặt lúa đào khoai, làm suốt ngày không kịp ngẩng nom sớm chiều là gì. Bóng hoàng-hôn giục bên trời mới kéo nhau từng đàn từng lũ, gồng gánh về chỗ điền-xá, vừa đi vừa hát, giọng quê-mùa mà lý-thú dễ nghe. Ở nhà thì kẻ đập vừng người gặt đỗ, kẻ rẻ thóc, người phơi rơm, ai nấy chăm làm,công việc ngổn-ngang mà coi ra có cảnh-tượng phong-phú. Đêm khuya đến chín mười giờ còn nghe thấy tiếng giã gạo chen tiếng reo cười, lần một đôi khi có tiếng *Kiều* lẫy nghe cũng êm tai.

Đêm thanh cảnh vắng, ông vơ-vẩn một mình xem sắc trời mưa tạnh, để trù tính công việc người làm. Bỗng khi trông thấy vì sao sa lần xuống chân trời, nghe thấy tiếng sét đánh liệng ở trên không, ông lại giật mình mà chợt nhớ đến lửa đạn năm xưa. Tưởng bao giờ là bây giờ, mà mình lại riêng hưởng thú điền-viên, thật cũng có trời tựa. Thôi thôi,giang-sơn tâm-sự xếp ở cạnh lòng, nông-tang cũng là nghiệp gốc, nghĩ sao mở-mang cho được hưng-vượng.

Thường khuyên bảo điền-tốt rằng : « Nước ta là một nông-quốc ở về ôn-đới, khí trời ấm, chất đất tốt, và có nước sa, mỗi năm một lần sa bồi, cày cấy giống gì cũng tốt, không như bên Âu-châu nhiều đất pha sành-sỏi, cày bừa

dùng máy sắt ; nhiều khi trời lạnh hoa mầu không lên được, phải chiếu điện-khí. Kể nước mình nông-lợi hơn các nước nhiều, nhưng bởi vì người làm ruộng phần nhiều về hạ-lưu không có kiến-thức, chỉ biết « ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa, làm ruộng cơm nắm, nuôi tằm cơm đứng » mà thôi. Hỏi đến lẽ « lúa ruộng lạ, mạ ruộng quen ; cấy thưa thừa thóc, cấy giầy thời cóc được ăn, ruộng vuông ít thóc, ruộng nhiều bờ nhiều góc thời lại tốt bông », nhiều ông lão-nông cũng chưa hiểu hết. Làm ruộng dù xấu dù tốt chẳng qua như đánh bạc với trời. Gặp trời làm hoàng-trùng hay là nắng to mưa lụt thời lại đứng mà khóc về lúa. Nếu có ai bàn đào sông ngòi thời sợ mất ruộng của mình, không bằng lòng ; thậm-chí bờ ruộng không chịu đắp, sợ đắp rộng ra thì mất ruộng của mình đi. Nhưng không biết làm ruộng phải có bờ để giữ nước và giữ mầu đất ; có sông có ngòi để khi khoi nước ra, tát nước vào cho tiện. Nếu ôm ruộng cho nhiều, không biết cách làm, lúa xấu, cơm công người làm ăn đi hết, chưa hết mùa đã hết thóc, như thế thời làm không bõ ăn. Vậy làm ruộng cốt phải đào sông đào ngòi ; bờ phải đắp cho cao cho rộng để tiện lối đi lại và ngày mùa gặt hái có chỗ mà dãi lúa, và nên biết lẽ gốc lúa ăn sâu, nên ưa cấy ruộng lạ, gốc mạ ăn nông nên ưa ruộng vẫn thường cấy ; cấy thì rễ lúa ăn hết mầu đất, không bằng cấy thưa ; ruộng vuông ít mầu đất, không bằng ruộng nhiều góc nhiều bờ, những mầu cỏ ở trên gò đống nước mưa rã xuống nhiều thán-khí, cùng là nhiều gò đống thì cày bừa phải nhiều lượt nên lúa tốt, thử xem bông lúa ở bờ ruộng bao giờ cũng tốt hơn chỗ giữa ruộng.

Còn như nuôi trâu bò cũng phải biết cách đề-phòng. Nhỡ có một con trâu ốm thời phải nuôi riêng ra một chuồng, đừng cho ăn lẫn với nhau. Khi cắt cỏ đem về nhà phải đem một cái máng tre rắc cỏ lên trên cho được sạch-sẽ rồi hãi cho ăn. Nhỡ con trâu ấy chết thời phải đào lỗ chôn cho sâu đổ vôi lên trên, giập đất cho kỹ, xung quanh phải cắm rào đừng cho trâu khác đến chỗ ấy, mà những cỏ chỗ ấy đừng cắt cho trâu ăn. Khi trâu khát nước thời giắt nó ra sông cho nó uống, hoặc là đưa về nhà cho nó uống nước trong, nước ở ruộng bẩn đừng nên cho uống, vì hay có chứng truyền-nhiễm, nên phải cẩn biết cách đề-phòng. Lời ngạn : « Trâu ta ăn cỏ đồng ta, đồng người lắm cỏ nhưng mà tanh-hôi ; sao tua thì mặc sao tua, mạ vừa ruộng ngấu chẳng thua bạn điền ; bao giờ lũng rũa bìm trôi, sao tua quá ngọ thì thôi cầy bừa ». Lại câu : « Công-lênh chẳng quản lâu lâu, ngày nay nước bạc ngày sau cơm vàng ; xin ai đừng bỏ ruộng hoang, bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu » ; những lời nói ấy phải nên suy xét. Ấp ta đây đất bãi nổi, nhiều chỗ ruộng cao nên vượt gò trồng dâu. Vượt gò phải bỏ đất cho thưa kẽ để khỏi đọng nước mưa ; dâu thì phải chọn giống tốt, trồng cách độ một thước, chứ không nên tham trồng giầy.

Nuôi tằm cần chọn giống. Nếu giống xấu, sau này có nuôi được kén cũng không giầy. Cho nên nước Tây cách nuôi tằm, khi con ngài đẻ ra trứng, lấy kính hiển-vi chiếu, hễ trông thấy con ngài nào có bệnh có trùng thì bỏ cái trứng ấy đi. Nhà nuôi tằm chát vách xung quanh che kín rồi chát vôi và để cửa sổ cho thông khí ; cửa sổ ấy phải đan mành che ngoài, một là phòng ruồi nhặng vào, sợ nó đốt tằm, hai là đừng cho bóng chớp lòe vào, vì là tằm sợ chớp hơn sợ sấm ; khi sấm gió phải đốt đống lửa ở trước buồng tằm, rồi tán diêm-sinh hoặc lưu-hoàng rắc vào trong đống lửa để kỵ sấm gió. Lá dâu mưa ướt hay là mua ở chợ, người

ta phun nước cho khỏi héo, thời đừng cho ăn ngay. Phải đan sẵn phên thưa, rắc dâu lên trên đợi khô rồi sẽ cho ăn, cứ cách ba giờ đồng-hồ lại cho ăn một lần, đừng để tằm đói. Tục có câu : « Heo đói một năm không bằng tằm đói một bữa », thế thời nuôi tằm cần phải trồng dâu cho nhiều. Buồng tằm và nong chăn tằm cần phải lau rửa luôn luôn.

Việc tằm tơ là một mối lợi lớn của nước mình, các nước Âu-châu cũng cần dùng tơ. Ta nên nghĩ cách trồng dâu cho nhiều, chăn tằm cho tốt, thời chắc được lợi nhiều.

Có thơ về việc làm ruộng :

I

Cỏ hoang rậm-rạp ruộng bề-bề,
Cày cấy nghề mình mới giở-gie ;
Bốc-vác ra tay cho dẫn-giỏi,
Mở-mang quyết dạ chớ cò-kè ;
Chọc trời lấy nước mưa ra-rả,
Rẽ đất chồi non lúa tỏe-toè,
Xem ruộng xong rồi ngồi khểnh mát,
Gió đưa sáo mục lắng tai nghe.

II

Kể khi ao cá với vườn cau,
Trồng cấy siêng năng cũng đã giàu ;
Đỏ rỡ bên đê hàng lúa bắp,
Xanh rì bãi cát mấy ngàn dâu ;
Lộc trời đổ xuống mưa như mỡ,
Lông đất đùn lên ruộng cũng mầu ;
Phong-vị điền-gia coi cũng thú
Mùa nào thức ấy chuối, cam, rau.

Năm ấy tháng năm bị nước sông Cả tràn vào ấp, mất cả lúa. Thầy tớ ở đấy có ý chán việc ruộng nương. Ông bảo bà thứ rằng : « Tôi một tuổi một già, bà nên ở trên ấp đôn-đốc cho bầy-tớ làm ruộng, mất tháng năm phải chăm tháng mười ; nếu không có người chủ-trương thời việc ấp bỏ cả. » Bà thứ-thất nghe lời lên ấp ở. Gặp kỳ tháng sáu tháng bảy nước to, thường nửa đêm đốc-suất bầy-tớ đi giữ đê. Ấp ở bên sông, quân gian đưa thuyền đến ăn cướp. Đương lúc ấy bà dám quyết gan hô gia-đình tám chín người đuổi đánh cướp ; ai cũng chịu là đàn bà có can-đảm.

Bà nói rằng : « Giặc đến nhà đàn bà phải đánh, có lẽ ngồi yên chịu chết ? Vả ấp ta ở chỗ địa-đầu, quân gian nó thường thập-thõm ăn cướp ; nếu không liều mình thời nó chẹt cổ nó lấy, cái bát cũng không còn mà ăn. Ở đây có gan liều mới được. »

Ông bảo :

— Nay cần phải mua tre nứa rào xung quanh chỗ ở để giữ hiểm.

— Tre nứa không lấy làm hiểm, hiểm ở trong bụng người ta ; chả cần gì phải rào, thà đợi tháng giêng sẵn tre hóa, mua mà trồng, vừa kín giậu mà sau dùng được việc.

— Lại cần phải sửa đê cho cao cho rộng để giữ nước.

— Đê bây giờ cũng không cần, mùa nước đã qua rồi, ra giêng đắp cũng được. Nên để tiền đắp đê ấy ra đong ít thóc đợi tháng ba bán lấy lời thời hơn. Tục rằng : « Được mùa mua gấm mua vóc, mất mùa mua thóc mua ngô ».

Ông nghe lời, tự đấy việc ấp giao cho bà quản-cố.

Năm sau tháng ba trời làm kém đói. Ông bảo rằng : « Bây giờ công người rẻ ta nên đào ao vượt thổ để đứa nghèo đói có việc làm. » Nhân thuê người làm có một tên quần trùng đắp gót. Ông bảo : « Người kia quần trùng như thế làm việc thảo-mộc thế nào được. » Người ấy vội-vàng sắn cao lên, một lúc lại buông trùng như trước. Ông lại nói : « Người kia không phải người làm, xem tướng mặt-mũi phương-trượng, đáng làm người đan anh. » Hỏi ra mới biết là cai-tổng cựu, năm mới rồi bị nước lụt trôi cả nhà cửa, mất cả trâu bò, vợ con lưu-lạc đến nỗi phải đi làm thuê. Người nhà toan không mượn nữa. Ông

bảo người ta cũng là người hào-mục, nhỡ phải cơn đen vận túng, nên dung lấy người ta ; có người có việc, cho ở nhà chẻ lạt hoặc xay thóc giã gạo cũng được.

Ông lại mua các thứ cây để trồng vườn. Người ở xung quanh ấp nghe tiếng ông hay trồng cây, đàn bà trẻ con cáng đem đến bán đông như chợ ; nhiều cây bó đất ở ngoài trong không có rễ.

Bà thứ nói : « Chúng nó chỉ khéo nói dối ông lấy tiền, trồng có sống đâu mà mua. »

Ông nói rằng : « Chúng nó đói khát, cứ mua lấy, cây nào sống thì trồng, chết thì thôi. »

Năm sau tháng sáu lại bị vỡ đê, nước lụt, ruộng lúa, lúa bắp, và đỗ-phụng mất cả.

Có bài thơ vỡ đê rằng :

Ới đê ơi ! hỡi ới đê ơi !
Gây dựng ra mày bởi tự ai ?
Cái đại nhà Trần vương lại đó,
Làm cho di-hại mấy muôn đời ;
Đem đê ngăn nước nước càng lớn,
Cửa bể thời lấp sông thì vùi ;
Một sông Nhĩ-hà chứa không hết,
Thượng-lưu ứa xuống nước ngang [trời ;
Tức nước vỡ bờ lẽ phải thế,
Chẳng vỡ xứ đông vỡ xứ đoài ;
Đương đắp chỗ này sạt chỗ khác,
Nước ngày ngày lên chưa thấy lùi ;
Nào thầy nào tớ nào dân-sự,
Chầu-chực trên đê bao nhiêu người ;
Cả đêm cả ngày bận vì nước,
Đốc-sức canh-phòng khi nào ngơi,
Nghĩ đến cái đê thực quá ngán,
Hao tiền tốn sức lại lôi-thôi ;
Cơi đê nhưng vẫn ngại đê thấp,
Mỗi năm lòng sông sa lại bồi ;
Bỏ đê lại hại quá đê vỡ,
Dân-cư bị lụt cửa nhà trôi ;
Bề thì cũng khốn đắp cũng khốn,
Đồ của xuống sông bằng công toi ;
Nếu xây máng kẽm kẽm cũng phí,
Nếu bỏ kè đá đá cũng hoài ;
Suy đi suy lại cho hết nước,
Hiềm vì một nỗi sông không khai ;
Hỏi tay bác-vật chước nào tiện,
Cứ mãi thế này bao giờ rồi ?
Ước vặn quả cầu xoay nước lại,
Đổ ngược sang Tàu đừng đổ xuôi !

Bà thứ-thất thấy vỡ đê, trong nhà làm ăn lúng-túng, không biết duyên-cớ gì, nghe ở gần đó có thầy bói hay, tìm đến xem một quẻ.

Ông nói rằng :

— Thầy bói nói mánh, thở ra khói, bói ra lời, xem làm gì mất tiền.

— Xem một quẻ tự nay có được phát-tài không và trong nhà có việc gì phải dự-phòng không.

— Nghề thầy bói hay nói mánh, dối đàn bà lấy tiền, ta không tin. Tục rằng : « Tiền buộc giải yếm bo-bo, đưa cho thầy bói thêm lo vào mình », bói vô-ích.

— Cả như ông thì thầy bói chết đói.

— Thiếu gì nghề, chả cứ nghề đi bói, mù có việc người mù, câm cũng có việc người câm, điếc cũng có việc người điếc, què cũng có việc người què. Nước Tây người ta biết cách dùng người, cho nên người nào cũng có nghề-nghiệp, chả đến nỗi như nước mình.

— Cả như ông nói thì thánh-hiền ngày trước dạy ra số bói làm gì nữa ?

Ông lặng ngắt.

Người nhà đi tìm thầy bói. Thầy bói đến đương gieo quẻ ở trong nhà. Ông mật dặn người nhà kêu lên một tiếng : « Nhà thầy bói cháy ». Thầy bói lúc bấy giờ đương hai con mắt thanh-manh hỏi sao bác biết nhà tôi cháy. Người nhà đáp tôi đi chợ nghe người ta đồn rầm lên. Nghe chưa dứt lời liền bỏ cả tráp đồ đi bói lại, hoảng-hốt vội-vàng gọi con giắt về xem nhà. Mắt chập-chà chập-chững, chân đi cập-cà cập - kềnh, mới bước ra đến cổng, ngoài ngã một cái bằng trời giáng, kêu

vang trời lên : « Chao ôi ! đau quá ! trời giết tôi ! trời hại tôi ! »

Ông bèn sai người ra bảo phải trở lại đoán xong quẻ mới được về.

— Nhờ bác về bẩm cụ - lớn nhà tôi cháy, không biết vợ con tôi ở nhà có chạy được tí gì không. Nên hãy xin về xem đã, vài ba hôm tôi xin ra xem quẻ khác.

— Cụ-lớn đã truyền vậy thời cứ trở lại kẻo cụ-lớn mắng.

Thầy bói cau mặt lại mà gắt lên rằng :

— Cụ-lớn mắng bác đã vậy, nhưng nhà tôi cháy ai lo cho tôi !

— Nhà thầy có cháy đâu mà thầy lo.

Thầy bói ngạc-nhiên :

— Sao mới vừa rồi tôi rõ nghe thấy tiếng bác bảo nhà tôi cháy, bây giờ lại nói làm vậy.

— Cái ấy là lỗi tự tôi, tôi điếc, bấy giờ tôi nghe thấy người đi chợ dồn cháy, tôi tưởng họ nói nhà thầy, chẳng hóa ra nhà thầy cai-bồi ; tôi nghe lầm.

Nghe lọt tai thầy bói mừng quá.

— Chăng thì thế, chứ có lẽ đâu trời đã bắt tội tôi hai con mắt, lại làm mất cả chỗ ăn chỗ ở thời sống thế nào !

Bảo con giắt trở lại ; chân đi khập-khiễng. Ông trông thấy, bật cười hỏi :

— Nhà thầy bói có cháy hay không ? sao trở lại đó ?

— Bẩm cụ-lớn nhà con có cháy đâu, tự bác ấy nghe lầm.

— Chân lúc nãy chưa thấy việc gì sao bây giờ đã khập-khiễng thế kia ?

— Bẩm, năm nay cũng là cái hạn con, vừa mới ngã, một suýt nữa què.

— Thế thời cái hạn ấy thầy xem bói có biết trước hay không ?

— Bẩm biết lắm, nếu không biết thì còn đi bói làm gì.

— Thế thì thầy xem nhà thầy năm nay có cháy hay không ?

— Bẩm tôi xem Dã-hạc thánh ứng năm nay nhà cửa cũng được an-toàn. Đến như số Tử-vi thời năm nay không có Hỏa-tinh Tang-môn chiếu.

Ông mắng rằng :

— Số bói của thầy tôi chả tin tí nào cả. Nếu đã biết số-hạn mình năm nay không có hỏa-tai thì việc gì phải chạy vội-vàng đến nỗi ngã đau làm vậy. Cái ngã đau ấy không phải là vận-hạn, tự mình làm mình đấy thôi. Mình chả xem được mình, còn xem được cho ai nữa ?

Ông sai người nhà cho một hào đuổi cút.

Một hôm ông đương ngồi ngoài sân nhặt những hạt thóc rụng, có ông hưu-quan đến chơi, trông thấy ông nói rằng :

— Quan lớn còn phải nhặt thóc, không trách trời làm kém đói.

Ông trả lời rằng : — Chỉ vì tiếc của trời, cày cấy khó-nhọc ; kể tự lúc gieo mạ cho đến lúc được hạt thóc, biết bao nhiêu công-trình, chả lẽ để người ta đạp đi thì không tiện.

Ông khách nói : — Nhà làm ruộng hạt rơi hạt rụng giữ sao cho xiết. —

Ông nói : — Tôi xem truyện cổ-tích có ông quan Thượng-thư, người nhà không biết tiết-kiệm, thóc lúa bỏ vương-vãi, xóc gạo thổi cơm, bao nhiêu cơm nguội đổ đầy ra cầu ao. Ông sư ở gần nhà quan Thượng trông thấy thế bảo người tiểu ngày ngày hai chiều, đợi người nhà quan Thượng ra xóc gạo, xin lấy cơm nguội đem về phơi khô. Lâu chứa được hai chum đầy. Sau nhà quan Thượng kiết, thường hay sang chơi chùa. Sư cụ bảo tiểu đem rang cơm khô đâm thính chộn đường làm đồ chay đãng quan Thượng xơi. Quan Thượng khen mùi thuyền thanh-đạm thế mà ngon. Hễ sang chơi bao giờ sư cụ thường sai làm thức ấy để khoản-đãi.

Quan Thượng lấy làm lạ, hỏi sao sư cụ sẵn mà ngày nào cũng ban lộc cho mãi.

Sư cụ bạch rằng : — Đấy không phải là lộc của chùa, chính là lộc quan-lớn đó.

Quan Thượng ngẩn người ra, không hiểu cớ gì. Sư cụ mới bạch căn-do cho quan Thượng nghe. Lúc bấy giờ mới biết tự-hối, lúc đi làm quan không biết sẻn nhặt khuyên - bảo bầy - tớ, đến nỗi bây giờ túng đói ; không trách trời được.

Ông hưu - quan nghe ông thuật truyện lại như thế, giật mình, ngồi ngẩn ra một lúc nói rằng : « May được nghe truyện quan-lớn, nghĩ đến nông-nỗi nhà tôi trẻ chúng nó cũng hoang-phí làm vậy, không trách về hưu quan chưa được bao lâu, đã thấy túng rồi.

Tuy rằng ông tính rất cần-kiệm, nhưng đến như việc thần-thánh tổ-tiên, họ-hàng anh em, bầy-tớ cũng lo liệu chu-tất ; việc gì đáng làm thì làm, dẫu mất trăm mất nghìn cũng không tiếc.

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYÊN-KHU

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

X

— Mùa thu quân Tấn về. Tuân Lâm-phủ xin chịu tội chết. Tấn-hầu toan ưng cho. Sĩ Trinh-tử can rằng : *« Không nên. Trận được ở Thành-bộc. quân Tấn ăn ba ngày lương của Sở, Đức Văn-công lấy làm lo. Các quan tả-hữu hỏi rằng : « Việc này đáng mừng mà ngài lo, thế thì có việc nào đáng lo mà ngài mừng không ? » Đức Văn-công nói : « Đắc-thần* (Tử-ngọc tướng Sở) *còn đó, đã hết lo đâu. Con thú lúc cùng nó còn phấn-đấu, nữa là Đắc-thần là một vị Tướng-quốc dư ? » Đến sau, Sở giết Đắc-thần đi thì đức Văn-công mừng ra mặt mà rằng : « Thôi từ nay không ai làm độc hại ta nữa » Sở mất Tử-ngọc tức là Sở lại thua một trận nữa, mà Tấn lại được một trận nữa đó. Vì thế mà Sở từ đó đến hai đời vua không dám tranh-hành với Tấn.*

Nay Tấn ta thua, hoặc-giả là trời răn bảo cho Tấn ta, thế mà ngài lại giết Lâm-phủ đi là ngài làm cho Sở thắng lần nữa đó. Tấn ta sẽ lại phải lâu đời không dám ganh đua với Sở nữa. Tôi xem Lâm-phủ thờ vua, lúc tiến thì lo cho hết lòng, lúc thoái thì lo để đổi lỗi. Thực là người hộ-vệ cho xã-tắc đấy, sao lại giết đi. Còn như sự chiến-bại thì cũng như nhật-thực với nguyệt-thực, có tổn gì đến sự quang-minh. »

Tấn-hầu lại cho Tuân Lâm-phủ được phục-vị.

∴

Năm Tuyên-công thứ 13, Tấn thấy Vệ cứu Trần bèn sai sứ sang trách hỏi. Sứ Tấn lại ở Vệ, không về mà bảo Vệ rằng *« Vệ không nhận tội thì Tấn sẽ đem binh sang đánh. »* Khổng Đạt là quan Chính-khanh Vệ nói : *« Nếu tôi chết mà có lợi cho xã-tắc nước tôi, thì tôi xin chết để cho Tấn bằng lòng. Tội này là bởi tại tôi. Tôi chấp-chính*

ở nước tôi thì cái việc nước tôi kháng-cự lời quở-trách của đại-quốc này tôi còn đổ cho ai. Vậy tôi xin chết. »

Năm Tuyên-công thứ 14. Khổng Đạt tự thắt cổ chết. Vệ nhờ thế khỏi bị Tấn đánh. Vệ bèn cáo với chư-hầu rằng : « *Quả-quân tôi có người bầy-tôi ngang-ngạnh, khiến cho tệ-quốc gây oán với đại-quốc. Nay y đã phải chịu tội rồi. Vậy xin cáo để chư-hầu biết.* »

Vệ-hầu nghĩ công-lao của Khổng-Đạt bèn cho con trai của Khổng được tập-vị và gả con gái cho.

7—K. – Sở-tử vây Tống

T.— Sở-tử sai Thân-Chu sang sứ Tề mà dặn rằng ; « *Cứ đi qua Tống chứ không phải hỏi nhờ đường.* » Lại sai Công-tử Phùng sang sứ Tấn cũng dặn đi qua Trịnh không phải hỏi nhờ đường. Thân-Chu thưa : « *Trịnh khôn mà Tống thì ngu. Quan sứ đi Tấn không hề gì, chứ tôi thì chết mất* ».

Sở-tử nói : « *Hễ chúng nó giết mày thì ta đánh nước chúng nó.* » Thân đem con là Tề ký-thác cho vua rồi đi. Đến Tống. Người Tống giữ lại không cho đi. Tống Hoa - Nguyên nói : « *Sứ Sở đi qua nước ta mà không hỏi nhờ đường, thế là Sở nó cho nước ta là nơi bờ cõi của nó đấy. Nó coi nước ta là nơi bờ cõi của nó thì nước ta là vong-quốc rồi. Nay ta giết sứ-giả của nước nó đi, tất nước nó đánh nước ta. Nước nó đánh nước ta thì nước ta cũng vong-quốc mất thôi. Đằng nào cũng là vong-quốc cả thì thà ta giết sứ-giả nước nó đi.* » Tống bèn giết Thân-Chu. Sở-tử nghe tin, dập tay áo thụng một cái mà đứng lên. Đi giầy ra đến cổng đền, rồi cầm gương chạy ra ngoài cửa tầm-môn, bèn lên xe bắt đầy ra đến chợ Bồ-tư để đi đánh Tống lập-tức.

Tháng chín năm Tuyên-công thứ 14. Sở vây Tống.

8. K. — Người Tống hòa với người Sở

T — Người Tống sai Nhạc Anh-Tề sang Tấn cáo-cấp. Tấn-hầu muốn cứu Tống. Bá-Tôn nói rằng : « *Không nên. Cổ-nhân có câu rằng : « Roi tuy dài không quất đến bụng ngựa được. » Nay trời đang phù Sở, ta chưa có thể tranh hành với họ được. Tấn ta tuy mạnh, há trái được ý trời. Lời ngạn nói : « Cao thấp tự lòng, hồ chứa nước bẩn, rừng chứa giống độc. Ngọc quí giấu vết, vua hiền nhẫn-nhục. Đạo trời như thế, ngài phải đợi xem.* »

Tấn-hầu bèn thôi. Sai Giải-Dương sang Tống bảo đừng hàng Sở, và nói ; « *Tấn khởi hết binh, sắp đem sang tới nơi* ». Người Trịnh bắt giam Giải-Dương rồi đem dâng Sở. Sở-tử đút cho Giải-Dương nhiều của, bắt phải cải cái lời của Tấn-hầu dặn mà nói với Tống. Giải-Dương không nghe. Ép ba lần y mới nhận. Đến lúc trèo lên cái vọng-lâu trên xe, y gọi người Tống mà bảo y như lời vua dặn trước Sở-tử toan đem giết đi. Đòi vào bảo rằng: « *Mi đã hứa với ta mà rồi lại trái lời, là cớ sao ? Việc này không phải tại ta không thực, chỉ tại mi bội tín đó thôi, mi mau mau ra thụ-hình đi !* » Giải-Dương thưa : « *Tôi nhớ sách dạy rằng : « Vua đặt ra mệnh-lệnh chính đáng được là nghĩa. Bầy tôi theo được mệnh-lệnh ấy là tín. Lấy điều tín thi-hành điều nghĩa là lợi. Làm việc không thất lợi để chống giữ cho xã-tắc là chủ của dân.* » *Vậy một việc nghĩa không có hai điều tín. Một điều tín không có hai mệnh-lệnh bao giờ. Ngài mà đút của cho tôi, thế là ngài làm vua mà không biết ra lệnh. Còn như tôi thì tôi phụng mệnh vua tôi để đi sứ, dù chết cũng không sai, nữa là lại chịu của đút dư? Tôi có hứa với ngài thế là để cho toàn mệnh của vua tôi. Tôi chết mà mệnh của vua tôi được toàn thế là tôi vinh.*

Tôi chết thế là quả-quân được có kẻ tin-thần mà tôi thì được thành-danh, tôi còn có tiếc gì nữa.

Sở-tử tha cho Giải-Dương về.

Tháng năm năm Tuyên-công thứ 15. Quân Sở sắp bỏ Tống mà về. Thân-Tê (con Thân-Cha) rập đầu trước ngựa vua Sở mà rằng : « *Cha tôi là Vô-ủy biết rằng đi thì chết mà không dám bỏ vương-mệnh. Nay vương kéo binh về thì ra vương ở sai lời dư ?* » Sở tử không biết trả lời thế nào được. Thân-Tuức nói rằng : *Bây giờ cầm trại ở Tống mà cho quân ra làm ruộng, thì Tống phải tuân mệnh ta.* » Sở-tử theo chước ấy.

Người Tống sợ lắm. Sai Hoa-Nguyên đang đêm lẻn vào trong đám quân Sở. Hoa-Nguyên trèo lên giường Tử-Phản (tướng Sở) đánh thức y dậy mà nói rằng : « *Quả-quân tôi sai Nguyên này đến nói thực-tình với ông : Tệ-ấp tôi bây giờ phải đổi con cho nhau mà ăn thịt. Phải chẻ xương người ra để đun nấu đồ ăn đấy. Tuy thế nhưng mà cái sự khất-minh ở dưới thành, thì chúng tôi quyết liều chết cả nước chứ không thể nào chịu được. Vậy nếu Sở lui quân ra khỏi nước tôi ba mươi dặm, thì các ông bảo thế nào chúng tôi cũng xin vâng.* » Tử-Phản sợ lắm, bèn minh-thệ với Hoa-Nguyên, rồi cáo với vua Sở lui quân ba-mươi dặm. Sở với Tống bèn giảng-hòa. Hoa Nguyên làm con tin ở Sở. Minh-thư có câu rằng ; « *Bên ta không có lửa bên mi. Bên mi đừng có lo gì bên ta.* »

9.— K.— Quân Tấn diệt rợ Lộ về giống Xích-địch.

T. — Phu-nhân của Anh-Nhi là vua rợ Lộ tức là chị gái của Tấn Cảnh-công. Bấy giờ Phong Thư làm tướng-quốc rợ Lộ giết Phu-nhân vua Lộ đi. Lại làm cho mắt của Lộ-tử bị mù nữa. Tấn-hầu sắp đem binh đi đánh Lộ, các quan Đại-phu can rằng : « *Không nên, Phong-Thư nó có ba cái tuyệt-tài, bất-nhược đợi đến kẻ kế nó về sau sẽ đánh.* » Bá-Tốn nói : « *Cứ đánh đi. Người Lộ nó có năm tội thì dù nó có nhiều tuyệt-tài cũng không ích gì. Nó không tu việc tế-tự là một. Ham uống rượu là hai. Bỏ Trọng-Chương là người hiền mà cướp đất của họ Lê là ba. Ngược đãi bà Bá-Cơ là bốn. Làm hại mắt của vua là năm. Bây giờ nó cậy tài mà không tu đức thì càng tội nặng. Chứ như người kế sau nó, hoặc người ta biết kính theo đức nghĩa để tôn người kính thần mà chỉnh-đốn chính-lệnh cho bền vững, thì đợi để làm gì. Kẻ có tội bây giờ không trị mà bảo để đợi kẻ kế sau sẽ trị. Thế thì kẻ kế sau sẽ có lời trách mình được, chả hóa ra mình không phải dư.*

Vả, cậy tài và cậy nhiều người là cái hỏng của nó đấy. Vua Trụ cũng vì thế mà diệt-vong vậy. Trời mà làm trái thì tiết đi là tai ; đất mà làm phản vật-tính đi là yêu ; dân mà làm trái đức nghĩa đi thì là loạn. Loạn thì tai-hại yêu-quái sinh ra. Cho nên trong tự-dạng : chữ « Chính 正 » *mà viết trái lại thì ra chữ* « Phạp 乏 » *Mấy điều phản-trái ấy là tự rợ Địch nó làm ra cả rồi.* »

Tấn-hầu nghe lời, diệt rợ Lộ. Phong-Thư chạy sang Vệ. Người Tấn giết đi.

10. K.— Người Tấn đánh Tấn.

T — Mùa thu năm Tuyên-công thứ 15. Tấn Hoàn-công đánh Tấn, Đóng quân-thứ ở đất Phụ-thị. Tấn-hầu duyệt-binh ở đất Tắc rồi đi kinh-lý bờ-cõi của rợ Sích-địch. Lập lại cho Lê-hầu mà đem quân về tới đất Lạc. Tấn Ngụy Khỏa đánh được quân Tấn ở đất Phụ-thị bắt được Đỗ Hồi là một người khỏe có tiếng của Tấn.

Nguyên xưa Ngụy Vũ-tử có một người vợ lẽ yêu. Nàng không có con. Khi Vũ tử mới bị đau, dặn Khỏa rằng

« Rồi phải gả chồng cho nàng. » Đến lúc bệnh kịch lại dặn rằng: *« Phải đem nàng mà tuẫn-táng »*. Vũ-tử chết, Khỏa đem gả chồng cho nàng mà rằng: *« Lúc bệnh kịch thì hôn-loạn cho nên tôi theo cái lời trị-mệnh (1) của cha tôi đó. »*

Kịp đến khi ra đánh trận ở Phụ-thị, Khỏa trông thấy có một ông lão cứ buộc quấn những cỏ lại mà để chắn ở chỗ đường Đỗ-Hồi chạy, Đỗ-Hồi chạy vướng cỏ bị ngã, nên Khỏa bắt được. Đêm ấy Khỏa nằm mộng thấy ông lão ấy đến bảo rằng: *« Tôi là cha người đàn bà mà cậu đã gả chồng cho đấy. Vì cậu theo lời trị-mệnh của đức tiên-nhân, nên tôi báo ơn cậu. »*

11. K. — Công đến hội với Tấn-hầu, Vệ-hầu, Tào-bá và Tiểu-Châu-tử cùng đồng-minh ở Đoạn-đạo

T.— Năm Tuyên-công thứ 17, Tấn-hầu sai Khước-Khắc sang mời Tề dự-hội. Tề Khoảnh-công cho người đàn-bà (mẹ Tề-hầu) đứng nấp ở sau cái màn để xem. Khước-Khắc bước lên thềm thì nghe thấy người đàn-bà cười ở sau màn (Khước-Khắc bị chân khấp-khểnh). Khước tức giận lắm. Quay trở ra mà thề rằng: *« Không bảo được cái thù này thì không còn sang qua sông Hà nữa »*. Khước về nước trước, để Loan Kinh-Lư lại nói với Tề rằng: *« Tề không nhận lỗi thì tôi không phục mệnh về nữa. »* Khước về đến Tấn, xin đánh Tề. Tấn-hầu không nghe. Khước xin đem quân gia-thuộc đi đánh. Tấn-hầu cũng không nghe.

Tháng tám quân Tấn về, Khước-Khắc được chấp-chính.

VII — ĐỜI VUA THÀNH-CÔNG

Làm vua được 18 năm, năm đầu là tân-vị, Định-vương nhà Châu năm thứ 17; Tây-lịch trước kỷ-nguyên 590

1 — K. Qui-tôn Hành-phủ, Tang-tôn Hứa đem binh hội với Tấn Khước-Khắc, Vệ Tôn Lương-Thu đánh nhau với Tề-hầu ở đất Củng. Quân Tề thua.

T. — Năm Thành-công thứ hai Vệ Tôn Lương-Phu sang Tấn xin quân đánh Tề. Lỗ Tang Tôn-Hứa cũng sang Tấn xin quân đánh Tề. Hai bên cùng nhờ Khước-Khắc giúp. Tấn-hầu ưng cho 700 cỗ binh-xa Khước-Khắc nói: *« Số binh ấy cũng bằng số binh đóng ở Thành-bộc. Nhưng bấy giờ nhờ có đức Tiên-quân thông-minh và đăng tiên Đại-phu tôi nghiêm-tức lắm, cho nên mới thắng trận. Nay Khắc tôi thì không thấm với tiên Đại-phu được. Vậy xin cho 800 cỗ.* Tấn-hầu ưng cho.

Khước-Khắc làm tướng đạo Trung-quân kéo đến dưới núi Mi-kê. Tề-hầu cho đến thỉnh chiến nói rằng: *« Ông đã đem quân của nhà vua mà hạ-cố đến tệ-ấp. Vậy có một ít binh hèn yếu này, xin sáng mai thì gặp nhau. »* Người Tấn trả lời rằng: *« Tấn với Lỗ, Vệ là tình anh em. Thế mà hai nước đến cáo với Tấn rằng: « Đại-quốc sắp-sửa đánh lấy cõi đất của tệ-ấp thì mới hả lòng căm tức. » Vì vậy quả-quân tôi bất-nhẫn ngồi trông thấy thế, nên sai quần-thần chúng tôi đến đây để đợi mệnh-lệnh đại-quốc. Xin đại-quốc chớ để cho binh-xa chúng tôi phải nán-ná mãi ở đất của đại-quốc này. Chúng tôi bây giờ chỉ có tiến chứ không thoái được nữa. Vậy không dám để nhà vua phải phiền lòng. »*

---

1 — *Trị-mệnh* 治命 = Lời mệnh-lệnh lúc còn tỉnh. Trái với *loạn mệnh* 亂命 là lời lệnh-mệnh lúc đã mê. Hai mệnh-lệnh này là về lúc sắp chết, tức là lời di-chúc.

Tề-hầu đáp rằng: «*Các quan đại-phu bên ấy nhận lời thế là quả-nhân bằng lòng lắm. Chứ nếu các quan không nhận lời thì bên này cũng cứ đánh.* »

Tề Cao-Cố vào trong quân Tấn. Nhặt đá ném người. Cướp được một cái xe, buộc cành dâu vào sau xe, rồi nhảy lên cho chạy trên mặt lũy Tề mà rao lên rằng: « *Ai muốn khoẻ, ta còn thừa đây sẽ bán cho!* »

Hai bên dàn quân ở đất Củng. Tề-hầu thì Bính-hạ đánh xe, Phùng Sửu-phủ làm xa-hữu. Khước-Khắc thì Trương-hầu đánh xe. Trịnh Kỳ-Hoãn làm xa-hữu. Tề-hầu nói: « *Tao phải giết hết bọn này đã rồi sẽ ăn cơm sáng* ». Nói rồi không kịp mặc áo giáp cho ngựa mà cứ đánh xe chạy lồng vào trận. Bên Tấn, Khước-Khắc bị trúng tên máu chảy lụt xuống giầy, nhưng Khước vẫn đánh trống không dứt tiếng. Khước bảo Trương-hầu rằng: « *Tôi đau lắm rồi.* » Trương-hầu nói: « *Từ lúc mới vào trận, tôi đã bị cái tên vào tay suốt lên bắp thịt. Tôi bẻ cái tên đi và cứ đánh xe. Máu chảy xuống bánh xe bên tả đã tím thẫm cả lại đó nọ, mà tôi có dám kêu đau đâu. Ông cố nhịn đi. Tai mắt trong quân đều trông nghe vào ngọn cờ tiếng trống của ta mà theo để tiến thoái. Nếu cái xe này mà còn một người giữ vững được cũng đủ nên việc. Vậy lẽ nào vì đau mà để hỏng việc đại-sự của vua dư?*

Đã cầm lấy đồ binh, mặc áo giáp vào mình thì cái chết là cố nhiên rồi. Nay tuy đau nhưng chưa đến chết, ông hãng phải cố đi. » Nói rồi Trương-hầu tay tả cầm túm cả lấy các dây cương, tay hữu vơ dùi đánh trống. Ngựa chạy tế lên không nghỉ. Tướng-sĩ ruổi theo. Quân Tề thua.

Quân Tấn đuổi quân Tề chạy quanh núi Hoa-bất-trụ ba vòng. Tề Phùng Sửu-Phủ phải đổi chỗ ngồi cho Khoảnh-công. Sắp chạy đến suối Hoa-tuyền, một con ngựa kéo xe Tề-hầu bị mắc vào cái cây nên xe phải dừng lại.

Tấn Hàn-Quyết tới nơi bèn buộc ngựa lại rồi đến đứng ở trước xe Tề-hầu, hai lậy rập đầu nâng cái chén có đề viên ngọc bích dâng lên mà rằng: « *Quả-quân sai chúng tôi đến xin lỗi với ngài cho hai nước Lỗ, Vệ. Có dặn rằng: « Chớ có đem binh-chúng thâm-nhập vào trong cõi đất của ngài.* » *Kẻ hạ-thần này chẳng may, bản-bộ của hạ-thần lại xẩy gặp ngài. Đã không tránh đâu được mà lùi lại thì sợ xấu với quả-quân và với ngài. Hạ thần là một kẻ nhung-sĩ, dẫu bất-tài xin ngồi gá lên xe để giúp ngài trong lúc các quan hầu vắng cả này.* » Bấy giờ Sửu-Phủ ngồi chỗ ngồi Tề-hầu nên trả nhân là Tề-hầu mà sai Tề-hầu ra suối Hoa-tuyền lấy nước uống.

Tề-hầu gặp được cái phó-xa có Trịnh Tru-Phủ cầm cương bèn dưa Tề-hầu trốn thoát.

Hàn-Quyết mới biết người còn lại là Sửu-Phủ bèn bắt đem về dâng. Khước-Khắc sắp đem Sửu-Phủ ra chém. Y kêu to lên rằng: « *Chỉ có một người thay vua mà chịu lấy hoạn-nạn như thế này cũng chực giết đi, thì từ nay ai còn thay cho vua để chịu lấy hoạn-nạn nữa.* » Khước-Khắc nói: « *Người ấy không lấy cái chết để cứu vua làm khó. Mà ta giết đi thì ta là bất-nhân. Thôi tha cho y để khuyên cho những kẻ thờ vua* ». Bèn tha.

Quân Tấn đuổi quân Tề qua đất Khâu-dư vào đánh ấp Mã-bình. Tề sai Quốc-Tả đem ấn ngọc, khánh ngọc đã lấy được của nước Kỷ trước và cõi đất để đút cho quân Tấn và định rằng: « *Hễ khách-binh không nghe thì tùy đấy muốn làm thế nào thì làm.* » Quốc-Tả vào trong quân Tấn dâng của đút. Khước-Khắc không nghe nói rằng: « *Phải đem con gái của Tiêu Đồng-Thức sang làm con tin. Còn ruộng trong*

cõi Tề phải chia mẫu theo đường đi về hướng đông cả.»

Quốc-Tá thưa : « *Con gái của ông Tiêu Đồng-Thúc là mẹ quả-quân tôi đấy, chứ có phải ai đâu. Nếu so-sánh ra thì cũng như mẹ vua Tấn. Nay ông truyền-bá mệnh-lệnh lớn ra cho chư-hầu, mà ông bảo rằng phải đem mẹ chư-hầu đến làm con tin thì mới nghe. Như thế thì đối với đạo-đức của tiên-vương ra thế nào, thực là một cái mệnh-lệnh bất-hiếu đó.* Châu-thi *có câu rằng : « Lòng người hiếu-tử không cùng, lâu dài để mãi cho dòng giống sau. » Nay nếu lấy cái lệnh bất-hiếu mà thi-hành ra cho chư hầu, thì chẳng hóa ra một cái dòng giống bất-đức cả ư ?*

Ngày xưa tiên-vương kinh-lý trong thiên-hạ, tùy từng thổ-nghi của vật-sản mà phát-siển cái lợi-ích ra. Cho nên Châu-thi *có câu rằng : « Tùy-nghi vạch cõi chia bờ, đông tây nam bắc đâu vừa thì thôi. » Nay ông kinh-lý chư-hầu mà bảo phải chia mẫu theo một đường hướng đông tất cả, là ông chỉ để tiện cho xe nhung-xa của ông đi sang. Chứ ông không nghĩ gì đến sự thổ-nghi, chả hóa ra trái phép của tiên-vương ư ?*

Trái đạo của tiên-vương thì còn làm minh-chủ thế nào được. Đó thực là lỗi của Tấn vậy.

Bốn đời Vương mà thành được vương-nghiệp, là gây dựng đức-hóa để giúp cho cái lòng dục-vọng chung. Năm đời Bá mà thành được bá-đồ là cần-lao để yên-ủi nhau mà cùng phục-tùng vương-đạo. Nay ông làm như thế là chỉ cốt định hợp chư-hầu lại mà làm cho thỏa cái lòng dục-vọng vô-cùng riêng của mình. Châu-thi *có câu rằng : « Chính lành ban-bá ung-dung, trăm nghìn phúc-lộc hỗn-đồng thiếu đâu. » Nay ông làm như thế đã không được ung-dung lại cũng chẳng có phúc lộc gì, mà chư hầu người ta có thiệt-hại gì đâu.*

Như thế mà ông không nghe thì quả-quân tôi lúc sai kẻ sứ-thần này có dặn nói với ông rằng : « Ông đem quân của nhà vua Tấn hạ-cố đến tệ-ấp chúng tôi. Vậy có chút lễ mọn xin dâng để khao các quan tùy. Vì binh-sĩ bên tôi sợ cái uy linh của nhà vua ngài mà đến phải rối-loạn. Ông rủ lòng làm ơn cho nước Tề, không phá-hủy nền xã nền tắc mà để cho Tề lại được nối tình giao-hảo cũ. Cho nên có vài cái tệ-khí cùng cõi đất của tiên-quân cũng không dám tiếc mà đem dâng ông. Như thế mà ông cũng không nghe, thì chúng tôi xin thu-thập lại một ít tàn-quân, mượn cái thành nước Tề mà đánh liều một trận nữa. Tệ ấp mà may ra thì cũng vẫn phục-tòng Tấn. Nếu không may đi nữa thì bấy giờ tùy ý các ông. »

Hai nước Lỗ, Vệ can Khước-Khắc rằng: « *Xem Tề họ căm ta lắm. Những kẻ chiến-tử đều là người thân yêu của vua họ. Nay ông lại không cho họ hòa thì họ tất thù ta quá chừng. Cho họ hòa thì ông được quốc-bảo của họ mà hai nước chúng tôi thì vừa đòi lại được xâm-địa lại vừa khoan được sự hoạn-nạn, thế là vinh tâm rồi. Ông còn cầu gì nữa. »*

Người Tấn cho Tề hòa và trả lời rằng : « *Quần thần chúng tôi đem binh đến đây để xin lỗi với Tề cho hai nước Lỗ, Vệ. Nay nếu có cái gì để chúng tôi mượn điều phục mệnh lại với quả-quân chúng tôi thì cũng nhờ ngài. Vậy xin vâng. »*

Quân Tấn vớ Tề Quốc-Tá đồng-minh ở Viên-lâu, Tấn bắt Tề phải trả lại khu ruộng Văn-dương cho nước ta.

. . .

Khi Sở đi đánh họ Hạ nước Trần. Sở Trang-vương muốn lấy nàng Hạ-cơ (con gái vua Trịnh, vợ góa Hạ Ngự-Thúc Đại-phu Trần, mẹ Hạ Trung-Tư). Thân-công Vu-thần can rằng : « *Không nên. Ngài triệu chư-hầu để*

đi đánh kẻ có tội. Bây giờ ngài lấy Hạ-Cơ thì ra ngài tham sắc. Tham sắc là dâm. Dâm là tội to. Sách Châu-thư *có nói rằng : « Sáng đạo-đức, cần hình-phạt. » Vua Văn-vương sở dĩ gây dựng nên nhà Châu được là vì thế. Sáng đạo-đức là cốt phải sùng-thượng điều đức. Cần hình-phạt là cốt nên trừ khử việc hình. Nay nếu ngài khởi binh chư-hầu đi mà phạm vào điều đại-tội thì sao phải là cần hình-phạt. Ngài nghĩ xem »* Sở-vương bèn thôi.

Tử-Phẩu lại muốn lấy. Vu-thần nói : *« Con mụ ấy là người bất-tường. Nó là con «yêu» đó. Nó làm cho Ngư Thúc đến chết, Linh-công phải bị giết, Trưng Thư bị chém, họ Khổng họ Nghi phải xuất-bôn, nước Trần bị giệt (1). Sao con mụ ấy mà bất-tường đến thế. Người ta sống thì khó, chứ muốn chết thì cứ lấy. Thiên-hạ thiếu gì đàn bà đẹp, cần gì con mụ ấy. »* Tử-Phẩu cũng thôi. Sở-vương bèn gả nàng cho Liên-doãn Tương-lão. Trận đánh ở Bật, Tương-lão bị chết trận mất cả xác. Ở nhà con Tương-lão là Hắc-Yêu tư-thông với nàng. Vu-Thần cho đến bảo nàng rằng : *« Về quê mà ở rồi ta sang cưới »*. Sở-vương cho Hạ-cơ về, Vu-Thần sang Trịnh cưới nàng.

Đến khi Sở Cung-vương lên ngôi, sai Vu-Thần đi sứ Tề. Vu-Thần đưa cả gia-quyến sang Trịnh rồi dắt nàng trốn sang Tấn. Nhờ Khước-Chí xin ở làm quan Tấn.

Tử-Phẩu xin vua Sở cho đưa hậu-lễ cho Tấn để Tấn cấm-cố Vu-Thần lại cho. Sở-vương nói : *« Thôi, Vu-Thần hắn tự-mưu cho thân hắn như thế thì cũng bảy thật đấy. Nhưng hắn bàn cho tiền-quân ta thì thật là trung. Trung thì vững bền cho xã-tắc, ích lợi là chừng nào. Còn như hắn sang ở Tấn, nếu hắn có lợi cho việc nước Tấn, thì tuy đút nhiều lễ cho Tấn, họ cũng không nghe gì ta mà bỏ hắn. Bằng vô ích thì Tấn họ tự bỏ đi, chứ cần gì phải nhờ họ cấm-cố hộ. »*

∴

Quân Tấn về nước. Phạm Văn-tử đi vào thành sau cùng. Cha Phạm-Văn-tử là Vũ-tử (tức Sĩ-Hội) nói rằng: *« Ta còn mong gì mày nữa ! »* Phạm Văn-tử thưa: *«Quân đi thắng-trận thì lúc về trong nước người ta mừng mà ra đón. Hễ ai đi trước tất người ta đều để mắt vào, thế là người ấy hãng lấy tiếng khen của quan Nguyên-súy, cho nên con không dám đi trước »*. Vũ-tử nói : *« Con biết nghĩ thế, thầy chắc khỏi tai-vạ về sau. »*

Khước-Khắc vào yết Tấn-hầu. Tấn-hầu nói : « Trận này là ở công sức của ông đấy. » Khước thưa : « Nhờ được huấn-lệnh của ngài và công sức của hai ba thầy kia, chứ tôi thì có công sức gì đâu. »

Phạm Văn-tử vào yết. Tấn-hầu cũng an-ủi thế. Phạm Văn-tử thưa : *« Đó là mệnh-lệnh của thầy Tuân-Canh, tài chế-biến của thầy Khước-Khắc, chứ Nhiếp tôi thì có công sức gì. »* Loạn-Thư vào, Tấn-hầu cũng lại nói thế. Loạn-Thư thưa : *« Đó là ở thầy Nhiếp khéo dạy bảo và quân-sĩ biết tuân lệnh, chứ Thư tôi thì có công sức gì. »*

---

(1) Ngư-Thúc là chồng Hạ-cơ chết non. Khi Ngư-Thúc còn, nàng đã tư-thông với Trần Linh-công và hai quan Đại-phu là Khổng-Ninh, Nghi Hành-phủ. Sau một hôm, ba vua tôi uống rượu ở nhà Hạ-cơ. Linh-công bảo Hành-phủ : *« Trưng-Thư nó giống mày »*. Hành-phủ nói : *«Nó giống cả ngài nữa đấy»*. Trưng-Thư nghe thấy căm tức lắm. Linh-công ra về, y bắn chết. Hai gã Khổng, Nghi xuất-bôn.

(2) Những người này là tù-nhân của hai bên, từ trận đánh nhau ở Bật bắt được.

***

Người Tấn trả lại Công-tử Cốc-Thần và tử-thi của Liên-doãn Tương-lão cho Sở mà xin cho Trí-Anh về. (2) Bấy giờ Trí Trang-tử (cha Trí-Anh) làm Tả-quan đạo Trung-quân Tấn, cho nên Sở ưng cho. Sở-vương cho Trí Anh về mà hỏi rằng : « *Ngươi có oán gì ta không ?* » Trí-Anh thưa : « *Hai nước giao-binh. Tôi bất - tài, không kham nổi việc, nên bị bắt làm tù. Thế mà các quan chấp-sự bên này không giết tôi lấy máu để tôi trống. Lại cho tôi về để chịu hình-lục bên nước tôi, thế là nhờ được có ngài. Sự đó thực là vì tôi bất-tài, còn dám oán ai.* » Sở-vương hỏi : « *Thế thì ngươi có cám ơn ta không ?* » Trí-Anh thưa : « *Hai nước đều vì xã-tắc mà cầu lấy yên dân. Đều ăn-năn sự lầm-lỗi mà khoan-thứ cho nhau, và đều tha cho tù-phạm hai bên về để thành cuộc hòa-hiếu. Vậy sự hòa-hiếu này, không phải là hai nước vì tôi, thì tôi còn dám ơn ai.* » Sở-vương hỏi : « *Ngươi về rồi thì lấy gì mà báo đáp lại cho ta?* » Trí-Anh thưa : « *Làm kẻ bầy tôi không nên oán các vua chúa. Làm ông vua cũng không nên kể ơn với những hạng bầy-tôi. Đã không ân không oán thì còn biết báo-đáp bằng gì* ». Sở-vương lại hỏi : « *Dù thế nào ngươi cũng phải nói cái bụng ngươi cho bất-cốc này biết.* » Trí-Anh thưa : « *Nhờ uy-linh ngài, kẻ tù-thần này được đem nắm xương về Tấn. Được quả-quân đem hành tội mà giết đi thì tôi ơn ngài mãi. Nếu nhờ ngài mà vua tôi tha tôi rồi giao tôi cho ông Thủ* (tên Trí-Trang-tử) *là kẻ ngoại-thần của ngài. Ông Thủ xin phép với quả-quân tôi mà giết tôi ở nơi nhà thờ họ tôi thì tôi cũng ơn ngài mãi.*

Còn như ông Thủ không xin được phép giết tôi, lại cho tôi được thừa kế chức-vị của tổ-tông. Rồi tôi lại phải giữ việc coi đạo quân nhỏ để đi sửa-sang bờ cõi. Bấy giờ tôi có gặp các quan chấp-sự bên này, tôi cũng không dám tránh. Xin hết sức liều chết không dám ở hai lòng, cho trọn cái đạo làm thần-dân. Ấy là tôi báo-đáp ngài vậy. »

Sở-vương nói : « *Chưa có thể ganh với Tấn được.* » Bèn hậu đãi Trí-Anh mà cho về.

— Khi Tuân Trí-Anh còn ở bên Sở, Có một người lái buôn nước Trịnh sang buôn ở Sở, định giấu Trí-Anh vào trong cái bao đựng bông mà đem đi. Đã bàn định xong rồi mà chưa kịp làm thì Sở cho Trí-Anh về. Nay người lái buôn ấy sang Tấn. Trí-Anh hậu-đãi người ấy như là đã đưa mình ra khỏi thực. Người lái buôn ấy nói : « *Tôi không có thực-công, đâu dám nhận cái thực-báo ấy.* » Bèn bỏ đi sang Tề.

2 — K. — Ngô đánh Đàm

T — Năm Thành-công thứ 7. Ngô đánh Đàm. Đàm xin hòa. Qui-văn-tử nói : « *Các nước Trung-quốc không chăn-chỉnh được việc quân-lữ, để cho man-di vào đánh mà không cứu nhau. Thế là vì mình không biết thương nhau đó thôi.* Châu-thi có câu rằng : « *Minh thì chẳng chút thương nhau, cứ kêu trời hỏi khi nao yên-hàn.* » *Câu thơ ấy hợp với bây giờ đấy. Nước đàn anh mà không biết thương nhau thì rồi đâu mà không bị họa. Nước ta sẽ diệt-vong không biết ngày nào !* »

3—K — Ngô đánh ấp Châu-lai (của Sở)

T — Sở từ khi đánh Tống về. Tử-Trọng xin ấp Thân ấp Lã làm ruộng thưởng cho mình. Sở-vương ưng cho, Thân-công Vu-Thần nói : « *Không nên. Thân, Lã mà là ấp của nước thì còn nhờ lấy binh-lương ở đó để chống với các nước bắc-phương. Nếu đem cho đi thì nước không có Thân, Lã nữa, mà Tấn Trịnh sẽ tràn đến sông Hán.* » Sở-vương bèn thôi. Vì thế Tử-Trọng oán Vũ-Thần.

Lại Tử-Phản muốn lấy nàng Hạ-cơ, rồi Vũ-Thần ngăn đi, Vu-Thần lại dắt nàng trốn sang ở Tấn. Vì thế Tử-Phản cũng oán.

Đến khi Sở Cung-vương lên ngôi Tử-Trọng, Tử-Phản giết cả họ nhà Vu. Thần mà chia nhau chiếm lấy nhà cửa. Vu-Thần ở Tấn đưa thư về cho hai người ấy rằng : « *Chúng bay lấy sự gièm-pha tham lam để thờ vua mà giết hại nhiều kẻ vô-cô. Thế nào ta cũng làm cho chúng bay phải bôn-mệnh vất vả mà chết.* »

Vu Thần xin với Tấn đi sứ Ngô. Vua Ngô là Thọ Mộng yêu lắm. Vì thế Ngô mới giao-thông với Tấn.

Lúc Vu-Thần sang Ngô, đem quân đi đủ số một « tốt » (100 người). Bèn để lại cho Ngô quân một « lượng » (25 người) xe một « thiên » (9 cái) Cứ quân một « lượng » thì có xe một « thiên ») để dạy cho Ngô tập bắn tập đánh xe. Vu-Thần lại dạy Ngô tập trận và xui Ngô làm phản Sở. Cho con là Hồ-Dong làm chức Hành-nhân cho Ngô. Vì thế Ngô mới đánh Sở. Trước đánh ấp Sào ấp Từ, rồi vào đất Châu-lai. Tử-Trọng, Tử-Phản một năm bôn-mệnh đến bảy lần.

Ngô đánh lấy hết cả các rợ man-di thuộc Sở, từ đó Ngô mới thành nước lớn, giao-thông với các nước thượng-quốc.

Đồ-nam-tử cần-án. — Tử-Trọng, Tử-Phản và Vu-Thần, ba người đều là người trọng-yếu của Sở, bỗng sinh ra thâm-thù thâm-oán với nhau, làm cho đến cả những kẻ vô-cô dây mơ rễ mái của nhau, đến cả nhân-dân thổ-địa của tổ-quốc, cũng phải bị lây một cái thảm-họa rất bất-nhân bất-nghĩa, tàn-nhẫn độc-ác. Mà xét ra cái mầm họa chỉ tại có hai cái vấn-đề ruộng tốt với gái đẹp mà thôi. Ôi quá lắm thay ! Coi đó thì biết ba người này, trước kia mà họ sở-dĩ đem tài đem trí ra mà lập nên công-danh sự-nghiệp với nước nhà, làm đến những bậc yếu-nhân của chính-phủ. Ai không tưởng rằng họ đều là những bậc vì đồng-loại vì tổ-quốc mà hiến thân. Nhưng thực ra thì là họ vị-kỷ cả. Họ lấy nhân-dân làm cái bậc thang phú-quí, lấy quốc-gia làm cái mối hàng lợi-lộc mà thôi. Cho nên gặp một cái lợi nhỏ, một cái thù riêng, thì dù phải làm tàn-hại đồng-loại, phá diệt tông-bang mới hả-dạ, họ cũng làm ngay chứ không nín nhịn được.

Ôi ! ở cái thời-đại liệt-quốc cạnh-tranh, ưu thắng liệt bại kia, mà nước nào bỗng hốt-nhiên thấy bị vong-diệt hoặc đổ-nát không hưng-khởi lên được, là chỉ tội có nhiều những hạng người như ba ông quan Sở trên kia được có quyền trong nước vậy.

4. — K. Tấn-hầu sai Hàn Xuyên sang nước ta bảo phải trả lại khu ruộng Vấn-dương cho Tề.

T. Năm Thành-công thứ 8. Tấn hầu sang ta bảo phải trả lại khu ruộng Vấn-dương cho Tề. Quí Văn-tử tiễn Hàn Xuyên về mà nói từ với Hàn Xuyên rằng. « *Đại-quốc đã đặt ra nghĩa-lý để làm bậc minh-chủ, thì việc gì cũng phải châm chước với nghĩa-lý mà làm. Như vậy thì chư-hầu mới đều mến ơn sợ tội, không ai dám ở nhị-tâm. Đại-quốc trước kia bảo rằng : « Ruộng Vấn-dương là đất của tệ-ấp nên đem quân đánh Tề bắt trả ruộng ấy lại cho tệ-ấp. Nay lại có lệnh khác bảo tệ-ấp phải trả lại cho Tề.*

Tin là để thi-hành điều nghĩa, nghĩa là để quyết-định mệnh-lệnh. Tiểu-quốc chỉ trông mong vào đấy mà mến phục. Nay tin không chắc, nghĩa không định, thì các nước chư-hầu ai không phải ngã lòng. Châu-thi *thiên Vệ-phong có câu rằng : « Yêu anh em dốc một bề, lòng anh bất-nhất đây kia thất thường.» Mới bảy năm nay mà vừa cho lại đòi*

thì thất-thường là đường nào. Đứa con trai mà ở thất-thường còn sểnh mất bạn lứa-đôi tốt, nữa là đấng bá-chủ dư? Làm một vị bá-chủ là phải lấy đức nghĩa làm trọng, thế mà lại ăn ở thất-thường thì còn cai-quản chư-hầu lâu dài thế nào được. Châu-thì *có câu : « Mưu không tràng-viễn, nên phải can khuyên. » Hành-phủ này e cái mưu ấy của Tấn không phải là mưu tràng-viễn, rồi đến mất lòng chư-hầu, nên mới đám nói tư với ông. »*

— Tấn-hầu sai Thân-công Vu-Thần sang Ngô đi nhờ đường qua Cử. Vu-Thần đứng nói chuyện với Cử-Khâu-công (vua Cử) ở trên bờ hào. Vu-Thần nói : « *Cái thành này yếu lắm rồi.* » Cử-Khâu-công nói : « *Nước tôi ở vào cái xó mọi rợ này, ai còn nhòm đến.* » Vu-Thần thưa : « *Ôi chà ! nước nào mà hiếm những người giảo-quật chỉ nghĩ cách mở mang bờ cõi để lợi cho quốc-gia. Ấy chỉ vì thế mà nhiều nước cứ lớn mãi ra. Nhiều nước lớn ra thế là chỉ tại họ hay tìm cách mở-mang, mà cứ xâm-lược bừa đi đó thôi. Một kẻ thất-phu mà có dũng-khí, nó cũng làm cho kín cổng cao tường nhà nó, phương chi là một nước.* »

5 — K. Tấn-hầu sai Sĩ-Nhiếp sang làm lễ sính với nước ta. Thúc-Tôn Kiều-Như hội với Sĩ-Nhiếp, người Tề, người Tiểu-Châu đánh nước Đàm.

T.— Thành-công năm thứ 8. Tấn Sĩ-Nhiếp sang sính để nói về việc đi đánh Đàm, vì Đàm phục về Ngô.

Công đút lễ cho Sĩ-Nhiếp nhờ xin hoãn cho Lỗ việc đem binh đi. Sĩ-Nhiếp không nghe, nói: « *Vua không nói hai lời. Đã thất-tín thì không tự-lập được. Phép công không có đút lễ, việc công không có lưu đôi. Nếu ngài không theo chư-hầu thì quả-quân tôi không được thờ ngài nữa.* » Sĩ-Nhiếp sắp về phục-mệnh. Qui-Tôn sợ, bèn cho Tuyên-bá đem quân đi hội đánh Đàm.

6 — K. Công đến hội với Tấn-hầu, Tề-hầu, Tống-công, Vệ-hầu, Trịnh-bá, Tào-bá, Cử-tử và Kỷ-bá đồng-minh ở Bồ.

T — Vì Tấn bảo Lỗ trả ruộng Văn-dương cho Tề, nên chư-hầu nhị-tâm với Tấn. Người Tấn sợ, hội chư-hầu ở Bồ để nối cuộc đồng-minh ở Mã-lăng. Qui Văn-tử nói với Sĩ-Nhiếp rằng: « *Không chăm tu đức mà chỉ hội minh luôn thì để làm gì.* » Sĩ-Nhiếp nói : « *Hội-minh là để săn-sóc, để khoan-đãi, để bền lòng mà cai-trị lấy chư-hầu, và nhờ thần minh để chứng-giám. Nước nào phục thì cưu mà nước nào phản thì đánh. Thế cũng gần như tu-đức đó.* »

—Tấn-hầu đi xem trại lính, trông thấy Trung-Nghi bèn hỏi quan hầu rằng: « *Người nào đội cái mũ kiểu nam-phương mà bị cùm thế kia ?* » Quan hầu thưa : « *Tên tù người Sở mà người Trịnh đem nộp đấy* ». Tấn-hầu sai tha ra và gọi đến mà yên-uỉ cho. Trung-Nghi lạy xuống. Tấn-hầu hỏi dòng-dõi. Trung-Nghi thưa : « *Tôi làm chức Lính-nhân* (nhạc-quan). Tấn-hầu hỏi : « *Có biết hòa nhạc không ?* » Trung thưa : « *Nhạc là chức-sự của tiên phụ, tôi đâu dám làm nghề khác* ». Tấn-hầu sai đưa cho cái đàn cầm. Trung gẩy ra tiếng nam - âm cả. Tấn - hầu hỏi : « *Nhà vua bên ấy là người thế nào ?* » Trung thưa : « *Chúng tôi dốt nát không hiểu được.* » Tấn-hầu cố gặng. Trung thưa : « *Lúc nhà vua tôi còn làm Thái-tử thì thấy các quan Sư Bảo cứ sáng thì đưa đến thăm Anh-Tề* (Lãnh-doãn Tử-Trọng), *chiều thì đưa đến thăm Trắc,* (Tư-mã Tử-Phản). *Còn gì nữa tôi không biết.* » Tấn-hầu nói lại với Sĩ-Nhiếp. Sĩ nói : « *Tên tù Sở ấy là người quân-tử đó. Nói việc mình mà nhắc đến tiên-chức, thế là không bội-bản.*

Bàn gầy khúc thổ-âm thế là không vong-cựu. Nói chuyện vua mà kể lúc còn làm Thái-tử, thế là không thiên-tư. Xưng danh hai vị quan Khanh thế là tôn-quân. Không bội-bản là nhân, không vong-cựu là tín, không thiên-tư là trung, tôn-quân là mẫn. Nhân để xử việc, tín để giữ việc, trung để thành việc, mẫn để làm việc. Như thế việc gì lớn mà không làm xong. Sao ngài không tha cho y về để y thu xếp việc hòa-hiếu cho Tấn Sở. » Tấn-hầu nghe lời, lấy lễ trọng-đãi cho Trung-Nghi về để điều-đình việc hòa-hiếu.

∴

— Tấn-hầu bị bệnh nặng. Cho sang Tần mời thầy thuốc. Tần-bá cho thầy thuốc là Hoãn sang chữa. Khi thầy thuốc sắp sang tới nơi. Tấn-hầu nằm mộng thấy bệnh nó hiện ra hai đứa trẻ con. Một đứa nói : « *Thầy thuốc này hay lắm đấy. Tất làm hại chúng ta. Chúng ta trốn đâu được* ». Một đứa kia nói : « *Chúng ta ẩn vào giữa khoảng chỗ cao-hoang thì nó làm gì được* » Thầy thuốc đến nói rằng : « *Bệnh nó ở giữa chỗ khoảng cao-hoang này, không thể chữa được nữa. Vì ngoại-công không được mà nội-âm cũng không kịp. Thuốc không tới được thì không thể chữa được* ». Tấn-hầu nói : « *Thật là thầy thuốc hay.* » Bèn đãi hậu-lễ cho về. Tháng sáu năm Thành-công thứ 10. Tấn-hầu (Cảnh-công) chết.

Đỗ-nam-tử cần-án. — Xem các chú-thích cũ như Đỗ-thị và Thuyết-văn thì đều nói : « *Hoang* » là cái « *cách* ». « *Cao* » là cái « màng dưới quả tim ». Vậy « khoảng cao-hoang » tức là cái khe trên cái « cách » dưới quả tim. Nay so với thuyết của nhà giải-phẫu-học và nhân-thân toàn-đồ thì cái « *cách* » tức là cái « *hoành cách mô Diaphragme* » Trên hoành-cách-mô, giữa thì giáp với quả tim. Hai bên thì giáp với hai đầu hai lá phổi, còn chỗ trên hoành-cách-mô và dưới quả tim thì không thấy có cái màng gì khác nữa. Ý-giả màng ấy chính là cái màng bao của quả tim mà cổ gọi là « cao » chăng. Cái khe mà tim với hoành-cách-mô giáp-giới nhau thì khít nhau lắm, không có cái cơ-thể nào ở lọt vào đấy nữa. Vậy thì bệnh phạm vào đâu được. Như thế thì « khoảng cao-hoang » có lẽ là kể kiêm cả hai bộ-phận từ đầu quả tim đến hoành-cách-mô thì phải, chứ không phải như các nhà chú-thích cũ cho là ở cái khe trên hoành-cách-mô và dưới quả tim đâu.

Tâm với phế là hai tạng rất mềm yếu và làm những việc rất quan-hệ trong nội-tạng, cho nên bệnh đã phạm vào tâm hay là phế là bệnh nguy-hiểm, mà đã thâm-trọng thì tất chết, thầy trời cũng không chữa được nữa Đó là cái thường-thức của y-học xưa nay. Tấn-hầu bị bệnh ở cao-hoang thì Tấn-hầu tất đã biết rồi, ở cao-hoang là bệnh nguy-hiểm thì Tấn-hầu cũng đã biết. Vả thấy bệnh ngày một trầm-trọng thì Tấn-hầu cũng tự biết mình khó qua hạn rồi. Vì vậy cho nên khi nghe có thầy thuốc hay mà cho đi mời, thì trong trí Tấn-hầu phân-vân mà mơ tưởng ra như là bệnh có ma nó hiện ra, để bàn với nhau cách đi ẩn như thế. Thế thì cái mộng của Tấn-hầu cũng là do sự thực mà mơ-tưởng ra, chứ không phải là bệnh có ma thực và không phải bệnh trước ở chỗ khác mà nay mới ẩn vào chỗ này. Còn như thầy Hoãn thì hỏi chỗ đau rồi cứ tên bộ-phận của bệnh-xứ mà gọi ra. Biết bệnh đã nguy lắm không thể chữa được nữa thì xin chịu, thế cũng là một tay lương-y có định-kiến mà thôi.

Xét như vậy thì mộng Tấn-hầu với thuốc thầy Hoãn cũng là sự thường ẩ, chứ chẳng có gì là ma-quỉ quái-dẫn vậy. Thế mà thế-tục không xét, gặp bệnh gì khó hiểu khó chữa là vì bệnh không còn chữa được nữa. Hoặc không

có thể chữa được; hoặc có thể chữa được mà thầy chưa học đến. Hoặc cả trong toàn-khoa chưa biết đến, chưa tìm ra được bệnh-lý và trị-pháp đó mà thôi. Thì họ vu ngay cho là bệnh này có ma. Thầy thuốc nhờ đó để che cái dốt. Bệnh-nhân nhờ đó để an-ủi cái số-phận chẳng may. Mấy nghìn năm nay, khoa y-học Á-đông, một nửa thiên về cái thuyết thần-bí, quái-đản và số-mệnh, tự dối và dối lẫn nhau, đại-khái là do nhận cái mộng Tấn-hầu này làm sự thực mà suy ra đó.

Ôi, Y-học là một khoa-học cung-lý tận-tính, cách-vật trí-tri, để phát-minh cho ra sự thực cũng như các khoa-học về tự-nhiên khác. Thế mà ở Á-đông ta lại thiên về những thuyết thần-bí, quái-đản và số-mệnh. Mà nhất là đến ngày nay mà còn nhiều người chưa tỉnh-ngộ thì cái ngu-ám của họ đáng kinh sợ là dường nào!

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

LƯỢC-KHẢO VỀ VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC PHÁP (1)

V

VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP VỀ THẾ-KỶ THỨ 18
(tiếp theo)

Nói về các thể văn-chương và các phái nhà văn

Xét riêng về phương-diện văn-học thời phải chia ra các thể văn, mỗi thể có những người nào là trứ-danh, sách nào là thịnh-hành.

Thể diễn-kịch. Bi-kịch và hí-kịch. — Về diễn-kịch thì tản-văn vận-văn đều dùng ngang nhau. Ngoài VOLTAIRE, có mấy tay soạn kịch như sau, nhiều người cũng có tiếng:

LESAGE (1668-1747), về đầu thế-kỷ thứ 18 có soạn hai bài kịch *Crispin* (1707) và *Turcaret* (1709), đặt ra nhiều kiểu nhân-vật mới, cũng theo một cách như tiểu-thuyết của ông, đem phong-tục đương-thời mà phê-bình trào-phúng;

CRÉBILLON (1674-1762), công-nhiên ra thi tài với VOLTAIRE, cũng soạn bi-kịch bằng thơ, như những bài *Idoménée, Atrée et Thyeste, Electre, Rhadamiste, Catilina*, v. v. (1705-1754), muốn bày ra những thảm-trạng để cảm-động người ta, nhưng nhiều khi thành ra những trò hãi-hùng ghê-gớm;

DU BELLOY (1727-1775), làm một bài hí-kịch ái-quốc để là « Trận vây thành *Calais* » (*le Siège de calais*);

SAURIN (1706-1781), làm một bài kịch triết-lý để là *Spartacus*, được phái triết-học hoan-nghênh, nhưng có ý lạm-dụng triết-lý quá;

LA CHAUSSÉE (1692-1754), thường làm lối hí-kịch mà lại có vẻ buồn rầu, gọi là « lưu-thế hí-kịch » (*comédie larmoyante*), thiên-hạ coi như những bài giảng-đạo vô thú-vị;

---

(1) Xem N.-P. số 92, 96, 103, 113.

NERICAULT-DESTOUCHES (1680-1754), muốn chuyên lối bi-kịch tả người, có soạn nhiều bài, nhưng chỉ được hai bài có giá-trị, là bài « Người vẻ-vang » (*Le Glorieux*), và bài « Nhà triết-học lấy vợ » (*Le Philosophe marié*);

ALEXIS PIRON (1689-1773), nổi tiếng về lối thơ tùy-thời phúng-vịnh, nhưng có làm một bài kịch *La Métromanie* cũng đáng lưu-truyền;

GRESSET (1709-1777), có soạn một bài đại-bi-kịch đề là « Người độc-ác » (*Le Méchant*), tuy cũng có ít nhiều câu thơ nghe được, nhưng được lưu-truyền về sau lại là nhờ một bài kịch hoạt-kê nhỏ đề là « Xanh-xanh » (*Vert-vert*);

MARIVAUX (1688-1763), thời văn-chương diễm-lệ, tư-tưởng cầu-kỳ, đời sau đã nhân tên ông mà đặt ra tiếng *marivaudage* để chỉ một lối văn « tình-diễm » vậy;

LA HARPE (1739-1803), cũng có tập về văn diễn kịch, chẳng qua là mô-phỏng VOLTAIRE mà không được bằng, nhưng trứ-danh về nghề dạy học và nghề phê-bình, có soạn một bộ « Văn-học giáo-khoa » (*Cours de littérature*);

FABRE D'EGLANTINE (1755-1794), có làm bài kịch *Le Philinte de Molière*, một hồi đã nổi danh, tưởng sánh tầy MOLIÈRE vậy;

SEDAINE (1719-1797), có soạn những bi-kịch như: « Nhà triết-học không biết mình » *Le Philosophe sans le savoir*), «Truyện tình-cờ » (*la Gageure imprévue*), cùng nhiều bài nhạc-bi-kịch khác nữa, tuy không phải là văn-chương lỗi-lạc gì, nhưng cũng ra tư-cách một nhà văn có giá-trị;

COLLIN-D'HARLEVILLE (1755-1806), có soạn những bài « Nhà Lạc-quan » (*l'Optimiste*), « Ông già không vợ » (*le Vieux Célibataire*), cũng là một lối bi-kịch khinh-khiêu khả-ái, đã có nhiều người bắt-chước;

Sau hết có BEAUMARCHAIS (1732-1799), là một tay trứ-danh nhất, có những bài « Bác thợ ngôi thành *Séville* » (*le Barbier de Séville*), « Đám cưới chàng Figaro » (*Le mariage de Figaro*), đem một lối văn-chương rất hoạt-bát mà chủ-trương những tư-tưởng mới, tạo-thành cho văn-học mĩ thuật một cái kiểu nhân-vật bất-hủ vậy.

Thể thi-ca tán-thán. — Về thế-kỷ thứ 18, về lối thi-ca tán-thán, có mấy tay trứ-danh như sau này:

JEAN-BAPTISTE ROUSSEAU (1670-1741), tuy nói về thi-pháp thì có kẻ khen kẻ chê cũng đều quá-đáng cả, nhưng giọng thơ vẫn có cái vẻ dịu-dàng êm-ái, kể về lối thơ tán-thán cổ-điển thời là tay trứ-danh nhất, mãi cho đến các thi-nhân cận-đại đây mới có người hơn vậy;

LEFRANC DE POMPIGNAN (1709-1784), có làm lối thơ tụng về tôn-giáo, tuy đã từng bị VOLTAIRE nhao-báng, không còn lưu-truyền lại được mấy, nhưng cũng có ít nhiều bài hay, thiên-hạ thường truyền-tụng;

GILBERT (1751-1780), nhân chết yểu, thành ra nhiều câu chuyện mĩ-đàm kỳ-dị, nhưng cũng có địa-vị xứng-đáng trong lối bi-ca (*élégie*) và lối trào-phúng (*satire*);

MALFILÂTRE (1732-1767), cũng là tay làm thơ có tài mà chẳng may chết yểu;

ECOUCHARD-LEBRUN, tự-xưng là LEBRUN-PINDARE (1729-1807) lấy tên PINDARE là một tay thi-bá ở Hi-lạp ngày xưa, làm thơ trào-phúng có vẻ chua cay, thơ tán-tụng có vẻ hùng-hồn, cũng là một tay trứ-danh nhất-thời;

Giáo-chủ DE BERNIS (1715-1794), tuy giữ chức trọng trong Giáo-hội, mà làm thơ yểu-điệu như đàn bà, thường được tay sủng-bế của nhà vua là Mme DE POMPADOUR khen ngợi lắm:

VÕ-SĨ DE PARNY (1753-1814), thơ vừa có vẻ tế-mật, vừa có vẻ phóng-tứng, lời-lẽ êm-đềm mà dung-dị, đã phảng-phất như có cái phong-vị LAMARTINE sau này vậy.

Nói về tản-văn. Thể tiểu-thuyết. — Về tiểu-thuyết thời trừ mấy tên đã kể về các mục ở trên, còn có mấy nhà văn làm sách hoặc thịnh-hành nhất thời mà nay không còn truyền nữa, hoặc còn lưu-truyền mãi tới nay. Xin kể qua mấy người như sau này :

LESAGE (1668-1747), có làm mấy bộ tiểu-thuyết như « Quỉ-sứ quê » (*Le Diable boiteux*), Truyện « *Gil Blas* », quan-sát về tâm-lý người ta cũng khám-phá lắm, lưu-hành còn rộng hơn những bài kịch của ông nhiều;

Thầy giòng PRÉVOST (1697-1763), làm sách tới hàng trăm quyển, mà duy có bộ *Manon Lescaut*, truyện vắn-tắt và cảm-động, là rứ-danh hơn cả và còn lưu-truyền đến giờ;

CRÉBILLON con (1707-1777), làm sách văn-chương đã tầm-thường mà truyện đặt lại dâm-bôn, như truyện *Sopha*, vậy mà cũng được nhà vua cho chức kiểm-duyệt :

LACLOS (1741-1803) và LOUVET (1760-1797), làm sách dâm-thư lại còn tệ hơn CRÉBILLON mà cũng được lưu-hành nhất-thời;

MARMONTEL (1723 - 1799), có làm những sách như : « Truyện đạo-đức » (*Contes moraux* 1758) — ấy là tên sách thế, nhưng truyện trong sách vị-tất được thế; — « Lão ăn mày » (*le Bélisaire* 1767), « Rợ *Incas* » (1778); lại có một bộ giáo-khoa nữa đề là « Văn-học đại-cương » (*Eléments de littérature*), lời-lẽ hơi rậm-rạp, nhưng ngày nay đọc cũng còn có ích, vậy mà đương-thời không được thiên-hạ thưởng-thức bằng các sách tiểu-thuyết trên ;

FLORIAN (1755-1794), có làm những truyện tiểu-thuyết nhỏ về lối điền-viên (như truyện *Galathée*, *Estelle*, *v. v.*) hay lối anh - hùng (như truyện *Numa Pompilius*, *Gonzalve de Cordoue*), đương-thời lại thịnh-hành hơn là sách Ngụ-ngôn » (*Fables*) của ông kể còn có giá-trị và đáng lưu-truyền hơn vậy.

Nói về tản-văn triết-học ngoài ảnh - hưởng của Voltaire. — Phong-trào tản-văn thuộc triết-lý hơn thuộc văn-chương về thế-kỷ thứ 18, thì VOLTAIRE là trung-tâm-điểm. Nhưng đứng ngoài ảnh-hưởng của VOLTAIRE, hoặc cũng có ý chống lại ảnh hưởng ấy, còn có mấy nhà văn biệt-lập khác nữa. Như : ROLLIN (1661-1741) chỉ viết bằng tiếng la-tinh, mãi đến ngoại sáu mươi tuổi mới bắt đầu viết bằng tiếng Pháp, làm một bộ sách đề là « Tiền-học-luận » (*Traité des études*), rất có giá-trị, theo lời nhà phê-bình VILLEMAIN thời « không kể những sách của các bậc đại-văn-hào, sách này cũng có thể cho là một bộ sách văn-chương đứng-đắn nhất trong quốc-văn Pháp vậy ; » lại như VAUVENARGUES (1715-1747), là một nhà luân-lý-học, có làm một bộ « Tư-tưởng và cách-ngôn » (*Reflexions et maximes*, 1756), có ý lạc - quan, đối lại với tập « Cách-ngôn » rất bi-quan của DE LA ROCHEFOUCAULD đời trước, và chỉ có quan-hệ với cái phong-trào triết-học thế-kỷ thứ 18 vì tư-tưởng tự-do mà thôi ; lại như THOMAS 1731-1785), tư-tưởng rộng-rãi mà văn-chương khí khoa-đại, có bộ sách đề là « Bài Tụng » (*Eloges*), cũng nhiều đoạn hay, nhưng vì là một lối văn phù - phiếm cũng không thể hoàn toàn được

Còn trong phái phản-đối với VOLTAIRE thời có thầy giòng GUÉNÉE (1717-1803) tác-giả sách « Thư của mấy người Do-thái » (*Lettres de quelques Juifs*), văn công kích cũng có vẻ yêm - bác và đình-ngộ, và có FRÉRON (1718-1866), tác-giả sách « Văn-học niên thư » (*l'Année littéraire*) hết sức công-kích VOLTAIRE, bị thua cũng không ngã lòng. Còn các tay phản-đối khác, và kể cả FRÉRON nữa, chỉ nhờ có những lời văn trào-

phùng của VOLTAIRE mà đời sau mới còn biết đến tên, chứ những sách-vở cũng không còn lưu-truyền gì mấy.

Lối diễn thuyết tôn-giáo và diễn-thuyết biện hộ. — Thế-kỷ thứ 18 là đời không thiết-tha tin đạo như đời trước, nên lối diễn-thuyết tôn-giáo cũng càng ngày càng suy kém đi, lời-lẽ không được hùng-hồn như trước nữa. Duy có một người là linh-mục BRIDAINE (1701-1767), cũng có chút danh tiếng, nhưng kể vào bậc «BOSSUET nhà quê» (*Bossuet de village*) mà thôi. Kế sau thời còn có linh-mục DE NEUVILLE (1693-1774), thầy giòng POULLE (1703-1781), dùng cách kiểu-sức mà cầu lấy cái danh-giá nhất-thời ; rồi đến thầy giòng MAURY (1746-1817), cũng có tài về lối văn tụng và văn tế, sau có làm một quyển sách đề là « Luận về lối diễn-thuyết tôn-giáo » (*Essai sur l'éloquence de la chaire*, 1810) đề thuật lịch-sử và định lý-thuyết một lối văn đã suy vậy.

Lối diễn-thuyết biện-hộ thời có đặc-sắc hơn, và có để lại kỷ-niệm rực-rỡ trong văn-học-sử. Trước hết có chức chưởng-ấn DAGUESSEAU (1668-1751), lời biện-thuyết hơi có cầu-kỳ, nhưng cũng đáng giá-trị ; rồi đến chức tổng-chưởng-lý LACHALOTAIS (1701-1785) có tập « Kể tội các thầy tu Dòng Tên » (*Rapports contre les Jésuites*), sau bị bỏ ngục, có viết một tập «Thuyết-minh» (*Justification*), viết bằng cái tăm và mỏ-hóng, lời-lẽ cũng hùng-hồn và kịch-liệt lắm, chính VOLTAIRE đã có lời khen rằng : « Cái tăm của ông vạch nên lời văn thiên-cổ (*Son curedent grave pour l'immortalité*) ; rồi đến nhà trạng-sư LINGUET (1736-1794), lời biện-hộ và văn công-kích đã có tiếng là kịch-liệt và chua cay. Không kể GERBIER (1725-1788), người đường-thời cho là một tay hùng, biện đệ-nhất, nhưng lời nói thoảng đi, không có lời văn để lại, không biết đâu mà phán-đoán ; ngoại-giả còn có tập « Tụng-sự ký-lục » (*Mémoires judiciaires*) của BEAUMARCHAIS, có trí-tuệ, có văn-chương, cũng là một cái giọng tiên-thanh cho lối văn diễn-kịch trứ-danh của ông vậy.

Văn sử-học và văn khảo-cứu. — Về thế-kỷ thứ 18, sử-học cũng có nhiều trước-tác có giá-trị, vừa khảo-cứu tinh-tường lại vừa lời văn chải-chuốt. Như các sách của thầy giòng MABLY (1709-1785), cũng muốn mô-phỏng thuyết lý như ROUSSEAU và MONTESQUIEU ; của FRÉRET (1688-1749), chịu khó tìm-tòi nghiên-cứu về gốc-tích quốc-sử Pháp, thật đã khai-sáng ra khoa sử-học ngày nay ; của ANQUETIL-DUPERRO (1731-1805), là một tay Đông-phương-học đầu tiên ở nước Pháp, tận-tâm chuyên-trị về các ngữ-ngôn tôn-giáo của Ấn-độ ; của các thầy giòng *Bénédictins de Saint-Maur* biên-tập, như bộ « Cơ-đốc-giáo nước Pháp » (*Gallia Christiana*), bộ « Văn-học-sử nước Pháp » (*Histoire littéraire de la France*). v. v., là những bộ sách vĩ-đại, làm danh-giá cho khoa-học khảo-cứu nước Pháp, ngày nay hội « Đại-Pháp Học-sĩ» (*Institut de France*) còn tiếp-tục mãi ; lại những sách của thầy giòng BARTHÉLEMY (1716-1795), học-vấn rộng, đặt truyện khéo, như « Truyện du-lịch của chàng *Anacharsis* » (*Voyage du jeune Anacharsis*), thật là phát-minh cho công-chúng đời bấy giờ biết cái xã-hội cổ Hi-lạp thế nào.

Lại còn những sách kết-cấu về lịch-sử, tuy không phải là sách sử-học đích-đáng mà có văn-chương hay, người đời cũng ưa đọc, như sách của thầy giòng DE VERTOT (1655-1735) về truyện cách-mệnh Dân-quốc La-mã, của thầy giòng RAYNAL (1713-1796) về các công-cuộc của người Âu-châu ở Ấu-độ, của DUCLOS (1704-

1773) bình-luận về thời-đại bấy giờ, của thầy giòng ANQUETIL (1723-1806) về loạn *La Ligue* và về cả lịch-sử Pháp.

Văn ký - sự và văn xích-độc. — Ngoài các nhà sử-học chân-chính, còn có nhiều nhà ký-sự cũng để lại nhiều sách-vở hay, như công-tước LUYNES (1695-1758), bầu - tước D'ARGENSON (1694-1757), trạng-sư BARBIER (1689-1771), BACHAUMONT (1690-1770), cùng nhiều người khác nữa, đem những điều quan-sát cùng điều ký-ức của mình mà ghi chép lấy, hoặc để riêng cho mình, hoặc để truyền lại về sau. Lại còn có những bậc phu-nhân trứ-danh, như Mlle AÏSSÉ (1694-1733), Mme DU DEFFAND (1697-1780), Mme DE GEOFFRIN (1699-1777), Mlle DE LAUNAY, bà Nam-tước DE STAAL (1684-1750), Mlle DE LESPINASSE (1731-1776), toàn là những người có quan-hệ với cái xã-hội các văn-nhân tài-tử đời bấy giờ, làm chủ các hội « sa - lông », thường để lại những thư-từ viết cho bè-bạn, phẩm-bình về các nhân-vật cùng các trước-tác đương-thời. Lại còn những nhà thường có thư-từ vãng-lai với những bậc danh-nhân các nước Âu-châu đời bấy giờ, giúp cho cái phong-trào văn-học triết-học nước Pháp lan rộng ra cả Âu-châu, giá-trị và ảnh-hưởng không kém gì các thư-trát của GRIMM (1723-1807) nước Đức vậy.

. .

CUỐI THẾ-KỶ THỨ 18. — TINH-THẦN NƯỚC PHÁP BÀNH-TRƯỚNG RA NGOÀI

Thơ răn dạy và thơ tả-cảnh — Về cuối thế-kỷ thứ 18, có phân-biệt ra hai thứ văn-chương : văn-chương thuần-túy và văn-chương hoạt-động. Trong văn-chương thuần-túy thời có thơ, thường căn-cứ ở cái cảm-tình về thiên-nhiên và càng ngày càng thiên-trọng về thể tả-cảnh. Tự trung-diệp thế-kỷ thứ 18 cho đến đầu thế-kỷ 19, lối thơ giáo-huấn thịnh-hành lắm. LOUIS RACINE (1692-1763), làm những bài thơ trường-thiên về đạo, như thơ « Tôn-giáo » (*la Religion*), thơ « Thiên-ân » (*la Grâce*). Rồi đến ROUCHER (1748-1794) có bài thơ « Mười hai tháng » (*les Mois*) ; SAINT LAMBERT (1716 - 1803) có bài thơ « Bốn mùa » (*Les Saisons*) ; DORAT (1734-1780) có bài thơ về « Giọng hát tuồng » (*la Déclamation théâtrale*) ; LEMIERRE (1723-1793) có bài về « Nghề hội-họa (*la Peinture*), về « Công hiển-hách » (*les Fastes*), nhưng không còn lưu-truyền bằng những bài kịch của ông ; LEGOUVÉ (1764-1812) có bài về « Danh-dự đàn bà » (*le Mérite des femmes*) ; CHÉNEDOLLÉ (1769-1833) có bài về « Cái tài của người ta » (*le Génie de l'homme*) và « Thiên-văn-học » (*l'Astronomie*) ; BERCHOUX (1765-1839) về « Phép nấu ăn » (*la Gastronomie*) ; ESMÉNART (1770-1811) về « Phép hàng-hải » (*la Navigation*). Đã qua bấy nhiêu nhà mà lối thơ răn dạy ấy vẫn còn thịnh-hành, vì còn có thầy giòng DELILLE (1738-1813) trước đã dịch bộ thơ « Nông-nghiệp » (*les Géorgiques*) của VIRGILE, sau làm luôn mấy bộ thơ để tả các nhân-tình vật-thái, như những tập : « Hoa-viên » (*les Jardins*), « Lòng từ-bi » (*la Pitié*), « Trí Tưởng-tượng » (*l'Imagination*), « Ba loài trong vũ-trụ » (*les Trois règnes*), v. v..

BERNARDIN DE SAINT-PIERRE (1737-1814) thời trực-tiếp chịu ảnh-hưởng của thầy và bạn là JEAN-JACQUES ROUSSEAU, có làm những sách « Nghiên-cứu về vạn-vật » (*Etudes de la nature*), và thứ nhất là tiểu-thuyết trứ-danh *Paul et Virginie*, dùng tản-văn mà tả-cảnh, biệt-thành một lối văn đặc-sắc, ngày nay vẫn còn thịnh-hành.

Văn-chương hoạt-động. Nghề diễn-thuyết ; nghề làm báo ; thi-ca ; diễn-kịch. — Trong văn-chương hoạt-động thời cuộc Đại-Cách-mệnh

về cuối thế-kỷ thứ 18 làm hoán-cải cả lối diễn-thuyết chính-trị và lối văn-bài công-kích, và sáng tạo ra nghề làm báo, gây ra một cái phong-trào to muốn canh-tân hết cả, không quản gì đến những tư-tưởng cùng chế-độ cũ, trừ có mấy nhà như CHAMFORT (1741-1794) quan-sát về sự đời một cách chua-cay mà lãnh-đạm và RIVAROL (1753-1801) có tài hoạt-bát linh-lợi nhưng không có chủ-nghĩa nhất-định, hay như tạp-chí « Tông-đồ kỷ-yếu » (*Actes des apôtres*, 1789-1791) dùng cách khôi-hài mà duy-trì cổ-chế. Còn những tay nổi danh trong nghề biện-thuyết thì dõng-đạt như MIRABEAU (1749-1791) hay hăng-hái như DANTON (1758-1794), có tài ứng-khẩu lanh-lợi như VERGNIAUD (1753-1793), hay lời-lẽ sửa gọt cẩn-thận như ROBESPIERRE (1758-1794), cho chí lời văn mỉa-mai công-kích như báo *Vieux Cordelier* của CAMILLE DESMOULINS (1762-1794), hay mạnh-bạo dữ-tợn như báo *L'Ami du peuple* của MARAT (1744-1793) hay báo *Père Duchesne* của HÉBERT (1755-1794); các nhà ấy khẩu-chiến ở Nghị-viện, bút-chiến trên báo-chí, rồi mà kẻ thắng người bại, thua đến tù tội, đến bị giết, bày ra lắm cái thảm-trạng ghê-gớm, ngày nay bình-phẩm văn-chương của các nhà ấy không phải chỉ nên xét cái tài làm văn mà lại phải nên lượng cả cái thân-thể gian-nan nữa.

Tuy-nhiên đời là đời loạn cách-mệnh mà nghề thi-ca cũng không phải đến nỗi tiêu-trầm. Thi-nhân ANDRÉ CHÉNIER (1762-1794) can về quốc-sự, đến phải lên đoạn-đầu-đài mà còn để lại những thi-ca rất hay. Ông có câu thơ rằng: « Tư-tưởng ta theo tư-tưởng mới, điệu thơ vẫn cứ điệu thơ xưa » (*Sur des pensers nouveaux faisons des vers antiques*). Theo lời đó, ông thường đem cái tài ngâm-vịnh của ông đắm-thấm trong cổ-điển Hi-lạp. Có để lại mấy tập thơ đề là: « Thôn-ca » (*Idylles*), « Oán-khúc » (*Elégies*), « Cổ-điệu » (*Iambes*), mà bài trứ-danh nhất là bài « Người con gái bị tù » (*La jeune captive*), lời lẽ bi-tráng, thật là một áng văn-chương tuyệt-tác. Ngoài lối thơ ấy, còn lối thi-ca ái-quốc, như bài *Marseillaise* của ROUGET DE LISLE (1760-1836), sau thành bài quốc-ca nước Pháp.

Diễn-kịch thì phá cả những lề-lối cũ, thâu-thái những bài kịch của ngoại-quốc như kịch SHAKESPEARE nước Anh do DUCIS (1733-1816) sửa dịch ra tiếng Pháp, còn phần nhiều là những bài tùy tình-trạng Cách-mệnh đương-thời mà soạn ra, cũng chỉ lưu-hành trong nhất-thời mà thôi. Nhà soạn bi-kịch có tiếng nhất về đời loạn này chính là em thi-nhân ANDRÉ CHÉNIER đã bị nạn, tức là MARIE-JOSEPH CHÉNIER (1764-1811), có những bài *Charles IX*, *Henri VIII*, *Calas*, *Caius Gracchus*, *Timoléon*, tuy vẫn là theo cái tư-tưởng cách-mệnh đương-thời, nhưng cũng có nhiều đoạn cảnh cáo những bọn đương-đạo chuyên-chế một cách can-đảm. Song có chí can-đảm nhất là JEAN-LOUIS LAYA (1761-1833), giữa đương khi xử án vua LOUIS XVI dám đem diễn một bài kịch phản-kháng việc ấy, đề là: « Người trọng pháp-luật » (*L'Ami des lois*).

Ảnh-hưởng đàn bà và các hội sa-lông về thế-kỷ 18. — Xã-hội Pháp về thế-kỷ 18 là một cái xã-hội rất thông-hiểu sáng-suốt, rất ham-chuộng văn-chương triết-lý, mà tinh-thần Pháp đời bấy giờ cũng bành-trướng ra ngoại-quốc rộng lắm; được như thế là phần nhiều nhờ ở cái ảnh-hưởng của đàn bà, nhờ ở cái tính hiếu đàm-thoại của các bậc văn-nhân tài-tử đời bấy giờ vậy. Chính là thời-đại các « sa-lông » văn-học, các hội giao-tế thường bàn về chuyện nghĩa-lý và chuyện thời-thế, đàn-bà đứng lên chủ-trương cho cái phong-trào văn-học triết-học đương-thời,

khiến cho có thế-lực mạnh trong xã-hội. Ngoài các bậc nữ-sử trên kia đã kể tên vì có thư-trát để lại, còn có những bà sau này nữa có trực-tiếp ảnh-hưởng đến cái phong-trào trí-thức đương-thời, như : Mme DE TENCIN (1681-1749), có làm bộ sách «Tập ký-sự của bá-tước COMMINGES» (*Mémoires du Comte de Comminges*), trong lịch-sử nghề tiểu-thuyết, địa-vị cũng ngang bằng Mme DE LA FAYETTE ; Mme DU CHATELET (1706 - 1749), là một tay giúp bút có giá-trị của VOLTAIRE ; Mme D'EPINAY (1725-1783), là người đã có công ơn phù-trì cho ROUSSEAU ; Mme NECKER, là người học-vấn yêm-bác, mà con gái là Mme DE STAEL cũng là tay văn-học lỗi-lạc. Các bậc ấy đều có công tả-đản cho sự hành-động của các đại-văn-học, đại-chính-trị đương-thời, như : VOLTAIRE, D'ALEMBERT, DIDEROT, ROUSSEAU, TURGOT

Tiếng Pháp và văn Pháp tràn khắp Âu-châu. — Triết-học Pháp đời bấy giờ đằm-thắm những cảm-tình nhân-đạo, lại thêm được xã-hội Pháp vốn có cái tính hòa-hợp hiếu-hữu, thành ra các nước Âu-châu đều khuynh-hướng bắt-chước, nước Pháp nghiễm-nhiên đứng chủ cả cái phong-trào hào-hoa phong-nhã ở Âu-châu, chốn học-viện, nơi triều-miếu, hội xã-giao các nước đều đua nhau phóng chép nước Pháp. Cái oai-quyền của nước Pháp về tinh-thần, về văn-học, có lẽ ở *Berlin*, ở *Saint-Pétersbourg* lại rực-rỡ hơn là ở *Paris* vậy. Vua FRÉDÉRIC LE GRAND nước Phổ, là học-trò VOLTAIRE, ở cung *Potsdam* đặt hẳn một hội Hàn-lâm có phần nhiều người Pháp để bàn triết-học ; không những thế mà thôi, chính vua lại sinh làm văn làm thơ bằng tiếng Pháp nữa. Nữ-hoàng nước Nga CATHERINE II cũng ham văn-học Pháp như thế. Nhiều người ngoại-quốc viết bằng chữ Pháp mà nổi tiếng danh-sĩ nhất-thời, như : HAMILTON, GRIMM, vương - tước LIGNE, thầy giòng GALIANI, đều lời văn sáng-sủa mà nghĩa-lý tinh-vi. Kẻ thượng-lưu học-thức nước nào cũng thông tiếng Pháp cả, nhờ đó sách - vở Pháp, nghĩa-lý Pháp truyền-bá khắp mọi nơi, khiến cho các nước đều đua nhau mà mô-phỏng vừa các văn-chương cổ-điển, vừa các tư - tưởng cách-mệnh của Pháp, mà cái phong-trào văn-học riêng của mỗi nước Đức, Anh, Tây-ban-nha, Ý-đại-lợi, Nga, hình như nhân đó bị ngưng-trệ cả lại. Một cái ảnh-hưởng sâu - xa quá như thế rồi sau này tất có phong-trào phản-kháng lại, nhưng đời bấy giờ nước Pháp thật là làm chủ tinh-thần cả Âu-châu vậy.

(Còn nữa)

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

TỐ-THỰC LUẬN
素食論

(Luận về cách ăn chay)

Mấy năm nay đã nhiều người bàn nói về cách ăn chay có ích cho vệ-sinh, như là Tố-thực vệ-sinh-hội 素食衛生會, Kiệm-đức-hội 儉德會, đều là chủ-trương về cách ăn chay cả. Người Tây nhiều người chuộng về cách ăn chay, nước Nhật như Ngũ-trật-đung-thị cũng chuộng ăn chay. Ăn chay không những là trừ được hết tật-bệnh, mà tinh-thần nó cũng tươi-tỉnh hòa-vui, so với những kẻ yếm-ứ về rượu thịt cao-lương như túy-sinh mộng-tử, thực là một trời một vực. Ông Liên-trì 蓮池 có bài văn *Phóng-sinh*, ông Đông-pha 東坡 có bài luận *Giới-sát*, lại còn như Vương Thạch-Cốc 王石谷, Châu Nguyên-Tiêu 鄭元標 đều có làm ra những bài thơ văn giới-sát. Ta nay không phải theo như cách nhà sư mà nói, chỉ lấy cái chân-lý khoa-học mà giải-thích ra sau này, thì cũng có thể hoảng-nhiên biết rõ rằng cách ăn chay có ích cho vệ-sinh lắm vậy.

1) Ăn chay hợp về sinh-lý.—Người ta ai cũng biết rằng phàm loài động-vật không thể bỏ ăn uống mà sống được. Hổ beo vọ cắt, nanh nhọn móng sắc, mạnh tợn không ai ví bằng, đó là loài động-vật ăn thịt. Trâu dê chim gà, họng to móng dầy, nhát sợ không có tài gì, đó là loài động-vật ăn cỏ. Cái tính ăn mỗi giống một khác, nên cái thân-thể nó kết-cấu mỗi giống cũng khác nhau, cái giống nanh nhọn móng sắc thì vồ bắt loài động-vật dễ, lại hay xé cắn mà ăn được; loài trâu dê răng bằng mà ngắn nên hay nhai nhá loài cỏ; loài gà chim có cái bầu diều nên hay thấm dãi ra để liêu-hóa thóc lúa. Xem cái thân-thể cơ-năng nó cấu-tạo ra như thế, thì biết ngay cái tính các loài động-vật nó ưa ăn thức gì. Nếu trâu dê mà cho ăn thịt, hổ beo mà đi ăn thóc, thì không những là không bổ-ích gì, mà có khi lại hại. Loài người ta cũng như vậy, Đạt-nhĩ-văn (Charles Darwin) bảo rằng loài người là bởi tự loài hầu loài vượn tiến-hóa mà thành ra, xem như loài bò sát nó tiến-hóa mà biến thành ra thủy-tổ loài chim, nay còn thấy di-tích hóa-thạch; loài chim nó tiến-hóa mà biến thành loài thú mỏ vịt thuộc về thú-loại, đó là chứng-cứ rõ-ràng, lẽ ấy cũng không sai được. Còn như loài người vì chưng trí-thức cao dần mãi lên, dùng sức ít mà dùng óc nhiều, bởi thế bộ cơ-năng trong toàn thân-thể đều biến đổi dần đi, mới thành ra loài người đời nay, thử xét như cái bộ răng của loài người ta, như là răng cửa, răng nanh, răng hàm đều hợp về cách ăn các loài thực-vật 植物, thế cho nên chỉ thấy người ăn thịt mà sinh ra bệnh đau dạ dầy, đau ruột, chứ chưa thấy người nào ăn chay mà mắc nhiều bệnh bao giờ. Phúc-ái-luận có nói rằng: Người giàu thường vì ăn uống bổ-dưỡng quá mà sinh ra bệnh. Xem như người giàu no chán thức trân-cam, yếm-ứ mùi thịt béo, rồi thành ra ruột bí óc đặc, trông bộ người xuần như là con heo con lợn, nồng lên những mùi rượu thịt, không ai dám gần, tâm-tư thì ngu-đần, bước đi thì ỷ-ạch, chợt mắc bệnh một cái thì đi đời, ấy cái cách ăn thịt không hợp về sinh-lý người ta như thế đấy.

2) Ăn chay có quan-hệ về tâm-lý.—Nhà Phật thì kiêng những thức tanh hôi như

hành tỏi, v.v, các nhà triết-học cũng hay kiêng như thế, vì lấy sự ăn chay đạm-bạc thì nó thanh-đạm hơn, lại hay dưỡng tâm yên thần, so với những kẻ ăn thịt uống rượu làm cho lao-thần tổn-tinh, mất cả thiên-chân đi, thì hơn biết chừng nào. Vậy nên những kẻ cao-nhân dật-sĩ, mà hay tư-tưởng cao-siêu, tinh-thần sướng-khoái, người ta bảo rằng những người ấy hay nuôi được cái khí hiệu-nhiên, hay thu được phóng-tâm, ta thì cho rằng cũng nhờ về cách ăn chay nó giúp cho nhiều lắm. Than ôi ! Những người chỉ mơ-tưởng hão-huyền, mới mắc vào nghiệp chướng, nào là năm mùi bảy thứ, chỉ chăm lo miếng khẩu-phúc, lăn-lộn ở trong đời ngũ-trọc, say đắm ở trong đám thịt xôi thì có ra gì. Nhà Phật mà giữ phép trai-giới tức là cách ăn chay ngày nay đó. Thương thay người đời, xem đó có nên tỉnh-ngộ không ?

3) *So-sánh cách ăn chay với ăn thịt*. — Phàm thức ăn uống phải chọn thức gì có chất bổ-dưỡng thì ăn vào mới có ích cho thân-thể. Những thức ăn uống vào trong dạ dày nó tiêu-hóa đi, thì tức thành một thứ nước trắng tinh-dịch, để bổ-dưỡng cho các cơ-quan thân-thể. Trong thứ nước tinh-dịch ấy hàm có mười - lăm thứ nguyên - chất, mà cốt nhất là những thứ đạm - chất, thán - chất, thủy - khí, dưỡng - khí, thiết-chất, lưu - tố - chất, hàm - chất. Song các thức ăn nó hàm nguyên-chất mỗi thức một khác, mà phân - lượng nó cũng có nhiều ít khác nhau. Trong thức ăn mà hàm có chất đản-bạch (chất trứng) thì tuy rằng lấy lòng trứng, bánh sữa, sữa bò làm tốt hơn cả ; song như các thứ đậu, lúa mì, lúa ngô, lúa mạch cũng hàm có rất nhiều chất đản-bạch. Thịt bò, thịt dê, thịt gà và cá tuy cũng có hàm nhiều chất bổ-dưỡng như là đạm-khí, song như thịt lợn thì nhiều dầu mỡ béo ngấy quá tiêu-hóa cũng lâu. Và những thứ thịt giống thú giá thì tuy cũng có chất bổ ít nhiều, nhưng ăn thịt nó thì tổn-hại nha-xỉ lắm, cũng không nên ăn. Còn như các loài cá thì cũng có nhiều loài ăn vào khó tiêu-hóa, và những thứ cá thịt nhiều dầu mỡ quá cũng không nên ăn. Lại như trong các loài trai hến thì loài mẫu-lệ cũng có phần dễ tiêu-hóa, nhưng nó hàm có chất độc và dễ biến mùi hủ-bại, đương mùa viêm-nhiệt cũng không nên ăn. Còn như ăn chay thì trong loài ngũ-cốc nó cũng có chất dầu béo hay bổ cho huyết-dịch ; loài đậu thì thực là bổ, thứ đậu hủ thì cái công-hiệu nó cũng không kém gì sữa bò. Các thứ rau thì hay giúp cho sự tiêu-hóa lắm, nó hay sinh ra tân-dịch, mà hay thanh được huyết-dịch. Đến như loài quả thì chất thành-phần nó là chất nước, chất đản-bạch, chất dầu, chất chua, và thán-khinh hóa-hợp-chất, tả-lưu lộ-ty-chất, khoáng-vật-chất. Không kể chất đạn-bạch, chất dầu, còn như những chất khác đều có cái sức chữa bệnh cả. Nước Anh ở tỉnh Đàn-văn (*Devonshire*) có đặt ra một sở chuyên chữa về bệnh tích-thực, gọi tên là : « Tích-thực-bệnh tần-quả liệu-trị viện » 積食病頻果療治院. Tần-quả liệu-trị nghĩa là người nào bị bệnh tích-thực thì cho vào viện ấy cứ tha-hồ cho ăn quả tần để làm thuốc chữa bệnh. Lại còn chữa bệnh đau dạ dày, đau ruột, bệnh tả, bệnh cảm-mạo ngoài bì-phu, thì cái công-hiệu về các loài quả cũng hay lắm. Các loài rau cũng hàm có nhiều thiết-chất, mà chất sắt thì hay bổ huyết có ích cho người ta lắm. Vậy nên ăn chay không những là thanh được huyết-dịch, mà lại hay giúp cho cái sức tâm-tạng nó chóng phát-dục. Bên nước Mĩ *Thể-dục tạp-chí* có chép một bài nói về cái hiệu-lực của rau có hay chữa được bệnh, có một đoạn nói rằng : « Phạp - đích - lãng là một nhà bác - ái trong bọn phú-hào người Pháp, có năm sang chơi

nước Nga, đến thăm nhà ông Thác-nhĩ-ti-thái (Leon Tolstoï), trong khi nói chuyện. Thái-thị có nói rằng :— Nếu những người trong công-giới làm được vài gian nhà mà ở, mà ngoài chỗ nhà ở lại có một cái vườn nhỏ để giồng rau, thì không những là tiền thu vào có phần thêm lên, mà cái hạnh-phúc sung-sướng mạnh khỏe lại có phần hơn khi trước, nếu họ có được một cái vườn như thế, thì họ không phải đem cái số tiền công khó-nhọc ấy mà biếu cho ông thầy thuốc nữa.— Phạp-đích-lãng hỏi rằng sao vậy ? Thác-thị đứng dậy đưa Phạp-đích-lãng bước ra ngoài cửa sổ để xem thì thấy có một cái vườn rau chính tay Thác-thị giồng lấy. Thác-thị trỏ bảo người bạn rằng :— Đó chính là cái vườn thuốc của tôi đấy, trong ấy không thiếu thứ thuốc gì, người có yếu đau không phải cần tìm thuốc đâu cả, chỉ phải nên biết rằng bệnh ấy thì phải dùng thuốc ấy mà thôi. Nếu hay biết được như thế, thì gót chân thầy thuốc không khi nào lại qua đến cửa nhà mình nữa. Người ta mà hay phải đau ốm, cái nguyên-nhân nó là tại huyết-dịch hoặc tại trong phần cốt yếu về bộ máy cơ-quan trong mình hoặc quá-độ, hoặc khuyết-phạp nên mới sinh ra bệnh, chỉ tại là cái cớ không biết vệ-sinh đấy thôi. Bởi vậy trong huyết-dịch và phần cơ-quan cốt-tử trong mình, hoặc có thiếu-thốn, phần nước tiêu-hóa phát-sinh ra hoặc nhiều quá hay ít quá, cái sức của quả thận hoặc có yếu đuối, cái tia óc hoặc có hư-nhược, phàm những chứng bệnh ấy thì nên dùng các thứ rau để chữa, thực là một bài thuốc hay. » —Ấy cái ý của Thác-thị là bảo như thế đấy chăng.

Xem thế thì ăn chay với ăn thịt lợi hại thế nào khá biết. Phương-chi trong thân-thể người ta lại có những giống ký-sinh-trùng là bởi tự mình ăn thịt mà sinh ra, như là giống điều-trùng, giống thập-nhị-chỉ tràng-trùng, giống nghiêu-trùng nó làm hại rất là khổ quá. Hoặc người nói rằng các thứ thịt nó có chất bổ hơn rau, vậy nên những con cái nhà giàu ăn lắm thứ cao-chi mặt tươi như hoa, còn như những con nhà nghèo không được ăn thịt, dẫu không đến nỗi mặt vàng như nghệ, nhưng cũng ra vẻ mặt xanh như rau. Thưa rằng vâng, nhưng không phải thế, cái nét mặt người ta xấu hay đẹp, tuy rằng bởi thiên-nhiên, nhưng cũng có thể lấy sức người mà bồi-bổ thêm vào, ta bảo cái cách làm cho mĩ-dung không phải là bôi son trát phấn vào đâu, (người gái đẹp lấy đánh phấn làm xấu hổ), cốt phải biết cái cách sở-dĩ đẹp, mà làm thế nào cho đẹp.

Một là phải hô-hấp cho đều, để cho tuần-hoàn hệ-mạch nó được tráng-kiện. Hai là cốt phải ăn chay để huyết-dịch cho được thanh khiết. Hai cách ấy đều làm thì tự-nhiên là người mỗi ngày một đẹp ra. Nay hãy không kể những chất các loài động-vật ăn vào có hại, cứ xem như những người ăn thịt tuy rằng phát-dục sớm, nhưng mà già-yếu cũng sớm. Những người ăn chay thì không thế, tuy rằng tuổi đến bảy-mươi mà tinh-lực vẫn quắc-thước lạ thường, xem đó thì biết ăn chay lành hơn ăn thịt

4) *Bớt bữa ăn*.— Người Nhật-bản là Điền-uyên-tri-thu nói rằng : « Ta thân-thể rất yếu, từ khi nhỏ đã phải chú-ý về việc vệ-sinh, trước ở đất Cửu-châu Tiểu-thương, thường mắc phải bệnh đau dạ dầy, phải vào nhà bệnh-viện Tiểu-thương để chữa mãi không khỏi, lúc bấy giờ thậm-chí lại sinh ra bệnh đau óc nữa, về sau nó sinh ra ù tai nặng đầu, không thể động-tác làm việc gì được, bất-đắc-dĩ phải đi đến Đại-bản, vào nhà bệnh-viện chữa đau dạ dầy đau ruột và đến nhà bệnh-viện chữa tai chữa mũi để chữa đến một năm, thầy thuốc vẫn sợ rằng

không thể chữa khỏi hẳn được, giá có chữa khỏi được nữa, về sau cũng sinh ra chứng nham-thũng (nổi thũng lên từng cục) hoặc chứng điếc. Ta bấy giờ lấy làm buồn lắm. Chợt nhớ sách cổ Nhật-bản và các sách Tây có dạy cách đoạn - thực để chữa bệnh. Ta mới thí - nghiệm thử thực - hành xem, lúc mới nhịn ăn một hai ngày cũng không thấy can sao, đến ngày thứ ba mới thấy thân - thể mỏi-mệt, miệng hơi khan khô khát nước, bất-đắc-dĩ phải lấy cốc pha-lê rót một cốc nước lã trong uống hết thì êm-ái nằm yên. Ngày thứ tư cũng không ăn không uống gì cả, ngày thứ năm lại thấy khát, lại uống một cốc nước trong nữa. Hôm ấy chợt có người bạn lại thăm, lúc về, ta tiễn ra cửa, đương lúc hành-động như thế thì chợt trong miệng thổ ra đến một bát nước như nước chè, sau độ một giờ nữa lại thấy hơi thổ, tự-nhiên thấy bệnh đau óc khỏi đi đâng nào mất.

« Từ sau khi thổ ra sắc nước như nước chè rồi, ta nghĩ rằng những dơ-bẩn trong bụng đã rửa sạch đi hết rồi. Người nhà đều bảo rằng như thế thì bụng tất đói, phải nên ăn một ít cho đỡ đói. Nhưng ta nghĩ các bậc cao-tăng đời xưa có khi nhịn ăn đến hai-mươi-mốt ngày mà thân-thể cũng không hại gì cả. Nay ta mới nhịn ăn độ một tuần-lễ thì có hại gì. Vả ta nhịn đến ngày thứ tám, trong bụng cũng không thèm ăn thức gì cả. Lúc ấy người nhà mới nấu một thì cháo loãng hòa với sữa bò, chế độ hai chén, khuyên bảo ta uống. Ta bấy giờ tuy rằng uống thứ nước cháo ấy nhưng cũng không biết là ngon. Đến ngày thứ chín người nhà mới lại lấy thứ nước cháo hơi đặc hòa với sữa bò, cho ta uống độ ba chén, sau cứ theo thế mỗi ngày một lần uống, thì cái bệnh đau dạ, dầy kinh-niên, tự-nhiên thấy dần dần khỏi đi hết, mà bệnh đau óc cũng khỏi. Từ đấy nhan-sắc ta cũng không khác gì người thường, thể - lực với tinh-thần dần-dần lại khôi-phục được như cũ, thực là không ai ngờ mà lại được như thế.

« Từ bấy giờ ta bỏ hẳn một bữa ăn, ngày chỉ ăn hai bữa : bữa sớm bữa chiều, trong tám năm cứ giữ thường như thế, bệnh đau dạ dầy khi trước tự-nhiên thấy khỏi hẳn, mà cái lượng buồng phổi trong mình cũng thấy dần - dà nở to ra, thân - thể ta trước nặng có mười ba « quan », từ khi ăn hai bữa về sau nặng lên đến mười sáu « quan ». Vợ ta khi ấy cũng mắc bệnh đau dạ dầy, cũng nhịn ăn độ một tuần-lễ thì khỏi hẳn, từ đấy vợ ta cũng theo cái cách ngày ăn hai bữa thôi. Lại còn đứa con gái nhỏ mới đi lấy chồng cũng mắc chứng đau ruột, sau cũng nhịn ăn độ một tuần - lễ là khỏi hết cả.

« Ngày ăn hai bữa là tùy cái thân-thể mình có ích-lợi thì mới ăn, đó là lệ thường. Sau lại nghĩ ra cái cách ngày ăn một bữa. Nhà y-học có điều-tra các sách đời cổ bảo rằng người đời xưa chỉ mỗi ngày ăn một bữa. Ta từ năm năm trước bắt đầu theo cái cách ăn một bữa. Cứ mỗi ngày bấy giờ trở dậy thì vào buồng tắm, tắm xong vào buồng sách sắp đặt mọi việc và xem qua vài trang nhật-báo, đến chín giờ thì uống nước chè, ta phải có cái tính hay uống chè, hút thuốc lá, uống nước chè dầu nhiều nhưng cũng không thấy nó hại gì đến thân-thể. Từ khi sớm ngày trở dậy rồi không có ăn qua một thức gì cả, thế mà ứng-tiếp khách-khứa, xử-lý công-việc trong công-ty, hỏi thăm bạn-bè, làm mọi việc, tuy rằng hành - động rất nhiều, mà thân-thể cũng không thấy mỏi-mệt gì cả, đến mãi chiều sáu giờ mới ăn một bữa cơm.

Mỗi ngày ăn một bữa mà dùng các thức ăn cũng nhiều, uống nước chè đến năm sáu chén. Gạo ăn thì cũng dùng thứ gạo trắng thường, mỗi bữa ăn độ hai bát rưỡi cơm ; rau thì cũng dùng thứ rau nhà quê ta thường ăn ; thịt thì không dùng mấy, cá thì dầm qua muối mới ăn, cá điều-ngư (cá bể mình rẹt mà tròn, trên sống vây hơi đỏ) nấu với muối thì rất ngon. Thứ rau luộc chín chấm với nước mắm pha hơi ngọt thì ta thích ăn lắm. Rượu thì ta không uống.

« Khi ăn rồi tất uống nước chè, lúc đi nghỉ thì nhấp ít thang nước muối, để cho bổ thêm chất muối trong mình. Người ta bảo rằng uống nước chè đặc quá thì không ngủ yên được. Nhưng khi ngủ thì nên uống một hai chén diêm-thang thì hay an-thần ngủ yên. Ta phải cái tính uống chè rất nhiều, nhưng cũng không thấy gì là ngủ chẳng yên. Cái khí-lực trong mình cần nhất là phải có chất muối cho sung-túc, y-thuật ngày nay đã xét ra làm cái phép « thực-diêm chú-xạ » cũng đã thấy công-hiệu nhiều lắm. »

Có người bảo rằng thường ăn thức ngon thì thân-thể tất mạnh-khỏe, cái thuyết ấy chưa chắc đã là phải cả. Ở nước Nhật đất Kỷ-châu có chức quan-ty (người thủ-từ) ở Táo-sơn-thần-xã tên là Thương-điền-quân, năm nay chín-mươi-mốt tuổi mà thân-thể mạnh-mẽ, nét mặt không khác gì người trẻ tuổi, thường đi bộ tự đất Kỷ-châu đến đất Đại-bản chỉ đi một mình mà không phải ai theo hầu cả. Nguyên Thương-điền từ khi bé đến lớn không có ăn cả thịt và trứng bao giờ, bình-sinh chỉ ưa ăn bột mì gạo tẻ mà thôi. Ngày nay những người sống lâu đến tám chín mươi tuổi phần nhiều là người hay ăn rau cả, bởi vì trong các thứ rau nó có rất nhiều chất bổ, những thứ rau cải, củ cải, rau muống nên thường ăn nhiều hơn loài hành loài gừng.

Thức ăn không cứ thức gì, lúc ăn phải nên chú-ý, nếu ăn thức gì nó có nhiều chất bổ-dưỡng mà cứ ăn luôn mãi, khiến cho dạ dầy không được nghỉ-ngơi lúc nào, thì dạ dầy phải đến sinh bệnh. Nếu hay dùng cách ăn thay đổi, đương lúc ăn thức nhiều chất bổ-dưỡng lại sam thêm những chất thô-sơ, hoặc mỗi ngày chỉ ăn một bữa hay là hai bữa mà thôi, để cho dạ dầy nó được nhiều thì-giờ nghỉ-ngơi, thì không đến nỗi sinh bệnh. Đó là thưa ăn cốt giữ-gìn cho sức dạ dầy nó thường mạnh luôn. Nếu một ngày dùng đến dạ dầy hai ba lần để chứa thức ăn, thì không bằng dùng một lần là hơn.

Người Nhật thì hay ăn bữa cơm sớm, người Tàu tuy xa-xỉ nhưng cũng hay bớt bữa cơm sáng đi. Nay nghề y-học trong thế-giới không nước nào bằng nước Đức tiến-bộ hơn nhất, mà người Đức cũng bớt bữa cơm sáng đi, thế mà sức-lực người Đức vẫn mạnh-khỏe lắm.

Ở đất Đại-bản có vợ chồng ông luật-sư là Lâm-long-thái-lang năm xưa đi chơi các nước trở về, có người hỏi : « Khi đi chơi đó ở đâu là khó chịu hơn cả ? » Ông đáp rằng : « Khi ở nước Đức rất là khó chịu, vì không được ăn bữa cơm sáng. » Bởi vì người Đức cho rằng khi dậy sớm mà ăn cơm ngay thì không nên, điều đó dẫu kẻ nông-phu không biết chữ cũng biết, những kẻ nông-phu thường dậy sớm không rửa mặt, đi ngay ra ngoài đồng cắt cỏ, để chứa làm lương cho trâu ngựa ăn buổi trưa, cắt cỏ xong rồi mới trở về nhà ăn cơm sáng. Ấy kẻ nông-phu không có tư-tưởng gì là vệ-sinh mà cách ăn như thế cũng là tự-nhiên, thế mà rất là khỏe mạnh.

Cái cách ăn thô-sơ và bớt bữa ăn đi đều không đến nỗi sinh bệnh, xem như các bậc cao-tăng ngày thường chỉ

dùng một bữa hoặc hai bữa ăn, thế mà tu-hành được đến trường-thọ. Ta khi trước có đi đến Cao-dã-sơn, gặp một thày tăng bảo ta rằng: Ông dùng cách ăn chay thế nào? Ăn chay nghĩa là bớt bữa ăn đi. Thầy tăng ấy là bảo ta cái cách vệ-sinh đó.

«Con gái ta đương lúc nuôi con cũng bắt-chước cách ta ăn ngày hai bữa, thế mà sữa vẫn sung-túc cho con bú, không đến nỗi đau yếu. Chồng nó cũng theo cách ngày ăn hai bữa, thế mà thân-thể rất là mạnh khỏe.»

Đ.-C. *dịch*

Theo sách « Bach-khoa toàn-thư

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXVIII

II

之也爵室曰。惡北
何。如祿班周問宮

Dịch-âm. — *Bắc-Cung Ỷ vấn viết*: « *Châu-thất ban tước lộc dã như chi hà?*

Dịch-nghĩa. — Bắc-cung-Ỷ hỏi rằng: «Cái phép nhà Châu định ra thứ-bậc tước với lộc như thế nào?»

Chú-giải. — *Bắc-Cung Ỷ* = Người nước Vệ. *Ban* = Phân liệt ra thứ bậc.

其恥其也。惡聞詳孟
略也爵。而其也。不子
也。嘗然皆害諸可曰。
聞而去已侯得其

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết*: « *Kỳ tường bất khả đắc văn dã, chư-hầu ố kỳ hại-kỷ dã, nhi giai khử kỳ tịch, nhiên nhi Kha dã thường văn kỳ lược dã.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Những điều tinh-tường trong phép định tước-lộc của nhà Châu thì không thể được nghe vậy. Vì chư-hầu đời nay ghét cái phép phân-định tước-lộc của nhà Châu có phương-hại cho sự tham-lam tiếm-thiết của mình, mà đều bỏ mất cả sổ sách cũ đi, nên chẳng được nghe những điều tinh-tường. Song le Kha này từng nghe được những điều đại-lược vậy.

Chú-giải. — *Kha* = Là tên thầy Mạnh.

Xét: Phép phân-định tước lộc của nhà Châu đã có thứ bậc phân-minh chép ghi ở sổ sách. Nếu cứ theo phép ban tước thì phương-hại cho kẻ tiếm-thiết; theo phép ban lộc thì phương-hại cho kẻ kiêm-tính, nên các vua chư hầu bỏ quách sổ sách đi.

---

(1) Xem N.-P. số 134

∴

一 中 一 位。凡 位。位。天
位。士 位。卿 五 子 侯 子
凡 一 上 一 等 男 一 一
六 位。士 位。也。國 位。位。
等。卜 一 大 君 一 伯 公
士 位 夫 一 位。一 一

Dịch-âm. — « *Thiên-tử nhất vị, công nhất vị, hầu nhất vị, bá nhất vị, tử nam đồng nhất vị, phàm ngũ đẳng dã. Quân nhất vị, khanh nhất vị, đại-phu nhất vị, thượng-sĩ nhất vị, trung-sĩ nhất vị, hạ-sĩ nhất vị, phàm lục đẳng.*

Dịch-nghĩa. — « Cái tước thông cả trong thiên-hạ, thì thiên-tử một bậc, công một bậc, hầu một bậc, bá một bậc, tử với nam đều một bậc, cả thảy có năm bậc tước. Cái tước thì ở trong một nước, thì ông quốc-quân một bậc, quan khanh một bậc, quan đại-phu một bậc, quan thượng-sĩ một bậc, quan trung-sĩ một bậc, quan hạ-sĩ một bậc, cả thảy có sáu bậc tước.

Chú-giải. — *Vị* = Ngôi, bậc. Đây là kể ra cái chế-độ định ra thứ bậc mọi tước.

∴

曰 子。里。等。五 七 省 方 天
附 附 不 不 十 十 方 千 子
庸。於 達 能 里。里。百 里。之
諸 於 五 凡 子 里。公 制。
侯。天 十 四 男 伯 侯 地

Dịch-âm. — « *Thiên-tử chi chế, địa-phương thiên lý, công hầu giai phương bách lý, bá thất-thập lý ; tử nam ngũ-thập lý, phàm tứ đẳng ; bất năng ngũ-thập lý, bất đạt ư thiên-tử, phụ ư chư-hầu, viết phụ-dung.*

Dịch-nghĩa. — Cái chế ban định bổng lộc, thì thiên-tử hưởng-thụ phần đất vuông nghìn dặm, công với hầu đều vuông trăm dặm, bá bảy mươi dặm, tử với nam năm mươi dặm, cả thảy có bốn bậc. Lại còn một bậc nữa phần đất không đầy năm-mươi dặm, thì không được trực-đạt lên đấng thiên-tử, phải phụ-thuộc với nước chư-hầu, gọi là phụ-dung.

Chú-giải. — *Phụ* = Gửi theo phụ vào. *Dung* = công. Nói về cái công-trạng cai trị dân. *Phụ-dung* = Là một nước nhỏ phải đem cái công trị dân của mình phụ theo với nước lớn mà lấu lên thiên-tử.

Đây là kể ra cái chế-độ chia từng phần đất để ban định bổng-lộc.

∴

視 士 視 夫 視 卿 天
子 受 伯。受 侯。受 子
男 地 元 地 大 地 之

Dịch-âm. — « *Thiên-tử chi khanh thụ địa thị hầu, đại-phu thụ địa thị bá, nguyên-sĩ thụ địa thị tử nam.*

Dịch-nghĩa. — « Quan khanh của thiên-tử hưởng-thụ lộc đất coi bằng tước hầu, quan đại-phu của thiên-tử hưởng phần đất coi bằng tước bá, quan thượng-sĩ của thiên-tử hưởng phần đất coi bằng tước tử tước nam.

Chú giải. — Đây là cái chế-độ ban cho các quan của thiên-tử được phần đất ở trong cõi đất thiên-tử.

∴

以 官 下 士。上 四 君 大
代 者 士 中 士。大 十 國
其 同 與 士 上 夫。卿 地
耕 祿。庶 倍 士。大 祿。方
也。祿 人 下 倍 夫 卿 百
足 在 士。中 倍 祿 里。

Dịch-âm. — « *Đại-quốc địa phương bách lý, quân thập khanh lộc, khanh lộc tứ đại-phu, đại-phu bội thượng-sĩ, thượng-sĩ bội trung-sĩ, trung-sĩ bội hạ-sĩ ; hạ-sĩ dữ thứ-nhân tại quan giả đồng lộc, lộc túc dĩ đại kỳ canh dã.*

Dịch-nghĩa. — « Nước chư-hầu lớn, đất vuông trăm dặm ; lộc ông vua gấp mười lộc quan khanh, lộc quan khanh gấp bốn lộc quan đại-phu, lộc quan đại-phu gấp đôi lộc quan thượng-sĩ, lộc

quan thượng-sĩ gấp đôi lộc quan trung-sĩ, lộc quan trung-sĩ gấp đôi lộc quan hạ-sĩ. Quan hạ-sĩ với thứ-nhân ở chức sự theo-dõi việc quan, thì lộc bằng nhau, lộc vừa đủ để thay cái phần ruộng mình cày.

Chú-giải. — *Thứ-nhân tại quan* = Kẻ thường-dân ở trong quan-phủ làm việc sai khiến. *Lộc tức đại canh* = Lộc thường nhà Châu mỗi người dân được nhận ruộng một trăm mẫu, cày lấy mà ăn; kẻ theo dõi việc quan không thể cày lấy được, thì được cấp cái lộc cũng vừa xứng-đáng với cái phần ruộng cày.

Đây là cái chế-độ ban lộc cho vua quan trong một nước chư-hầu lớn được hưởng phần ruộng đất để ăn lộc.

.·.

足 任 士。中 倍 祿 里。次
以 官 下 士。上 三 君 國
代 者。士 中 士。大 十 地
其 同 與 士 上 夫。卿 方
耕 祿。庶 倍 士 大 祿。七
也。祿 人 下 倍 夫 卿 十

Dịch-âm. — « *Thứ-quốc địa phương thất thập lý, quân thập khanh lộc, khanh lộc tam đại-phu, đại-phu bội thượng-sĩ, thượng-sĩ bội trung-sĩ, trung-sĩ bội hạ-sĩ. hạ-sĩ dữ thứ-nhân tại quan giả đồng-lộc, lộc tức dĩ đại kỳ canh dã.*

Dịch-nghĩa. — « Nước chư-hầu kém thứ hai, đất vuông bảy mươi dặm; lộc ông vua gấp mười lộc quan khanh, lộc quan khanh gấp ba quan đại phu, lộc quan đại-phu gấp đôi quan thượng-sĩ, lộc quan thượng-sĩ gấp đôi quan trung-sĩ, lộc quan trung-sĩ gấp đôi quan hạ-sĩ. Quan hạ-sĩ với thứ-nhân ở chức-sự theo dõi việc quan, thì lộc bằng nhau, lộc vừa đủ để thay cái phần ruộng cày vậy.

Chú-giải. — Đây là cái chế-độ ban lộc cho vua quan một nước chư-hầu vào bậc thứ hai được hưởng phần ruộng đất để ăn lộc.

.·.

足 任 士。中 倍 祿 里。小
以 官 下 士。上 二 君 國
代 者 士 中 士。大 十 地
其 同 與 士 上 夫。卿 方
耕 祿。庶 倍 士 大 祿。五
也。祿 人 下 倍 夫 卿 十

Dịch-âm. — « *Tiểu-quốc địa phương ngũ thập lý, quân thập khanh lộc, khanh lộc nhị đại-phu, đại-phu bội thượng-sĩ, thượng-sĩ bội trung-sĩ, trung-sĩ bội hạ-sĩ; hạ-sĩ dữ thứ-nhân tại quan giả đồng-lộc, lộc tức dĩ đại kỳ canh dã.*

Dịch-nghĩa. — « Nước chư-hầu nhỏ, đất vuông năm mươi dặm; lộc ông vua gấp mười lộc quan khanh, lộc quan khanh gấp hai lộc quan đại-phu, lộc quan đại-phu gấp đôi lộc quan thượng-sĩ, lộc quan thượng-sĩ gấp đôi lộc quan trung-sĩ, lốc quan trung-sĩ gấp đôi lộc quan hạ-sĩ. Quan hạ-sĩ với kẻ thứ-nhân, ở chức-sự theo dõi việc quan thì lộc bằng nhau, lộc vừa đủ để thay cái phần ruộng mình cày vậy.

Chú giải = Đây là cái chế-độ ban lộc cho vua quan nước chư-hầu nhỏ được hưởng phần ruộng đất để ăn lộc.

.·.

其 人。食 中 人。農 夫 耕
祿 庶 六 食 上 上 百 者
以 人 人。七 次 農 畝 之
是 在 下 人。食 夫 百 所
爲 官 食 中 八 食 畝 獲。
差。者 五 次 人。九 之 一

Dịch-âm. — «*Canh giả chi sở hoạch, nhất phu bách-mẫu; bách mẫu chi phần, thượng-nông-phu tự cửu nhân; thượng thứ tự bát nhân, trung tự thất nhân, trung thứ tự lục nhân, hạ tự ngũ nhân; thứ-nhân tại quan giả kỳ lộc dĩ thi vi sĩ.* »

Dịch-nghĩa, — «Phép quân-điền của nhà Châu, người cày được phần mỗi người một trăm mẫu; trong trăm mẫu

ấy có chất bồi-bón và có công siêng năng, là bậc thượng-nông-phu có thể nuôi được chín người, bậc thượng-nông phu thứ hai có thể nuôi được tám người bậc trung-nông-phu cớ thể nuôi được bảy người, bậc trung-nông thứ hai có thể nuôi được sáu người, bậc hạ-nông-phu có thể nuôi được năm người. Đó là mỗi hạng nông dụng nhân-công có khác nhau, nên được thóc cũng nhiều ít khác nhau, đại-lược có năm bậc. Kẻ thứ-nhân theo đòi việc quan, việc nhiều thì lộc nhiều, việc ít thì lộc ít, cái lộc cấp cho đủ để thay phần ruộng cày cũng theo như năm hạng nông kia chia ra thứ bậc. »

Chú-giải. = *Bách mẫu* = Mẫu đời xưa với mẫu đời nay hẹp rộng có khác nhau. *Phấn* = Chất bồi-bón.

Đây là nói ra cái chế-độ cấp-lộc cho những kẻ thứ-nhân theo đòi việc quan, cũng đại-khái chia ra có năm bậc, kẻ ăn lộc nhiều nhất cũng bằng bậc thượng-nông đủ nuôi được chín người, ít nhất cũng bằng bậc hạ-nông đủ nuôi được năm người.

III

有也。者而不長。子敢萬
挾小友友。挾小曰。問章
也。可其友兄挾不友。問
以德也弟貴。挾孟曰。

Dich-âm. — *Vạn-Chương vấn viết: « Cảm vấn hữu ?» Mạnh tử viết : « Bất hiệp trưởng, bất hiệp quí, bất hiệp huynh đệ nhi hữu, hữu dã giả hữu kỳ đức dã, bất khả dĩ hữu hiệp dã.*

Dịch-nghĩa. — « Vạn-Chương hỏi rằng: « Dám hỏi cái đạo giao-du với bè bạn?» Thầy Mạnh nói rằng : «Chẳng nên cậy mình là hơn tuổi, chẳng nên cậy mình là quyền-quí, chẳng nên cậy mình có anh em phú-quí, mà giao du với bè bạn. Vì cái đạo giao-du với bè bạn ấy là giao-du lấy cái đức vậy, không nên có cái gì cậy mình vậy.

Chú-giải — Hiệp = Cậy có điều hơn người

之獻也。也。之則正也。孟
友子此無與子裘。有獻
矣。之五獻此忘牧友子
家。人子五之仲。五百
則者之人矣。其人乘
不亦家者獻三焉。之
與有者友子人樂家

Dịch-âm.— « *Mạnh Hiến-tử bách thặng chi gia dã, hữu hữu ngũ nhân yên, Nhạc-Chính Cừu, Mục-Trọng, kỳ tam nhân tắc dư vong chi hĩ. Hiến-tử cùng dữ thử ngũ nhân giả hữu dã, vô Hiến-tử chi gia giả dã; thử ngũ nhân giả diệc hữu Hiến-tử chi gia, tắc bất dữ chi hữu hĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Ông Mạnh-Hiến-tử ngày xưa, nhà trăm cỗ xe, là nhà quyền-quí vậy ; có bè bạn năm người, là Nhạc-Chính Cừu với Mục-Trọng, còn ba người nữa thì ta quên mất họ tên. Hiến-tử sở dĩ cùng với năm người ấy giao-du, là vì năm người ấy biết lấy đạo-đức tự-trọng, trong tâm không biết có nhà Hiến-tử là quyền-quí. Nếu năm người ấy cũng chỉ biết có nhà Hiến-tử là quyền-quí mà xu-phục, thì Hiến-tử chắc khinh-bỉ năm người ấy, mà chẳng thèm bạn với vậy.

Chú giải — Mạnh-Hiến-tử = Quan đại-phu nước Lỗ, tên là Trọng-Tôn Miệt, có tiếng là quan đại-phu hiền. *Bách-thặng* = Trăm cỗ xe, tức là cái số binh-sĩ của nhà quan đại-phu cứ theo như binh-chế nhà Châu, thiên-tử thì vạn thặng, chư-hầu thì thiên-thặng, đại-phu thì bách-thặng.

Đây là dẫn sự Mạnh Hiến-tử để chứng thực đạo giao-du không cậy quyền-quí.

事矣。於思惠之爲非
我王顏則公君然惟
者順殷師曰。亦也。百
也。長則之吾有難乘
息友矣。於之。小之
則之吾子費國家

Dịch-âm. — « *Phi duy bách thặng chi gia vi nhiên dã, tuy tiểu-quốc chi quân diệc hữu chi. Phi Huệ-công viết : « Ngô ư Tử-Tư tắc sư chi hĩ. ngô ư Nhan-Ban, tắc hữu chi hĩ, Vương Thuận-Trang-Tức tắc sự ngã giả dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Chẳng những nhà trăm cỗ xe là như thế, dẫu ông vua nước nhỏ cũng không có cậy quyền-qui mà giao-du. Vua Huệ-công nước Phi từng nói rằng: « Ta đối với thầy Tử-Tư là bậc đại-hiền, thì ta tôn thờ làm bậc thầy vậy. Ta đối với ông Nhan-Ban, là bậc thứ hiền thì ta kính đãi làm bạn vậy. Đến như ngươi Vương-Thuận Trường-Tức, thì là hạng người ta sai khiến đấy vậy. »

Chú-giải. — Đây là nói Phi Huệ công không cậy quyền qui mình là vua một nước nhỏ lại hay bạn với người có đức.

. .

賢 也。與 飽 榮 云 之 大 非
者 弗 其 也。蔑。則 於 國 惟
也。與 天 然 未 坐。亥 之 小
非 食 位 終 嘗 食 唐 君 國
王 天 也。於 不 云 也。亦 之
公 祿 弗 此 飽。則 入 有 君
之 也。與 而 蓋 食。云 之。爲
尊 士 治 已 不 雖 則 晉 然
賢 之 天 矣。敢 疏 入。平 也。
也。尊 職 弗 不 食 坐 公 雖

Dịch-âm. — « *Phi duy tiểu-quốc chi quân vi nhiên dã, tuy đại-quốc chi quân diệc hữu chi. Tấn Bình-công chi ư Hợi-Đường dã. nhập vân tắc nhập, tọa vân tắc tọa, thực vân tắc thực, tuy sơ-tự thái-canh, vị thường bất bão, cái bất cảm bất bão dã. Nhiên chung ư thử nhi dĩ hĩ, phất dữ cộng thiên-vị dã, phất dữ trị thiên chức dã, phất dữ thực thiên-lộc dã ; sĩ chi tôn hiền giả dã, phi vương công chi tôn hiền dã.*

Dịch-nghĩa. — « Chẳng những ông vua nước nhỏ là như thế, dẫu ông vua nước lớn cũng không có cậy quyền-qui mà giao-du. Xem như vua Bình-công nước Tấn đối với Hợi-Đường, khi vua đến nhà Hợi-Đường bảo đi vào thì Bình-công mới đi vào ; bảo ngồi xuống thì Bình-công mới ngồi xuống ; bảo ăn thì Bình-công mới ăn ; thức ăn của Hợi-Đường mời, dẫu cơm hầm canh rau, Bình-công chưa từng chẳng ăn no, vì kính người hiền cho nên chẳng dám chẳng ăn no vậy. Sonc-le chỉ những cái lễ-nghi nhỏ mọn như thế mà thôi, chứ chẳng dùng người hiền cùng ở ngôi trời, chẳng tôn người hiền cùng trị chức trời, chẳng cùng người hiền cùng ăn lộc trời. Cái cách tôn-kính người hiền như thế, là cách tôn-kính người hiền của kẻ sĩ đấy thôi, chẳng phải là cái cách tôn-kính người hiền của đấng vương-công có tước-vị có thổ-địa vậy.

Chú-giải. — Đây là nói Tấn Bình-công không cậy quyền-qui mình là vua một nước lớn lại hay bạn với người có đức, nhưng lại tiếc cho không biết dụng người hiền đức.

. .

也。友 天 賓 舜 室。甥 帝。舜
匹 子 主。迭 亦 于 帝 尙
夫 而 是 爲 饗 貳 館 見

Dịch-âm. — « *Thuấn thượng kiến đế, đế quán sanh vu nhị thất, diệc hưởng Thuấn, điệt vi tân-chủ, thị thiên-tử nhi hữu sất-phu dã.*

Dịch-nghĩa. — « Ông Thuấn trên tiếp-kiến vua Nghiêu, vua Nghiêu gả hai con gái cho ông Thuấn, cho rể ở nhà phó-cung, vua Nghiêu cũng đến nơi phó-cung ăn uống với ông Thuấn, thay đổi nhau, làm lễ khách chủ, ấy là đấng thiên-tử mà làm bạn với kẻ sất-phu vậy.

Chú-giải. — *Thượng* = Trên. *Sanh* = Chàng. *Kính Lễ* = Chàng rể gọi bố vợ là hàng cậu (cữu), bố vợ gọi chàng rể là hàng cháu (sanh). *Nhị-thất* = Tòa phó-cung ngài Ta là cái điện bậc thứ

hai gần bằng chính-diện. *Diệt* = thay đổi. *Diệt vi tân chủ* = Khi Nghiêu làm chủ thì Thuấn làm khách, khi Thuấn làm chủ thì Nghiêu làm khách, thay đổi lẫn nhau. *Sất phu* = kẻ dân thường.

Đây là nói ông vua tôn người hiền tất phải như vua Nghiêu bạn với ông Thuấn mới thật là không cậy mình quyền-quí vậy.

義尊。謂上貴上用一賢。貴之敬貴。謂下也。其貴尊下用之敬

Dịch-âm. — « *Dung hạ kinh thượng vị chi qui qui, dụng thượng kinh hạ vị chi tôn hiền ; qui qui tôn hiền, kỳ nghĩa nhất dã* ».

Dịch-nghĩa. — « Lấy kẻ dưới kính kẻ trên, gọi là qui người qui, lấy kẻ trên kính người dưới, gọi là tôn người hiền. Qui người qui, tôn người hiền, một bên là nghĩa kính người có ngôi, một bên là nghĩa kính người có đức, cái nghĩa đều phải như nhau vậy. »

Chú giải — Đây là nói kẻ về danh-phận thì phải qui người qui, kẻ về đạo-đức thì phải tôn người hiền. Tôn người là trọng người có đức cũng không kém gì qui người là trọng người có ngôi vậy.

(*Còn nữa*)

TÙNG-VĂN và ĐÔNG-CHÂU *dịch*

NHẤT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

一怒爲紅顏

(*Lịch-sử tiểu-thuyết*)

VII

HỒI THỨ BẢY

Tranh Trần Viên, Ngô Tam-Quế mượn binh :

Giết Ngô Tương, Lý Sấm-vương tiết-phẫn

Ngô Tam-Quế nghe được tin Lý Sấm bắt Trần Viên-Viên, tức-thời cả giận nói rằng : « Phen này cùng với giặc Sấm thề chẳng cùng sống. » Tức-khắc truyền lệnh chư-quân ruổi vào Bắc-kinh cùng Lý Sấm quyết thắng-phụ. Tam-Quế muốn cổ-động quân-tâm, liền đặt một cái hương-án, cách xa tế-vọng vua Sùng-trinh-đế, và làm lễ tế cờ một thề, tế xong thì tức-khắc khởi-hành. Chợt có tin báo rằng : « Tước thân-vương Đa-nhĩ-cổn ở Mãn châu đem đại-binh 20 vạn đóng đồn ở mé đông sông Liêu-hà, vì họ nghe Trung-quốc có nội-biến, kinh-thành đã thất-thủ, cho nên họ đồn-binh ở đó để xem động-tĩnh, chưa biết họ dụng-ý thế nào. Ta khởi binh vào Bắc kinh sau này, thì từ Ninh-viễn đến Sơn-hải-quan, chỗ biên-địa đều không-hư. Nếu kẻ kia thừa-cơ lấn vào thì tình thế nào, nguyên-súy phải nên thầm-thận. » Tam-Quế nghe tin báo cả kinh-hãi, đương lúc hoài-nghi, chợt tin báo Hồng Thừa-Trù với Tổ Đại-Thọ sai người đem thư lại. Nguyên Hồng với Tổ là quan nhà Minh mà đã từng đầu-hàng Mãn-châu. Tam-Quế xem thư, thì trong thư nói rằng :

« Hiện nay nhà Minh đã mất, giặc « Sấm đương hăng. Túc-hạ cha mẹ bị « tù, vợ con bị hiếp; túc hạ đã chẳng « theo được vua cũ đi xuống suối vàng, « lại chẳng nên cùng giặc Sấm cùng « đội trời chung, tưởng túc-hạ chẳng « đáng làm người vậy. Vả lại giặc Sấm « đem đại-binh cự ở đàng trước, chúa « Mãn đem đại-binh chẹn ở đàng sau, « túc-hạ quanh-co ở giữa đường, « lỡ ra sai một chút, thì tức-khắc « thân với danh đều bại, phải nên « thầm-thận. Xin túc-hạ trên xét thời « thời, dưới xem việc người, qui thuận « với Mãn-triều, chắc chẳng đi đâu mà « mất cái ngôi vương-hầu phú quí; « vả chẳng lại báo được cái thù của « cha của vua, xin túc-hạ xét nghĩ.»

Tam-Quế xem thư, trong tâm đã bị lời thư dao-động, liền định ngay chủ-ý sang đầu-hàng Mãn-châu; bắt đầu hậu-đãi kẻ đưa thư, liền lại ước với Hồng, Tô hai người, xin giáp mặt thương-nghị rồi sẽ quyết-định. Hồng Tô được thư Tam Quế, tức-khắc cùng với thân-vương Đa-nhĩ-cổn thương-lượng. Đa-nhĩ-cổn liền sai Hồng Thừa-Trù sang bên Ngô-quân, mà giao cho việc khuyên giỗ Ngô Tam-Quế về hàng. Đa-nhĩ-cổn lại dặn Hồng Thừa-Trù rằng: « Túc-hạ nên mau chóng cùng Ngô Tam-Quế tương-hội. Tha hồ Tam-Quế yêu-cầu thế nào, túc-hạ cứ bằng-lòng nhận lời cả đi, ta quyết chẳng tiếc gì cả. » Hồng Thừa-Trù phục thư cho Tam-Quế, chọn lấy một chỗ bí-mật để làm nơi tương-kiến, đến kỳ cùng Tô Đại-Thọ cùng đi, Tam-Quế cũng lén ra đi, chư-tướng không ai biết cả. Hồng Tô hai người cố khuyên Tam-Quế về hàng Mãn-châu. Tam-Quế nói rằng: « Túc-hạ nói rất phải, đệ quyết xin theo, ngày khác được chen vai vào đám vương-hầu, đều là cái ơn của túc-hạ. Duy tiểu-đệ có nghĩ rằng nước cũ đã mất, vua ta đã chết, kẻ làm bầy-tôi đương lấy làm thương đau, nỡ nào lại bỏ tổ-quốc nhân-dân lầm than ở trong tay giặc Sấm. Xin túc-hạ khéo nói với Thân-vương, cho tiểu-đệ mượn đại-binh, trước hãy báo thù cho tổ-quốc, rồi sẽ qui-mệnh với đại-vương, tiểu-đệ quyết chẳng dám phụ lòng túc-hạ. » Hồng Tô hai người thuận ý vâng lời, nhân dẫn Tam-Quế sang bên Mãn-quân, vào yết-kiến Thân-vương Đa-nhĩ-cổn. Tam-Quế vào đến nơi, Đa-nhĩ-cổn bắt đầu nói rằng: « Bản-tước nghe tiếng tướng-quân đã lâu, chỉ vì mỗi người ở một phương, chưa tiện có dịp bái-yết, nay được quang-lâm, khôn xiết hân-hạnh.» Tam-Quế chắp tay nói rằng: « Đội ơn vua cha quá khen, xấu-hổ khôn xiết. Nay nước tôi đa-nạn, giặc Sấm phá-hủy kinh-thành, vua nước tôi bị chết, nhà tôi bị hiếp-bắt, tôi trên chẳng báo được thù nước, dưới chẳng thư được nạn nhà, thực không mặt nào sống trộm ở thế-gian. Trộm nghĩ nước tôi với qui quốc, vốn là nghĩa láng-diềng, cùng nhau hòa-hiếu đã lâu; nay xin qui-quốc cầm điều nghĩa cho mượn binh, khiến quét trừ được quân nghịch-tặc; sau khi sự thành, quyết xin qui-mệnh với vua cha, theo đòi bên tả-hữu, chẳng biết vua cha có khứng lời không? » Đa-nhĩ-cổn nói rằng: « Nhà Minh với Mãn-châu ta vốn là cừu-thù, chẳng dám kể gì nghĩa láng diềng. Chỉ vì cái tình riêng của tướng-quân là trọng, chẳng dám chẳng nghe; nay ta chuyên vì tướng-quân mà khởi-binh, hao của tốn người, chẳng biết sau khi sự thành đền-báo lại thế nào? » Tam-Quế nói rằng: « Xin cắt đất Liêu đất Kế hai châu, làm lễ mừng thọ dâng lên qui-quốc; vua cha nếu chưa tin xin uống máu làm lễ ăn thề. » Đa-nhĩ-cổn đã hiểu hết tình-ý Tam-Quế, liền cùng với Tam-Quế cả Hồng Thừa-Trù với Tô Đại-Thọ nữa, cùng uống máu ăn thề. Tam-Quế nói rằng: « Nay minh-thệ đã xong, xin vua cha túc-khắc cho mượn đại-binh, để sớm-sủa quét trừ

quân nghịch-tặc. » Đa-nhĩ-cổn nói thác ra rằng: « Nay trong bản-quân, bộ-thự chửa định, đợi một hai ngày nữa, sẽ có thể tức-khắc phát-binh; tướng quân hãng cứ về trước, bản-tước sẽ chuẩn-bị cái thời-kỳ hội-binh »

Ngô Tam-Quế khi ấy vẫn đinh-ninh rằng Đa-nhĩ-cổn chỉ là lấy đại-binh giúp mình mà thôi, không ngờ đến sự Đa-nhĩ-cổn lại thân-hành thống-suất binh-đội vào của quan, cho nên tức-khắc từ-tạ Đa-nhĩ-cổn đi về. Khi Tam-Quế về đến bản-doanh, cùng kẻ tả-hữu thuật qua lại sự tả-binh, vẫn dương-dương tự-đắc lấy làm việc này có thể khỏi được cái nạn người Mãn nom-dòm, lại có thể lập-tức trừ quân Sấm-nghịch, thực là nhất-cử mà lưỡng-đắc. Tam-Quế liền điểm-duyệt chư-quân, chuẩn-bị sự hội-hợp với quân Mãn vào Bắc-kinh, lại nhất-diện bố-cáo hịch-văn kể tội-trạng Lý Sấm.

Lời hịch của Tam-Quế tuyên-bố ra, xa gần truyền nghe. Lý Sấm thấy thế cả sợ, thân-hành cử binh mười vạn, trở nẻo đông-hành, để cự Ngô Tam-Quế; lại khiến đại-tướng là Ngưu Kim-Tinh và Lưu Tôn-Mẫn làm quân tiền-phong trước ra đóng giữ đất Vĩnh-bình. Tam-Quế nghe được tin ấy, bảo kẻ tả-hữu rằng: « Tờ hịch-văn ta vừa mới tuyên-bố, Lý Sấm đã tức-khắc cất quân đông-hành, thế là lòng nó sợ ta; ta nếu phá ngay được nó thì có lẽ chẳng phải đợi quân Mãn-châu lại nữa. » Tức-khắc truyền lịnh tiến-chiến, kéo thẳng đến Vĩnh-bình. Tướng giặc là Ngưu Kim-Tinh và Lưu Tôn-Mẫn bắt đầu ra nghênh-chiến, Ngô Tam-Quế tức-khắc cũng ra tiếp-chiến, trận lớn trận nhỏ kể 13 trận. Tam-Quế tuy dũng-lực có thừa, nhưng quân Sấm thì nhiều, mà mỗi thứ tiếp-chiến, đều là lối hỗn-chiến, người nào tự tiến-chiến lấy người ấy, không phải đợi ai thống-suất ai, cho nên Tam-Quế không có phương-pháp gì để thủ-thắng được. Một hôm chính là lúc Tam-Quế đương ham tiến-chiến, chợt nghe tin Lý Sấm thân-hành thống-suất đại-binh tiến vây chỗ đại-doanh của Tam-Quế, Tam-Quế cả kinh-hãi, truyền-lệnh tạm lui quân. Quân giặc Sấm đều cho rằng Tam-Quế là con hổ, nên hết sức đuổi bắt, kẻ nào kẻ ấy đều phấn-dũng tranh-tiên phá được đại-doanh của Tam-Quế. Tam-Quế lui quân chạy về Sơn-hải-quan, Lý Sấm lại kíp chỉ-huy các quân-đội tiến vây Sơn-hải-quan.

Lúc ấy Mãn-thân-vương Đa-nhĩ-cổn, nghe được tin Tam-Quế bị vây đã kíp, mới nghĩ bụng rằng: Hai con hổ cắn nhau đã say-sưa, lúc này ta tiến-binh, chính là hợp thời thế. Liền thân-hành thống-suất đại-binh, thẳng nẻo Sơn-hải-quan tiến-phát. Nhưng Đa-nhĩ-cổn tuy tiến-binh, nhưng vẫn cố ý đi thong-thả, là ý định rằng ta thu-dụng lấy một con hổ, khiến cho con hổ nọ đuổi hổ kia, ta cứ ở đằng sau thung-dung tiến-binh vào Trung-quốc, sẽ không phí lực gì cả. Ngô Tam-Quế thì ở Sơn-hải-quan dương bị vây, chỉ hàng ngày mong đợi quân Mãn-thân-vương Đa-nhĩ-cổn đến, sẽ có cơ chuyển-bại vi-thắng được; mới tự nghĩ bụng rằng khi Mãn-thân-vương đến, ta phải có một điều mua cái lòng tin với Mãn-thân-vương, để cầu Mãn-thân-vương hết sức với mình. Kịp khi Đa-nhĩ-cổn tiến binh đến Sơn-hải-quan, Tam-Quế tức-khắc bí-mật cạo đầu róc tóc, trang-sức lối người Mãn, kẻ tả người hữu đều chẳng ai biết; kịp thấy Tam-Quế ra nghênh-tiếp Đa-nhĩ-cổn, thì đầu đã để đuôi, áo đã cộc vạt, không ai là chẳng kinh-hãi. Đa-nhĩ-cổn nói rằng: « Bản-tước ngày nay đã biết ngươi là thành-tâm, nhưng chỉ một mình ngươi róc tóc qui-thuận, còn bộ-hạ tướng-sĩ người còn nhiều, nếu chẳng phục-tòng mệnh-lệnh, thì lại toan-tính thế nào? » Tam-Quế nói rằng: « Tôi trấn đất Ninh-viễn đã lâu năm, cũng đắc-

nhân-tâm ; nay tôi trở về trong quân, xin hạ-lệnh toàn-quân đều phải cạo đầu róc tóc, đại-vương bất-tất phải đa-nghi.» Đa-nhĩ-cổn cầm lấy tay Tam-Quế nói rằng : « Người như thế thậm-hảo, thậm-hỏa ! Ta tất vì ngươi quét trừ giặc Sấm, báo được thù lớn cho ngươi.» Tam-Quế chắp tay khấu-đầu bái-tạ, tức-khắc về nơi quan-nội, hạ-lệnh toàn-quân nhất-khái đều cạo đầu róc tóc, nếu kẻ nào chẳng theo, thì lập-tức dùng quân-pháp chặt lấy đầu. Cái lệnh ấy bất-thình-lình ban xuống trong quân có nhiều kẻ hãi-ngạc phẫn-uất, kẻ tả người hữu có nhiều người can rằng : « Nguyên-súy trước kia chỉ nói rằng sang Mãn-châu mượn quân mà thôi, không phải là đi làm tôi-tớ Mãn-châu ; nay như thế thì là quên gốc bội nước, mặt nào trông thấy quốc-dân ; chúng ta dã chẳng khôi-phục được nhà Minh thì chớ, vì bằng nô-lệ cho Mãn-châu, chẳng thà đầu-hàng với Lý Sấm còn hơn ; Lý Sấm còn là người Trung-quốc, sao lại cừu-thù gì một Lý Sấm, xin nguyên-súy nên nghĩ kỹ.» Tam-Quế nghe nói, làm thinh đi nửa ngày, không biết lấy câu gì trả lời, cuối cùng mới nói thác ra rằng : « Bản-chức việc này cũng là tòng-quyền đấy thôi, không như thế không đủ kết được cái lòng tín-dụng của người Mãn ; sau khi sự thành, sẽ có phương-pháp, chư-quân bất-tất hoài-nghi.» Chư-tướng-sĩ khi ấy cũng chẳng ngờ rằng Tam-Quế đã vội có dị-tâm lừa-dối mình, cho nên cái lệnh bộ-hạ toàn-quân nhất-khái róc tóc, không ai là chẳng tòng-quyền mà tạm theo. Tam-Quế tức-khắc đem sự toàn quân róc tóc báo cho Đa-nhĩ-cổn biết và ước-định cái hội-kỳ tiến-chiến. Đa-nhĩ-cổn tức-khắc phong cho Tam-Quế tước Tây-bình-vương suất-lĩnh quân bản-bộ làm đội tiên-phong đi trước, mà tự mình thì thống-suất đại-binh làm hậu-đội đi sau, khắc-kỳ tiến-chiến.

Tam-Quế lúc ấy nhờ cậy có quân Mãn, dởm đã mạnh, khí đã hào, suất-lĩnh toàn-quân tề-tiến, cùng với Sấm-tướng là Lưu Tôn-Mẫn bắt đầu giáp trận đại-chiến. Tôn-Mẫn bị trúng tên ngã ngựa chết ; quân Sấm toàn-quân vỡ lui trốn chạy. Quân Tam-Quế đuổi ở đằng sau. Tam-Quế hạ-lệnh rằng : « Giặc Sấm đã thua, nên đuổi cho đến cùng, chớ cho nó được nghỉ-ngơi, súc-dưỡng khí-lực, ta báo thù nước, giết giặc trời, ở một phen này đó.» Lúc ấy nhân-tâm đương nhớ nhà Minh cho nên tướng-sĩ nghe lệnh không ai là chẳng phấn-dũng thẳng nẻo đuổi đến Vĩnh-bình, Lý Sấm bỏ thành chạy. Tam-Quế lại đổi hậu-quân lên làm tiền-quân hết sức đuổi đánh. Lý Sấm sai người đưa thư cho Tam-Quế nói rằng :

« Tướng-quân mượn binh ngoài để « tàn-hại người trong nước, chẳng phải « là kế-sách hay đâu ; ta vì bằng bị thua « vỡ chăng nữa, giang-sơn thành-quách « cũng tất về tay người ngoài, tướng-« quân há lại khôi-phục được nhà Minh « đó chăng. Nay hai con Sùng-trinh-« đế với thân-phụ tướng-quân đều ở « trong quân ta. Nếu tướng-quân « chẳng nghĩ, để cho vua với cha bị giết, « ngọc với đá đều tan, tướng-quân đối « với nhà Minh là kẻ bất-trung, đối với « nhà tướng-quân là kẻ bất-hiếu, « đối với người Mãn là con chó săn « đấy thôi, xin tướng-quân nghĩ lại.»

Ngô Tam-Quế xem xong, ném tờ thư xuống đất, thét chém kẻ lai-sứ, kẻ tả người hữu đều can. Tam-Quế nói rằng : « Ta nghĩ sự-thế ngày nay, tận-trung chẳng được, mà tận-hiếu cũng chẳng được». Nói xong lại lĩnh binh tiến-tiến, ngày đêm chẳng nghỉ, thẳng đuổi đến đất Kinh-triệu. Lý Sấm tự lĩnh ba trăm kinh-binh, chạy về trong thành Bắc-kinh trước, còn đại-binh giao cho các tướng thống-lĩnh đóng ở ngoài thành, chia làm mười-hai trại để cự Tam-Quế. Tam-Quế thừa thắng tiến đánh, liền phá

được tám trại, chém hơn hai vạn cái đầu. Lý Sấm kíp sai tên hàng-tướng là Đường Thông ra nghênh-chiến. Đường Thông lập-tức lĩnh mệnh đem quân ra thành, xuất-tướng ngồi trên mình ngựa cùng Tam-Quế đối trận. Tam-Quế mắng Đường Thông rằng: «Mày là kẻ vô-sỉ đi hàng giặc.» Đường Thông mắng lại Tam-Quế rằng: «Mày cho ta là kẻ khuất thân đi hàng giặc, mày tự hỏi mày là thế nào? Ta còn hơn mày, mày dẫn voi về giầy mồ, mặt nào còn trông thấy người Trung-quốc, mày chẳng tự biết xấu-hổ, mày lại còn dám ở trước trận mở mồm múa lưỡi đó a!» Tam-Quế nghe nói cả giận, tức-khắc sai bộ-tướng là Mã Hữu Uy ra trận nghênh-chiến. Đường Thông vì cớ ba quân trải qua sau khi chiến-bại, tự-nhiên kinh võ, Đường Thông lại đại-bại, Tam-Quế đuổi đánh, lại chém hơn ba nghìn đầu Lý Sấm cả sợ, liền sai sứ ra cầu-hòa, kể rằng chúng ta cùng là người Trung-quốc, hà-tất phải mượn người ngoài, xin rằng cùng làm vua Trung-quốc, chia đất Trung-quốc mà cùng nhau cai-trị. Tam-Quế bảo kẻ lai-sứ rằng ngày nay không phải là lúc nghị-hòa. Tam-Quế vẫn chỉ-huy chư-quân tiền-tiến đánh giết. Lý-Sấm lại đại-bại, lui quân vào trong thành. Tam-Quế về bản-doanh kế-nghị sự công thành.

Lý Sấm khi ấy ở trong thành, trong quân số người số ngựa vốn hãy còn có hai-mươi vạn, chỉ lưu binh ở trong thành hết sức chống-giữ, đề phòng quân Tam-Quế đánh vào mà thôi, không cho xuất-chiến nữa. Tam-Quế tiến thẳng đến dưới thành, đốc-quân đánh thành. Lý Sấm tức-khắc cùng chư-tướng kế-nghị, liền sai người đem cha Tam Quế là Ngô-Tương ra, ôm lên để ở trên thành và bảo Tam-Quế rằng: «Mày cớ sao làm bức-bách người quá lắm vậy, nay cha mày còn ở trong quân ta, mày sao chẳng yêu tiếc cha mày, mày nếu chịu thoái-binh, ta tất đem cha mày trả lại mày, mày nếu chẳng thế, ta tức-khắc giết cha mày để ta tiết cái lòng phẫn của ta.» Tam-Quế trả lời rằng: «Ta nay chỉ vì công sự, không kể tư-tình.» Tam-Quế liền lại đoái lên Ngô Tương mà nói rằng: «Con tự phen ra trấn đất Ninh-viễn, chẳng được thân-cận đã lâu; chẳng ngờ cha bị quân nghịch-tặc nó hiếp bắt, con rất lấy làm cảm-thương. Duy con nay không dám vì việc tư bỏ việc công, cha nếu bị giặc nó giết chăng nữa, cũng là vì nước mà chết, chẳng đủ sợ gì, xin cha tha cho con cái tội bất-hiếu, sau này sự sống sự chết, cũng chẳng đủ tiếc gì, cha đừng nghĩ đến con nữa.» Tam-Quế nói xong, lại ngảnh mặt đi, chỉ truyền lịnh tiến-binh đánh thành. Ngô Tương mới cả kêu: «Tam-Quế! Tam-Quế!» mà trách rằng: «Con ơi! con tự hỏi con, con quả có thể phò giúp được đấng hiền-chủ, khôi-phục được xã-tắc nhà Minh, thì con cứ cố làm đi, cha nay dẫu chết cũng chẳng hận gì. Nếu chẳng có thể làm được như thế, chẳng qua lợi thì người Mãn nó hưởng, tội thì con mang đấy thôi. Kia đấng tân-chủ họ Lý đây, cũng là người Trung-quốc đó. Con sao chẳng nghĩ, lại bức-bách người quá thế, sao chẳng vì cha lưu lại một tí đất thừa mà nhẫn-tâm quá như vậy!» Ngô-Tương nói xong, giơ tay vuốt nước mắt chẳng thôi. Lý Sấm đến lúc ấy, càng kinh-hoàng cấp-bách không biết làm thế nào, tức-khắc muốn giết ngay Ngô Tương đi để tiết lòng phẫn. Lý Sấm nói rằng: «Thằng Ngô Tam-Quế kia, nguyên nó chỉ yêu con Viên-Viên, nó cũng chẳng yêu gì cha nó, nhưng ta nay trước hãy giết Ngô Tương để thị-uy, rồi sau ta sẽ xách con Viên-Viên ra để làm cái đất nghị-hòa, sao lại chẳng được!» Tức-khắc truyền-lịnh ép giải Ngô Tương đến trên chỗ thành-lâu đem trảm-quyết. Than ôi! Uổng công róc tóc về xua giặc, vì mảnh quần-hồng nỡ bỏ cha! Chính Ngô-Tam-Quế vậy.

(Còn nữa) TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN - UYỂN

1 — Tiễn bạn (1)

Thấp-thoáng bờ sông chóm lục-thảo,
Phất-phơ cành liễu ngọn thu-phong ;
Thuyền ai một cánh xa-xa tít,
Dòng nước đưa theo một tấm lòng.

2 — Chiều về thăm vườn

Hoa đào mởn-mởn chim ganh sắc,
Gió trúc hiu-hiu bóng nhạt chiều ;
Chợt thấy trên cành đôi én liệng,
Vườn xưa cảnh cũ ngẩn-ngơ nhiều.

3 — Chơi biển có cảm

Bờ dương gió cuốn chim đua hót,
Mặt bể mây trôi nước ngập tràn ;
Lạnh-lẽo thương ai người dưới bãi,
Lưới chài vất-vả chẳng an-nhàn.

4 — Thú nhà nông

Ấm-êm mấy gió buổi trời thu,
Cây cỏ đầu non sương khói mù ;
Mấy ả nhà quê vang tiếng hát,
Cấy cày vất-vả biết chi sầu.

5 — Thú ngư-ông

Bãi biển lô-nhô lớp sóng cồn,
Ngổn-ngang thuyền cá lượn bên thôn ;
Bóng chiều đã xế sào chưa nhổ,
Mong-mỏi chi đây dạ chẳng chồn.

6 — Giang-thành chiều trông bạn

Khắc-khoải bên ao tiếng vịt chiều,
Bờ tre nước ngập gió hiu-hiu ;
Tiếng đâu rộn-rã tiếng còi mục,
Ngõ trúc chờ ai những quạnh-hiu.

7 — Trăng rằm

Một vầng vặc-vặc giữa trời đông,
Đầy đặn tròn in ánh sáng trong ;
Nước dọi song-song đôi mặt ngọc,
Cảnh thưa điểm-điểm mấy chùm bông ;
Thướt-tha mở tỏ cơn mây ám,
Thấp-thoáng gần xa bóng sáo lồng ;
Càng dãi càng lên càng tỏ nét,
Treo cao gương sáng thế-gian trông.

8 — Than thân

Ngao-ngán đời mình ngao-ngán ôi !
Công-danh sự-nghiệp mãi không rồi !
Dưỡng-sinh trời đất ân chưa trả,
Hẹn-ước tang-bồng chí dám thôi ;
Ngày tháng bóng câu qua cửa sổ,
Nắng mưa thân dạn với trần-ai ;
Lênh-đênh thuyền bể nghìn trùng sóng,
Ngẩnh lại giang-san những khóc cười.

9 — Ngán đời

Danh mà chi lợi nữa mà chi,
Câu-cóp cũng không mấy thủa-thì ;
Cần trúc túi đàn vui tuế-nguyệt,
Chén chè, chung rượu đọc thư-thi ;
Nhục vinh hơn thiệt người chen-chúc,
Khôn dại khen chê tớ xá gì ;
Vườn vắng thảnh-thơi chơn chếnh-
[choáng,
Hiểm gì chưa trắng nợ nam-nhi.

10 — Thăm vườn

(Hát nói)

Về viếng qua vườn xưa cảnh cũ,
Đào lý xem còn đủ mấy hàng.
Trên cành cây chim hót rảnh-rang,
Kia hoa cỏ đua tranh hồng-tử.
Ân sách vẫn còn ân sách cũ,
Nước non bạn với nước non nhà.
Cảnh thanh-nhàn ngày tháng lân-la,
Câu thơ mới cẩm-hoài phong-vị cũ.
Nhà tranh cảnh vắng bao là thú,
Bổng dưng sao lăn-lóc chốn thị-thiềng.
Ngậm-ngùi thay cảnh điền-viên !

---

(1) Tập thơ này có đưa cho nhà « Trí-đức-học-xá » nhuận-sắc. — B. - N.

11 — Phú đắc :

Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Bõ công trang-điểm má hồng răng đen.

Nào sĩ, nông, công, cổ,
Nào lý, bốc, nho, y.
Từ giàu sang cho đến hàn-vi,
« Mười hai, bến nước » phận nữ-nhi,
Cũng lánh đục tìm trong khi xuất-giá.
Duyên trời âu hẳn duyên vàng đá,
Đạo thế gây nên đạo vợ chồng.
Còn gì hơn nhất sĩ, nhì nông,
Đem gửi phận phấn son cho phải lứa.
Anh đỗ nọ vẻ-vang có thuở,
Cành bích-ngô chim phượng đậu cao.
Cho đành một kiếp má đào !

12 — Chơi bãi Lộc-tử, hái hoa mai tế hồn tử-sĩ trên cổ-chiến-trường

Khắp trời đất mây mây gió gió,
Hạt mưa bay cây cỏ phất-phơ.
Khí thu sa phủ nước non mờ,
Hồn chiến-sĩ dật-dờ làn khói tỏa.

Nợ nước liều thân lo vẹn trả,
Ơn nhà tận chi dám đơn sai.

Xây đồn đắp lũy dạ chẳng nài,
Huyết-hãn đến nay trơ dấu những.
Tấc lòng thành, tiền-nhân xin chứng,
Cành hoa mai nhận chút mùi hương.
Gọi là gặp-gỡ giữa đường !

BẠCH-NHƯ (*Hà-tiên*)

---

1 — Đêm thu chơi trăng trên Đông-hồ

Dòng nước long-lanh in sắc nguyệt,
Mặt hồ man-mác nổi thuyền thơ.
Sương lồng chén cúc lưng vơi rót,
Gió thoảng tiếng gà vẳng vẳng xa.

2 — Nghĩa ở đời

Nao-nao dòng nước tận chân trời,
Một cuộc tang-thương dễ não người !
Đành cõi trăm năm là thế vậy,
« Khò a ! » hai tiếng đã chào đời !

3 — Cái trống học

Rát mặt sần da tiếng dám nài,
Hạnh-đàn thét xế lại gầm mai;
Báo tin khắp cả người Châu, Lỗ,
Mê muội dâu ai cũng tỉnh-tươi.

4 — Chiều thu ngồi với bác Bạch-Như ở Kim-dữ

Bóng ác chênh-chênh đã xế cành,
Khói mây nghi-ngút bồng trời xanh ;
Bông lau phơ-phất theo chiều gió,
Khóm đá lô-nhô bủa sóng ghềnh ;
Thấp-thoáng non cây mưa điểm trắng,
Đầm-đìa nội cỏ vẻ thêm xinh ;
Nước non non nước đôi tri-kỷ,
Một bức tranh thu cảnh lẫn tình.

5. — Nỗi buồn canh khuya.

Đêm khuya trằn-trọc mái hiên tây,
Tâm-sự năm canh một khối đầy ;
Bể thảm mênh-mông không kẻ lấp,
Thành sầu chất-ngất mãi ai xây ;
Tình nhà nợ nước tơ vò rối,
Chí cả tài hèn nỗi khó khuây ;
Gánh nặng đôi vai dồn nghĩa-vụ,
Bao giờ cho thỏa chí râu mày.

QUANG-ĐẨU (*Hà-tiên*)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc nội-loạn Afghanistan. – *Một kỳ trước (N.-P. 128), bản-chí đã nói qua về cái phong-trào duy-tân ở nước* Afghanistan *(A-phú-hãn) và cái công-nghiệp vua* Amanoullah *đi du-lịch các nước Âu-châu để khảo-sát chính-trị định về cải-cách nước nhà.*

Trong khi vua đi du-lịch vắng thì ở trong nước những phái thủ-cựu phản-đối cái chính-sách duy-tân của vua, bèn hết sức âm-mưu vận-động, truyền ra những tin không thực để hoặc lòng dân và làm cho vua mất thanh-thế đi. Dân A-phú-hãn cũng như các dân Hồi-giáo khác hay ngoan-mê về đạo, phàm cái phong-trào gì có quan-hệ đến tôn-giáo là dễ trở nên kịch-liệt. Đảng phản đối lèn lợi dụng cái tâm-lý của người dân ấy mà phao-truyền lên những tin lạ-lùng : như nói rằng khi vua đi du-lịch ở Âu-châu thì ăn-uống vô-độ, nào là nhảy «đầm», nào là ăn thịt lợn, toàn là những điều trong đạo Hồi nghiêm-cấm, cho là tội-ác không gì bằng ; lại cách ăn mặc sỗ-sàng, không những vua, đến cả bà hoàng-hậu Thourayа *cũng thế. Muốn chứng rõ điều đó, họ đem ra một cái ảnh chụp hoàng-hậu mặc theo « mốt » đàn bà Âu-châu để trần cả cổ cả vai đứng khoác tay với quan Giám-quốc Pháp* Doumergue. *Người A-phú-hãn phần nhiều còn quê mùa, chưa biết đó là cách ăn mặc lịch-sự của Tây-phương, cho là một cách khỏa-thân dâm-đãng. Ảnh ấy in ra hàng vạn tờ, truyền khắp kẻ chợ nhà quê, nhà hàng nào cũng thấy bán. Thiên-hạ nhân đó bình-luận nhao-nhao cả lên, ai cũng có ý chê vua và hoàng-hậu.*

Kịp đến khi vua về nước thì nhân-dân tiếp rước một cách lãnh-đạm, rồi có hai viên giáo sĩ (mollahs) là hai anh em đi cùng các nơi tuyên-truyền phản-đối. Hương khi diễn-thuyết ở các tỉnh thì hai người bị bắt. Một người trốn được, chạy sang Ấn-độ, vẫn vận-động phản-đối. Còn một người tên là Hazra Sahib *bị giam ở kinh-đô* Caboul, *thiên-hạ truyền ngay tin rằng bị đánh chết ở trong ngục. Người ấy rồi sau được vua ân-xá, cho tha ra, lại cứ công-kích nhà vua mãi.*

Ấy là cái kịch nội-loạn khai-mạc từ đấy. Nay những tay chủ-động trong kịch mới xuất-hiện ra. Có ba đảng, hai đảng là người hai rợ ở về ria đường địa giới đông-bắc nước A-phú-hãn, tiếp-giáp với Ấn-độ, rợ Chinvaris *và rợ* Khougianis, *còn một đảng nữa là đảng thổ-phỉ, có một người tên là* Betché Sacca (Betché *là tiếng Ba-tư, nghĩa là người con,* Sacca *là tiếng Ả-rập nghĩa là tên gánh nước thuê, có ý là người xuất-thân hèn-hạ), ba đảng ấy đều có cớ oán nhà vua cả. Trước hết thì các rợ ở rừng núi ngày xưa đều được hưởng đặc-quyền ; vua chúa không những miễn-trừ cho thuế-khóa và binh-dịch, lại thường cấp cho các tù-trưởng được lương tháng và được ruộng đất nữa. Vua* Amanoullah *đặt ra chính-thể bình-đẳng, muốn cho tất cả người dân A-phú-hãn bất cứ là dân thành-thị hay dân du-mục, cùng có quyền-lợi trách-nhiệm như nhau cả. Đã bãi bỏ cả các đặc-quyền, lại tuyên-bố sẽ bắt người các rợ cũng phải nộp thuế, cũng phải đi lính như các dân*

quê khác. Còn tên BETCHÉ SACCA *thì khi làm cảnh-binh, khi làm tướng giặc, đã ba lần cùng với đồ-đảng bị một toán quân của quan Đô-đốc* Caboul *là* ALI AHMAD KHAN *đuổi bắt, hai lần chạy qua địa-giới sang được Ấn-độ ; lần thứ ba bị bắt tống-giam.*

Ngày mồng 1 tháng 9 năm 1928, vua AMANOULLAH *họp hội-nghị các dân-biểu trong nước, để bày tỏ cho biết cái chương trình cải-cách của vua, đại-khái như sau này : Đặt nghị viện 150 người do dân công-cử theo phép phổ-thông đầu-phiếu ; chỉnh-đốn lại quân đội, đặt lệ binh-dịch cưỡng-bách theo lối rút thăm cứ tám người lấy một người, quân-phục và khí-giới đổi theo kiểu mới, và sẽ đặt ra một thứ thuế riêng để chi về các khoản kinh phí đó ; chỉnh-đốn lại việc học, đặt lệ giáo-dục cưỡng-bách cho cả con trai con gái và đặt trường chung cho con trai con gái từ 6 tuổi đến 8 tuổi ; cải-lương cái thân-phận người đàn-bà trong xã-hội, thuộc về khoản này thì vua không bắt buộc, chỉ khuyên dân nên theo lục văn-minh lấy một vợ, không nên theo lối cổ hay đầy vợ và hay giam-cầm người đàn bà, các điều đó vua để cho đàn ông trong nước được tự-do theo, về phần riêng vua thì sẽ tự mình thi-hành trong giới-hạn tôn-giáo để cho nhân-dân bắt-chước ; sau hết, định lại các thuế-ngạch và chia ra trong các hạng người cho công-bằng.*

Được tin vua định cải-cách như thế, các giáo-sĩ đạo Hồi từ mấy tháng trước đã bị đảng phản-đối nhà vua khuyến-dụ, bấy giờ nhao-nhao nổi lên phiến-động. Bọn đó nói rằng vua làm những cách đó là lập-tâm muốn phá đạo Hồi, phá những luật thánh đã định trong kinh Cổ-lan (Coran). *Mấy người giáo-sĩ bị bắt. Ngày mồng 2 tháng 10 ở kinh-đô* Caboul *dân nổi lên biểu-tình một cách kịch-liệt. Quan-quân thẳng tay dẹp được yên ngay. Đến ngày mồng 10 tháng 10 nhân tiếp ngoại-giao-đoàn, vua lại công-nhiên tuyên-bố cái chương-trình cải-cách như trên.*

Ngày 15 tháng 11, các quan-lại coi việc thu thuế và tuyển binh đi đến địa-hạt rợ Chinvaris *để làm việc. Người rợ đem súng ra bắn quan-lại nhà-nước. Chính-phủ liền phái quân lính về dẹp, yên ngay.*

Ngày mồng 1 tháng 12, rợ Chinvaris

Bản đồ nước A-phú-hãn

lại nổi loạn lên, lấy cớ tôn-giáo mà nổi lên chống lại với nhà vua, cho là chính-sự nhà vua trái với luật phép trong đạo, xướng lên cuộc « chiến-tranh vì đạo » gọi là djilad. *Giặc tiến lên đánh thành* Djélalabad. *Quan đô-đốc* Caboul *suất quân-đội kinh-đô tiến sang đánh về phía đông. Quân giặc bị thua chạy vào đường núi. Bấy giờ nhà vua muốn dùng rợ* Khougianis *xưa nay vẫn bất-bình với rợ* Chinvaris, *cho quân-phục khí-giới để giúp cho quan-quân đuổi đánh bọn giặc. Không dè ngày mồng 7 tháng 12 rợ* Khougianis *lại giở giáo đem cả quân-phục khí-giới về với giặc, rồi hai rợ hiệp nhau lại cùng tiến lên đánh ở đồng bằng* Djélalabad. *Quan-quân liền ngăn-cản lại được. Bấy giờ đương mùa đông rét lắm, các núi đầy những tuyết cả. Ngày mồng 10 tháng 12 hai bên định đình chiến trong 10 ngày rồi bắt đầu thương-thuyết để giảng-hòa.*

Bấy giờ thiên-hạ chú-ý cả về mặt đông-giới, ở kinh-đô Caboul *xem ra yên-ổn lắm. Tên tướng giặc* Betché Sacca *trước bị bắt, bấy giờ vua ân-xá cho, lại thấy nó ăn-năn hối tội, thề trước kinh Cô-lan xin trung-thành với vua, vua bèn cảm động sai nó đi hiệu-lực về miền* Koh-daman, *cách kinh-thành* Caboul *60 cây-lô-mét, để coi việc mộ quân. Vua cho nó khí-giới, đạn-dược, quân-phục, tiền bạc, lại cho chức đại-tá và ban cho tước* Khan. *Vua làm điều đó thật là sơ-ý quá Các cận-thần đã hết sức can. vua không nghe.*

Vào khoảng ngày mồng 10 tháng 12, quả thấy tin nguy-cấp ở miền Koh-daman *báo về : thành* Cha ikar, *thành* Istalif, *cùng các làng trong miền thung-lũng đó, bị quân mới mộ đến cướp phá dữ lắm. Đêm ngày 14 tháng 12 nhà máy điện* Djebe -us-Seradj. *ở phía trên* Cha-rikar *là nơi truyền điện thắp cho kinh-thành* Caboul *bị phá, kinh-thành bỗng tối-tăm mù-mịt, quân giặc tiến vào đánh kịch-liệt lắm. Vua vội-vàng họp mấy trăm quân còn lại để chống với quân địch bấy giờ cũng chưa biết rõ là quân ở đâu lại. Hôm sau mới biết giặc là người của* Betché Sacca, *nhiều đến 7000, dân trong thành-phố bèn hiệp với quân nhà vua để đánh lại. Hai bên đánh nhau dữ trong mấy ngày, rồi quân giặc bị đuổi ra ngoài 60 cây-lô mét về phía bắc kinh-thành. Bấy giờ vua mới hạ-lệnh cho gọi quân ở* Djelalabad *về. Ở đấy tuy có đình-chiến, mà không bao lâu lại đánh nhau ; lại thêm đường đi hiểm-trở, có chỗ qua những cái đèo cao hơn 2000 thước, núi hai bên trắng những tuyết. Quân vừa bị giặc vây, vừa bị đường nghẽn, không thể rút về được, thành ra kinh-đô tuyệt đường giao-thông với ngoài và không đủ quân phòng-bị, giặc thình-lình đến đánh lúc nào cũng được. Tình-thế bấy giờ nguy-cấp quá. Tuy ở* Djelalabad *đô-đốc* Au Ahmad Khan *đánh tan được giặc hai rợ, bắt hai rợ phải hàng và phải công-nhận rằng chính-sự nhà vua không có trái với tôn giáo Hồi-hồi (ngày 27 tháng 12 năm 1928), nhưng ở kinh-đô vua đã lấy làm ngả lòng lắm.*

Muốn cho được dài ngày giờ để đợi cơ hội, và muốn cho kẻ thù không có cớ phản-đối nữa, ngày 7 tháng giêng năm 1929 vua bèn cho in trong Quan-báo một tờ thông-cáo cho dân biết rằng sẽ bỏ cái lệ cưỡng-bách giáo-dục, thứ nhất là cho đàn bà con gái. Bấy giờ đã thấy yên yên được một hồi. Dân trong kinh-thành đã hơi thấy hoàn-hồn, chợt ngày 13 tháng giêng Betché Sacca *đã tăng số quân lên tới 15.000 người, lại tiến vào đánh lần nữa. Ngày 14 thì giặc đã đến cửa thành* Caboul. *Nhờ có một viên đại-tá quân Nhà-nước làm nội-công, giặc vào chiếm được cung* Bagh-i-Bala, *ở trên núi cao trông xuống dưới thành, do vua* Abdour Rahmane *là ông vua* Amanoullah *dựng từ xưa và nay dùng làm nơi đại-doanh của quân*

nhà nước, nhưng khi ấy bỏ không vì quân đi đánh ở ngoài.

Bấy giờ vua AMANOULLAH đã ngã lòng lắm, lại muốn tránh cho nhân-dân khỏi cái thảm-trạng bị quân giặc ở trên núi bắn xuống và cái thảm trạng đánh nhau ở giữa thành-phố, bèn hội các đình-thần ở trong cung, cho mời anh cả là INAYATOULLAH đến, nhường ngôi cho anh, rồi cưỡi tầu bay đi ra Kandahar, vợ con hiện đã ở đấy từ ngày 20 tháng 12 rồi. Khi vua đến đấy, quan tổng-đốc trong thành liền cho kéo cờ nhà vua lên trên thành. AMANOULLAH truyền cho cất cờ đi, trong bụng thành-thực cho là quyền vua nay đã trao về tay anh rồi, sự-nghiệp của mình thế là kết-liễu vậy, vì vốn xưa nay vẫn có bụng yêu-mến kính-trọng anh lắm.

Ở Caboul thời cất một phái bộ giáo-sĩ đến tiếp BETCHÉ SACCA để xin thôi đừng đánh nữa. Tên cảnh-binh kiêm tướng giặc kia liền đổi trò bi-kịch ra trò hi-kịch, đòi chính mình lên làm vua, làm lễ đăng-quang ở ngay kinh-thành Caboul « để bảo-tồn lấy tinh-túy đạo Hồi. » Nhà làm sách nước Anh có câu nói rằng ở Tây-phương kẻ mạt-hạng tiểu-nhân đến khi cùng vẫn giả danh ái-quốc để che mặt thế gian, ở Đông-phương thời hạng ấy lại thường giả danh sùng đạo vậy. Thế là BETCHÉ SACCA thẳng-trận tiến quân vào thành Caboul ; nghiễm-nhiên trầy thẳng vào cung vua, tự xưng hoàng-đế, đặt hiệu là GHAZI HABIBOULLAH, còn INAYATOULLAH mới làm vua được mấy ngày mượn chiếc tàu bay của Anh cùng gia-quyến chạy ra Peshawar ở Ấn-độ.

Ấy hiện-tình như thế. Nhưng AMANOULLAH chưa phải đã chịu. Hiện đã thu lại cái lệnh nhường ngôi rồi, và truyền hịch cho nhân dân biết. Từ khi vua cha bị ám-sát năm 1919 bà thái-hậu vẫn ở tỉnh-dưỡng một nơi, mà của riêng của bà nhiều lắm, nay bà quyết đem hết của ấy để giúp cho con phục lấy ngôi. Đô-đốc ALI AHMA KHAN vẫn đóng quân ở miền Djelalabad, và phái-bộ quân-quan Thổ-nhĩ-kỳ của Giám-quốc MUSTAPHA KÉMAL cử sang để chỉnh-đốn quân-đội cho A-phú-hãn hiện đã đến Kandahar rồi. Đằng phản-đối vua AMANOULLAH thật đã làm quá mục-đích, chắc là không được bền vậy.

Thời-cục nước Tầu. — Đương khi trung-ương chính-phủ mở cuộc quốc-dân hội-nghị lần thứ ba, thì trợt lại xảy ra sự biến ở Hồ-nam Hồ-bắc và Hán-khẩu. Nguyên Tưởng Giới-Thạch muốn làm cho Trung-hoa thống-nhất, trung-ương tập-quyền, trước kia đã mở hội-nghị qui định phàm các chính-trị phân-hội ở các tỉnh không có phép được lấy danh-nghĩa phân-hội mà bổ-nhiệm hoặc cách-bãi những viên-chức trong địa-hạt thuộc dưới quyền mình, nghĩa là những việc ấy phải do mệnh-lệnh trung-ương, để làm cho chính-trị được thống-nhất. Lại lập ra hội Biện-khiển quyết-nghị từ nay các quân-đội các bộ phải đợi lệnh Trung-ương, nếu các quân đội chưa được mệnh-lệnh của hội Biện-khiển thì không được tự-do điều-động để cầu cho quân-sự được thống-nhất. Không ngờ qui-định quyết-nghị chưa được bao lâu mà các phái quân-phiệt vẫn quen thói cũ chuyên-quyền, dám tự-do điều-khiển quân-đội để quấy rối hai tỉnh Hồ-nam và Giang-tây ; lại tự bổ-nhiệm chính-phủ Hồ-nam và các ủy-viên toàn-bộ. Hành-động như thế, một là trái với qui-định về phận-sự chính-trị phân hội, mà làm phá-hoại cuộc thống-nhất về chính-trị, hai là trái với lời quyết-nghị của hội Biện-khiển mà làm phá-hoại cuộc thống nhất về quân-sự.

Vậy đương khi Trung-ương chính-phủ hội-nghị các tướng ở Hán khẩu và Hồ-nam đều tỏ ý phản-đối đã động-binh ở Dương-tử-giang, nên Tưởng Giới-Thạch phải trình với đại-hội-đồng

của quốc-dân-đảng cho phép Tưởng dụng binh để đánh các tướng ấy. Các việc Tưởng đều xin thay Chính-phủ mà hành-động, và đặt một đại-hội-đồng của quốc-dân đảng tán-thành cho. Tưởng được Hội-nghị ưng-chuẩn cho phép đem quân trừng-phạt Vũ-Hán. Tưởng liền tuyên-bố tự-xưng là người hộ-vệ cho quốc-gia và các luật Quốc-dân-đảng.

Tưởng có tuyên bố rằng : Chính-phủ Nam-kinh là một chính phủ cách-mệnh, vậy Chính-phủ dùng các phương-sách cách-mệnh mà bắt tất cả các quan địa-phương phải theo quyền Chính-phủ trung-ương để hộ-vệ cho cái tôn-chỉ cách-mệnh.

Tưởng động-binh đến hơn tám sư-đoàn toàn là những quân cũ về đội quân thứ nhất do Tưởng chỉ-huy.

Trước khi động binh, Tưởng đã bắt giữ Lý Tế-Thâm là lĩnh-tụ phái quân-phiệt Quảng-tây giam ở Thanh-sơn Nam-kinh.

Chính phủ quốc-dân đã hạ-lệnh thảo-phạt, đại-ý nói bọn Lý Tôn-Nhân, Lý Tế-Thâm, Bạch Sùng-Hy trái phép lộng quyền, xưng binh khai-hấn, cùng nhau mưu tính kế-hoạch để đánh đổ chính-phủ Trung-ương, thực không sao ẩn-nhẫn khoan-dung được nữa. Vậy phải cách chức ba người ấy, đợi lệnh tra xét.

Tưởng Giới-Thạch quyết lên miền thượng-du Trường-giang đốc quân. Chức chủ-tịch chính-phủ Quốc-dân, do Đàm Diên-Khải thay ; công việc Biên-khiển do Hà Ứng-Khâm quyền-nhiếp.

Đối với việc phân-tranh Nam-kinh với Vũ-Hán thì Quảng-châu tuyên-bố trung-lập. Sau các tướng-lĩnh Quảng-đông lại tuyên-bố phục-tùng chính-phủ Trung-ương, liền hạ-lệnh bao nhiêu quân Quảng-tây đóng ở các nơi trong tỉnh Quảng-đông phải lập-tức rút về Quảng-tây cả.

Duy phái Quảng-tây thì Hoàng Thiệu-Hùng là còn hăng-hái quyết-chiến, nhưng chống sao lại nổi được.

Quân chính-phủ Nam-kinh đã đánh tan quân của các tướng khởi-nghịch ở Vũ Hán. Quân khởi-nghịch cử lui, quân quốc-dân cũng không phải đánh. Có tin đích-xác rằng các sư-đoàn quân Hồ-bắc đã chia rẽ với phái Quảng-tây, mấy sư đoàn đã lui về các châu phía tây Hồ-bắc, mấy sư-đoàn kéo đến tỉnh Hồ-nam để hợp với quân của đảng Quảng-tây.

Tưởng Giới-Thạch đã đem đại đội vào thành Hán-khẩu, trật-tự ở đó đã khôi-phục được như thường.

Trước khi Tưởng sắp về Nam-kinh, Tưởng có thông điện đi các nơi nói rằng cuộc Vũ-Hán đã được bình-định, chính-phủ Trung-ương đã bền vững, quốc-dân đã ủng-hộ Trung-ương, Trung-ương cũng nên ủng-hộ quốc-dân, đại cục đã yên định rồi, lập tức trở về kinh giao trả lại cái gánh nặng-nề, để xuất-dương du-lịch.

Hội Trung-ương toàn-thể có điện cho Tưởng Giới-Thạch ngợi khen về việc đánh được Vũ Hán, đại-ý nói rằng không đầy một tuần-lễ liền đến được Vũ-Hán, đáng nên vui mừng, vậy xin tỏ lời khen ngợi, và mong lại kéo quân thẳng tiến để trừ tiệt mầm loạn.

Tưởng hiện còn ở Vũ-Hán trông nom việc chỉnh-đốn lại tỉnh Hồ-bắc. Tỉnh ấy sẽ giao về quyền chính-phủ Trung-ương Nam-kinh trực-tiếp kiểm-soát.

Tưởng Giới-Thạch có tuyên bố bức thư hiểu-dụ tướng-lĩnh tập-đoàn quân thứ tư, đại-ý nói rằng : Từ khi bắc phạt đến giờ, toàn-thể tướng-sĩ, cùng sống chết, cùng hoạn-nạn, không chia ra bờ cõi nọ kia. Bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy âm-mưu làm phản, giữ riêng lấy tập-đoàn quân thứ tư, để thỏa lòng riêng, khiến cho tập-đoàn quân thứ tư phải đứng ra ngoài quân đội cách-mệnh, tự thành một phái riêng, đáng nên đau lòng. Hiện nay tên họa-thủ đã lẩn trốn rồi, chính là lúc quân tập-đoàn

thứ tự giao trả chính phủ Trung-ương. Các tướng-sĩ nên vì chủ-nghĩa cố sức hết lòng trung với đảng quốc, không nên đứng riêng ra một phái. Việc biến-loạn lần này, trách-nhiệm đã có người chịu, vậy chỉ bắt tội kẻ họa-thủ mà thôi, chứ không bắt tội lây đến các tướng-sĩ khác, vậy ai nấy nên chăm giữ kỷ-luật, để đợi lệnh sai khiến.

Trung-ương hội-nghị. — Hội-đồng toàn-quốc đại-biểu đã định bầu-cử các hội viên trong hai hội chính của Quốc-dân-đảng : hội-đồng hành-chính và hội-đồng kiểm-soát. Những người ứng cử phải hơn ba-mươi-sáu tuổi.

Quan Tổng-trưởng bộ ngoại-giao Vương Chính-Đình có tờ trình tóm-tắt cái chính-sách ngoại-giao của Quốc-dân đảng, và nói có thể lập lại việc điều-đình Trung Nhật.

Còn những nghị-án ở các phương tất cả có hơn ba trăm bản, đại-khái chia ra làm ba hạng : 1º Giáo-dục ; 2º Chính-trị ; 3º Quân-sự.

Hiện đã bầu xong hai hội-đồng chính, mười nhà quân-phiệt có chân trong hội-đồng. Uông Tinh-Vệ và Tôn Văn phu-nhân được trúng cử.

Trước khi giải-tán, đại-hội-đồng cho phép chính-phủ thi-hành hết các phương sách để trừ các tướng phản-nghịch.

Chia đất phòng giữ. — Diêm Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường, Trương Học-Lương chia đất phòng giữ như sau này:

1) Từ Thạch-gia-trang đến Bắc-bình là thuộc về đất quân Diêm phòng giữ ;

2) Từ Sơn-hải-quan trở ra ngoài là đất thuộc về quân Trương phòng giữ ;

3) Từ đường Bình Hán trở lên phía bắc, từ Vũ-thắng-quan đến Thạch-gia-trang vẫn thuộc về quân Phùng.

Tưởng Giới-Thạch lại hạ lệnh cho hành-dinh Bắc-bình nói rằng : Từ Loan-châu trở về phía đông, việc phòng-thủ Trương Học-Lương chịu trách-nhiệm ; từ Loan-châu trở về phía tây, do Diêm Tích-Sơn chịu trách-nhiệm.

Trung Nhật điều-ước. — Các đại-biểu Trung-hoa và Nhật-bản đã ký tạm ước với nhau ở Thượng-hải một bản giao ước về mọi việc xảy ra ở Tế-nam-phủ. Ngày 28 tháng 3 sẽ ký nhất-định ở Nam-kinh. Trong giao-ước định trong vòng hai tháng thì Nhật-bản triệt trú-binh ở Sơn-đông về.

Trú-binh Nhật rút về thì quân Trung-hoa sẽ đến đóng ở Tế-nam-phủ, rồi đến đóng cả ở miền hỏa-xa. Việc rút quân ấy phải hai tuần lễ mới xong.

Quân Trung-hoa đến thế chân cho quân Nhật ở Sơn-đông, kiều-dân Nhật trong một trăm người đến bảy-mươi người bỏ Tế-nam-phủ đi theo quân Nhật.

Các quan Nhật đã giao việc cai-trị ở Thanh-đảo cho các quan Trung hoa. Nay mai quân Trung-hoa sẽ đi đánh quân khởi-nghịch ở Yên-đài.

Sau lại có tin rằng Chính-phủ Nhật hạ lệnh hoãn việc triệt trú-binh ở Sơn-đông, cho đến khi người Trung-hoa dự-bị xong việc đem quân đến thế cho quân Nhật.

Việc triệt trú-binh lại hoãn, nghe đâu là bởi Tưởng Giới-Thạch và Phùng Ngọc-Tường có việc phân-tranh với nhau, vì hai người cùng muốn đem quân đến đóng ở Tế-nam-phủ.

Quân về quyền tỉ-tướng của hai bên đã đánh nhau một trận. Quân của Phùng đào hào ở miền Tế-nam-phủ, hai bên sẽ xung-đột to.

Sau lại có tin rằng việc án Tế-nam giải-quyết đã xong, quân Nhật ở Sơn-đông đã theo lệnh rút về. Chính-phủ Trung-ương Nam-kinh đã quyết-nghị cho Phùng Ngọc Tường đem quân đến tiếp phòng ở miền đó.

Phùng đã điện cho Tưởng Giới-Thạch tỏ ý phục-tùng Quốc-phủ và vâng theo mệnh-lệnh Trung-ương.

Việc chiến-tranh ở Sơn-đông.— Ở Yên-đài vẫn đánh nhau, Trương Tôn-Xương đã kéo vào thành Chi-phầu.

Lần này Trương đánh được thành Chi-phấu, phần nhiều là nhờ có sức Chử Ngọc-Phác. Hiện Chử đang đuổi đánh Lưu Trân-Niên, để chẹn đường lui. Quân Lưu vẫn ra sức chống lại.

Trương Tôn-Xương có đặt một chính-phủ mới ở Sơn-đông. Nhưng Nhật-bản đã triệt trú-binh, thì chính-phủ quốc-dân có thể đem viện-binh đến đấy được. Tưởng Giới-Thạch mới hạ lệnh cho 4000 quân đi đánh Trương Tôn-Xương.

Việc trong nước

Lược-thuật các việc quan-hệ. — Ngày 4 tháng tư quan Toàn-quyền PASQUIER đã đáp chiếc tuần-dương-hạm hiệu *Jules Michelet* để sang du-lịch bên *Java*. Đi theo ngài có quan chánh Văn-phòng NORBE, quan chánh tòa chính-trị LACOMBE, hai quan hầu là đại-úy lục-quân BARRAULT và đại-úy hải-quân DEROO.

— Ở Bắc-kỳ quan Thống-sứ ROBIN từ đầu tháng đi thanh-tra các tỉnh trung-du, thượng-du, cùng với quan kỹ-sư chánh sở Công-chính Bắc-kỳ. Hiện đã đi mấy tỉnh Lao-kay, Yên-bay, Hòa-bình, Tuyên-quang, Hà-giang.

— Ở Trung-kỳ quan Khâm-sứ LE FOL ngày 29 tháng ba đời kinh-thành Huế về nghỉ bên Pháp. Quan giám-đốc JABOUILLE lĩnh chức quyền Khâm-sứ từ ngày ấy.— Tại Nam-triều thì quan Phạm Liệu tổng-đốc Nghệ về làm Binh-bộ thượng-thư.

— Ở Nam kỳ, cuối tháng 4 có cuộc bầu-cử lại ba chân nghị-viên An-Nam ở Hội-đồng Quản-hạt. Nguyên ba ông Bùi Quang-Chiêu, Nguyễn Văn-Thinh và Nguyễn Văn Đôn là châu nghị-viên cũ, vốn là dân Tây, vì khi ứng-cử không làm giấy khai rõ là đứng về phần An-Nam, nên viện Thượng-thẩm bên Pháp mới rồi có thẩm-lệnh thủ-tiêu việc bầu-cử ba ông, nên ở hội-đồng khuyết ba chân. Hai ông Thinh và Đôn không ra nữa, duy có một mình ông Bùi Quang-Chiêu lại ra, đứng làm lãnh-tụ đảng Lập-hiến, có đem hai người mới nữa ra, là ông Trần Văn-Khá và Nguyễn Văn-Sâm. Ba ông đều được trúng-tuyển, nhưng cũng chỉ được làm nghị-viên chừng một năm nữa thôi, vì sang năm thì Hội-đồng Quản-hạt này mãn-khóa.

— Nghị-viên thành-phố Sài-gòn, Hà-nội, Hải-phòng đến cuối tháng tư này là mãn-khóa, vậy đã có nghị-định đến ngày 5 tháng 5 này thì bầu lại. Bên Pháp mới có luật tăng kỳ-hạn nghị-viên thành-phố 4 năm lên 6 năm, nhưng nghe đâu luật ấy không thi-hành ở Đông-dương này.

Giới-thiệu sách mới

Mới xuất-bản :

— *Kiều truyện dẫn-giải* Của ông HỒ-ĐẮC-HÀM tư-nghiệp Quốc-tử-giám (Huế). Sách chú-thích truyện *Kiều* mới. In ở nhà in Đắc-lập Huế. Dày ngót 300 trang.

Nam-phong Tùng-thư

Mới xuất-bản :

— *Chính-trị nước Pháp*, quyển II, dày 156 trang. Có phụ *Tự vựng danh-từ về pháp-chính*. Giá 5 hào.

Đã xuất-bản trước :

1) *Văn-minh luận* ; — 2) *Ba tháng ở Paris* ; — 3) *Văn học nước Pháp* ; — 4) *L'idéal du sage* ; — 5) *Chính trị nước Pháp*, quyển I. Mỗi quyển 4 hào.

Đương in :

— *Khảo về tiểu-thuyết*.